

Nikon

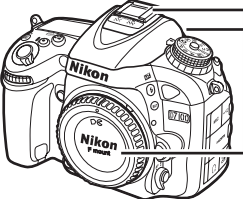
MÁY ẢNH SỐ

D7100

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

Nội Dung Gói

Xác nhận gói máy có chứa các mục sau đây:

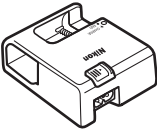

☐ Máy ảnh D7100


☐ Nắp ngàm gắn phụ kiện BS-1


☐ Hốc mắt cao su DK-23


☐ Nắp thân máy BF-1B


☐ Pin sạc EN-EL15 Li-ion (với nắp phủ đầu cắm)


☐ Bộ sạc pin MH-25 (bộ đổi điện AC trên tường chỉ có ở các nước hoặc khu vực theo yêu cầu. Hình dạng của cáp nguồn phụ thuộc vào quốc gia bán.)


☐ Nắp thị kính DK-5 (60)

☐ AN-DC1 BK dây đeo (iv)

☐ Cáp USB UC-E6

☐ ViewNX 2 CD

☐ Bảo hành

☐ Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng (tài liệu hướng dẫn này)

Người mua tùy chọn phụ kiện thấu kính nên đảm bảo rằng gói này bao gồm cả thấu kính. Thẻ nhớ được bán riêng (347). Máy ảnh mua ở Nhật Bản hiển thị menu và tin nhắn chỉ bằng tiếng Anh và tiếng Nhật; không hỗ trợ các ngôn ngữ khác. Chúng tôi rất tiếc vì bất kỳ bất tiện nào gây ra bởi việc này.

 **Vì Sự An Toàn Của Bạn**

Trước khi sử dụng máy ảnh lần đầu tiên, đọc các hướng dẫn an toàn trong “Vì Sự An Toàn Của Bạn” (xxi–xxvi).

Tìm thấy ở đâu

Tìm những gì bạn đang tìm kiếm từ:

 Mục lục	 xii	 Danh Mục	 352
 Danh mục câu hỏi thường gặp	 ii	 Thông Báo Lỗi	 332
 Tùy chọn Menu	 vi	 Xử lý sự cố	 328

 Giới thiệu	 1
 Cơ Bản Về Nhiếp Ảnh và Phát Lại	 35
 Các Chế Độ P, S, A và M	 47
 Cài Đặt Người Dùng: Chế Độ U1 và U2	 55
 Chế Độ Nhả	 57
 Tùy Chọn Ghi Hình Ảnh	 63
 Lấy Nét	 71
 Độ Nhạy ISO	 79
 Phơi sáng	 83
 Cân Bằng Trắng	 89
 Tăng Cường Hình Ảnh	 105
 Chụp Ảnh Có Đèn Nháy	 119
 Chụp Ảnh Điều Khiển Từ Xa	 127
 Tùy Chọn Chụp Khác	 131
 Xem Ảnh Trực Tiếp	 153
 Xem Trực Tiếp Phim	 161
 Hiệu Ứng Đặc Biệt	 177
 Thông Tin Thêm Về Phát Lại	 185
 Kết nối	 201
 Hướng Dẫn Menu	 217
 Chú Ý Kỹ Thuật	 295

Danh mục câu hỏi thường gặp

Tìm những gì bạn đang tìm bằng cách sử dụng danh mục “câu hỏi và trả lời”.



Chụp ảnh



Các Chế Độ Chụp và Tùy Chọn Khuôn Hình

Có cách nào nhanh chóng và dễ dàng để chụp ảnh chụp nhanh (chế độ S)?	35–38
Làm thế nào để điều chỉnh nhanh các cài đặt cho những cảnh khác nhau?	41
Tôi có thể sử dụng hiệu ứng đặc biệt trong quá trình chụp?	177–183
Tôi có thể điều chỉnh tốc độ cửa trập để đóng băng hoặc che mờ chuyển động (chế độ S) không?	49
Tôi có thể điều chỉnh độ mở ống kính để che mờ nền hoặc để đưa nền vào vùng lấy nét (chế độ A) không?	50
Làm thế nào để phơi sáng lâu (“thời gian”) (chế độ M)?	52
Tôi có thể tạo khuôn hình ảnh trong màn hình (xem trực tiếp) không?	153
Tôi có thể quay phim (xem phim trực tiếp)?	161

Chế Độ Nhả

Tôi có thể chụp từng ảnh một hoặc chụp liên tiếp nhanh?	7, 57
Làm thế nào để chụp ảnh với tự hẹn giờ?	59
Làm thế nào để chụp ảnh với tùy chọn điều khiển từ xa ML-L3?	127
Tôi có thể giảm tiếng ồn cửa trập trong môi trường yên tĩnh (chập-nhả tĩnh lặng) không?	7, 57

Lấy nét

Tôi có thể chọn cách thức máy ảnh lấy nét không?	71–74
Tôi có thể chọn điểm lấy nét không?	75

Phơi sáng

Tôi có thể làm cho ảnh sáng hơn hay tối hơn không?	86
Làm thế nào để giữ lại các chi tiết trong vùng tối và sáng?	113

Sử Dụng Đèn Nháy

Tôi có thể thiết lập đèn nháy bật tự động khi cần không?	
Làm thế nào để không cho đèn nháy bật?	36, 119–123
Làm thế nào để tránh “mắt đỏ”?	

Chất Lượng Hình Ảnh và Kích Cỡ

Làm thế nào để chụp ảnh in ở kích cỡ lớn?	66–68
Làm thế nào để chứa được thêm ảnh trên thẻ nhớ?	

Xem Ảnh



Phát Lại

Làm thế nào để xem ảnh trên máy ảnh?	39, 185
Làm thế nào để tôi có thể xem thêm thông tin về một bức ảnh?	187–192
Tôi có thể xem ảnh trong trình diễn bản chiếu tự động?	223
Tôi có thể xem ảnh trên TV không?	215–216
Tôi có thể bảo vệ ảnh khỏi bị xóa vô tình không?	196

Xóa

Làm thế nào để xóa ảnh không mong muốn?	40, 197–199
---	-------------



Sửa Lại Ảnh



Làm thế nào để tạo ra các bản sao sửa lại của ảnh?	273–290
Làm thế nào để loại bỏ “mắt đỏ”?	276
Làm thế nào để tạo bản sao JPEG của ảnh RAW (NEF)?	282
Tôi có thể lồng hai ảnh NEF (RAW) để tạo ra một ảnh duy nhất?	280–281
Tôi có thể tạo bản sao của ảnh trông giống như một bức tranh không?	286
Tôi có thể xén cảnh phim trên máy ảnh hay lưu những hình ảnh tĩnh trên phim không?	173



Menu và Cài đặt



Làm thế nào để sử dụng các menu?	19–21
Làm thế nào để hiển thị menu bằng ngôn ngữ khác?	28, 265
Làm thế nào để sử dụng đĩa lệnh?	13–17
Làm thế nào để giữ cho màn hình hiển thị khỏi tắt?	238
Làm thế nào để lấy nét kính ngắm?	33
Tôi có thể hiển thị lưới khuôn hình trong kính ngắm hoặc màn hình không?	159, 166, 239
Làm thế nào để tôi biết máy ảnh là cân bằng?	269
Làm thế nào để thiết lập đồng hồ máy ảnh?	28, 265
Làm thế nào để định dạng thẻ nhớ?	32, 262
Làm thế nào để khôi phục lại các cài đặt mặc định?	131, 224, 231
Làm thế nào để được trợ giúp về menu hoặc thông báo?	19, 332



Kết nối



Làm thế nào để sao chép ảnh vào máy tính?	203–207
Làm thế nào để in ảnh?	208–214
Tôi có thể in ngay chụp lên ảnh của tôi không?	209, 214



Bảo Trì và Phụ Kiện Tùy Chọn



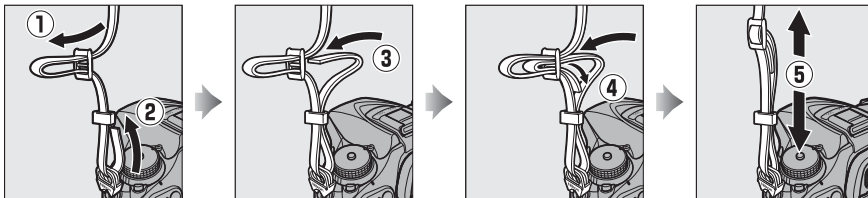
Tôi có thể sử dụng thẻ nhớ nào?	347
Tôi có thể sử dụng thấu kính nào?	295
Tôi có thể sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn (Đèn chớp) nào?	303
Có các phụ kiện khác nào cho máy ảnh của tôi?	308–310
Có phần mềm nào cho máy ảnh của tôi?	
Tôi làm gì với nắp thị kính được cung cấp?	60
Làm thế nào để vệ sinh máy ảnh?	
Tôi bảo dưỡng và sửa chữa máy ảnh ở đâu?	312

Hướng Dẫn Nhanh

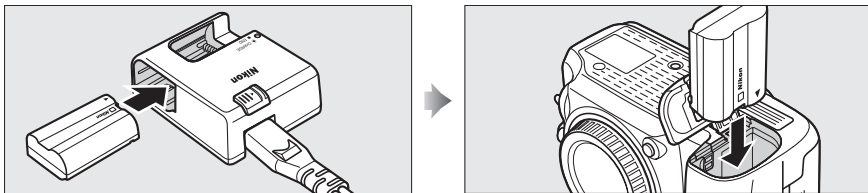
Làm theo các bước này để bắt đầu nhanh với các D7100.

1 Gắn dây máy ảnh.

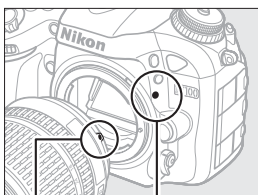
Gắn dây đeo chặt vào hai lỗ của máy ảnh.



2 Sạc (📖 22) và lắp pin sạc (📖 24).

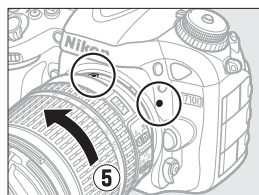
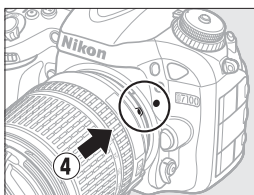


3 Lắp thấu kính (📖 26).

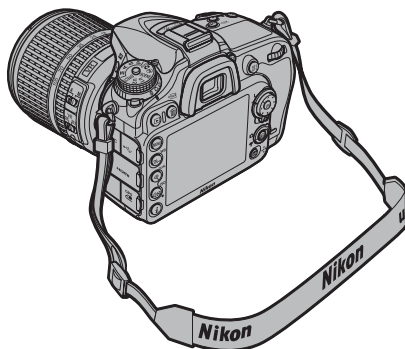


Dấu gắn (máy ảnh)

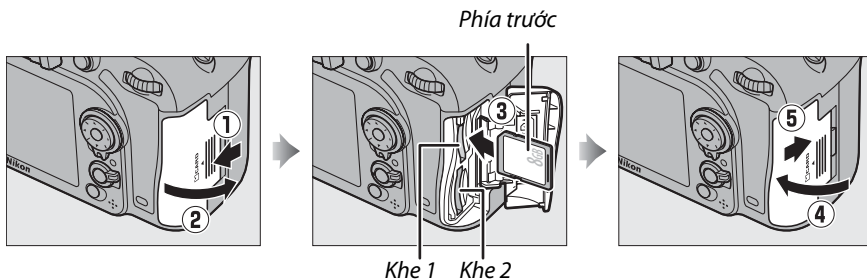
Dấu gắn (thấu kính)



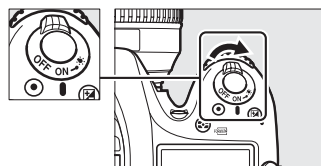
Giữ các dấu (điểm trắng) thẳng hàng, đặt thấu kính vào máy ảnh, sau đó xoay cho đến khi thấu kính khớp vào vị trí.



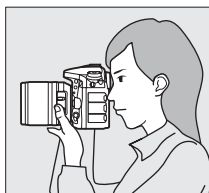
4 Lắp thẻ nhớ (📖 30).



5 Bật máy ảnh.



6 Tạo khuôn hình chụp ảnh (📖 37).



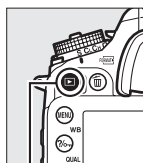
Khung vùng lấy nét tự động

7 Lấy nét và chụp (📖 37).



Chỉ báo đã được lấy nét

8 Xem chụp ảnh (📖 39).



Nút



Xem Thêm

Để biết thông tin về việc lựa chọn ngôn ngữ và cài đặt thời gian và ngày, xem trang 28. Xem trang 33 để có thông tin về điều chỉnh lấy nét kính ngắm.

Tùy chọn Menu

▶ MENU PHÁT LẠI (📖 217)

Xóa	Đã chọn
	Chọn ngày
	Tất cả
Thư mục phát lại	D7100 (mặc định)
	Tất cả
	Hiện tại
Ảnh hình ảnh	Chọn/đặt
	Chọn ngày
	Bỏ chọn tất cả?
Tùy chọn hiển thị phát lại SD	Thông tin ảnh cơ bản
	Điểm lấy nét
	Thông tin ảnh bổ sung
	Không có (chỉ hình ảnh)
	Phần tô sáng
	Biểu đồ RGB
	Dữ liệu chụp
	Tổng quan
Sao chép (các) hình ảnh	Chọn nguồn
	Chọn (các) hình ảnh
	Chọn thư mục đích
	Sao chép (các) hình ảnh?
Xem lại hình ảnh	Bật
	SD Tắt (mặc định)
Sau khi xóa SD	Hiện tiếp theo (mặc định)
	Hiện trước đó
	Tiếp tục như trước
Xoay dọc SD	Bật (mặc định)
	Tắt
Trình chiếu	Bắt đầu
	Loại hình ảnh
	Quảng khuôn hình
Thứ tự in DPOF	Chọn/đặt
	Bỏ chọn tất cả?

📷 MENU CHỤP ẢNH TÙY CHỌN (📖 224)

Đặt lại menu chụp ảnh tùy chọn	Có
	Không
Thư mục lưu trữ	Chọn thư mục theo số
	Chọn thư mục từ danh sách
Đặt tên tệp SD	Đặt tên tệp
Vai trò của thẻ trong Khe 2 SD	Trần bộ nhớ (mặc định)
	Dự phòng
	Khe 1 RAW – Khe 2 JPEG
Chất lượng hình ảnh SD	NEF (RAW) + JPEG mịn
	NEF (RAW) + JPEG bình thường
	NEF (RAW) + JPEG cơ bản
	NEF (RAW)
	JPEG mịn
	JPEG bình thường (mặc định)
	JPEG cơ bản
Kích cỡ hình ảnh	Lớn (mặc định)
	SD Trung bình
	Nhỏ
Vùng hình ảnh SD	DX (24×16) (mặc định)
	1,3× (18×12)
JPEG nén SD	Ưu tiên kích cỡ (mặc định)
	Chất lượng tối ưu
Ghi NEF (RAW) SD	Loại
	NEF (RAW) độ sâu bit
Cân bằng trắng SD	Tự động (mặc định)
	Sáng chói
	Huỳnh quang
	Ánh sáng mặt trời trực tiếp
	Đèn nhảy
	Nhiều mây
	Bóng râm
	Chọn nhiệt độ màu
	Thiết lập sẵn bằng tay

SD

Các mục đánh dấu bằng biểu tượng SD có thể được lưu vào thẻ nhớ bằng cách sử dụng tùy chọn **Lưu/tải cài đặt** > **Lưu cài đặt** trong menu cài đặt máy ảnh (📖 268). Các cài đặt đã lưu có thể được sao chép vào các máy ảnh D7100 khác bằng cách lắp thẻ nhớ vào máy ảnh và lựa chọn **Lưu/tải cài đặt** > **Tải cài đặt**.

Đặt Picture Control	Tiêu chuẩn (mặc định)
	Trung tính
	Sống động
	Đơn sắc
	Chân dung
Quản lý Picture Control	Lưu/sửa lại
	Đổi tên ¹
	Xóa ¹
	Tải/lưu
Không gian màu	sRGB (mặc định)
	Hệ màu RGB của Adobe
D-Lighting hoạt động ²	Tự động
	Siêu cao
	Cao
	Bình thường
	Thấp
HDR (dải nhay sáng cao)	Chế độ HDR
	Cường độ HDR
Điều khiển biến dạng tự động	Bật
	Tắt (mặc định)
Giảm nhiễu phơi sáng lâu	Bật
	Tắt (mặc định)
Giảm nhiễu ISO cao	Cao
	Bình thường (mặc định)
	Thấp
	Tắt
Cài đặt độ nhay ISO	Độ nhay ISO
	+
+	(79)
	+
+	(82)
	Điều khiển tự động độ nhay ISO
Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)	Chế độ từ xa trễ
	Chế độ từ xa phản ứng nhanh
	Gương nâng lên từ xa
	Tắt (mặc định)
Đa phơi sáng	Chế độ đa phơi sáng
	Số lượng ảnh
	Tăng tự động

Chụp hẹn giờ quảng thời gian	Chọn thời gian bắt đầu
	Ngay bây giờ
	Thời gian bắt đầu
	Quảng thời gian
	Chọn số lần x số ảnh
Cài đặt phim	Bắt đầu
	Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình
	Chất lượng phim
	Micrô
	Đích

- 1 Không sẵn có nếu Picture Control tùy chọn được bật.
- 2 Mặc định sang chế độ **Tắt** (P, S, A, M, , , , , , , , ,) hoặc **Tự động** (chế độ khác).

MENU CÀI ĐẶT TÙY CHỌN (229)

Đặt lại cài đặt tùy chọn	Có
	Không
a Lấy nét tự động	
a1 Chọn ưu tiên AF-C	Nhả (mặc định)
	Lấy nét
a2 Chọn ưu tiên AF-S	Nhả
	Lấy nét (mặc định)
a3 Theo dõi lấy nét với khóa bật	5 (Dài)
	4
	3 (Bình thường) (mặc định)
	2
	1 (Ngắn)
a4 Rơi điểm AF	Tắt
	Tự động (mặc định)
	Bật
a5 Viền quanh điểm lấy nét	Tắt
	Viền
a6 Số điểm lấy nét	Không viền (mặc định)
	51 điểm (mặc định)
a7 Đèn trợ giúp AF gần sẵn	11 điểm
	Bật (mặc định)
	Tắt

Đo sáng/phơi sáng			SD
b1	Giá trị bước độ nhạy ISO	1/3 bước	(mặc định)
		1/2 bước	
b2	Bước EV cho đ.khiến phơi sáng	1/3 bước	(mặc định)
		1/2 bước	
b3	Bù phơi sáng dễ dàng	Bật (Đặt lại tự động)	
		Bật	
		Tắt	(mặc định)
b4	Vùng ưu tiên trung tâm	φ 6 mm	
		φ 8 mm	(mặc định)
		φ 10 mm	
		φ 13 mm	
		Trung bình	
b5	Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu	Có	
		Không	(mặc định)
c Hẹn giờ/khóa AE			SD
c1	Nút nhả cửa trập AE-L	Bật	
		Tắt	(mặc định)
c2	Hẹn giờ chờ	4 s	
		6 s	(mặc định)
		10 s	
		30 s	
		1 phút	
		5 phút	
		10 phút	
		30 phút	
		Không giới hạn	
c3	Tự hẹn giờ	Độ trễ tự hẹn giờ	
		Số lượng ảnh	
		Quãng thời gian giữa các ảnh	
c4	Độ trễ tắt màn hình	Phát lại	
		Menu	
		Hiển thị thông tin	
		Xem lại hình ảnh	
		Xem trực tiếp	
c5	Chụp từ xa theo t.lượng (ML-L3)	1 phút	(mặc định)
		5 phút	
		10 phút	
		15 phút	

d Chụp/hiển thị (SD)		
d1	Bíp	Âm lượng
		Độ cao thấp
d2	Hiển thị lưới kính ngắm	Bật
		Tắt (mặc định)
d3	Hiển thị ISO và điều chỉnh	Hiện độ nhạy ISO
		Hiện ISO/ISO dễ dàng
		Hiện đếm khuôn hình (mặc định)
d4	Lời khuyên trên màn hình	Bật (mặc định)
		Tắt
d5	Tốc độ chụp chế độ CL	6 fps
		5 fps
		4 fps
		3 fps (mặc định)
		2 fps
		1 fps
d6	Nhả liên tục tối đa	1–100
d7	Chuỗi số tệp	Bật (mặc định)
		Tắt
		Đặt lại
d8	Hiển thị thông tin	Tự động (mặc định)
		Bằng tay
d9	Chiếu sáng LCD	Bật
		Tắt (mặc định)
d10	Chế độ trễ phơi sáng	3 s
		2 s
		1 s
		Tắt (mặc định)
d11	Cảnh báo đèn nháy	Bật (mặc định)
		Tắt
d12	Loại pin sạc MB-D15	LR6 (AA kiềm) (mặc định)
		HR6 (AA Ni-MH)
		FR6 (AA lithi)
d13	Thứ tự pin sạc	Sd pin sạc MB-D15 trước tiên (mặc định)
		Sd pin sạc máy ảnh trước tiên

e Chụp bù trừ/đèn nháy (SD)		
e1	Tốc độ đồng bộ đèn nháy	1/320 s (FP tự động)
		1/250 s (FP tự động)
		1/250 s (mặc định)
		1/200 s
		1/160 s
		1/125 s
		1/100 s
		1/80 s
e2	Tốc độ cửa trập đèn nháy	1/60 s (mặc định)
		1/30 s
		1/15 s
		1/8 s
		1/4 s
		1/2 s
		1 s
		2 s
		4 s
		8 s
e3	Đ.kh đ.nháy cho đ.nháy gắn sẵn	TTL (mặc định)
		Bằng tay
		Đèn nháy lặp lại
		Chế độ bộ điều khiển
e3	Đèn nháy tùy chọn *	TTL (mặc định) Bằng tay
e4	Bù phơi sáng cho đèn nháy	Toàn bộ khuôn hình (mặc định) Chỉ hậu cảnh
e5	Đèn nháy tạo mô hình	Bật (mặc định) Tắt
e6	Bộ chụp bù trừ tự động	AE & đèn nháy (mặc định)
		Chỉ AE
		Chỉ đèn nháy
		Chụp bù trừ WB
		Chụp bù trừ ADL
e7	Thứ tự chụp bù trừ	MTR > dưới > quá (mặc định)
		Dưới > MTR > quá

* Hiển thị chỉ khi bộ đèn nháy tùy chọn SB-400 được gắn.

f Điều khiển			(SD)
f1	Nút OK	Chế độ chụp	
		Chế độ phát lại	
		Xem trực tiếp	
f2	Chỉ định nút Fn	Nhấn	
		Nhấn + đĩa lệnh	
f3	Chỉ định nút xem trước	Nhấn	
		Nhấn + đĩa lệnh	
f4	Chỉ định nút AE-L/AF-L	Nhấn	
		Nhấn + đĩa lệnh	
f5	Tùy chọn đĩa lệnh	Xoay ngược	
		Thay đổi chính/phụ	
		Cài đặt độ mở ống kính	
		Menu và phát lại	
f6	Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh	Có	
		Không	(mặc định)
f7	Khóa nhả khe trống	Nhả bị khóa	
		Cho phép nhả	(mặc định)
f8	Đảo ngược các chỉ báo		
		 (mặc định)	
f9	Chỉ định nút MB-D15 	Khóa AE/AF	(mặc định)
		Chỉ khóa AE	
		Khóa AE (Giữ)	
		Chỉ khóa AF	
		AF-ON	
		Giống như nút Fn	
g Phím			(SD)
g1	Chỉ định nút Fn	Xem thông tin chụp ảnh	
		Khóa AE/AF	
		Chỉ khóa AE	
		Khóa AE (Giữ)	
		Chỉ khóa AF	
		AF-ON	
		Không có	(mặc định)
g2	Chỉ định nút xem trước	Xem thông tin chụp ảnh	
		Khóa AE/AF	
		Chỉ khóa AE	
		Khóa AE (Giữ)	
		Chỉ khóa AF	
		AF-ON	
Không có	(mặc định)		

g Phím			(SD)
g3	Chỉ định nút AE-L/AF-L	Xem thông tin chụp ảnh	
		Khóa AE/AF	(mặc định)
		Chỉ khóa AE	
		Khóa AE (Giữ)	
		Chỉ khóa AF	
		AF-ON	
		Không có	
g4	Chỉ định nút cửa trập	Chụp ảnh (mặc định)	
		Ghi phim	

Y MENU CÀI ĐẶT (261)

Định dạng thẻ nhớ	Khe 1
	Khe 2
Lưu cài đặt người dùng	Lưu thành U1
	Lưu thành U2
Đặt lại cài đặt người dùng	Đặt lại U1
	Đặt lại U2
Độ sáng màn hình	-5 – +5
Làm sạch cảm biến hình ảnh (SD)	Làm sạch ngay bây giờ
	Làm sạch khi khởi động/tắt
Khóa gương nâng lên để làm sạch ¹	Bắt đầu
Ảnh tham chiếu Bụi hình ảnh tắt	Bắt đầu
	Làm sạch cảm biến rồi khởi động
Giảm nhấp nháy (SD)	Tự động (mặc định)
	50 Hz
	60 Hz
Múi giờ và ngày (SD)	Múi giờ
	Ngày và giờ
	Định dạng ngày
	Thời gian t.kiểm á.sáng ban ngày
Ngôn ngữ (Language) (SD)	Xem trang 340.
Xoay hình ảnh tự động (SD)	Bật (mặc định)
	Tắt
Thông tin pin	–
Bình luận hình ảnh (SD)	Đính kèm bình luận
	Nhập bình luận
Thông tin bản quyền (SD)	Đính kèm thông tin bản quyền
	Tác giả
Bản quyền	

Lưu/tải cài đặt	Lưu cài đặt
	Tải cài đặt
Đường chân trời ảo	–
Dữ liệu thấu kính không CPU (SD)	Số thấu kính
	Tiêu cự (mm)
	Độ mở ống kính tối đa
Tinh chỉnh AF	Tinh chỉnh AF (Bật/Tắt)
	Giá trị được lưu
	Mặc định
	Liệt kê giá trị được lưu
HDMI (SD)	Độ phân giải đầu ra
	Điều khiển thiết bị
GPS (SD)	Hẹn giờ chờ
	Vị trí
	Sử dụng GPS để đặt đ.hồ máy ảnh
	Bật (mặc định)
Đầu nối di động không dây	Tắt
Mạng (có sẵn với UT-1 tùy chọn)	Chọn phần cứng
	Cài đặt mạng
	Tùy chọn
Tải lên Eye-Fi ² (SD)	Khe 1
	Khe 2
Phiên bản vi chương trình	–

1 Không có sẵn ở mức pin  hoặc thấp hơn.

2 Chỉ có sẵn với thẻ nhớ tương thích Eye-Fi.

MENU SỬA LẠI (📖 273)

D-Lighting	–
Điều chỉnh mắt đỏ	–
Xén	–
Đơn sắc	Đen trắng Nâu đỏ Xanh
Hiệu ứng bộ lọc	Ánh sáng trời Bộ lọc ấm Tăng cường màu đỏ Tăng cường màu xanh lục Tăng cường màu xanh dương Chéo màn hình Mềm
Cân bằng màu	–
Lớp phủ hình ảnh¹	–
Xử lý NEF (RAW)	–
Định cỡ lại	Chọn hình ảnh Chọn đích Chọn kích cỡ
Sửa lại nhanh	–
Làm thẳng	–
Điều khiển biến dạng	Tự động Bằng tay
Mắt cá	–
Đường nét màu	–
Phác thảo màu	–
Điều khiển phối cảnh	–
Hiệu ứng thu nhỏ	–
Màu tuyển chọn	–
Sửa lại phim	Chọn điểm bắt đầu/kết thúc Lưu khuôn hình được chọn
Đặt cạnh nhau để so sánh²	–

- Chỉ có khi nút MENU được bấm và tab  được chọn trong menu.
- Chỉ có khi nút  được nhấn để hiển thị menu sửa lại trong phát lại khuôn hình đầy.

MENU CỦA TÔI (📖 291)

Thêm mục	 Menu phát lại Menu chụp Menu cài đặt tùy chọn Menu cài đặt Menu sửa lại
Xóa mục *	–
Xếp hạng mục	–
Chọn tab	 MENU CỦA TÔI CÀI ĐẶT GẮN ĐÂY

- * Cũng có thể xóa các mục bằng cách làm nổi bật chúng trong MENU CỦA TÔI và bấm nút  (MENU) hai lần.

Mục lục

Danh mục câu hỏi thường gặp.....	ii
Hướng Dẫn Nhanh	iv
Tùy chọn Menu.....	vi
Vì Sự An Toàn Của Bạn.....	xxi
Chú ý	xxiii

Giới thiệu	1
-------------------	----------

Tổng quan	1
Tìm Hiểu Máy Ảnh	2
Thân Máy Ảnh	2
Đĩa Lệnh Chế Độ	6
Đĩa Lệnh Chế Độ Nhỏ	7
Bảng Điều Khiển	8
Kính Ngắm	9
Hiển Thị Thông Tin	10
Đĩa Lệnh	13
Nút i	18
Menu Máy Ảnh	19
Sử Dụng Menu Máy Ảnh	20
Các Bước Đầu Tiên	22
Sạc Pin.....	22
Lắp Pin	24
Lắp Thấu Kính	26
Cài Đặt Cơ Bản	28
Lắp Thẻ Nhớ	30
Định Dạng Thẻ Nhớ	32
Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm	33

Mức Pin và Dung Lượng Thẻ	35
Nhiếp Ảnh “Ngắm và Chụp” (Chế độ  và )	36
Phát Lại Cơ Bản	39
Xóa Các Bức Ảnh Không Mong Muốn	40
Nhiếp Ảnh Sáng Tạo (Chế Độ Cảnh)	41
 Chân dung	41
 Phong cảnh	41
 Trẻ em	42
 Thể thao	42
 Cận cảnh	42
 Chân dung ban đêm	42
 Phong cảnh ban đêm	43
 Tiệc/trong nhà	43
 Bãi biển/tuyết	43
 Mặt trời lặn	43
 Hoàng hôn/bình minh	44
 Chân dung vật nuôi	44
 Ánh sáng đèn nền	44
 Hoa	44
 Sắc màu mùa thu	45
 Thức ăn	45

Các Chế Độ P, S, A và M**47**

P: Tự động được lập trình	48
S: Tự Động Ưu Tiên Cửa Trập	49
A: Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính	50
M: Bằng tay	51
Phơi Sáng Thời Gian Dài (Chỉ Chế Độ M)	52

Cài Đặt Người Dùng: Chế Độ U1 và U2**55**

Lưu Cài Đặt Người Dùng	55
Gọi Lại Cài Đặt Người Dùng	56
Cài Đặt Lại Cài Đặt Người Dùng	56

Chế Độ Nhả**57**

Chọn Chế Độ Nhả	57
Tốc Độ Tiến Khuôn Hình	58
Chế độ tự hẹn giờ	59
Chế Độ Gương Năng Lên	61

Tùy Chọn Ghi Hình Ảnh	63
Vùng Hình Ảnh	63
Chất Lượng Hình Ảnh và Kích Cỡ.....	66
Chất Lượng Hình Ảnh	66
Kích cỡ hình ảnh	68
Sử Dụng Hai Thẻ Nhớ.....	69
Lấy Nét	71
Lấy nét tự động	71
Chế Độ Lấy Nét Tự Động	71
Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động.....	73
Chọn Lựa Điểm Lấy Nét.....	75
Khóa Lấy Nét	76
Lấy Nét Bằng Tay	78
Độ Nhảy ISO	79
Điều Khiển Độ Nhảy ISO Tự Động.....	81
Phơi sáng	83
Đo sáng	83
Khóa Tự Động Phơi Sáng.....	84
Bù Phơi Sáng	86
Cân Bằng Trắng	89
Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng	91
Chọn Nhiệt Độ Màu	94
Thiết Lập Sẵn Bằng Tay	95
Tăng Cường Hình Ảnh	105
Picture Control.....	105
Chọn Picture Control.....	105
Sửa Đổi Picture Control	107
Tạo Picture Control Tùy Chọn	110
Chia Sẻ Picture Control Tùy Chọn.....	112
Giữ Chi Tiết trong Phần Tô Sáng và Phần Bóng	113
D-Lighting Hoạt Động	113
Dải Động Cao (HDR)	115

Chụp Ảnh Có Đèn Nháy **119**

Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn	119
Chế Độ Đèn Nháy	120
Bù Đèn Nháy	124
Khóa FV	125

Chụp Ảnh Điều Khiển Từ Xa **127**

Sử Dụng Điều Khiển Từ Xa ML-L3 Tùy Chọn	127
Bộ Điều Khiển Từ Xa Không Dây	130
Bộ Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-1	130
Bộ Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-R10/WR-T10	130

Tùy Chọn Chụp Khác **131**

Khởi Động Lại Hai Nút: Khôi phục lại thiết lập mặc định	131
Chụp bù trừ	133
Đa Phơi Sáng	141
Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian	145
Thấu Kính Không CPU	149
Sử dụng bộ GPS	152

Xem Ảnh Trực Tiếp **153**

Lấy Nét trong Xem Trực Tiếp	155
Sử dụng nút z	157
Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp: Xem Ảnh Trực Tiếp	158
Hiển Thị Thông Tin: Xem Ảnh Trực Tiếp	159
Lấy Nét Bằng Tay	159

Xem Trực Tiếp Phim **161**

Sử dụng nút z	164
Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp: Xem Trực Tiếp Phim	165
Hiển Thị Thông Tin: Xem Trực Tiếp Phim	166
Vùng Hình Ảnh	167
Cài đặt phim	169
Xem Phim	171
Sửa Lại Phim	173
Cắt Xén Phim	173
Lưu Khuôn Hình Đã Chọn	176

Hiệu Ứng Đặc Biệt

177

Chụp với hiệu ứng đặc biệt.....

177

📷 Nhìn ban đêm.....

178

🎨 Phác thảo màu

178

📷 Hiệu ứng thu nhỏ.....

178

🖌️ Màu tuyến chọn

179

🖼️ Hình bóng.....

179

🖼️ Ảnh sắc độ nhẹ

179

🖼️ Ảnh sắc độ nặng.....

179

Tùy Chọn Có Sẵn Trong Xem Trực Tiếp

180

Thông Tin Thêm Về Phát Lại

185

Phát Lại Khuôn Hình Đầy

185

Thông Tin Ảnh

187

Phát Lại Hình Thu Nhỏ

193

Phát Lại Theo Lịch

194

Xem Gắn: Thu Phóng Phát Lại

195

Bảo Vệ Ảnh Khỏi Bị Xóa

196

Xóa Ảnh.....

197

Phát Lại Khuôn Hình Đầy, Hình Thu Nhỏ và Theo Lịch

197

Menu Phát Lại

198

Kết nối

201

Cài đặt ViewNX 2.....

201

Sử dụng ViewNX 2.....

203

Sao Chép Ảnh vào Máy Tính.....

203

Xem Ảnh

204

Ethernet và Mạng không dây.....

206

In ảnh

208

Kết Nối tới Máy In

208

In Từng Ảnh Một.....

209

In Đa Ảnh

210

Tạo Thứ Tự In DPOF: Cài Đặt In

213

Xem Ảnh trên TV

215

▣ Menu Phát Lại: <i>Quản Lý Hình Ảnh</i>	217
Thư mục phát lại	217
Ẩn hình ảnh	218
Tùy chọn hiển thị phát lại	219
Sao chép (các) hình ảnh	219
Xem lại hình ảnh	222
Sau khi xóa	222
Xoay dọc	222
Trình chiếu	223
📷 Menu Chụp: <i>Các tùy chọn Chụp</i>	224
Đặt lại menu chụp ảnh tùy chọn	224
Thư mục lưu trữ	225
Đặt tên tệp	226
Không gian màu	227
Điều khiển biến dạng tự động	227
Giảm nhiễu phơi sáng lâu	228
Giảm nhiễu ISO cao	228
✎ Cài Đặt Tùy Chọn: <i>Dò Tinh-Chỉnh Cài Đặt Máy Ảnh</i>	229
Đặt lại cài đặt tùy chọn	231
a: Lấy nét tự động	231
a1: Chọn ưu tiên AF-C	231
a2: Chọn ưu tiên AF-S	231
a3: Theo dõi lấy nét với khóa bật	232
a4: Rơi điểm AF	232
a5: Viền quanh điểm lấy nét	232
a6: Số điểm lấy nét	233
a7: Đèn trợ giúp AF gắn sẵn	233
b: Đo sáng/phơi sáng	234
b1: Giá trị bước độ nhạy ISO	234
b2: Bước EV cho đ.khiến phơi sáng	234
b3: Bù phơi sáng dễ dàng	235
b4: Vùng ưu tiên trung tâm	236
b5: Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu	236
c: Hẹn giờ/ khóa AE	236
c1: Nút nhả cửa trập AE-L	236
c2: Hẹn giờ chờ	237
c3: Tự hẹn giờ	237
c4: Độ trễ tắt màn hình	238
c5: Chụp từ xa theo t.lượng (ML-L3)	238

d: Chụp/hiển thị	238
d1: Bíp	238
d2: Hiển thị lưới kính ngắm	239
d3: Hiển thị ISO và điều chỉnh	239
d4: Lời khuyên trên màn hình	239
d5: Tốc độ chụp chế độ CL	239
d6: Nhả liên tục tối đa	240
d7: Chuỗi số tệp.....	240
d8: Hiển thị thông tin	241
d9: Chiếu sáng LCD	241
d10: Chế độ trễ phơi sáng.....	241
d11: Cảnh báo đèn nháy	241
d12: Loại pin sạc MB-D15	242
d13: Thứ tự pin sạc	243
e: Chụp bù trừ/đèn nháy.....	244
e1: Tốc độ đồng bộ đèn nháy.....	244
e2: Tốc độ cửa trập đèn nháy	245
e3: Đ.kh đ.nháy cho đ.nháy gắn sẵn	246
e4: Bù phơi sáng cho đèn nháy.....	250
e5: Đèn nháy tạo mô hình	251
e6: Bộ chụp bù trừ tự động	251
e7: Thứ tự chụp bù trừ.....	251
f: Điều khiển.....	252
f1: Nút OK.....	252
f2: Chỉ định nút Fn	253
f3: Chỉ định nút xem trước	255
f4: Chỉ định nút AE-L/AF-L.....	256
f5: Tùy chọn đĩa lệnh.....	257
f6: Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh	258
f7: Khóa nhả khe trống.....	258
f8: Đảo ngược các chỉ báo.....	258
f9: Chỉ định nút MB-D15 	259
g: Phim.....	259
g1: Chỉ định nút Fn	259
g2: Chỉ định nút xem trước.....	260
g3: Chỉ định nút AE-L/AF-L	260
g4: Chỉ định nút cửa trập.....	260

 Menu Cài Đặt: <i>Cài Đặt Máy Ảnh</i>	261
Định dạng thẻ nhớ.....	262
Độ sáng màn hình.....	262
Ảnh tham chiếu Bụi hình ảnh tắt.....	263
Giảm nhấp nháy.....	264
Múi giờ và ngày.....	265
Ngôn ngữ (Language)	265
Xoay hình ảnh tự động.....	265
Thông tin pin	266
Bình luận hình ảnh.....	266
Thông tin bản quyền	267
Lưu/tải cài đặt.....	268
Đường chân trời ảo.....	269
Tinh chỉnh AF.....	270
Đầu nối di động không dây.....	271
Tải lên Eye-Fi	272
Phiên bản vi chương trình.....	272
 Menu Sửa Lại: <i>Tạo Bản Sao Sửa Lại</i>	273
Tạo Bản Sao Sửa Lại.....	274
D-Lighting.....	276
Điều chỉnh mắt đỏ	276
Xén.....	277
Đơn sắc.....	277
Hiệu ứng bộ lọc.....	278
Cân bằng màu	279
Lớp phủ hình ảnh	280
Xử lý NEF (RAW)	282
Định cỡ lại	283
Sửa lại nhanh.....	284
Làm thẳng.....	285
Điều khiển biến dạng	285
Mắt cá	285
Đường nét màu.....	286
Phác thảo màu.....	286
Điều khiển phối cảnh.....	286
Hiệu ứng thu nhỏ	287
Màu tuyến chọn	288
Đặt cạnh nhau để so sánh.....	290
 Menu Của Tôi/  Cài Đặt Gắn Dây	291
Cài Đặt Gắn Dây.....	294

Các Thấu Kính Tương Thích	295
Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn (Đèn Chớp)	303
Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS).....	304
Các Phụ Kiện Khác	308
Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC	311
Chăm Sóc Máy Ảnh	312
Bảo Quản	312
Lau chùi.....	312
Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh	313
“Làm sạch ngay bây giờ”	313
“Làm sạch khi khởi động/tắt”	314
Làm Sạch Bằng Tay.....	315
Chăm sóc máy ảnh và pin: Cảnh báo	318
Cài Đặt Có Sẵn	321
Mặc Định.....	324
Chương Trình Phơi Sáng (Chế Độ P).....	327
Xử lý sự cố.....	328
Pin/Hiển thị.....	328
Chụp (Tất Cả Các Chế Độ)	328
Chụp (P , S , A , M).....	330
Phát lại	330
Khác	331
Thông Báo Lỗi.....	332
Thông Số Kỹ Thuật.....	336
AF-S DX NIKKOR 18–105 mm f/3.5–5.6G ED VR	343
Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt.....	347
Dung Lượng Thẻ Nhớ	348
Tuổi Thọ Pin	350
Danh mục	352

Vì Sự An Toàn Của Bạn

Để tránh làm hỏng sản phẩm Nikon hoặc gây thương tích cho chính mình hay cho người khác, hãy đọc đầy đủ các biện pháp phòng ngừa an toàn trước khi sử dụng thiết bị này. Hãy giữ những hướng dẫn an toàn này ở nơi tất cả những ai sử dụng sản phẩm sẽ đọc chúng.

Hậu quả có thể xảy ra do việc không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được liệt kê trong phần này được chỉ báo bằng biểu tượng sau đây:



Biểu tượng này đánh dấu cảnh báo. Để tránh chấn thương có thể xảy ra, hãy đọc tất cả các cảnh báo trước khi sử dụng sản phẩm Nikon này.

■ CẢNH BÁO



Đề khuôn hình tránh ánh nắng mặt trời

Đề khuôn hình tránh xa khỏi ánh nắng mặt trời khi chụp các đối tượng bị ngược sáng. Ánh sáng mặt trời tập trung vào máy ảnh khi mặt trời ở trong hoặc gần khuôn hình có thể gây cháy hình.



Không nhìn vào mặt trời qua kính ngắm

Nhìn mặt trời hoặc nguồn sáng mạnh khác thông qua kính ngắm có thể làm giảm thị lực vĩnh viễn.



Sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt kính ngắm

Khi sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt kính ngắm với mắt nhìn vào kính ngắm, cần cẩn thận để không vô tình đặt ngón tay của bạn vào mắt.



Tắt ngay lập tức trong trường hợp sự cố

Nếu bạn nhận thấy có khói hay mùi bất thường trong thiết bị hoặc bộ đổi điện AC (có riêng), rút phích cắm bộ đổi điện AC và tháo pin ngay lập tức, cẩn thận để không bị bỏng. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây thương tích. Sau khi tháo pin, mang máy đến Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.



Không sử dụng ở nơi có khí dễ cháy

Không sử dụng thiết bị điện tử ở nơi có khí dễ cháy, vì điều này có thể gây nổ hoặc cháy.



Không đặt dây đeo quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em

Việc đặt dây máy ảnh quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em có thể dẫn đến nghẹt thở.



Đề xa tầm tay của trẻ nhỏ

Việc không tuân thủ biện pháp đề phòng này có thể gây thương tích. Ngoài ra, hãy lưu ý rằng các bộ phận nhỏ gây nguy cơ chẹn họng. Nếu một đứa trẻ nuốt phải bất kỳ bộ phận nào của thiết bị này, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ ngay lập tức.



Không tháo rời

Việc chạm vào các bộ phận bên trong của máy có thể gây thương tích. Trong trường hợp sự cố, việc sửa chữa phải do kỹ thuật viên có trình độ thực hiện. Trong trường hợp máy bị vỡ do bị rơi hoặc sự cố khác, tháo pin và bộ đổi điện AC sau đó mang máy tới Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.



Không duy trì tiếp xúc với máy ảnh, pin hoặc bộ sạc trong thời gian dài trong khi các thiết bị này đang được bật lên hoặc đang được sử dụng

Các bộ phận của thiết bị nóng lên. Việc tiếp xúc da trực tiếp với thiết bị trong thời gian dài có thể gây bỏng ở nhiệt độ thấp.



Không chiếu đèn nháy vào người lái xe

Việc Không tuân thủ biện pháp đề phòng này có thể gây tai nạn.



Tránh tiếp xúc với tinh thể lỏng

Nếu bị vỡ màn hình, cần cẩn thận để tránh chấn thương do kính vỡ và không để các tinh thể lỏng màn hình chạm vào da, vào mắt hoặc miệng.

Quan sát thận trọng khi sử dụng đèn nháy

- Sử dụng máy ảnh với đèn nháy để gần da hoặc các đối tượng khác có thể gây ra bỏng.
- Việc sử dụng đèn nháy để gần mắt của đối tượng có thể gây suy giảm thị lực tạm thời. Cần đặc biệt cẩn thận khi chụp ảnh trẻ sơ sinh, không được để đèn nháy gần hơn một mét với đối tượng này.

Cần có các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý pin

Pin có thể rò rỉ hoặc phát nổ nếu được xử lý không phù hợp. Cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau khi xử lý pin để sử dụng trong sản phẩm này:

- Chỉ sử dụng pin được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Không làm chập mạch hoặc tháo rời pin.
- Hãy chắc chắn tắt máy ảnh trước khi thay pin. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, hãy chắc chắn phải rút bỏ.
- Không cố lắp lộn ngược pin hoặc ngược ra sau.
- Không để pin tiếp xúc trực tiếp với lửa hay với nhiệt quá nóng.
- Không nhúng hoặc để tiếp xúc với nước.
- Thay nắp phủ đầu cuối khi vận chuyển pin. Không mang hoặc lưu trữ pin cùng với các vật kim loại như vòng cổ hoặc kẹp tóc.
- Pin dễ bị rò rỉ khi xả hết điện. Để tránh làm hỏng máy, hãy chắc chắn tháo pin khi không còn điện.
- Khi không sử dụng pin, lắp nắp phủ đầu cuối và cất giữ ở nơi khô, mát.
- Pin có thể nóng ngay sau khi sử dụng hoặc khi máy dùng nguồn pin trong một thời gian dài. Trước khi tháo pin hãy tắt máy ảnh và để cho pin nguội.
- Ngừng sử dụng ngay lập tức khi bạn thấy bất kỳ thay đổi nào ở pin, chẳng hạn như đổi màu hoặc biến dạng.

Cần tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý sạc

- Để khô ráo. Việc không tuân thủ để phòng này có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Cần loại bỏ bụi trên hoặc gần các bộ phận kim loại của phích cắm bằng miếng vải khô. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây cháy.
- Không sử dụng cáp nguồn hoặc tới gần sạc trong cơn bão. Việc không tuân thủ để phòng này có thể bị điện giật.
- Không làm hỏng, sửa đổi, hoặc dùng sức mạnh kéo hoặc bẻ cong phần cáp nguồn. Không đặt các vật nặng lên trên hoặc để tiếp xúc với nhiệt hoặc lửa. Nếu cách nhiệt bị hư hỏng và dây điện bị hở, mang cáp nguồn tới Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra. Không tuân thủ để phòng này có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Không sử dụng phích cắm hoặc sạc với tay ướt. Việc không tuân thủ để phòng này có thể bị điện giật.
- Không sử dụng bộ chuyển đổi du lịch hoặc bộ điều hợp được thiết kế để chuyển đổi từ một điện áp này sang điện áp khác hoặc với biến tần DC-sang-AC. Việc không tuân thủ để phòng này có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra quá nhiệt hoặc cháy.

Sử dụng cáp phù hợp

Khi kết nối cáp với giắc cắm đầu vào và đầu ra, chỉ sử dụng các loại cáp của Nikon cung cấp hoặc được bán với mục đích duy trì tuân thủ các quy định của sản phẩm.

CD-ROM

Không nên mở CD-ROM chứa phần mềm hoặc tài liệu hướng dẫn trên thiết bị CD âm thanh. Việc phát đĩa CD-ROM trên máy nghe nhạc CD âm thanh có thể gây mất thính lực hoặc hư hỏng thiết bị.

Chú ý

- Không phần nào của tài liệu hướng dẫn này được phép tái tạo, truyền, sao chép, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc được dịch sang các ngôn ngữ dưới bất kỳ hình thức nào, bằng bất kỳ phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Nikon.
- Nikon có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong các hướng dẫn sử dụng này bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.
- Nikon sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào từ việc sử dụng sản phẩm này.
- Dù đã nỗ lực để đảm bảo rằng các thông tin trong tài liệu hướng dẫn là chính xác và đầy đủ, chúng tôi đánh giá cao việc bạn lưu ý bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào với người đại diện Nikon trong khu vực của bạn (địa chỉ cung cấp riêng).

Thông báo liên quan đến Cấm Sao Chép hoặc Tái Tạo

Lưu ý rằng việc chỉ đơn giản là sở hữu tài liệu đã được sao chép về mặt kỹ thuật số hoặc tái tạo bằng máy quét, máy ảnh kỹ thuật số, hoặc thiết bị khác là cũng có thể bị trừng phạt theo quy định của pháp luật.

• Pháp luật cấm sao chép hoặc tái tạo các mục

Không sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, chứng khoán, trái phiếu chính phủ, hoặc trái phiếu chính quyền địa phương, ngay cả khi bản sao hoặc các bản tái tạo đó có đóng dấu "Mẫu."

Việc sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, hoặc chứng khoán được lưu hành ở nước ngoài đều bị cấm.

Trừ khi có sự cho phép trước của chính phủ, việc sao chép hoặc tái tạo tem bưu chính không sử dụng hoặc bưu thiếp do chính phủ phát hành đều bị cấm.

Việc sao chép hoặc tái sản xuất tem do chính phủ phát hành và các văn bản chứng nhận theo quy định của pháp luật là bị cấm.

• Lưu ý với một số bản sao và bản tái tạo

Chính phủ đã ban hành cảnh báo về các bản sao hoặc bản tái tạo chứng khoán do công ty tư nhân phát hành (cổ phiếu, hóa đơn, séc, giấy chứng nhận quà tặng v.v...), vé tháng, hoặc phiếu giảm giá, ngoại trừ số lượng tối thiểu bản sao cần thiết cần cho công việc của công ty. Ngoài ra, không được sao chép hoặc tái tạo hộ chiếu do chính phủ ban hành, giấy phép do cơ quan công quyền và các nhóm tư nhân, thẻ chứng minh thư, và vé, chẳng hạn vé tháng và phiếu giảm giá bữa ăn.

• Tuân thủ chú ý bản quyền

Việc sao chép hoặc tái tạo bản quyền tác phẩm sáng tạo như sách, âm nhạc, tranh vẽ, tranh khắc gỗ, bản in, bản đồ, bản vẽ, phim ảnh, và bức ảnh được điều chỉnh theo luật bản quyền quốc gia và quốc tế. Không sử dụng sản phẩm này với mục đích tạo bản sao bất hợp pháp hoặc vi phạm luật bản quyền.

Xử Lý Thiết Bị Lưu Trữ Dữ Liệu

Xin lưu ý rằng việc xóa các hình ảnh hoặc định dạng thẻ nhớ hoặc các thiết bị lưu trữ dữ liệu khác không xóa hoàn toàn dữ liệu hình ảnh gốc. Đôi khi các tập tin đã xóa có thể phục hồi được từ các thiết bị lưu trữ bằng cách sử dụng phần mềm thương mại có sẵn, điều này có khả năng dẫn tới việc sử dụng nguy hại các dữ liệu hình ảnh cá nhân. Bảo đảm sự riêng tư của các dữ liệu đó là trách nhiệm của người dùng.

Trước khi loại bỏ thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc chuyển giao quyền sở hữu cho người khác, xóa tất cả dữ liệu bằng cách sử dụng phần mềm xóa thương mại, hoặc định dạng thiết bị và sau đó nạp vào các hình ảnh không chứa thông tin cá nhân (ví dụ, hình ảnh về bầu trời không mây). Hãy chắc chắn thay bất kỳ hình ảnh nào được chọn cho cài đặt trước bằng tay (□ 95). Trước khi loại bỏ máy ảnh hoặc chuyển quyền sở hữu cho người khác, bạn nên sử dụng tùy chọn **Mạng > Cài đặt mạng** trong menu cài đặt máy ảnh để xóa thông tin mạng mang tính cá nhân. Để biết thêm thông tin, xem tài liệu được cung cấp cùng thiết bị kết nối tùy chọn. Cần cẩn thận để tránh chấn thương khi hủy các thiết bị lưu trữ dữ liệu.

Giấy Phép Danh Mục Bằng Sáng Chế AVC

SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ AVC CHO SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI CỦA NGƯỜI TIỂU DÙNG ĐỂ (i) GHI MÃ VIDEO THEO CHUẨN AVC ("AVC VIDEO") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO AVC ĐƯỢC GHI MÃ BỞI KHÁCH HÀNG THAM GIA VÀO HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC LẤY TỪ NHÀ CUNG CẤP VIDEO CÓ GIẤY PHÉP CUNG CẤP VIDEO AVC. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT CỨ VIỆC SỬ DỤNG NÀO KHÁC. CÓ THỂ LẤY THÊM THÔNG TIN TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM <http://www.mpegla.com>

Máy ảnh Nikon được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất và có các mạch điện tử phức tạp. Chỉ các phụ kiện điện tử thương hiệu Nikon (bao gồm sạc, pin, bộ đổi điện AC, và các phụ kiện đèn nháy) có xác nhận của Nikon đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn của mạch điện tử này.



 Trước Khi Chụp Ảnh Quan Trọng

Trước khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng (như tại đám cưới hay trước khi đem máy ảnh trong một chuyến đi), hãy chụp thử để đảm bảo rằng máy ảnh đang hoạt động bình thường. Nikon không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc bị mất lợi nhuận do sự cố sản phẩm.

 Học Tập Suốt Đời

Là một phần cam kết “Học Tập Suốt Đời” của Nikon với hỗ trợ và hướng dẫn liên tục, thông tin được cập nhật liên tục trên web sau đây:

- **Dành cho người dùng ở Hoa Kỳ:** <http://www.nikonusa.com/>
- **Dành cho người dùng ở châu Âu và châu Phi:** <http://www.europe-nikon.com/support/>
- **Dành cho người dùng ở châu Á, châu Đại Dương và Trung Đông:** <http://www.nikon-asia.com/>

Truy cập vào các trang web này để cập nhật các thông tin sản phẩm, thủ thuật, câu trả lời cho câu hỏi thường gặp (FAQs), và lời khuyên chung mới nhất về ảnh kỹ thuật số và nhiếp ảnh. Thông tin thêm có thể được cung cấp từ đại diện của Nikon trong khu vực của bạn. Xem URL sau để biết thông tin liên lạc: <http://imaging.nikon.com/>

✓ Chỉ Sử Dụng Phụ Kiện Thương Hiệu Nikon

Chỉ các có phụ kiện thương hiệu được Nikon chứng nhận đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn. VIỆC SỬ DỤNG CÁC LINH KIỆN ĐIỆN TỬ KHÔNG PHẢI CỦA NIKON CÓ THỂ LÀM HỎNG MÁY ẢNH VÀ CÓ THỂ LÀM MẤT HIỆU LỰC BẢO HÀNH CỦA NIKON.

✓ Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là thiết bị chính xác nên cần bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến cáo máy ảnh cần được kiểm tra bởi nhà bán lẻ ban đầu hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền từ một đến hai năm một lần, và cần được bảo dưỡng sau mỗi ba đến năm năm (lưu ý có thể phải trả phí cho các dịch vụ này). Kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên được khuyến nghị nếu máy ảnh được sử dụng chuyên nghiệp. Nên kiểm tra hoặc bảo dưỡng bất kỳ phụ kiện nào thường xuyên được sử dụng với máy ảnh, chẳng hạn như các ống kính, bộ đèn nháy tùy chọn khi kiểm tra và bảo dưỡng máy ảnh.



Giới thiệu

Tổng quan

Cảm ơn bạn đã Nikon mua máy ảnh số phản chiếu thấu kính đơn (SLR). Để tận dụng máy ảnh hiệu quả nhất, hãy đọc kỹ đầy đủ các hướng dẫn và để ở nơi tất cả những ai sử dụng máy sẽ đọc.

■ ■ Biểu Tượng và Quy Ước

Để tìm thông tin bạn cần dễ dàng hơn, những biểu tượng và các quy ước sau đây được sử dụng:



Biểu tượng này thể hiện cảnh báo; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng để tránh làm hỏng máy ảnh.



Biểu tượng này thể hiện các ghi chú; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng máy ảnh.



Biểu tượng này thể hiện tham chiếu tới các trang trong tài liệu hướng dẫn này.

Các mục menu, tùy chọn và thông báo hiển thị trên màn hình máy ảnh được hiện ở dạng **in đậm**.



Thiết Lập Máy Ảnh

Các giải thích trong tài liệu hướng dẫn này giả định các thiết lập mặc định được sử dụng.



Trợ giúp

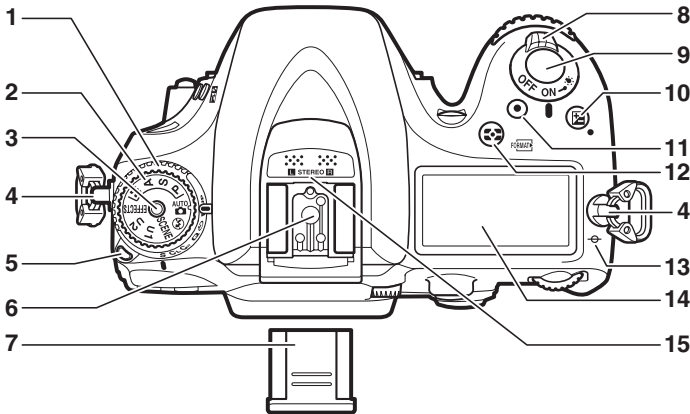
Sử dụng tính năng trợ giúp trên máy ảnh để được trợ giúp về các mục menu và các chủ đề khác. Xem trang 19 để biết thêm chi tiết.



Tìm Hiểu Máy Ảnh

Hãy dành chút thời gian để làm quen với các điều khiển máy ảnh và hiển thị. Bạn có thể thấy hữu ích để đánh dấu phần này và tham khảo lại khi đọc qua phần còn lại của tài liệu hướng dẫn.

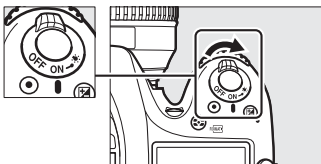
Thân Máy Ảnh



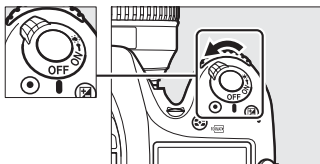
1	Đĩa lệnh chế độ nhả	7, 57	11	Nút ghi phim	162
2	Đĩa lệnh chế độ	6	12	Nút /FORMAT	
3	Nhà chế độ khóa đĩa lệnh	6		Đo sáng	83
4	Lỗ đeo giày máy ảnh			Định dạng thẻ nhớ	32
5	Nhà khóa đĩa lệnh chế độ nhả	7, 57	13	Dấu mặt phẳng tiêu điểm (∞)	78
6	Ngàm gắn phụ kiện (bộ đèn nháy tùy chọn)	303	14	Bảng điều khiển	8
7	Nắp ngàm gắn phụ kiện	303	15	Micro stereo	164, 169
8	Công tắc điện	2			
9	Nút nhà cửa trập	37, 38			
10	Nút 				
	Bù phơi sáng	86			
	Khởi động lại hai nút	131			

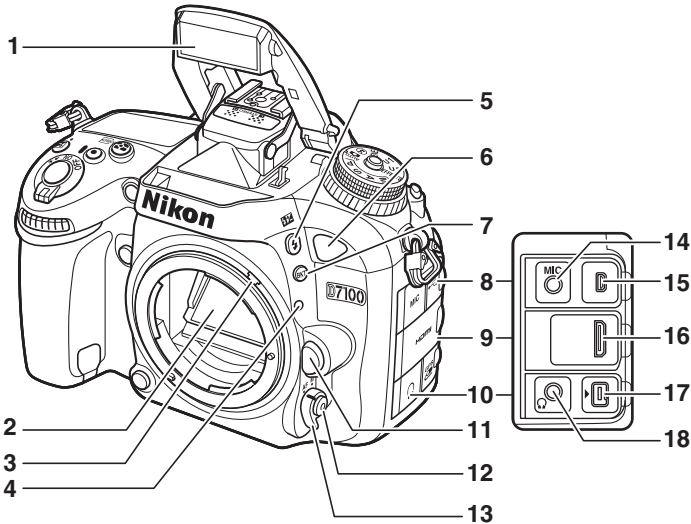
Công Tắc Điện

Xoay công tắc điện như minh họa để bật máy ảnh.



Xoay công tắc điện như minh họa để tắt máy ảnh.



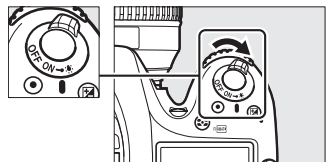


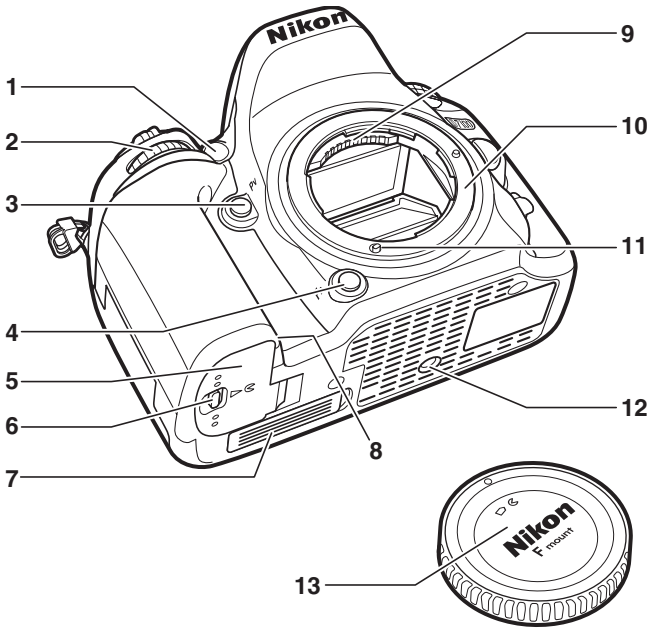
1	Đèn nháy gắn sẵn	119
2	Gương	61, 315
3	Móc ghép đo sáng	338
4	Dấu gắn thấu kính	27
5	Nút 	
	Chế độ đèn nháy	119
	Bù đèn nháy	124
6	Bộ nhận hồng ngoại (phía trước)	128
7	Nút BKT	
	Chụp bù trừ	133, 137, 139
8	Nắp đầu nối đầu cuối phụ kiện và micro ngoài	165, 310
9	Nắp đầu nối âm thanh	203, 208, 215
10	Nắp đầu nối đầu cắm phụ kiện và đầu nối micro	310
11	Nút nhả thấu kính	27
12	Nút chế độ AF	72, 74, 155
13	Bộ chọn chế độ lấy nét	71, 78
14	Đầu nối cho micro ngoài	165
15	Đầu nối USB	
	Kết nối với máy tính	203
	Kết nối với máy in	208
16	Đầu nối mini HDMI (Loại C)	215
17	Đầu cắm phụ kiện	130, 152, 310
18	Đầu nối tai nghe	165

Đèn rọi màn hình tinh thể lỏng

Xoay công tắc điện về để bật hẹn giờ chờ và đèn nền bảng điều khiển (đèn rọi màn hình tinh thể lỏng), cho phép đọc màn hình hiển thị trong bóng tối. Sau khi công tắc điện được nhả và trở về vị trí **ON**, đèn rọi sẽ vẫn sáng sáu giây trong khi hẹn giờ chờ được bật hoặc cho đến khi cửa trập được nhả hoặc công tắc điện được xoay lại về phía .

Công tắc điện



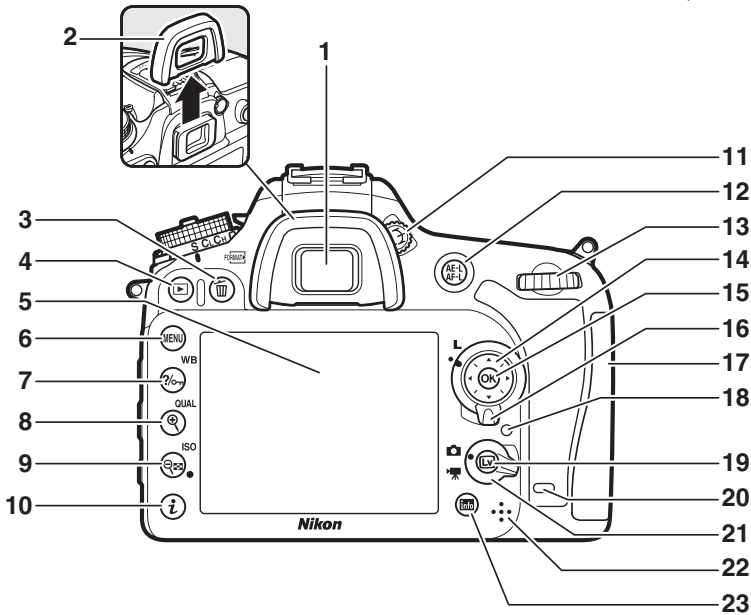


1	Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động	233
	Đèn hẹn giờ.....	59
	Đèn giảm mắt đỏ	121
2	Đĩa lệnh phụ.....	13, 257
3	Nút xem trước độ sâu của trường	50, 255, 260
4	Nút Fn (chức năng)	65, 125, 151, 253, 259
5	Nắp khoang pin	24
6	Chốt nắp khoang pin	24

7	Nắp tiếp xúc cho bộ pin MB-D15 tùy chọn	308
8	Nắp đầu nối nguồn	311
9	Tiếp xúc CPU	27, 78
10	Gắn thấu kính.....	27, 78
11	Khớp nối lấy nét tự động	
12	Hốc giá ba chân	26, 309
13	Nắp thân máy	26, 309

✓ **Micro và Loa**

Không đặt micro hoặc loa gần với các thiết bị từ. Việc không tuân thủ để phòng này có thể ảnh hưởng đến các dữ liệu được ghi trên các thiết bị từ.



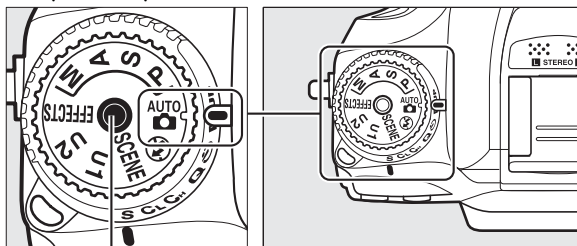
1	Nắp thị kính.....	33
2	Hốc mắt cao su.....	60
3	Nút	
	Xóa.....	40, 197
	Định dạng thẻ nhớ	32
4	Nút	
	Phát lại	39, 185
5	Màn hình	
	Xem cài đặt.....	10
	Xem trực tiếp.....	153, 161
	Xem ảnh	39
	Phát lại khuôn hình đầy.....	185
6	Nút MENU	
	Menu.....	19, 217
7	Nút /WB	
	Trợ giúp	19
	Bảo vệ	196
	Cân bằng trắng	89, 91, 94
8	Nút /QUAL	
	Phóng to phát lại.....	195
	Chất lượng hình ảnh/cỡ hình ảnh.....	66, 68
9	Nút /ISO	
	Hình thu nhỏ/Thu nhỏ phát lại	193, 194
	Độ nhạy ISO	79
	Điều khiển độ nhạy ISO tự động	82
	Khởi động lại hai nút.....	131

10	Nút	18
	Thay đổi cài đặt trong hiển thị thông tin	12
	Thay đổi cài đặt trong khi xem trực tiếp/ quay phim	157, 164
	Sửa lại ảnh	275
11	Điều khiển điều chỉnh điốt.....	33
12	Nút	
	Sử dụng nút khóa AE/AF ...	76, 84, 256, 260
13	Đĩa lệnh chính	13, 257
14	Đa bộ chọn.....	20
15	Nút (OK)	20, 252
16	Khóa bộ chọn lấy nét.....	75
17	Nắp phủ khe thẻ nhớ	30
18	Đèn tiếp cận thẻ nhớ	30, 37
19	Nút	153, 161
20	Bộ nhận hồng ngoại (phía sau)	128
21	Bộ chọn xem trực tiếp	
	Xem ảnh trực tiếp	153
	Xem trực tiếp phim	161
22	Loa	
23	Nút (thông tin)	
	Xem hiển thị thông tin.....	10
	Ẩn và hiện chỉ báo trong khi xem trực tiếp	159, 166

Đĩa Lệnh Chế Độ

Máy ảnh có các chế độ được liệt kê dưới đây. Để chọn một chế độ, nhấn nhả chế độ khóa đĩa lệnh và xoay đĩa lệnh chế độ.

Đĩa lệnh chế độ



Nhả chế độ khóa đĩa lệnh

Chế độ hiệu ứng đặc biệt (□ 177)

Sử dụng hiệu ứng đặc biệt trong quá trình chụp.

Các Chế Độ P, S, A và M

Chọn các chế độ này để có toàn quyền kiểm soát thiết lập máy ảnh.

- **P—Programmed auto** (Tự động được lập trình) (□ 48)
- **S—Shutter-priority auto** (Tự động ưu tiên cửa trập) (□ 49)
- **A—Aperture-priority aut** (Tự động ưu tiên độ mở ống kính) (□ 50)
- **M—Manual** (Bằng tay) (□ 51)

Chế Độ Tự Động

Chọn các chế độ này để nhiếp ảnh ngấm và chụp đơn giản.

- **AUTO Tự động** (□ 36)
- **Tự động (đèn nháy tắt)** (□ 36)

Chế Độ Cảnh (□ 41)

Máy ảnh tự động tối ưu hóa các cài đặt phù hợp với cảnh chọn. Phù hợp lựa chọn của bạn với cảnh được chụp ảnh.

Chế Độ U1 và U2 (□ 55)

Lưu trữ và nhớ lại các cài đặt chụp tùy chỉnh.

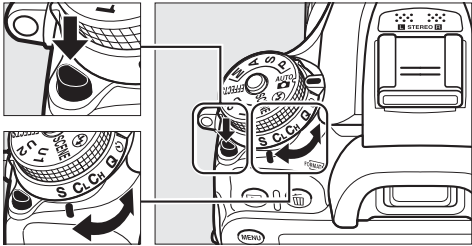
Thấu Kính Không CPU

Có thể dùng thấu kính không CPU (□ 295) chỉ trong các chế độ **A** và **M**. Việc lựa chọn chế độ khác khi thấu kính không CPU được gắn vào sẽ tắt nhả cửa trập.

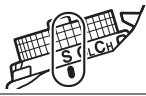
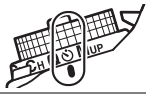
Đĩa Lệnh Chế Độ Nhả

Để chọn một chế độ nhả, bấm nhả khóa đĩa lệnh chế độ nhả và xoay đĩa lệnh chế độ nhả tới cài đặt mong muốn (📖 57).

Nhả khóa đĩa lệnh chế độ nhả

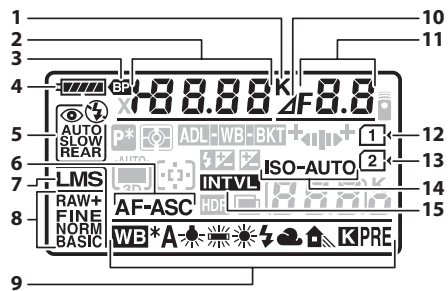


Đĩa lệnh chế độ nhả

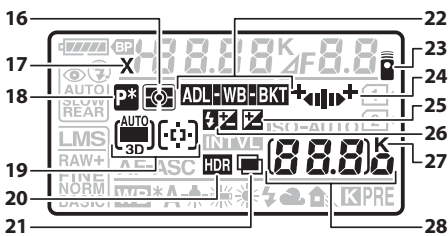
Chế độ	Mô tả
 S Khuôn hình đơn	Bức ảnh được chụp mỗi khi nút nhả cửa trập được nhấn.
 CL Tốc độ thấp liên tục	Máy ảnh chụp ảnh ở tốc độ thấp trong khi nút nhả cửa trập được nhấn.
 CH Tốc độ cao liên tục	Máy ảnh chụp ảnh ở tốc độ cao trong khi nút nhả cửa trập được nhấn.
 Q Nhả cửa trập tĩnh lặng	Với khuôn hình đơn, trừ việc nhiều máy ảnh được giảm.
 Tự hẹn giờ	Chụp ảnh tự hẹn giờ.
 MUP Gương nâng lên	Nâng gương trước khi chụp ảnh.



Bảng Điều Khiển



1	Chỉ báo nhiệt độ màu	94
2	Tốc độ cửa trập	49, 51
	Giá trị bù phơi sáng	86
	Giá trị bù đèn nháy	124
	Dò tinh chỉnh cân bằng trắng	92
	Nhiệt độ màu	89, 94
	Số cài đặt trước cân bằng trắng	95
	Số lần chụp trong bù trừ đèn nháy và phơi sáng	133
	Số lần chụp trong chuỗi chụp cân bằng trắng bù trừ trình tự	137
	Số khoảng thời gian chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian	146
	Tiêu cự (thấu kính không CPU)	151

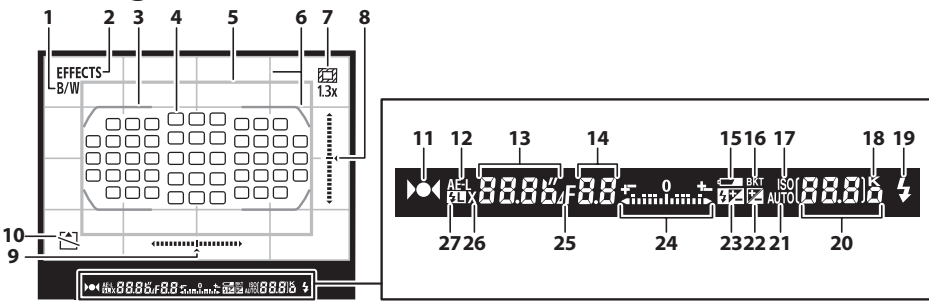


16	Đo sáng	83
17	Chỉ báo đồng bộ đèn nháy	244
18	Chỉ báo chương trình linh động	48
19	Chỉ báo lấy nét tự động vùng tự động	73
	Chỉ báo chế độ vùng lấy nét tự động	74
	Chỉ báo theo dõi 3D	73
20	Chỉ báo HDR	115
21	Đa chỉ báo phơi sáng	142

3	Chỉ báo pin MB-D15	243
4	Chỉ báo pin	35
5	Chế độ đèn nháy	120
6	Chế độ lấy nét tự động	71
7	Cỡ hình ảnh	68
8	Chất lượng hình ảnh	66
9	Cân bằng trắng	89
	Chỉ báo dò tinh chỉnh cân bằng trắng	92
10	Chỉ báo dừng độ mở ống kính	47, 298
11	Độ mở ống kính (số f)	50, 51
	Độ mở ống kính (số các điểm dừng)	47, 298
	Gia số chụp bù trừ	134, 138
	Số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ ADL trình tự	139
	Cường độ HDR	116
	Số lượng ảnh chụp mỗi khoảng thời gian	146
	Độ mở ống kính tối đa (thấu kính không CPU)	151
	Chỉ báo chế độ PC	207
12	Chỉ báo thẻ nhớ (Khe 1)	31, 69
13	Chỉ báo thẻ nhớ (Khe 2)	31, 69
14	Chỉ báo độ nhạy ISO	79
	Chỉ báo độ nhạy ISO tự động	82
15	Chỉ báo quãng thời gian	147
22	Chỉ báo bù trừ đèn nháy và phơi sáng	133
	Chỉ báo chụp bù trừ WB	137
	Chỉ báo chụp bù trừ ADL	139
23	Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)	127
24	Chỉ báo tiến độ bù trừ	133, 137, 139
25	Chỉ báo bù phơi sáng	86
26	Chỉ báo bù đèn nháy	124
27	"K" (xuất hiện khi bộ nhớ vẫn còn hơn 1000 phơi sáng)	35
28	Số phơi sáng còn lại	35
	Số lần chụp còn lại trước khi bộ nhớ đệm đầy	37, 58, 348
	Độ nhạy ISO	239
	Chỉ báo ghi cân bằng trắng cài đặt trước	96
	Gắn D-Lighting hoạt động	114
	HDR mode (Chế độ HDR)	115
	Số thấu kính bằng tay	151
	Chỉ báo chế độ chụp	207
	Chỉ báo kết nối HDMI-CEC	216

Lưu ý: Hiển thị với tất cả chỉ báo với mục đích minh họa.

Kính Ngắm



1	Chỉ báo đơn sắc (được hiển thị trong chế độ Picture Control Đơn sắc hoặc Picture Control dựa trên Đơn sắc được chọn).....	105	16	Chỉ báo bù trừ đèn nháy và phơi sáng....	133
2	Chỉ báo chế độ hiệu ứng đặc biệt	177		Chỉ báo chụp bù trừ WB	137
3	Khung vùng lấy nét tự động	33, 37		Chỉ báo chụp bù trừ ADL.....	139
4	Điểm lấy nét	37, 75, 232	17	Chỉ báo độ nhạy ISO	79
	Chế độ vùng lấy nét tự động	73	18	"K" (xuất hiện khi bộ nhớ vẫn còn hơn 1000 phơi sáng)	35
5	Xén 1,3x DX.....	64	19	Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng	38, 241
6	Lưới khuôn hình (hiển thị khi Bật được chọn cho Thiết Lập Tùy Chọn d2)	239	20	Số phơi sáng còn lại	35
7	Chỉ báo xén 1,3x DX.....	64		Số lần chụp còn lại trước khi bộ nhớ đệm đầy	37, 58, 348
8	Chỉ báo cuộn (hướng phong cảnh)	254		Độ nhạy ISO	239
9	Chỉ báo cuộn (hướng phong cảnh)	254		Gắn D-Lighting hoạt động	114
10	Chỉ báo "Không có thẻ nhớ".....	30		Chế độ vùng lấy nét tự động.....	73
11	Chỉ báo lấy nét	37, 76, 78		Chỉ báo ghi cân bằng trắng cài đặt trước	96
12	Khóa tự động phơi sáng (AE)	84		Giá trị bù phơi sáng.....	86
13	Tốc độ cửa trập	49, 51		Giá trị bù đèn nháy.....	124
	Chế độ lấy nét tự động	71		HDR mode (Chế độ HDR)	115
14	Độ mở ống kính (số f)	50, 51	21	Chỉ báo độ nhạy ISO tự động	82
	Độ mở ống kính (số các điểm dừng)	47, 298	22	Chỉ báo bù phơi sáng	86
	Cường độ HDR	116	23	Chỉ báo bù đèn nháy	124
15	Cảnh báo pin yếu	35	24	Chỉ báo phơi sáng	51
				Hiển thị bù phơi sáng	86
			25	Chỉ báo dừng độ mở ống kính	47, 298
			26	Chỉ báo đồng bộ đèn nháy.....	244
			27	Chỉ báo khóa FV.....	125

Lưu ý: Hiển thị với tất cả chỉ báo với mục đích minh họa.

Không Có Pin

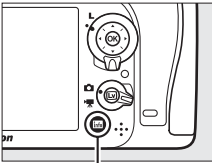
Khi pin hoàn toàn cạn kiệt hoặc không được lắp, màn hình hiển thị trong kính ngắm sẽ mờ. Điều này là bình thường và không phải là sự cố. Hiển thị kính ngắm sẽ trở lại bình thường khi lắp vào pin sạc đầy.

Bảng Điều Khiển và Hiển Thị Kính Ngắm

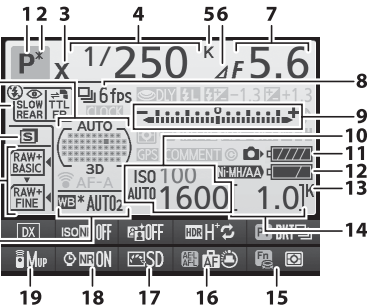
Độ sáng của bảng điều khiển và hiển thị kính ngắm thay đổi theo nhiệt độ, và thời gian đáp ứng của màn hình hiển thị có thể giảm ở nhiệt độ thấp. Điều này là bình thường và không phải là sự cố.

Hiển Thị Thông Tin

Nhấn nút **Info** để hiển thị tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, số phơi sáng còn lại, chế độ vùng lấy nét tự động và các thông tin chụp khác trong màn hình.



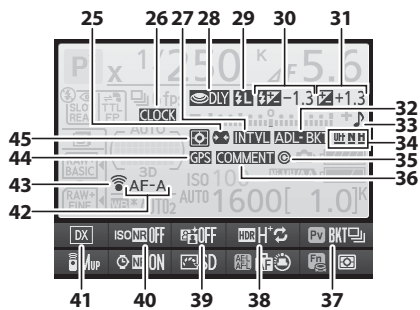
Nút **Info**



1	Chế độ chụp.....	36, 41, 47, 177
2	Chỉ báo chương trình linh động.....	48
3	Chỉ báo đồng bộ đèn nháy.....	244
4	Tốc độ cửa trập	49, 51
	Số lần chụp trong bù trừ đèn nháy và phơi sáng	133
	Số lần chụp trong chuỗi chụp cân bằng trắng bù trừ trình tự.....	137
	Tiêu cự (thấu kính không CPU).....	149
	Nhiệt độ màu	89, 94
5	Chỉ báo nhiệt độ màu	94
6	Chỉ báo dừng độ mở ống kính	47, 298
7	Độ mở ống kính (số f)	50, 51
	Độ mở ống kính (số các điểm dừng)	47, 298
	Gia số chụp bù trừ.....	134, 138
	Số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ ADL trình tự.....	139
	Độ mở ống kính tối đa (thấu kính không CPU)	151

8	Chế độ nhả.....	7, 57
	Tốc độ chụp liên tục	58, 239
9	Chỉ báo phơi sáng.....	51
	Hiện thị bù phơi sáng.....	86
	Chỉ báo tiến độ bù trừ	
	Bù trừ đèn nháy và phơi sáng	133
	WB bracketing (Chụp bù trừ WB).....	137
10	Độ nhạy ISO	79, 82
11	Chỉ báo pin máy ảnh.....	35
12	Hiện thị loại pin sạc MB-D15.....	242
	Chỉ báo pin MB-D15	243
13	"K" (xuất hiện khi bộ nhớ vẫn còn hơn 1000 phơi sáng).....	35
14	Số phơi sáng còn lại	35
	Số thấu kính bằng tay	151
15	Gán nút Fn	253
16	Gán nút AE-L/AF-L	256
17	Picture Control	106
18	Giảm nhiễu phơi sáng lâu.....	228
19	Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3).....	127
20	Cân bằng trắng	89
	Chỉ báo dò tình hình cân bằng trắng	92
21	Chất lượng hình ảnh.....	66
	Vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận	69
22	Cỡ hình ảnh.....	68
23	Chế độ đèn nháy	120
24	Chỉ báo lấy nét tự động vùng tự động.....	73
	Chỉ báo điểm lấy nét.....	75
	Chỉ báo chế độ vùng lấy nét tự động.....	74
	Chỉ báo theo dõi 3D	73

Lưu ý: Hiển thị với tất cả chỉ báo với mục đích minh họa.



25	Điều khiển biến dạng tự động	227
26	Chỉ báo “Chưa đặt đồng hồ”	29, 265
27	Chỉ báo quang thời gian	147
28	Chế độ trễ phơi sáng	241
29	Chỉ báo khóa FV	125
30	Chỉ báo bù đèn nháy	124
	Giá trị bù đèn nháy	124
31	Chỉ báo bù phơi sáng	86
	Giá trị bù phơi sáng	86

32	Chỉ báo bù trừ đèn nháy và phơi sáng	133
	Chỉ báo chụp bù trừ WB	137
	Chỉ báo chụp bù trừ ADL	139
	Đa chỉ báo phơi sáng	143
33	Chỉ báo “bíp”	238
34	Khoảng chụp bù trừ ADL	139
35	Thông tin bản quyền	267
36	Chỉ báo nhận xét ảnh	266
37	Gán nút xem trước độ sâu của trường	255
38	HDR (Dải động cao)	115
39	D-Lighting Hoạt Động	114
40	Giảm nhiễu ISO cao	228
41	Vùng hình ảnh	64
42	Chế độ lấy nét tự động	71
43	Chỉ báo kết nối Eye-Fi	272
44	Chỉ báo kết nối GPS	152
45	Đo sáng	83

Tắt Màn Hình

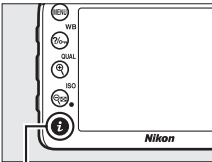
Để xóa thông tin chụp từ màn hình, nhấn nút  hoặc nhấn nút nhỏ của trập nửa chừng. Màn hình sẽ tự động tắt nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng 10 giây.

Xem Thêm

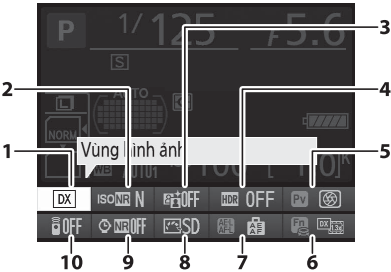
Để biết thêm thông tin về cách chọn thời gian chờ màn hình, xem Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Độ trễ tắt màn hình**,  238). Để biết thông tin về thay đổi màu của các ký tự trong hiển thị thông tin, xem Cài Đặt Tùy Chọn d8 (**Hiển thị thông tin**,  241).

Thay đổi Cài đặt trong Hiển Thị Thông Tin

Để thay đổi cài đặt cho các mục liệt kê bên dưới, nhấn nút **i** .
Làm nổi bật mục bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn **OK** để xem các tùy chọn cho mục được làm nổi bật.



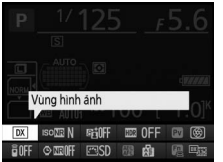
Nút **i**



1	Vùng hình ảnh	63
2	Giảm nhiễu ISO cao.....	228
3	D-Lighting Hoạt Động	113
4	HDR (Dải động cao).....	115
5	Gán nút xem trước độ sâu của trường	255
6	Gán nút Fn	253
7	Gán nút AE-L/AF-L	256
8	Picture Control	105
9	Giảm nhiễu phơi sáng lâu.....	228
10	Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3).....	127

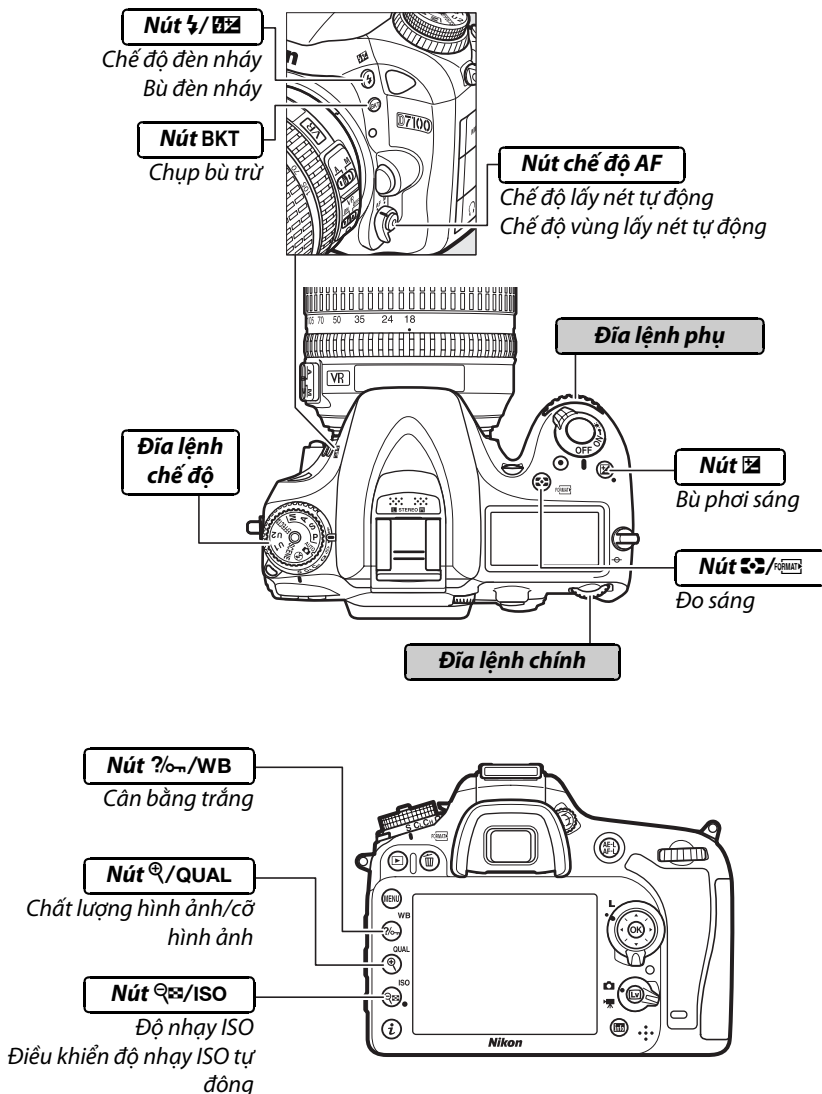
Mẹo Công Cụ

Mẹo công cụ cho biết tên của mục được chọn xuất hiện trong hiển thị thông tin. Có thể tắt mẹo công cụ bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn d4 (**Lời khuyên trên màn hình**; 239).



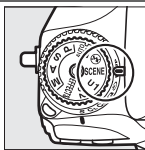
Đĩa Lệnh

Đĩa lệnh chính và phụ được sử dụng một mình hoặc kết hợp với các điều khiển khác để điều chỉnh các cài đặt.



■ Chế độ cảnh và chế độ hiệu ứng đặc biệt

Chọn cảnh (SCENE; 41).



Chế độ SCENE

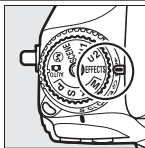


Đĩa lệnh chính



Màn hình

Chọn chế độ hiệu ứng đặc biệt (EFFECTS; 177).



Chế độ EFFECTS



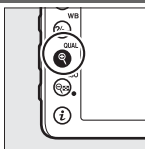
Đĩa lệnh chính



Màn hình

■ Chất Lượng Hình Ảnh và Kích Cỡ

Thiết lập chất lượng hình ảnh (66).



Nút (QUAL)

+

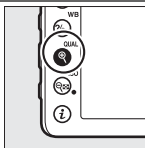


Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

Chọn cỡ hình ảnh (68).



Nút (QUAL)

+



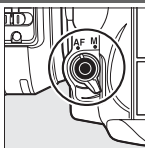
Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

■ Lấy nét tự động

Chọn chế độ lấy nét tự động (72).

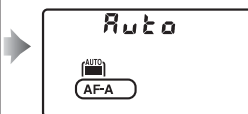


Nút chế độ AF

+

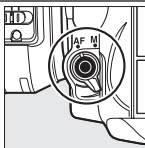


Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

Chọn chế độ vùng lấy nét tự động (74).

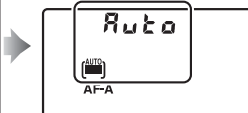


Nút chế độ AF

+



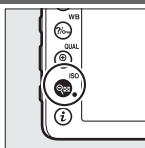
Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

■ Độ Nhạy ISO

Thiết lập độ nhạy ISO (☐ 79).



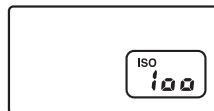
Nút (ISO)

+



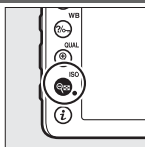
Đĩa lệnh chính

➔



Bảng điều khiển

Điều khiển độ nhạy ISO tự động (☐ 82).



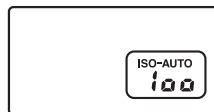
Nút (ISO)

+



Đĩa lệnh phụ

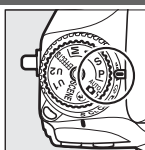
➔



Bảng điều khiển

■ Phơi sáng

Chọn kết hợp độ mở ống kính và tốc độ cửa trập (chế độ P; ☐ 48).



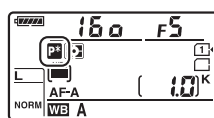
Chế độ P

+



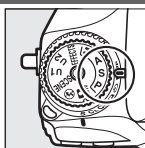
Đĩa lệnh chính

➔



Bảng điều khiển

Chọn tốc độ cửa trập (chế độ S hoặc M; ☐ 49, 51).



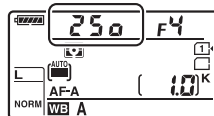
Chế độ S hoặc
M

+



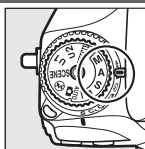
Đĩa lệnh chính

➔



Bảng điều khiển

Chọn độ mở ống kính (chế độ A hoặc M; ☐ 50, 51).



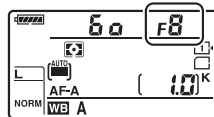
Chế độ A hoặc
M

+



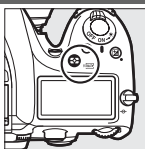
Đĩa lệnh phụ

➔



Bảng điều khiển

Chọn lựa chọn đo sáng (chế độ P, S, A, hoặc M; ☐ 83).



Nút (☐ 83)

+



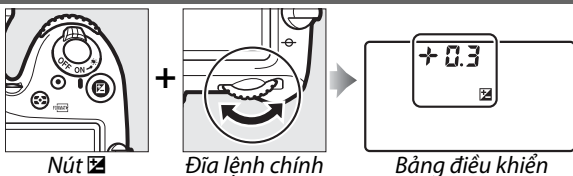
Đĩa lệnh chính

➔

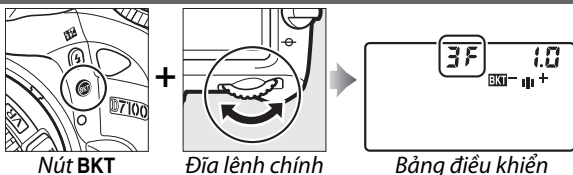


Bảng điều khiển

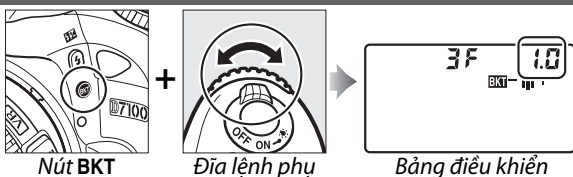
Thiết lập bù phơi sáng (chế độ **P**, **S**, **A**, **M**, hoặc ;  86).



Bật hoặc hủy chụp bù trừ/chọn số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ (chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**;  133).

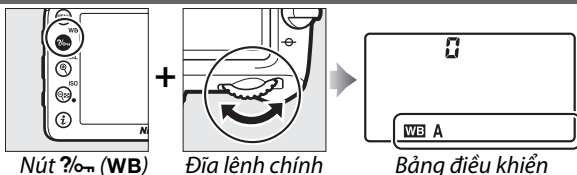


Chọn giá số chụp bù trừ (chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**;  134).

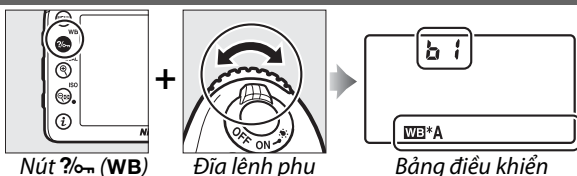


■ Cân Bằng Trắng

Chọn tùy chọn cân bằng trắng (chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**;  89).

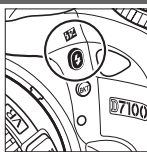


Tinh chỉnh cân bằng trắng ( 91), thiết lập nhiệt độ màu ( 94), hoặc chọn cài đặt trước cân bằng trắng ( 95) trong chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**.



■ ■ Cài Đặt Đèn Nháy

Chọn chế độ đèn nháy (📖 120).

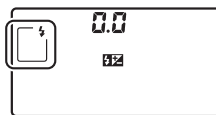


Nút  (📖 120)

+

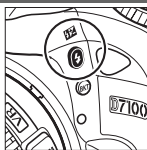


Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

Thiết lập bù đèn nháy (chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**; 📖 124).

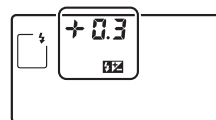


Nút  (📖 120)

+



Đĩa lệnh phụ

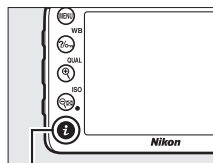


Bảng điều khiển



Nút *i*

Sử dụng nút *i* để truy cập nhanh đến một loạt các chức năng trong kính ngắm và xem ảnh trực tiếp, quay phim và phát lại.



Nút *i*

■ ■ *Nhiếp ảnh kính ngắm*

Nhấn *i* để xem các liên kết đến các lựa chọn chụp hình thường xuyên được sử dụng ở dưới cùng của màn hình hiển thị thông tin (□ 12).



■ ■ *Xem ảnh trực tiếp/Quay phim*

Nhấn *i* để hiển thị danh sách các cài đặt có trong xem ảnh trực tiếp và quay phim (□ 157, 164).



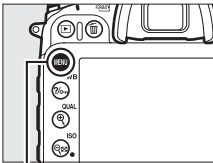
■ ■ *Phát Lại*

Việc nhấn *i* trong quá trình phát lại hình ảnh hoặc phim sẽ hiển thị các tùy chọn sửa lại (□ 275) hoặc chỉnh sửa phim (□ 173).



Menu Máy Ảnh

Hầu hết các tùy chọn chụp, phát lại, và các tùy chọn cài đặt có thể được truy cập từ các menu máy ảnh. Để xem các menu, nhấn nút MENU.

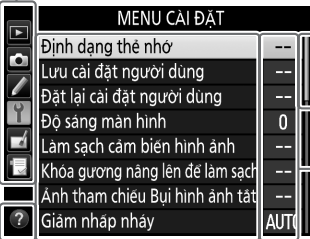


Nút MENU

Thẻ

Chọn từ các menu sau đây:

- : **Phát lại** (trang 217)
- : **Chụp** (trang 224)
- : **Cài Đặt Tùy Chọn** (trang 229)
- : **Cài đặt** (trang 261)
- : **Sửa lại** (trang 273)
- : **Menu Của Tôi** hoặc **Cài đặt gần đây** (mặc định sang **Cài đặt gần đây**; trang 291)



Thanh trượt cho thấy vị trí trong menu hiện tại.

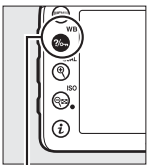
Thiết lập hiện tại được hiển thị bằng các biểu tượng.

Tùy chọn Menu

Tùy chọn trong menu hiện tại.



Nếu biểu tượng hiển thị ở góc dưới cùng bên trái của màn hình, có thể hiển thị trợ giúp bằng cách nhấn nút (**WB**). Một mô tả của tùy chọn hiện đang được chọn hoặc menu sẽ được hiển thị trong khi nút được nhấn. Nhấn hoặc để cuộn qua màn hình.



Nút (**WB**)

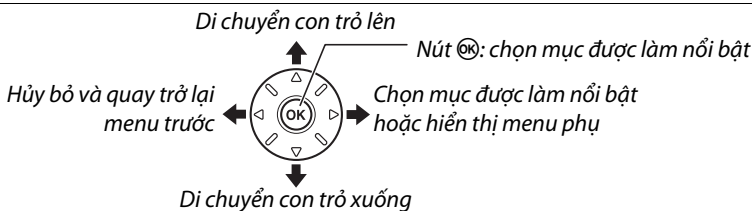
Đa phơi sáng

Ghi số lượng ảnh quy định là hình ảnh đơn. Hẹn giờ chờ kéo dài khoảng 30 s. Nếu hẹn giờ hết, việc chụp sẽ kết thúc và đa phơi sáng sẽ được tạo từ bất kỳ ảnh nào đã được chụp.



Sử Dụng Menu Máy Ảnh

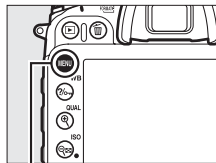
Đa bộ chọn và nút **OK** được sử dụng để điều hướng các menu máy ảnh.



Thực hiện theo các bước dưới đây để điều hướng các menu.

1 Hiển thị các menu.

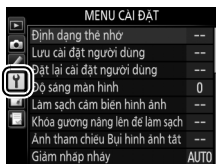
Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu.



Nút MENU

2 Làm nổi bật biểu tượng cho menu hiện tại.

Bấm ◀ để làm nổi bật biểu tượng cho menu hiện tại.



3 Chọn một menu.

Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn menu mong muốn.



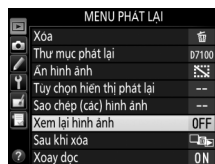
4 Đặt con trỏ vào menu được chọn.

Bấm ► đến vị trí con trỏ trong menu được chọn.



5 Làm nổi bật mục menu.

Bấm ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật mục menu.



6 Hiển thị các tùy chọn.

Bấm ► để hiển thị các tùy chọn cho mục menu được chọn.



7 Làm nổi bật một tùy chọn.

Bấm ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một tùy chọn.



8 Chọn mục đã được làm nổi bật.

Nhấn OK để chọn mục đã được làm nổi bật. Để thoát ra mà không chọn, nhấn nút MENU.



Lưu ý những điều sau:

- Các mục menu được hiển thị màu xám là không sẵn có.
- Trong khi nhấn ► thường có tác dụng tương tự như cách nhấn OK, có một số trường hợp, chỉ có thể thực hiện lựa chọn bằng cách nhấn OK.
- Để thoát khỏi menu và trở lại chế độ chụp, nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập (□ 38).

Các Bước Đầu Tiên

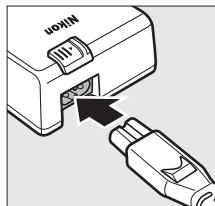
Sạc Pin

Máy ảnh được trang bị pin sạc Li-ion EN-EL15 (được cung cấp). Để tối đa hóa thời gian chụp, sạc pin trong bộ sạc pin MH-25 được cung cấp trước khi sử dụng. Cần khoảng 2 giờ và 35 phút để sạc đầy pin khi pin đã hết điện.



1 Nối cáp nguồn AC.

Nối cáp nguồn. Sử dụng phích cắm bộ đổi điện AC trong vị trí hiển thị ở bên phải; không xoay.

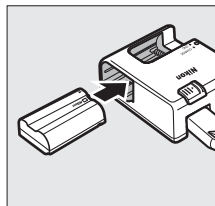


2 Tháo nắp phủ đầu cắm.

Tháo nắp phủ đầu cắm khỏi pin.

3 Lắp pin.

Đặt pin vào khoang pin như trong hình minh họa trên bộ sạc.



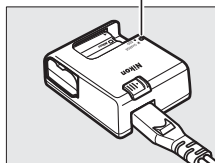
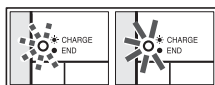
4 Cắm sạc vào.

Đèn **CHARGE (SẠC)** sẽ đèn nhấp nháy chậm trong khi sạc pin.

☒ Sạc Pin

Sạc pin trong nhà ở nhiệt độ môi trường xung quanh giữa 5 °C–35 °C. Pin không sạc nếu nhiệt độ dưới 0 °C hoặc cao hơn 60 °C.

Pin đang sạc Sạc xong

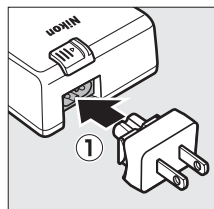


5 Tháo pin khi sạc xong.

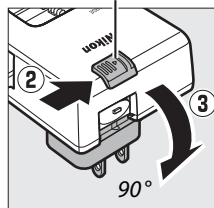
Việc sạc hoàn tất khi đèn **CHARGE (SẠC)** ngừng nhấp nháy. Rút bộ sạc và tháo pin ra.

Bộ Điện AC Trên Tường

Tùy thuộc vào quốc gia hoặc khu vực mua hàng, một bộ đổi điện AC trên tường cũng có thể được cung cấp với bộ sạc. Để sử dụng bộ đổi điện, lắp nó vào lỗ cắm AC của sạc (①). Trượt chốt bộ đổi điện AC trên tường theo hướng minh họa (②) và xoay bộ đổi điện 90° để cố định nó như trong vị trí minh họa (③). Làm các bước ngược lại để tháo bộ đổi điện.



Bộ đổi điện AC trên tường



Lắp Pin

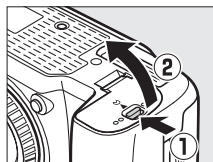
Trước khi lắp pin, xoay công tắc điện sang **OFF**.

✓ Lắp và Tháo Pin

Luôn tắt máy ảnh trước khi lắp hoặc tháo pin.

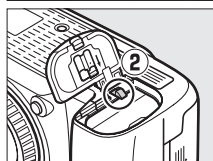
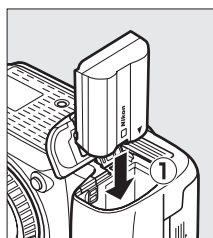
1 Mở nắp khoang pin.

Mở chốt (①) và mở nắp khoang pin (②).



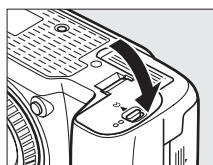
2 Lắp pin.

Lắp pin theo hướng minh họa (①), sử dụng mặt có sọc màu da cam để giữ chốt pin được bấm về một phía. Chốt khóa pin vào vị trí khi pin đã được lắp vào hết (②).



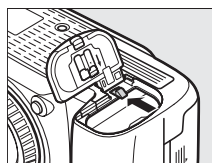
Chốt pin

3 Đóng nắp khoang pin.



✓ Tháo Pin

Tắt máy ảnh và mở nắp khoang pin. Nhấn chốt pin theo hướng được thể hiện bằng mũi tên để nhả pin và sau đó dùng tay tháo pin ra.



Pin và Bộ Sạc

Đọc và làm theo những cảnh báo và lưu ý trên các trang xxi–xxii và 318–320 của tài liệu hướng dẫn này. Không sử dụng pin ở nhiệt độ môi trường xung quanh dưới 0 °C hoặc cao hơn 40 °C; không tuân thủ để phòng này có thể làm hỏng pin hoặc làm giảm hiệu suất pin. Dung lượng có thể giảm xuống và thời gian sạc có thể tăng lên ở nhiệt độ pin từ 0 °C đến 15 °C và từ 45 °C đến 60 °C.

Nếu đèn **CHARGE (SẠC)** nhấp nháy (khoảng tám lần một giây) trong quá trình sạc, xác nhận rằng nhiệt độ ở phạm vi phù hợp và sau đó rút phích cắm bộ sạc và tháo và lắp lại pin. Nếu vẫn để vẫn còn, ngừng sử dụng ngay lập tức và mang pin và bộ sạc tới đại lý bán lẻ của bạn hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

Không làm chập các đầu cuối của bộ sạc; Không tuân thủ để phòng này có thể dẫn đến quá nóng và làm hỏng sạc. Không di chuyển bộ sạc hoặc chạm vào pin trong quá trình sạc. Việc không tuân thủ để phòng này thì trong một số trường hợp khiến bộ sạc báo là đã sạc xong nhưng pin chỉ được sạc một phần. Tháo và lắp lại pin để bắt đầu sạc lại. Dung lượng pin tạm thời có thể giảm nếu pin đã được sạc ở nhiệt độ thấp hoặc được sử dụng ở nhiệt độ dưới nhiệt độ mà nó được sạc. Nếu pin được sạc ở nhiệt độ dưới 5 °C, chỉ báo tuổi thọ pin trong màn hình hiển thị thông tin **Thông tin pin** (□ 266) có thể cho thấy sự sụt giảm tạm thời.

Pin có thể nóng ngay sau khi sử dụng. Đợi pin nguội trước khi sạc lại.

Cáp nguồn và bộ đổi điện AC trên tường kèm theo chỉ được sử dụng với MH-25. Chỉ sử dụng bộ sạc với pin tương thích. Rút phích cắm khi không sử dụng.

Sự suy giảm đáng kể trong thời gian sử dụng của một viên pin đã được sạc đầy đến khi cần sạc trong nhiệt độ phòng là dấu hiệu rằng nó cần được thay thế. Mua pin EN-EL15 mới.

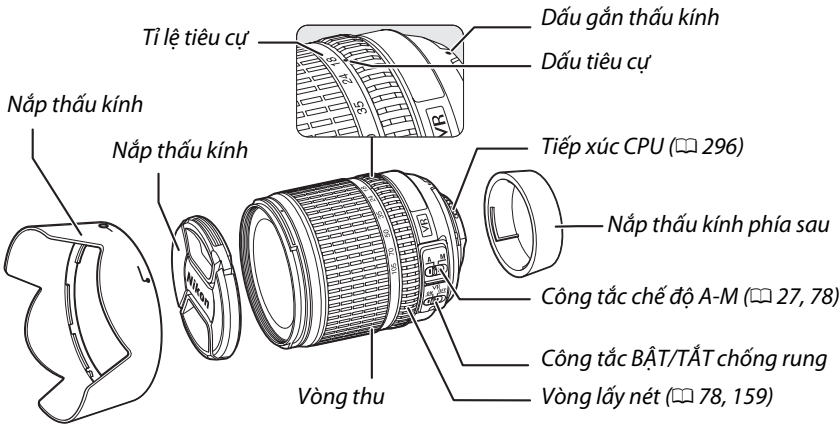
Pin Sạc Li-ion EN-EL15

EN-EL15 kèm theo máy chia sẻ thông tin với các thiết bị tương thích, cho phép máy ảnh hiển thị trạng thái sạc pin trong sáu cấp độ (□ 35). Tùy chọn **Thông tin pin** trong menu cài đặt hiển thị chi tiết về sạc pin, tuổi thọ pin và số ảnh đã chụp kể từ khi pin được sạc lần cuối (□ 266).



Lắp Thấu Kính

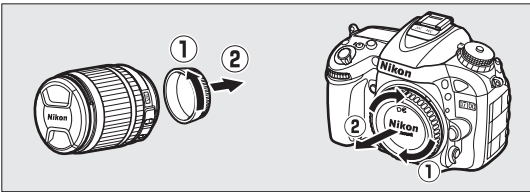
Thấu kính thường được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này cho mục đích minh họa là AF-S DX NIKKOR 18–105mm f/3.5–5.6G ED VR.



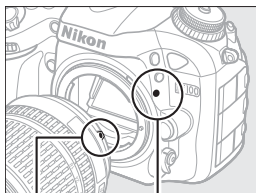
Cần cẩn thận để tránh bụi xâm nhập vào máy ảnh khi tháo thấu kính.

1 Tắt máy ảnh.

2 Tháo nắp thấu kính phía sau và nắp thân máy ảnh.

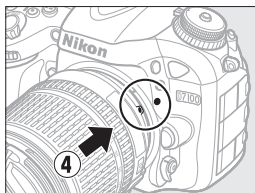


3 Lắp thấu kính.

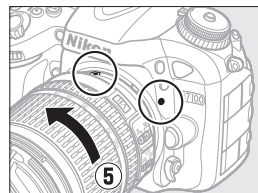


Dấu gắn (máy ảnh)

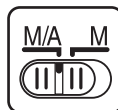
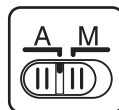
Dấu gắn (thấu kính)



Giữ các dấu (điểm trắng) thẳng hàng, đặt thấu kính vào máy ảnh, sau đó xoay cho đến khi thấu kính khớp vào vị trí.



Nếu thấu kính được trang bị với công tắc chế độ **A-M** hoặc **M/A-M**, chọn **A** (lấy nét tự động) hoặc **M/A** (lấy nét tự động với ghi đè bằng tay).

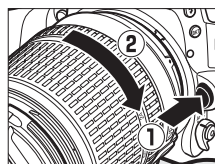


Tháo Thấu Kính

Hãy chắc chắn tắt máy ảnh khi tháo hoặc đổi thấu kính. Để tháo thấu kính, nhấn và giữ nút nhả thấu kính (①) trong khi xoay thấu kính theo chiều kim đồng hồ (②). Sau khi tháo thấu kính, thay nắp thấu kính và nắp thân máy ảnh.

Thấu Kính CPU với Vòng Độ Mở Ống Kính

Trong trường hợp thấu kính CPU được trang bị vòng độ mở ống kính (□ 296), khóa độ mở ống kính ở cài đặt tối thiểu (số f cao nhất).

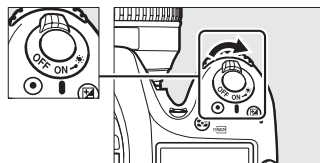


Cài Đặt Cơ Bản

Một hộp thoại lựa chọn ngôn ngữ sẽ được hiển thị khi lần đầu tiên máy ảnh được bật. Chọn ngôn ngữ và thiết lập thời gian và ngày tháng. Không thể chụp được ảnh cho tới khi bạn đã cài đặt thời gian và ngày tháng.

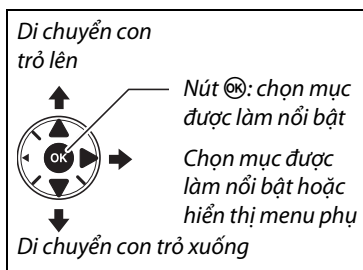
1 Bật máy ảnh.

Một hộp thoại lựa chọn ngôn ngữ sẽ được hiển thị.



2 Chọn ngôn ngữ và thiết lập đồng hồ máy ảnh.

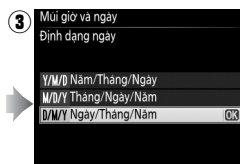
Sử dụng đa bộ chọn và nút **OK** để chọn ngôn ngữ và thiết lập đồng hồ máy ảnh.



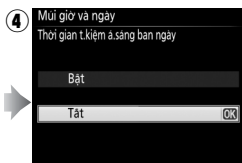
Chọn ngôn ngữ



Chọn múi giờ



Chọn định dạng ngày



Chọn tùy chọn thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày



Đặt thời gian và ngày (lưu ý rằng máy ảnh sử dụng đồng hồ 24 giờ)

Lưu ý: Có thể thay đổi ngôn ngữ và ngày/thời gian bất cứ lúc nào bằng sử dụng tùy chọn **Ngôn ngữ (Language)** và **Múi giờ và ngày** trong menu cài đặt (265).

Pin đồng hồ

Đồng hồ máy ảnh được cấp nguồn bởi nguồn điện có thể sạc độc lập, nó sẽ được nạp điện khi cần thiết khi pin chính được lắp hoặc khi máy ảnh được cấp nguồn nhờ đầu nối nguồn EP-5B và bộ đổi điện AC EH-5b (□ 308). Hai ngày sạc sẽ cấp đủ nguồn cho đồng hồ khoảng ba tháng. Nếu máy ảnh hiển thị cảnh báo lúc khởi động rằng đồng hồ không được thiết lập và biểu tượng  nhấp nháy trong màn hình hiển thị thông tin, pin đồng hồ đã hết và đồng hồ được thiết lập lại. Cài đặt thời gian và ngày chính xác cho đồng hồ.

Đồng Hồ Máy Ảnh

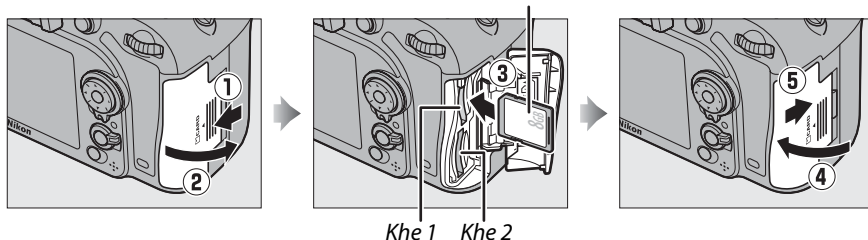
Đồng hồ máy ảnh không chính xác bằng đa số các đồng hồ đeo tay và đồng hồ hộ gia đình. Kiểm tra đồng hồ thường xuyên để chỉnh thời gian chính xác hơn và thiết lập lại khi cần thiết. Đồng hồ máy ảnh cũng có thể được đồng bộ hóa với thiết bị GPS (□ 152).



Lắp Thẻ Nhớ

Máy ảnh lưu ảnh trên thẻ nhớ Kỹ thuật số Bảo mật (SD) (bán riêng; □ 347). Để lắp thẻ nhớ, tắt máy ảnh và giữ thẻ theo hướng nêu dưới đây, đẩy vào trong cho đến khi khớp vào vị trí. Đèn tiếp cận thẻ nhớ sẽ sáng trong vài giây. Máy ảnh này có hai khe cắm thẻ nhớ (Khe 1 và Khe 2); nếu bạn chỉ sử dụng một thẻ nhớ, hãy lắp vào Khe 1.

Phía trước

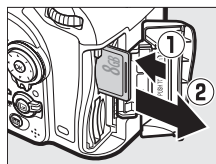


Định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng lần đầu hoặc sau khi đã sử dụng trong các thiết bị khác (□ 32).

Việc lắp lộn ngược hoặc lắp trái đầu có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thẻ. Kiểm tra để lắp thẻ đúng hướng. Nắp khe thẻ sẽ không đóng lại nếu thẻ không được lắp chính xác.

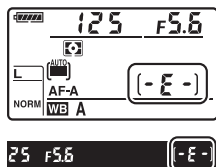
Tháo Thẻ Nhớ

Sau khi xác nhận đèn tiếp cận thẻ nhớ đã tắt, tắt máy ảnh, mở nắp phủ khe thẻ nhớ, và nhấn thẻ để đẩy ra (①). Lúc này có thể lấy thẻ ra bằng tay (②).



Không Có Thẻ Nhớ

Nếu máy ảnh tắt với pin đã sạc EN-EL15 và không có thẻ nhớ, (- E -) sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm.



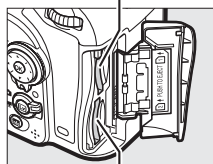
✓ Thẻ Nhớ

- Thẻ nhớ có thể nóng sau khi sử dụng. Quan sát thận trọng khi tháo thẻ nhớ khỏi máy ảnh.
- Tắt nguồn trước khi lắp hay tháo thẻ nhớ. Không tháo các thẻ nhớ khỏi máy ảnh, tắt máy ảnh, hoặc tháo hoặc ngắt kết nối nguồn điện trong khi định dạng hoặc trong khi ghi dữ liệu, xóa, hoặc sao chép vào máy tính. Không tuân thủ để phòng ngừa này có thể dẫn đến mất dữ liệu hoặc hư hại máy ảnh hoặc thẻ nhớ.
- Không để ngón tay hoặc các vật kim loại chạm vào các đầu cuối thẻ.
- Không bẻ cong, làm rơi hay để va đập mạnh.
- Không dùng lực ép vỏ thẻ. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hư thẻ.
- Không để tiếp xúc với nhiệt, nước, độ ẩm cao, hoặc ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- Không định dạng thẻ nhớ trong máy tính.

✍ Sử Dụng Hai Thẻ Nhớ

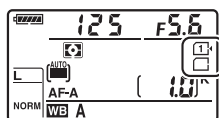
Khe 1 để lắp thẻ chính, thẻ trong khe 2 đóng vai trò dự phòng hoặc phụ. Nếu các cài đặt mặc định của **Trần bộ nhớ** được chọn cho **Vai trò của thẻ trong Khe 2** (☐ 69) khi hai thẻ nhớ được lắp, thẻ trong khe 2 sẽ chỉ được sử dụng khi thẻ trong khe 1 đầy.

Khe 1

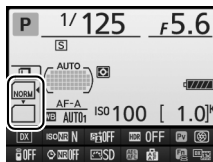


Khe 2

Bảng điều khiển cho thấy khe hoặc các khe hiện đang giữ thẻ nhớ (ví dụ ở bên phải cho thấy các biểu tượng hiển thị khi thẻ được lắp vào mỗi khe). Nếu thẻ nhớ đầy hoặc đã bị khóa hoặc có lỗi, biểu tượng của thẻ bị ảnh hưởng sẽ nhấp nháy (☐ 334).



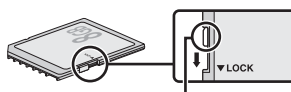
Bảng điều khiển



Hiển thị thông tin

✍ Công Tắc Bảo Vệ Ghi

Các thẻ nhớ SD được trang bị công tắc bảo vệ ghi để tránh mất mát dữ liệu ngẫu nhiên. Khi công tắc này ở vị trí “lock”, không thể định dạng thẻ nhớ và không thể xóa hoặc ghi được ảnh (cảnh báo sẽ được hiển thị trong màn hình nếu bạn cố gắng nhả cửa trập). Để mở khóa thẻ nhớ, trượt công tắc sang vị trí “write”.



Công tắc bảo vệ ghi

Định Dạng Thẻ Nhớ

Thẻ nhớ phải được định dạng trước khi sử dụng lần đầu hoặc sau khi sử dụng hoặc định dạng trong các thiết bị khác.

Định Dạng Thẻ Nhớ

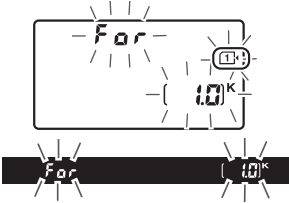
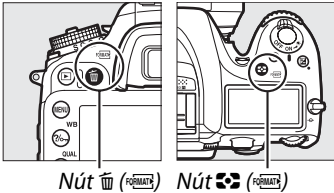
Việc định dạng thẻ nhớ sẽ xóa vĩnh viễn bất kỳ dữ liệu nào có trên đó. Hãy chắc chắn sao chép bất kỳ bức ảnh và dữ liệu nào khác mà bạn muốn giữ lại vào máy tính trước khi tiến hành (□ 203).



1 Bật máy ảnh.

2 Nhấn nút (FORMAT) và (FORMAT).

Giữ nút  (FORMAT) và  (FORMAT) xuống đồng thời cho đến khi **Far** nhấp nháy (định dạng) xuất hiện trong hiển thị tốc độ cửa trập trong bảng điều khiển và kính ngắm. Nếu lắp hai thẻ nhớ, thẻ trong Khe 1 (□ 31) sẽ được chọn; bạn có thể chọn thẻ trong Khe 2 bằng cách xoay đĩa lệnh chính. Để thoát mà không định dạng thẻ nhớ, đợi cho đến khi **Far** dừng nhấp (khoảng sáu giây) hoặc nhấn bất kỳ nút nào khác ngoài các nút  (FORMAT) và  (FORMAT).



3 Nhấn lại nút (FORMAT) và .

Đồng thời nhấn các nút  (FORMAT) và  (FORMAT) lần thứ hai trong khi **Far** đang nhấp để định dạng thẻ nhớ. *Không tháo thẻ nhớ hoặc ngắt kết nối nguồn điện trong khi đang định dạng.*

Khi định dạng xong, bảng điều khiển và kính ngắm sẽ hiển thị số các bức ảnh có thể được ghi ở các cài đặt hiện hành.

Xem Thêm

Xem trang 262 để biết thông tin về định dạng thẻ nhớ bằng cách sử dụng tùy chọn **Định dạng thẻ nhớ** trong menu cài đặt.

Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm

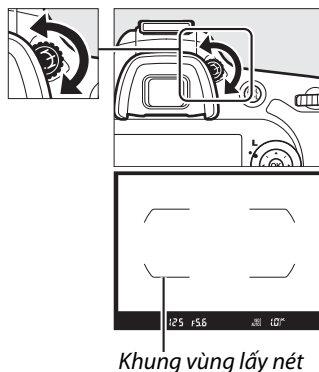
Máy ảnh được trang bị điều chỉnh điốt để thích ứng với khác biệt cá nhân về tầm nhìn. Kiểm tra để hiển thị trong kính ngắm được lấy nét trước khi lấy khuôn ảnh trong kính ngắm.

1 Bật máy ảnh.

Tháo nắp thấu kính và bật máy ảnh.

2 Lấy nét kính ngắm.

Xoay điều khiển điều chỉnh điốt cho đến khi khung vùng lấy nét tự động được lấy nét sắc nét. Khi sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt với mắt đang ngắm kính ngắm, cẩn thận không chọc ngón tay hoặc móng tay vào mắt.



Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm

Nếu bạn không thể lấy nét kính ngắm như mô tả ở trên, chọn lấy nét tự động phần phụ đơn (AF-S;  71), lấy nét tự động điểm đơn ( 73) và điểm lấy nét giữa ( 75), sau đó đóng khung đối tượng tương phản cao trong điểm lấy nét giữa và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét máy ảnh. Khi máy ảnh lấy nét, sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt để đưa đối tượng vào vùng lấy nét rõ trong kính ngắm. Nếu cần thiết, có thể điều chỉnh thêm lấy nét kính ngắm bằng cách sử dụng các thấu kính khắc phục tùy chọn ( 308).





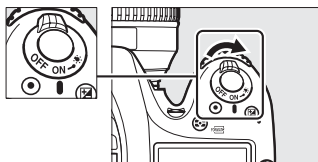
Cơ Bản Về Nhiếp Ảnh và Phát Lại

Mức Pin và Dung Lượng Thẻ

Trước khi chụp, kiểm tra mức pin và số phơi sáng còn lại.

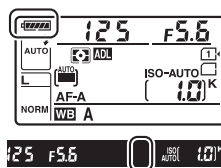
1 Bật máy ảnh.

Tháo nắp thấu kính và bật máy ảnh. Bảng điều khiển sẽ bật và màn hình hiển thị trong kính ngắm sẽ sáng.



2 Kiểm tra mức pin.

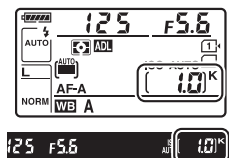
Kiểm tra mức pin trong bảng điều khiển hoặc kính ngắm.



Bảng điều khiển	Kính ngắm	Mô tả
	—	Pin đã sạc đầy.
	—	Pin đã xả một phần.
	—	
	—	
		Pin yếu. Sạc pin hoặc sẵn sàng pin dự phòng.
		Tắt nhà cửa trập. Sạc hoặc thay pin.
(nháy)	(nháy)	

3 Kiểm tra số phơi sáng còn lại.

Bảng điều khiển và kính ngắm cho biết số lượng bức ảnh có thể chụp được ở cài đặt hiện hành (giá trị hơn 1000 sẽ được làm tròn xuống đơn vị trăm gần nhất; Ví dụ: các giá trị trong khoảng 1000 và 1099 sẽ được hiển thị là 1,0 K). Nếu gần hai thẻ nhớ, phần trống khả dụng của thẻ nhớ ở Khe 1 sẽ được hiển thị (31). Khi số phơi sáng còn lại đạt đến 31, con số sẽ nháy, **FULL** hoặc **FULL** sẽ đèn nháy ở phần hiển thị tốc độ cửa trập, và biểu tượng thẻ ảnh hưởng sẽ đèn nháy. Lắp thẻ nhớ khác (30) hoặc xóa bớt ảnh (40, 197).



Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Máy ảnh làm rung bộ phận cảm biến hình ảnh để loại bỏ bụi bẩn khi mở tắt máy (313).

Nhiếp Ảnh “Ngắm và Chụp” (Chế độ

AUTO và )

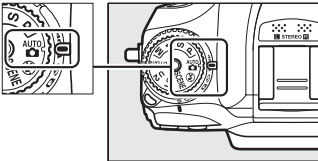
Mục này mô tả cách chụp ảnh ở các chế độ  và , chế độ “ngắm và chụp” tự động, trong đó phần đa các cài đặt được máy ảnh điều khiển để đáp ứng các điều kiện chụp.



1 Chọn chế độ hoặc .

Để chụp ở nơi cấm đèn nháy, chụp ảnh trẻ sơ sinh hay chụp dưới điều kiện ánh sáng yếu, chọn chế độ tự động (tắt đèn nháy) bằng cách xoay đĩa lệnh chế độ sang . Nếu không thì xoay đĩa lệnh sang  (tự động).

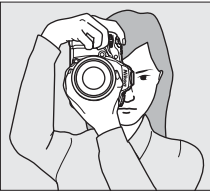
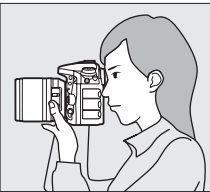
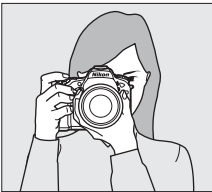
Đĩa lệnh chế độ



2 Chuẩn bị máy ảnh sẵn sàng.

Khi tạo khuôn hình cho bức ảnh trong kính ngắm, tay phải giữ phần tay nắm và tay trái đặt vào thân máy hoặc thấu kính. Giữ khuỷu tay chống nhẹ lên thân người làm điểm tựa và đặt một chân trước chân kia nửa bước để giữ vững phần trên cơ thể. Khi lấy khung hình cho ảnh chân dung (hướng dọc), giữ máy ảnh như minh họa ở phần cuối của ba hình minh họa ở bên phải.

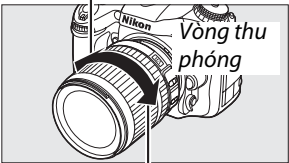
Ở chế độ , tốc độ cửa trập sẽ chậm khi ánh sáng yếu; bạn nên dùng giá ba chân.



Sử Dụng Thấu Kính Thu Phóng

Sử dụng vòng thu phóng để phóng to đối tượng hiển thị lớn hơn trong vùng tạo hình, hoặc thu nhỏ để tăng vùng nhìn thấy trong ảnh cuối (chọn độ dài tiêu cự trong vùng tiêu cự của thấu kính để phóng to và giảm để thu nhỏ).

Phóng to



Thu nhỏ

3 Tạo khuôn hình cho chụp ảnh.

Tạo khuôn hình bức ảnh trong kính ngắm với đối tượng chính nằm trong dấu vùng lấy nét tự động.



Khung vùng lấy nét tự động

4 Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.

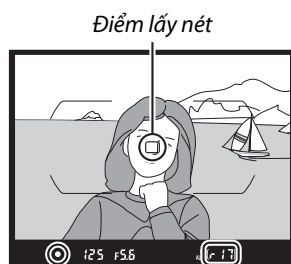
Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét. Điểm lấy nét thực sẽ hiển thị. Nếu đối tượng được chiếu sáng yếu, đèn nháy có thể lóe lên và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động có thể sáng.



5 Kiểm tra các chỉ báo trong kính ngắm.

Khi lấy nét hoàn tất, chỉ báo đã được lấy nét (●) sẽ xuất hiện trong kính ngắm.

Chỉ báo đã được lấy nét	Mô tả
●	Đối tượng lấy nét.
▶	Điểm lấy nét nằm giữa máy ảnh và đối tượng.
◀	Điểm lấy nét nằm sau đối tượng.
▶ ◀ (nháy)	Máy ảnh không thể sử dụng lấy nét tự động để lấy nét. Xem trang 72.



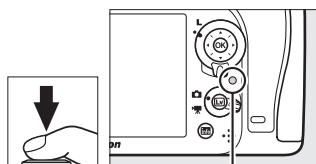
Chỉ báo đã được lấy nét

Dung lượng đệm

Khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập, số phơi sáng có thể được lưu trữ trong bộ nhớ đệm ("F"; 58) sẽ xuất hiện trong kính ngắm.

6 Chụp.

Nhấn nhẹ nút nhả cửa trập hết cỡ để nhả cửa trập và ghi ảnh. Đèn tiếp cận thẻ nhớ bên nắp phủ khe thẻ nhớ sẽ sáng khi ảnh được lưu vào thẻ nhớ. *Không tháo hoặc di chuyển thẻ nhớ ngay nguồn cho đến khi đèn này tắt và việc lưu hoàn tất.*



Đèn tiếp cận thẻ nhớ

Nút Nhả Cửa Trập

Máy ảnh này có một nút nhả cửa trập hai giai đoạn. Máy ảnh sẽ lấy nét khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Để chụp ảnh, tiếp tục nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ.



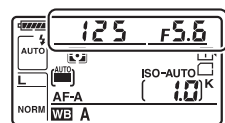
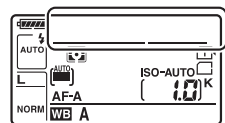
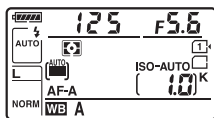
Lấy Nét: nhấn nửa chừng



Chụp: nhấn hết cỡ

Hẹn Giờ Chờ

Hiện thị kính ngắm, bảng điều khiển tốc độ cửa trập và độ mở ống kính sẽ tắt nếu không hoạt động trong vòng 6 giây, giảm tiêu hao pin. Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để bật hiển thị. Có thể chọn độ dài thời gian trước khi hẹn giờ chờ hết hạn tự động bằng cách sử dụng c2 Cài Đặt Tùy Chọn (**Hẹn giờ chờ**,  237).



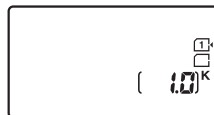
Bật đo phơi sáng

Tắt đo phơi sáng

Bật đo phơi sáng

Hiển Thị Máy Ảnh Tắt

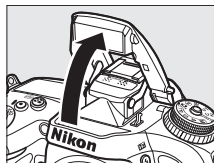
Khi máy ảnh tắt mà vẫn còn pin và thẻ nhớ, biểu tượng thẻ nhớ và số phơi sáng còn lại sẽ hiển thị (trong một số trường hợp hiếm hoi một số thẻ nhớ có thể chỉ hiển thị thông tin này khi máy ảnh được bật).



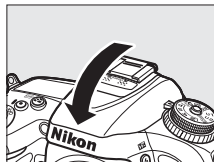
Bảng điều khiển

Đèn Nháy Gắn Sẵn

Nếu cần thêm ánh sáng để phơi sáng chính xác trong chế độ  đèn nháy gắn sẵn sẽ tự động lóe lên khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập. Nếu bật đèn nháy, ảnh chỉ được chụp khi chỉ báo đèn nháy sẵn sàng ( được hiển thị. Nếu chỉ chỉ báo đèn nháy sẵn sàng không hiển thị, tức là đèn nháy đang sạc; bỏ ngón tay ra khỏi nút nhả cửa trập một lúc và thử lại.



Để tiết kiệm pin khi đèn nháy không được sử dụng, nhấn nhẹ nút hạ xuống cho đến khi chốt khớp vào đúng vị trí.



Phát Lại Cơ Bản

1 Nhấn nút .

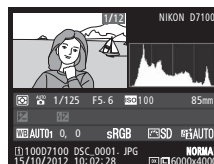
Bức ảnh sẽ hiển thị trên màn hình. Thẻ nhớ chứa ảnh hiển thị hiện thời được thể hiện bằng một biểu tượng.



Nút 

2 Xem thêm ảnh.

Ảnh bổ sung có thể được hiển thị bằng cách nhấn  hoặc . Để xem thông tin bổ sung trên bức ảnh hiện thời, nhấn  và  (187).



Để kết thúc phát lại và trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



Image Review (Xem Lại Hình Ảnh)

Khi **Bật** được chọn cho **Xem lại hình ảnh** trong menu phát lại (187), các bức ảnh được tự động hiển thị trên màn hình khoảng vài giây sau khi chụp.

Xem Thêm

Xem trang 186 về thông tin lựa chọn khe thẻ nhớ.

Xóa Các Bức Ảnh Không Mong Muốn

Để xóa chụp ảnh hiện thời xuất hiện trên màn hình, nhấn nút  (). *Lưu ý rằng ảnh đã xóa không có thể phục hồi lại.*

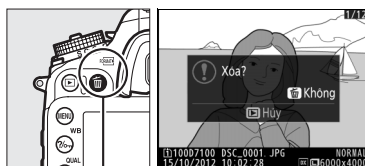
1 Hiển thị chụp ảnh.

Hiển thị các bức ảnh muốn xóa như mô tả ở trang trước. Vị trí của hình ảnh hiện tại được hiển thị bởi biểu tượng ở góc dưới cùng bên trái của màn hình.



2 Xóa ảnh.

Nhấn nút  (). Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị; nhấn nút  () một lần nữa để xóa đèn ảnh và quay trở lại phát lại. Để thoát mà không xóa ảnh, nhấn nút .



Nút  ()

Xóa

Để xóa ảnh được chọn ( 198), tất cả ảnh chụp vào ngày được chọn ( 199), hay tất cả ảnh tại một vị trí được chọn trên một thẻ nhớ ( 198), dùng tùy chọn **Xóa** trên menu phát lại.

Nhiếp Ảnh Sáng Tạo (Chế Độ Cảnh)

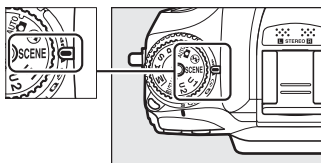
Máy ảnh có lựa chọn chế độ “cảnh”. Chọn chế độ cảnh tự động cài đặt để phù hợp với cảnh được chọn, nhiếp ảnh sáng tạo cũng đơn giản như việc chọn chế độ, lấy khuôn hình một bức tranh, và chụp như mô tả ở các trang 36–38.



■ Chế Độ SCENE

Để xem cảnh hiện đang được chọn, xoay đĩa lệnh chế độ sang **SCENE** và nhấn nút **Info**. Để chọn cảnh khác, xoay đĩa lệnh chính.

Đĩa lệnh chế độ



Đĩa lệnh chính



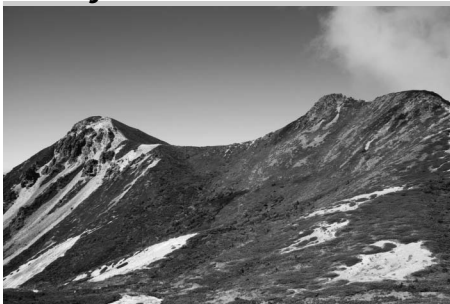
Màn hình

Chân dung



Sử dụng tông màu nhẹ nhàng, tự nhiên cho chân dung. Nếu đối tượng ở xa hoặc sử dụng thấu kính chụp ảnh xa, chi tiết sẽ được làm mềm để sáng tác có chiều sâu.

Phong cảnh



Sử dụng cho chụp phong cảnh đậm ban ngày. Đèn nháy gắn sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt; cần sử dụng giá ba chân để chống che mờ khi ánh sáng yếu.

Trẻ em



Sử dụng ảnh chụp nhanh cho trẻ em. Quần áo và các chi tiết có nền sinh động, khi tông màu vẫn duy trì được mềm mại và tự nhiên.

Cận cảnh



Sử dụng chụp cận cảnh hoa, côn trùng, và các đối tượng nhỏ khác (có thể dùng thấu kính lớn để lấy nét ở góc rất gần). Nên dùng giá ba chân để tránh bị che mờ.

Thể thao



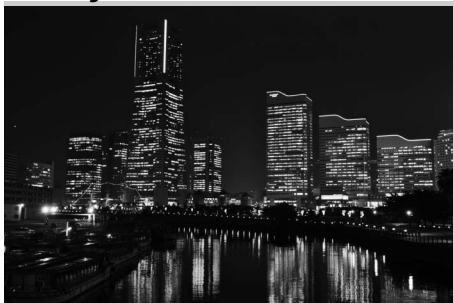
Tốc độ cửa trập nhanh sẽ đóng băng chuyển động đối với các bức ảnh thể thao năng động mà đối tượng chính rõ ràng. Đèn nháy gắn sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt. Để chụp ảnh theo chuỗi, chọn chế độ nhả liên tục (📄 7, 57).

Chân dung ban đêm



Dùng cân bằng trắng tự nhiên giữa đối tượng chính và nền trong chân dung dưới ánh sáng yếu. Dùng giá ba chân rất tốt để chống che mờ khi ánh sáng yếu.

Phong cảnh ban đêm



Giảm tiếng ồn và màu sắc không tự nhiên khi chụp ảnh phong cảnh ban đêm, bao gồm ánh sáng đường phố và đèn neon. Khi đèn nháy gần sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt, nên dùng giá ba chân để tránh che mờ.

Bãi biển/tuyết



Chụp độ sáng ánh sáng mặt trời trải rộng trên nước, tuyết hoặc cát. Đèn nháy gần sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt.

Tiệc/trong nhà



Chụp hiệu ứng của ánh sáng nền trong nhà. Sử dụng cho các cảnh tiệc và trong nhà.

Mặt trời lặn



Lưu giữ các sắc đậm của hoàng hôn và bình minh. Đèn nháy gần sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt; cần sử dụng giá ba chân để chống che mờ khi ánh sáng yếu.

Hoàng hôn/bình minh



Lưu giữ các màu sắc của ánh sáng mờ tự nhiên trước chạng vạng và sau bình minh. Đèn nháy gắn sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt; cần sử dụng giá ba chân để chống che mờ khi ánh sáng yếu.

Ánh sáng đèn nền



Với ảnh chụp với ánh sáng đèn nền. Khi đèn nháy gắn sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân để chống che mờ khi ánh sáng yếu.

Chân dung vật nuôi



Sử dụng cho chân dung vật nuôi hoạt động. Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt.

Hoa



Sử dụng cho các vườn hoa, vườn cây nở hoa và các cảnh khác có đặc điểm nhiều hoa. Khi đèn nháy gắn sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân để chống che mờ khi ánh sáng yếu.

Sắc màu mùa thu



Lưu giữ các màu đỏ chói và vàng rực của lá mùa thu. Khi đèn nháy gần sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân để chống che mờ khi ánh sáng yếu.

Thức ăn



Sử dụng chụp ảnh sống động về thức ăn. Nên dùng giá ba chân để tránh che mờ; đèn nháy cũng có thể được sử dụng (📖 119).





Các Chế Độ P, S, A và M

Các chế độ **P**, **S**, **A** và **M** đưa ra mức độ kiểm soát khác nhau đối với tốc độ cửa trập và độ mở ống kính.



Chế độ	Mô tả
P	Tự động được lập trình (□ 48): Máy ảnh đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính cho phơi sáng tối ưu. Được dùng cho những ảnh chụp nhanh hoặc trong các tình huống có rất ít thời gian để điều chỉnh thiết lập máy ảnh.
S	Tự động ưu tiên cửa trập (□ 49): Người dùng chọn Tốc độ cửa trập; máy ảnh sẽ chọn độ mở ống kính để có kết quả tốt nhất. Sử dụng cho đóng băng hoặc chuyển động che mờ.
A	Tự động ưu tiên độ mở ống kính (□ 50): Người dùng chọn độ mở ống kính; máy ảnh sẽ chọn tốc độ cửa trập để có kết quả tốt nhất. Sử dụng để làm mờ nền hoặc lấy nét cả nền trước và nền sau.
M	Bằng tay (□ 51): Người dùng kiểm soát cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Đặt tốc độ cửa trập thành Bóng đèn (⬤) hoặc Thời gian (-) cho phơi sáng thời gian dài.

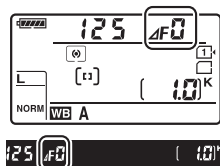
Loại Thấu Kính

Khi sử dụng thấu kính CPU được trang bị một vòng độ mở ống kính (□ 296), khóa vòng độ mở ống kính ở độ mở ống kính tối thiểu (số f là cao nhất). Loại thấu kính G không được trang bị với vòng độ mở ống kính.

Thấu kính không CPU chỉ có thể được dùng trong các chế độ **A** (tự động ưu tiên độ mở ống kính) và **M** (bằng tay), khi độ mở ống kính chỉ được điều chỉnh bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính. Khi chọn bất kỳ chế độ khác sẽ tắt chức năng nhả cửa trập.

Thấu Kính Không CPU (□ 295)

Sử dụng vòng mở thấu kính để điều chỉnh độ mở ống kính. Nếu độ mở ống kính tối đa của thấu kính đã được xác định bằng cách sử dụng mục **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt (□ 149) khi thấu kính không CPU được gắn, thì số f hiện tại sẽ được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển, được làm tròn đến chấm gần nhất. Nếu không, bảng hiển thị độ mở ống kính sẽ chỉ hiện số điểm dừng (**1/2**), với độ mở ống kính tối đa được hiển thị là **1/2**, và phải đọc số-f từ vòng mở thấu kính.



P: Tự động được lập trình

Ở chế độ này, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh tốc độ cửa trập và độ mở ống kính theo chương trình tích hợp để đảm bảo phơi sáng tối ưu trong hầu hết các trường hợp. Chế độ này được khuyến nghị dùng cho ảnh chụp nhanh và các tình huống khác mà bạn muốn để máy ảnh tự xác định tốc độ cửa trập và độ mở ống kính.



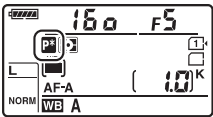
PS
AM

Chương Trình Linh Động

Ở chế độ **P**, có thể chọn các kết hợp tốc độ cửa trập và độ mở ống kính khác nhau bằng cách xoay đĩa lệnh chính (chương trình linh động). Xoay đĩa lệnh về bên phải để lấy độ mở ống kính lớn (số f thấp) sẽ làm che mờ các chi tiết nền, hoặc tốc độ cửa trập nhanh sẽ “đóng băng” chuyển động. Xoay đĩa lệnh sang bên trái để lấy độ mở ống kính nhỏ (số f cao) để tăng độ sâu của trường, hoặc tốc độ cửa trập chậm sẽ làm che mờ chuyển động. Tất cả các kết hợp đều tạo ra độ phơi sáng giống nhau. Khi bật chương trình linh động, chỉ báo **P** sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển. Để khôi phục lại cài đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính mặc định, xoay đĩa lệnh đến khi không hiển thị chỉ báo, chọn chế độ khác hoặc tắt máy ảnh.



Đĩa lệnh chính



Màn Hình Hiển Thị Tốc Độ Cửa Trập và Độ Mở Ống Kính

Hiển thị tốc độ cửa trập và độ mở ống kính có thể được kích hoạt bằng cách nhấn nút nha của trập nửa chừng để bắt đầu hẹn giờ chờ (□ 38).

Xem Thêm

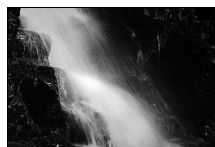
Xem trang 327 để biết thêm thông tin về chương trình phơi sáng tích hợp.

S: Tự Động Ưu Tiên Cửa Trập

Trong chế độ tự động ưu tiên cửa trập, bạn chọn tốc độ cửa trập và máy ảnh sẽ tự động chọn độ mở ống kính để tạo ra phơi sáng tối ưu. Sử dụng tốc độ cửa trập chậm để gợi chuyển động bằng cách làm mờ các đối tượng chuyển động, tốc độ cửa trập nhanh để “đóng băng” chuyển động.

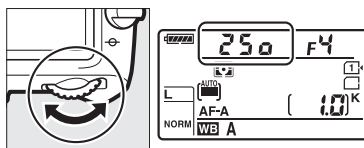


Tốc độ cửa trập nhanh ($1/1600$ giây)



Tốc độ cửa trập chậm ($1/6$ giây)

Để chọn tốc độ cửa trập, xoay đĩa lệnh chính trong khi đo phơi sáng được bật. Có thể đặt tốc độ cửa trập sang “x 250” hoặc các giá trị giữa 30 giây và $1/8000$ giây.



Đĩa lệnh chính

Xem Thêm

Xem trang 333 để biết thông tin phải làm gì nếu xuất hiện chỉ báo nhấp nháy bóng đèn (bấm L) hoặc (-) trên màn hình hiển thị tốc độ cửa trập.

A: Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính

Trong chế độ tự động ưu tiên độ mở ống kính, chọn độ mở ống kính trong khi máy ảnh tự động chọn tốc độ cửa trập để cho độ phơi sáng tối ưu. Độ mở ống kính lớn (số f thấp) tăng phạm vi đèn nháy (☐ 123) và làm giảm độ sâu của trường, làm mờ các đối tượng phía sau và phía trước của đối tượng chính. Độ mở ống kính nhỏ (số f cao) làm tăng độ sâu của trường, làm rõ các chi tiết nền sau và nền trước. Độ sâu của trường ngắn thường được dùng trong dạng chân dung để che mờ các chi tiết nền, độ sâu của trường dài thường được dùng trong ảnh phong cảnh để lấy nét nền trước và nền sau.



Độ mở ống kính lớn (f/5.6)

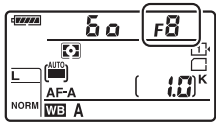


Độ mở ống kính nhỏ (f/22)

Để chọn độ mở ống kính giữa giá trị tối thiểu và tối đa cho thấu kính, xoay đĩa lệnh phụ trong khi đo phơi sáng được bật.

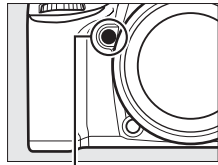


Đĩa lệnh phụ



☑ Xem Trước Độ Sâu Của Trường

Để xem trước hiệu ứng của độ mở ống kính, nhấn và giữ nút xem trước độ sâu của trường. Thấu kính này được dùng ở giá trị độ mở ống kính hiện tại, cho phép xem trước độ sâu của trường trong kính ngắm.



Nút xem trước độ sâu của trường

☑ Cài Đặt Tùy Chọn e5—Đèn nháy tạo mô hình

Cài đặt này điều khiển đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn như SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, và SB-600 (☐ 304) sẽ tạo ra đèn nháy tạo mô hình khi nhấn nút xem trước độ sâu của trường. Xem trang 251 để biết thêm thông tin.

M: Bảng tay

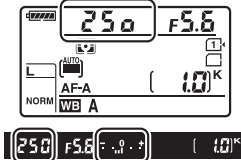
Trong chế độ bảng tay, bạn điều khiển cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Khi đo phơi sáng được bật, xoay đĩa lệnh chính để chọn tốc độ cửa trập, và đĩa lệnh phụ để chọn độ mở ống kính. Có thể đặt tốc độ cửa trập là “x 250” hoặc các giá trị trong khoảng 30 giây và 1/8000 giây, hoặc có thể để cửa trập mở vô thời hạn khi phơi sáng thời gian dài (Bóng đèn/bulb hoặc Thời gian/-, 52). Có thể đặt độ mở ống kính trong khoảng giá trị tối thiểu đến tối đa cho thấu kính. Sử dụng chỉ báo phơi sáng để kiểm tra phơi sáng.



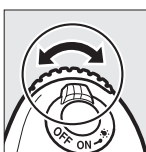
Tốc độ cửa trập



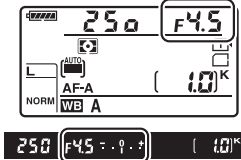
Đĩa lệnh chính



Độ mở ống kính



Đĩa lệnh phụ



Thấu Kính AF Micro NIKKOR

Nếu sử dụng đo phơi sáng bên ngoài, chỉ tính tới tỉ lệ phơi sáng khi vòng mở thấu kính được sử dụng để cài đặt độ mở ống kính.

Chỉ Báo Phơi Sáng

Nếu chọn tốc độ cửa trập khác ngoài Bóng đèn (bulb) hoặc Thời gian (- -), chỉ báo phơi sáng trên kính ngắm cho thấy bức ảnh thiếu phơi sáng hoặc thừa phơi sáng ở cài đặt hiện tại. Tùy thuộc vào tùy chọn chọn cho Cài đặt tùy chọn b2 (Bước EV cho đ.khiển phơi sáng, 234), mức phơi sáng thiếu hoặc thừa được hiển thị theo giá số 1/3 EV hoặc 1/2 EV (minh họa bên dưới thể hiện hiển thị trong kính ngắm khi 1/3 bước được chọn trong Cài Đặt Tùy Chọn b2). Nếu vượt quá giới hạn của đo phơi sáng hoặc điều khiển phơi sáng xem trực tiếp, chỉ báo sẽ đèn nhấp.

Phơi sáng tối ưu	Thiếu phơi sáng khoảng 1/3 EV	Phơi sáng quá mức hơn 2 EV
- . 0 . +	- . 0 . +	- . 0 . +

Xem Thêm

Để biết thông tin về đảo ngược các chỉ báo phơi sáng để các giá trị âm được hiển thị ở bên phải và các giá trị dương ở bên trái, xem Cài Đặt Tùy Chọn f8 (Đảo ngược các chỉ báo, 258).

■ Phơi Sáng Thời Gian Dài (Chỉ Chế Độ M)

Chọn các tốc độ cửa trập sau cho phơi sáng thời gian dài của ánh sáng di chuyển, các ngôi sao, phong cảnh ban đêm, hoặc pháo hoa.

- **Bóng đèn (㊦ ㊧ ㊨):** Cửa trập vẫn mở trong khi nút nhả cửa trập được nhấn. Để tránh che mờ, hãy dùng một giá ba chân hoặc điều khiển từ xa không dây tùy chọn (㊦ 309) hoặc dây chụp từ xa (㊦ 310).
- **Thời gian (- -):** Bắt đầu phơi sáng bằng cách sử dụng nút nhả cửa trập trên máy ảnh hoặc trên điều khiển từ xa tùy chọn, dây chụp từ xa hoặc điều khiển từ xa không dây. Cửa trập mở trong ba mươi phút hoặc cho tới khi nhấn nút lần thứ hai.



Thời gian phơi sáng: 35 s
Độ mở ống kính: f/25

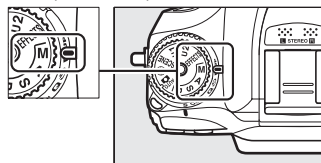
PS
AM

1 Chuẩn bị máy ảnh sẵn sàng.

Gắn máy ảnh trên giá ba chân hoặc đặt trên một mặt phẳng, ổn định. Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm khỏi gây nhiễu phơi sáng, tháo hốc mắt cao su và đậy nắp kính ngắm bằng nắp thị kính DK-5 được cung cấp (㊦ 60). Để tránh mất nguồn trước khi hoàn tất phơi sáng, sử dụng pin EN-EL15 đã sạc đầy hoặc bộ đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5B. Lưu ý rằng nhiễu (các điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên hoặc sương mù) có thể xuất hiện trong phơi sáng lâu; trước khi chụp, chọn **Bật** cho **Giảm nhiễu phơi sáng lâu** trong menu chụp (㊦ 228). Nếu bạn đang sử dụng điều khiển từ xa ML-L3, chọn chế độ điều khiển từ xa (**Chế độ từ xa trễ**, **Chế độ từ xa phản ứng nhanh**, hoặc **Gương nâng lên từ xa**) bằng cách sử dụng tùy chọn **Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)** trong menu chụp (㊦ 127).

2 Xoay đĩa lệnh chế độ sang M.

Đĩa lệnh chế độ

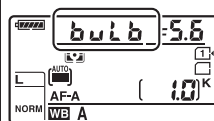


3 Chọn tốc độ cửa trập.

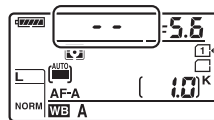
Khi đo phơi sáng được bật, xoay đĩa lệnh chính để chọn tốc độ cửa trập Bóng đèn (bulb) hoặc Thời gian (- -).



Đĩa lệnh chính



Bóng đèn



Thời gian

4 Mở cửa trập.

Bulb (Bóng đèn): Sau khi lấy nét, nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập ở máy ảnh hoặc WR-1, WR-T10, hoặc MC-DC2 tùy chọn. Giữ nút nhả cửa trập cho tới khi kết thúc phơi sáng.

Time (Thời gian): Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập trên máy ảnh hoặc điều khiển từ xa tùy chọn, dây chụp từ xa, hoặc điều khiển từ xa không dây. Nếu phơi sáng được khởi động bằng cách nhấn nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn, ảnh được chụp trong chế độ "Thời gian" (- -) ngay cả khi "Bóng đèn" (bulb) được chọn cho tốc độ cửa trập.

5 Đóng cửa trập.

Bulb (Bóng đèn): Nhả tay khỏi nút nhả cửa trập.

Time (Thời gian): Lặp lại thao tác thực hiện trong Bước 4. Việc chụp tự động kết thúc sau ba mươi phút.

Cài Đặt Người Dùng: Chế Độ U1 và U2

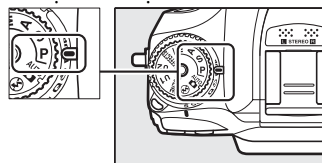
Chỉ định các cài đặt thường sử dụng cho vị trí **U1** và **U2** trên đĩa lệnh chế độ.

Lưu Cài Đặt Người Dùng

1 Chọn một chế độ.

Xoay đĩa lệnh chế độ sang chế độ mong muốn.

Đĩa lệnh chế độ

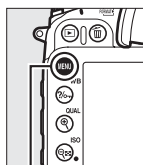


2 Điều chỉnh cài đặt.

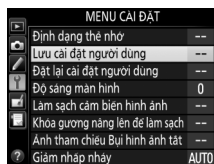
Thực hiện điều chỉnh mong muốn với chương trình linh động (chế độ **P**), tốc độ cửa trập (chế độ **S** và **M**), độ mở ống kính (chế độ **A** và **M**), phơi sáng và bù đèn nháy, chế độ đèn nháy, điểm lấy nét, đo sáng, lấy nét tự động và chế độ vùng lấy nét tự động, chụp bù trừ, và cài đặt trong chụp (□ 224) và menu Cài Đặt Tùy Chọn (□ 229) (lưu ý rằng máy ảnh sẽ không lưu các tùy chọn được chọn cho **Thư mục lưu trữ**, **Đặt tên tệp**, **Vùng hình ảnh**, **Quản lý Picture Control**, **Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)**, **Đa phơi sáng**, hoặc **Chụp hẹn giờ quảng thời gian**).

3 Chọn Lưu cài đặt người dùng.

Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Lưu cài đặt người dùng** trong menu chụp và nhấn ►.

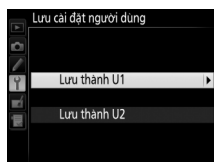


Nút MENU



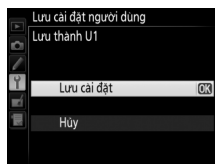
4 Chọn Lưu thành U1 hoặc Lưu thành U2.

Làm nổi bật **Lưu thành U1** hoặc **Lưu thành U2** và bấm ►.



5 Lưu cài đặt người dùng.

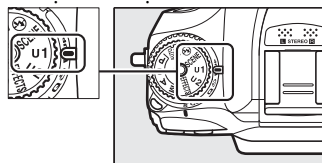
Làm nổi bật **Lưu cài đặt** và nhấn **OK** để chỉ định các cài đặt lựa chọn trong Bước 1 và 2 cho vị trí đĩa lệnh chế độ được chọn ở Bước 4.



Gọi Lại Cài Đặt Người Dùng

Đơn giản chỉ cần xoay đĩa lệnh chế độ sang **U1** để gọi lại cài đặt chỉ định cho **Lưu thành U1**, hoặc **U2** để gọi lại cài đặt chỉ định cho **Lưu thành U2**.

Đĩa lệnh chế độ

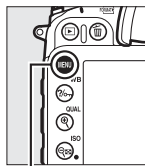


Cài Đặt Lại Cài Đặt Người Dùng

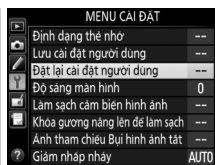
Để thiết lập lại các cài đặt cho **U1** hoặc **U2** về giá trị mặc định :

1 Chọn Đặt lại cài đặt người dùng.

Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Đặt lại cài đặt người dùng** trong menu chụp và nhấn **►**.

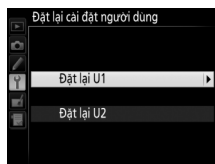


Nút MENU



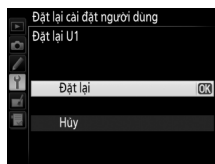
2 Chọn Đặt lại U1 hoặc Đặt lại U2.

Làm nổi bật **Đặt lại U1** hoặc **Đặt lại U2** và nhấn **►**.



3 Cài đặt lại cài đặt người dùng.

Làm nổi bật **Đặt lại** và nhấn **OK**.

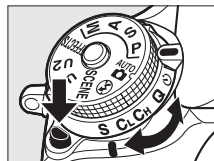




Chế Độ Nhả

Chọn Chế Độ Nhả

Để chọn một chế độ nhả, nhấn nhả khóa đĩa lệnh chế độ nhả và xoay đĩa lệnh chế độ nhả tới cài đặt mong muốn.



Chế độ	Mô tả
S	Khuôn hình đơn: Máy ảnh chụp một ảnh mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.
CL	Tốc độ thấp liên tục: Trong khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống, máy ảnh chụp hình ảnh ở tốc độ khuôn hình được lựa chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d5 (Tốc độ chụp chế độ CL , □ 58, 239). Hạ đèn nháy gần sẵn (□ 120); nhả liên tục không có khi đèn nháy được nâng lên.
CH	Tốc độ cao liên tục: Trong khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống, máy ảnh ghi ảnh ở tốc độ khuôn hình như trên trang 58. Sử dụng cho đối tượng di chuyển. Hạ đèn nháy gần sẵn (□ 120); nhả liên tục không có khi đèn nháy được nâng lên.
Q	Nhả cửa trập tĩnh lặng: Với khuôn hình đơn, ngoại trừ gương không khớp trở lại vào vị trí trong khi nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập, cho phép người dùng kiểm soát thời gian khớp vào của gương, tĩnh lặng hơn so với trong chế độ khuôn hình đơn. Ngoài ra, tiếng bíp không bật bất kể cài đặt lựa chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d1 như thế nào (Bíp ; □ 238).
	Tự hẹn giờ: Chụp ảnh tự hẹn giờ (□ 59).
MUP	Gương nâng lên: Chọn chế độ này để giảm lắc máy ảnh ở chụp ảnh xa hoặc chụp cận cảnh hoặc trong các tình huống khác mà chỉ chuyển động nhỏ nhất của máy ảnh cũng khiến ảnh bị mờ.



Tốc Độ Tiến Khuôn Hình

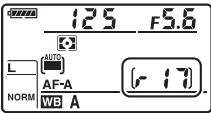
Tốc độ khuôn hình cho chụp liên tục (tốc độ thấp và cao) thay đổi theo tùy chọn lựa chọn cho vùng hình ảnh (□ 63) và, khi tùy chất lượng hình ảnh NEF (RAW) được chọn, NEF (RAW) độ sâu bit (□ 67). Bảng dưới đây đưa ra tốc độ khuôn hình một cách tương đối của pin EN-EL15 sạc đầy, lấy nét tự động phản phụ liên tục, phơi sáng tự động bằng tay hoặc tự động ưu tiên cửa trập, tốc độ cửa trập 1/250 giây hoặc nhanh hơn, và các cài đặt còn lại ở giá trị mặc định.

Vùng hình ảnh	Chất lượng hình ảnh	Tốc độ tiến khuôn hình tương đối	
		CL	CH
DX (24×16)	JPEG/12-bit NEF (RAW)	1-6 khuôn hình trên một giây	6 khuôn hình trên một giây
	14-bit NEF (RAW)	1-5 khuôn hình trên một giây	5 khuôn hình trên một giây
1,3× (18×12)	JPEG/12-bit NEF (RAW)	1-6 khuôn hình trên một giây	7 khuôn hình trên một giây
	14-bit NEF (RAW)	6 khuôn hình trên một giây	6 khuôn hình trên một giây

Tốc độ khuôn hình giảm ở tốc độ cửa trập chậm hoặc độ mở ống kính rất nhỏ (số f cao), khi chống rung (có sẵn với ống kính VR) hoặc điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật (□ 79, 81), hoặc khi pin yếu.

Bộ Nhớ Đệm

Máy ảnh được trang bị bộ nhớ đệm để lưu trữ tạm thời, cho phép tiếp tục chụp trong khi ảnh được lưu vào thẻ nhớ. Có thể chụp liên tiếp tối đa 100 bức ảnh; tuy nhiên lưu ý rằng tốc độ khuôn hình sẽ giảm khi bộ nhớ đệm đầy (■00). Số gần đúng của hình ảnh có thể được lưu vào trong bộ nhớ đệm ở các cài đặt hiện hành được thể hiện trong hiển thị số lượng phơi sáng trong kính ngắm và bảng điều khiển trong khi nút nhả cửa trập được nhấn. Minh họa ở bên phải thể hiện màn hình hiển thị khi không gian còn lại trong bộ đệm còn đủ cho khoảng 17 ảnh.



Trong khi ảnh được ghi vào thẻ nhớ, đèn tiếp cận bên cạnh khe thẻ nhớ sẽ sáng. Tùy thuộc vào điều kiện chụp và hiệu suất thẻ nhớ, việc ghi có thể mất từ vài giây đến một vài phút. *Không tháo thẻ nhớ hoặc ngắt kết nối nguồn điện cho tới khi đèn tiếp cận tắt.* Nếu tắt máy ảnh trong khi dữ liệu vẫn còn trong bộ đệm, nguồn sẽ không tắt cho đến khi tất cả các hình ảnh trong bộ đệm được ghi lại. Nếu pin cạn kiệt trong khi ảnh vẫn còn trong bộ đệm, nhà cửa trập bị vô hiệu hóa và ảnh sẽ được chuyển vào thẻ nhớ.

Xem Thêm

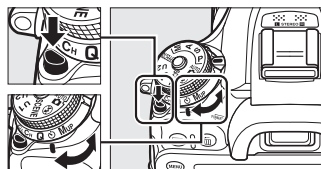
Để biết thêm thông tin về việc chọn số lượng tối đa ảnh có thể được chụp trong một lần chụp liên tiếp, xem Cài Đặt Tùy Chọn d6 (Nhả liên tục tối đa, □ 240). Để có thông tin về số lượng ảnh có thể chụp được trong một lần chụp liên tiếp, xem trang 348.

Chế độ tự hẹn giờ

Tự hẹn giờ có thể được sử dụng để giảm lắc máy ảnh hoặc để chụp chân dung. Trước khi chụp, gắn máy ảnh vào giá ba chân hoặc đặt máy ảnh lên bề mặt ổn định, bằng phẳng.

1 Lựa chọn chế độ tự hẹn giờ.

Nhấn nhả khóa đĩa lệnh chế độ nhả và xoay đĩa lệnh chế độ nhả sang ☺.



Đĩa lệnh chế độ nhả

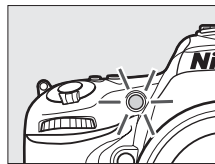
2 Tạo khuôn hình cho bức ảnh và lấy nét.

Trong lấy nét tự động phần phụ đơn (☐ 71), chỉ có thể chụp được ảnh nếu chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện trong kính ngắm.



3 Bắt đầu đếm thời gian.

Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập để bắt đầu đếm thời gian. Đèn hẹn giờ sẽ bắt đầu đèn nhấp. Hai giây trước khi bức ảnh được chụp, đèn hẹn giờ sẽ ngừng nhấp nháy. Cửa trập sẽ được nhả mười giây sau khi bộ đếm thời gian bắt đầu.



Để tắt tự hẹn giờ trước khi chụp ảnh được chụp, xoay đĩa lệnh chế độ nhả sang cài đặt khác.

✓ Sử Dụng Đèn Nhấp Gắn Sẵn

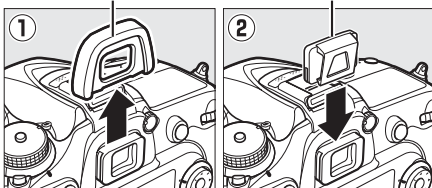
Trước khi chụp ảnh với đèn nhấp ở các chế độ **P**, **S**, **A**, **M**, hoặc **11**, nhấn nút  (☐ 12) để nâng đèn nhấp và đợi cho chỉ báo  hiển thị trong kính ngắm (☐ 119). Việc chụp sẽ bị gián đoạn nếu đèn nhấp được nâng lên sau khi tự hẹn giờ đã bắt đầu. Lưu ý rằng chỉ một chụp ảnh sẽ được chụp khi đèn nhấp bật sáng, bất kể số lượng phơi sáng được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 là bao nhiêu (**Tự hẹn giờ**; ☐ 237).

Đậy Kính Ngắm

Khi chụp ảnh mà không để mắt vào kính ngắm, tháo hốc mắt cao su DK-23 (①) và lắp nắp thị kính DK-5 vào như minh họa (②). Điều này sẽ không cho ánh sáng đi qua kính ngắm làm ảnh hưởng đến phơi sáng. Giữ chắc máy ảnh khi tháo hốc mắt cao su.

Hốc mắt cao su DK-23

Nắp thị kính DK-5



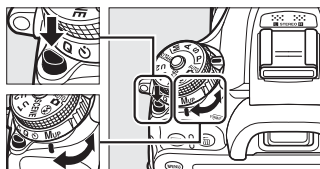
Xem Thêm

Để biết thông tin về việc lựa chọn thời gian tự hẹn giờ, số lượng ảnh chụp và khoảng thời gian giữa các lần chụp, xem Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Tự hẹn giờ**;  237). Để biết thông tin về việc cài đặt tiếng bíp khi chụp ảnh đếm ngược hẹn giờ, xem Cài Đặt Tùy Chọn d1 (**Bíp**;  238).



Chọn chế độ này để giảm mờ do chuyển động của máy ảnh khi gương được nâng lên. Nên sử dụng giá ba chân.

Nhấn nhả chế độ khóa đĩa lệnh nhả và xoay đĩa lệnh chế độ nhả sang **MUP**.



Đĩa lệnh chế đô nhà

Tạo khuôn hình, lấy nét và sau đó nhấn nút nhỏ của trập hết cỡ để nâng gương.



Trong khi gương được nâng lên, không thể tạo khuôn hình cho ảnh trong kính ngắm, lấy nét tự động và đo sáng sẽ không hoạt động được.

Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để bắt đầu chụp ảnh. Để ngăn ngừa mờ gây ra bởi chuyển động của máy ảnh, nhấn nút nhả cửa trập thật êm, hoặc sử dụng dây chụp từ xa hay bộ điều khiển từ xa không dây (📖 309, 310). Gương hạ xuống khi chụp xong.



Ảnh sẽ được chụp tự động nếu không có hoạt động được thực hiện trong khoảng 30 giây sau khi gương được nâng lên.

Để biết thêm thông tin về việc sử dụng điều khiển từ xa ML-L3 khi chụp ảnh với gương nâng lên, xem trang 127.





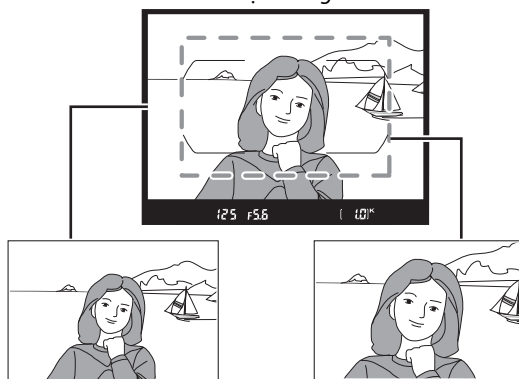
Tùy Chọn Ghi Hình Ảnh

Vùng Hình Ảnh

Chọn vùng hình ảnh từ **DX (24×16)** và **1,3× (18×12)**.

Tùy chọn	Mô tả
 DX (24×16)	Ảnh được ghi bằng cách sử dụng vùng hình ảnh 23,5 × 15,6 mm (định dạng DX).
 1,3× (18×12)	Ảnh được ghi bằng cách sử dụng vùng hình ảnh 18,8 × 12,5 mm, tạo hiệu ứng chụp ảnh xa mà không cần thay đổi thấu kính (□ 68, 167). Máy ảnh cũng có thể ghi được nhiều hình ảnh hơn trong một giây trong khi chụp liên tục (□ 58).

Hiển thị kính ngắm



Hình ảnh với vùng
hình ảnh DX (24×16)

Hình ảnh với vùng
hình ảnh 1,3×
(18×12)



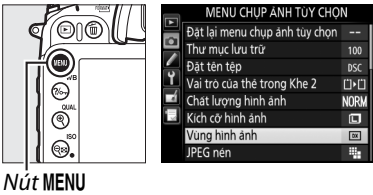
Có thể đặt vùng hình ảnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Vùng hình ảnh** trong menu chụp hoặc bằng cách nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh (65).

Menu Vùng Hình Ảnh

- 1

Chọn Vùng hình ảnh trong menu chụp.

Nhấn MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Vùng hình ảnh** trong menu chụp (224) và nhấn ►.



- 2

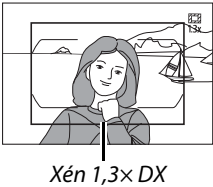
Điều chỉnh cài đặt.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn OK.



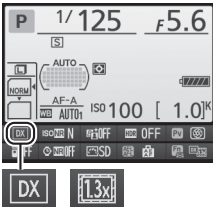
- Hiển Thị Kính Ngắm**

Hiển thị kính ngắm cho bản xén 1,3× DX được hiển thị ở bên phải. Biểu tượng 1,3x được hiển thị trong kính ngắm khi bản xén 1,3× DX được chọn.



- Vùng Hình Ảnh**

Tùy chọn được chọn được hiện ra trên màn hình hiển thị thông tin.

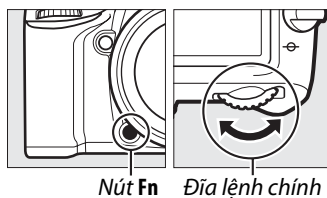


1 Chỉ định lựa chọn vùng hình ảnh cho một điều khiển máy ảnh.

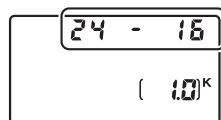
Chọn **Chọn vùng hình ảnh** khi nhấn tùy chọn “nhấn + đĩa lệnh” để điều khiển máy ảnh trong menu Cài Đặt Tùy Chọn (□ 229). Chọn vùng hình ảnh có thể được gán cho nút **Fn** (Cài Đặt Tùy Chọn f2, **Chỉ định nút Fn**, □ 253), nút xem trước độ sâu của trường (Cài Đặt Tùy Chọn f3, **Chỉ định nút xem trước**, □ 255), hoặc nút **AE-L/AF-L** (Cài Đặt Tùy Chọn f4, **Chỉ định nút AE-L/AF-L**, □ 256).

2 Sử dụng điều khiển được chọn để chọn vùng hình ảnh.

Có thể chọn vùng hình ảnh bằng cách nhấn nút được chọn và xoay đĩa lệnh chính hoặc đĩa lệnh phụ cho tới khi xén mong muốn hiển thị trong kính ngắm (□ 64).



Có thể xem tùy chọn hiện được chọn cho vùng hình ảnh bằng cách nhấn nút để hiển thị vùng hình ảnh trong bảng điều khiển, kính ngắm, hoặc màn hình hiển thị thông tin. Định dạng DX được hiển thị là “24 – 16” và bản xén 1,3× DX là “18 – 12”.



✎ Kịch Cỡ Hình Ảnh

Cỡ hình ảnh là khác nhau với tùy chọn được lựa chọn cho vùng hình ảnh (□ 68).

✎ Xem Thêm

Xem trang 167 để biết thông tin về xén trong xem trực tiếp phim.

Chất Lượng Hình Ảnh và Kích Cỡ

Chất lượng hình ảnh và cỡ hình ảnh xác định ảnh sẽ chiếm dụng bao nhiêu không gian trên thẻ nhớ. Ảnh lớn hơn, chất lượng cao hơn có thể được in ở kích cỡ lớn hơn nhưng cũng đòi hỏi nhiều bộ nhớ hơn, có nghĩa sẽ lưu được ít ảnh hơn trên thẻ nhớ (☐ 348).

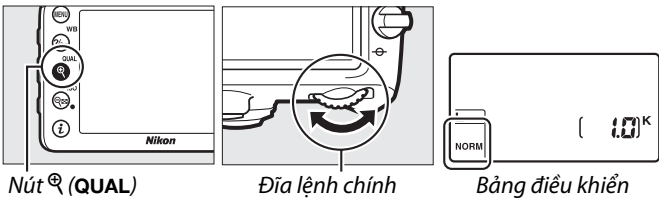
Chất Lượng Hình Ảnh

Chọn một định dạng tệp và tỷ lệ nén (chất lượng hình ảnh).

Tùy chọn	Loại tệp	Mô tả
NEF (RAW)	NEF	Dữ liệu thô từ các cảm biến hình ảnh được lưu trực tiếp vào thẻ nhớ. Các cài đặt như cân bằng trắng và độ tương phản có thể được điều chỉnh sau khi chụp.
JPEG mịn	JPEG	Ghi lại hình ảnh JPEG với tỷ lệ nén khoảng 1 : 4 (chất lượng tốt).*
JPEG bình thường		Ghi lại hình ảnh JPEG với tỷ lệ nén khoảng 1 : 8 (chất lượng bình thường).*
JPEG cơ bản		Ghi lại hình ảnh JPEG với tỷ lệ nén khoảng 1 : 16 (chất lượng bình thường).*
NEF (RAW)+ JPEG mịn	NEF/ JPEG	Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng tốt.
NEF (RAW)+ JPEG bình thường		Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng bình thường.
NEF (RAW)+ JPEG cơ bản		Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng cơ bản.

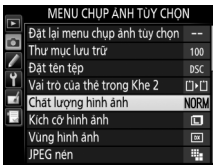
* Ưu tiên kích cỡ được chọn cho **JPEG nén**.

Có thể thiết lập chất lượng hình ảnh bằng cách nhấn nút **QUAL** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển.



Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh chất lượng hình ảnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Chất lượng hình ảnh** trong menu chụp (☐ 224).



Các tùy chọn sau đây có thể được truy cập từ menu chụp. Nhấn nút **MENU** để hiển thị các menu, làm nổi bật tùy chọn mong muốn và nhấn ►.

■ ■ **JPEG nén**

Chọn loại nén cho hình ảnh JPEG.

Tùy chọn	Mô tả
 Ưu tiên kích cỡ	Hình ảnh được nén để tạo ra kích cỡ tập tin tương đối đồng đều.
 Chất lượng tối ưu	Chất lượng hình ảnh tối ưu. Kích thước tập tin thay đổi tùy theo cảnh được ghi.

■ ■ **Ghi NEF (RAW) > Loại**

Chọn loại nén cho hình ảnh NEF (RAW).

Tùy chọn	Mô tả
ON  Được nén không mất	Hình ảnh NEF được nén bằng cách sử dụng thuật toán đảo ngược, làm giảm kích thước tập tin khoảng 20-40% mà không ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh.
ON  Được nén	Hình ảnh NEF được nén bằng cách sử dụng thuật toán đảo ngược, làm giảm kích thước tập tin khoảng 35-55% mà không ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh.



■ ■ **Ghi NEF (RAW) > NEF (RAW) độ sâu bit**

Chọn độ sâu bit cho hình ảnh NEF (RAW).

Tùy chọn	Mô tả
12-bit 12 bit	Hình ảnh NEF (RAW) được ghi lại ở độ sâu 12 bit.
14-bit 14 bit	Hình ảnh NEF (RAW) được ghi ở độ sâu 14 bit, tạo ra các tập tin lớn hơn so với những ảnh có độ sâu 12 bit nhưng tăng dữ liệu màu ghi được.

 **Hình Ảnh NEF (RAW)**

Có thể xem hình ảnh NEF (RAW) trên máy ảnh hoặc sử dụng phần mềm như Capture NX 2 (có riêng; □ 309) hoặc ViewNX 2 (có trên ViewNX 2 CD kèm theo). Lưu ý rằng tùy chọn được chọn cho cỡ hình ảnh không ảnh hưởng đến cỡ của ảnh NEF (RAW); khi xem trên máy tính, ảnh NEF (RAW) có kích thước cho ảnh (cỡ □) trong bảng trên trang 68. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **Xử lý NEF (RAW)** trong menu sửa lại (□ 282).

 **NEF+JPEG**

Khi ảnh chụp ở các cài đặt NEF (RAW) + JPEG được xem trên máy ảnh có thể nhớ, chỉ có hình ảnh JPEG được hiển thị. Nếu cả hai bản sao được ghi vào cùng thẻ nhớ, cả hai bản sao sẽ bị xóa khi ảnh bị xóa. Nếu bản sao JPEG được ghi vào một thẻ nhớ riêng bằng cách sử dụng tùy chọn **Vai trò của thẻ trong Khe 2** đảm nhận > **Khe 1 RAW – Khe 2 JPEG**, việc xóa bản sao JPEG sẽ không xóa hình ảnh NEF (RAW).

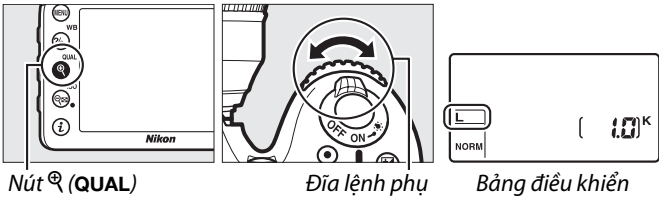
Kích cỡ hình ảnh

Cỡ hình ảnh được đo bằng điểm ảnh. Chọn từ **L** Lớn, **M** Trung bình, hoặc **S** Nhỏ (lưu ý rằng cỡ hình ảnh khác nhau phụ thuộc vào tùy chọn được chọn cho **Vùng hình ảnh**, **63**):

Vùng hình ảnh	Tùy chọn	Kích thước (điểm ảnh)	Cỡ in (cm) *
DX (24×16)	Lớn	6000 × 4000	50,8 × 33,9
	Trung bình	4496 × 3000	38,1 × 25,4
	Nhỏ	2992 × 2000	25,3 × 16,9
1,3× (18×12)	Lớn	4800 × 3200	40,6 × 27,1
	Trung bình	3600 × 2400	30,5 × 20,3
	Nhỏ	2400 × 1600	20,3 × 13,5

* Kích cỡ gần đúng khi in ở 300 dpi. Cỡ in bằng inch bằng với cỡ hình ảnh bằng điểm ảnh chia theo độ phân giải máy in bằng **điểm trên mỗi inch** (dpi; 1 inch=bằng khoảng 2,54 cm).

Có thể thiết lập cỡ hình ảnh bằng cách nhấn nút **QUAL** và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển.



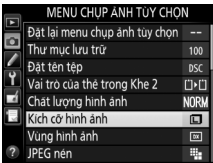
Nút **QUAL**

Đĩa lệnh phụ

Bảng điều khiển

Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh cỡ hình ảnh cách sử dụng tùy chọn **Kích cỡ hình ảnh** trong menu chụp (**224**).



Sử Dụng Hai Thẻ Nhớ

Khi hai thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh, bạn có thể sử dụng mục **Vai trò của thẻ trong Khe 2** trong menu chụp để chọn vai trò được thẻ trong Khe 2 đảm nhận. Chọn từ **Trần bộ nhớ** (thẻ trong Khe 2 chỉ được dùng khi thẻ trong Khe 1 đầy), **Dự phòng** (mỗi ảnh được ghi hai lần, một lần vào thẻ trong Khe 1 và một lần vào thẻ trong Khe 2), và **Khe 1 RAW – Khe 2 JPEG** (với **Dự phòng**, ngoại trừ rằng các bản sao NEF/RAW của ảnh được ghi ở cài đặt NEF/RAW + JPEG chỉ được ghi vào thẻ trong Khe 1 và các bản sao JPEG chỉ được ghi vào thẻ trong Khe 2).



“Dự phòng” và “Khe 1 RAW – Khe 2 JPEG”

Máy ảnh cho biết số phơi sáng còn lại trên thẻ với bộ nhớ còn lại ít nhất. Nhả cửa trập sẽ bị tắt khi một trong hai thẻ đầy.

Ghi Phim

Khi hai thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh, có thể chọn khe được dùng để ghi phim bằng cách sử dụng tùy chọn **Cài đặt phim** > **Đích** trong menu chụp (📖 169).



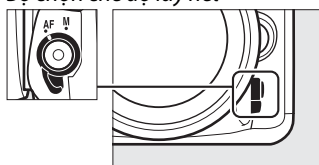
Lấy Nét

Phần này mô tả các tùy chọn lấy nét khi các bức ảnh được tạo khuôn hình trong kính ngắm. Việc lấy nét có thể được điều chỉnh tự động (xem bên dưới) hoặc bằng tay (☐ 78). Người dùng có thể chọn điểm lấy nét tự động hoặc lấy nét bằng tay (☐ 75) hoặc sử dụng khóa lấy nét để tạo lại bức ảnh sau khi lấy nét (☐ 76).

Lấy nét tự động

Để sử dụng lấy nét tự động, xoay bộ chọn chế độ lấy nét sang AF.

Bộ chọn chế độ lấy nét



Chế Độ Lấy Nét Tự Động

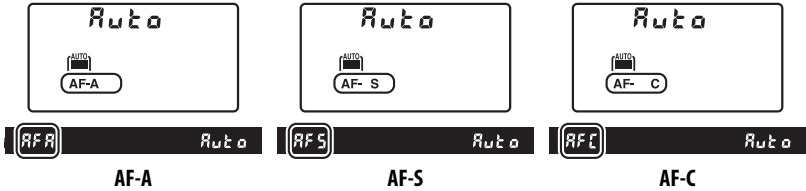
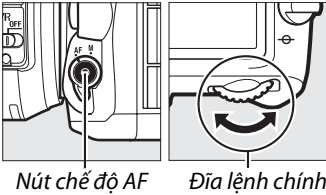
Chọn từ các chế độ lấy nét tự động sau:

Chế độ	Mô tả
AF-A	Lấy nét tự động phần phụ tự động: Máy ảnh tự động lựa chọn lấy nét tự động phần phụ đơn nếu đối tượng tĩnh, lấy nét tự động phần phụ liên tục nếu đối tượng động.
AF-S	Lấy nét tự động phần phụ đơn: Với các đối tượng cố định. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Với cài đặt mặc định, cửa trập chỉ có thể nhả khi chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện (<i>ưu tiên lấy nét</i> ; ☐ 231).
AF-C	Lấy nét tự động phần phụ liên tục: Với các đối tượng di động. Máy ảnh lấy nét liên tục trong khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập; nếu đối tượng chuyển động, máy ảnh sẽ thực hiện <i>theo dõi lấy nét đoán trước</i> để đoán khoảng cách cuối cùng đến đối tượng và điều chỉnh lấy nét khi cần thiết. Ở cài đặt mặc định, cửa trập vẫn có thể nhả ra dù có hay không đối tượng lấy nét (<i>ưu tiên nhả</i> ; ☐ 231).

Theo Dõi Lấy Nét Đoán Trước

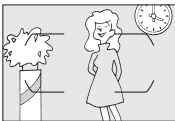
Trong chế độ AF-C hoặc khi chọn lấy nét tự động phần phụ liên tục trong chế độ AF-A, máy ảnh sẽ bắt đầu theo dõi lấy nét đoán trước nếu đối tượng di chuyển đến gần máy ảnh trong khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập. Cơ chế này cho phép máy ảnh theo dõi lấy nét trong khi cố gắng đoán vị trí của đối tượng khi cửa trập nhả ra.

Để lựa chọn chế độ lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong kính ngắm hoặc bảng điều khiển.



Lấy Nét Tự Động Đạt Chất Lượng Tốt

Lấy nét tự động sẽ không hoạt động tốt trong những điều kiện sau. Cửa trập có thể không nhả được nếu máy ảnh không thể lấy nét trong những điều kiện này, hoặc chỉ báo đã được lấy nét (●) có thể xuất hiện và máy ảnh sẽ phát ra tiếng bíp, cho phép cửa trập nhả ra thậm chí khi đối tượng chưa được lấy nét. Trong những trường hợp này, lấy nét bằng tay (📖 78) hoặc sử dụng khoá lấy nét (📖 76) để lấy nét trên đối tượng khác cùng khoảng cách và sau đó tạo lại chụp ảnh.



Độ tương phản giữa đối tượng và cảnh nền hầu như không có.

Ví dụ: Đối tượng có cùng màu sắc với nền.



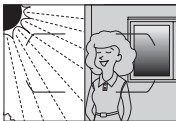
Điểm lấy nét sẽ chứa những vật thể ở các khoảng cách khác nhau so với máy ảnh.

Ví dụ: Đối tượng ở trong lồng.



Đối tượng bị các đường nét hình học thông thường lấn át.

Ví dụ: Bức màn hay song cửa sổ trong một tòa nhà chọc trời.



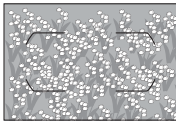
Điểm lấy nét sẽ chứa vùng có độ sáng tương phản sắc nét.

Ví dụ: Đối tượng nằm một nửa trong vùng tối.



Các vật thể xung quanh lớn hơn so với đối tượng.

Ví dụ: Một tòa nhà ở trong khuôn hình đằng sau đối tượng.



Đối tượng chứa nhiều chi tiết tinh tế.

Ví dụ: Một cánh đồng hoa hay các đối tượng khác cực nhỏ hoặc độ sáng ít biến đổi.

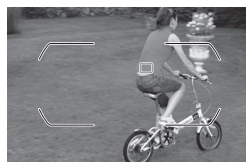
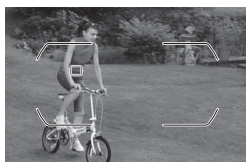
Xem Thêm

Thông tin về cách sử dụng ưu tiên lấy nét trong lấy nét tự động phần phụ liên tục, xem Cài Đặt Tùy Chọn a1 (**Chọn ưu tiên AF-C**, 📖 231). Thông tin về cách sử dụng ưu tiên nhả trong lấy nét tự động phần phụ đơn, xem Cài Đặt Tùy Chọn a2 (**Chọn ưu tiên AF-S**, 📖 231). Xem trang 155 về thông tin các lựa chọn lấy nét tự động khi xem trực tiếp hoặc trong khi quay phim.

Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động

Lựa chọn cách chọn điểm lấy nét cho lấy nét tự động.

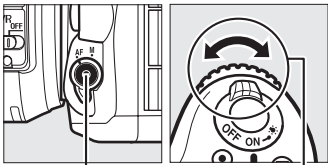
- **Lấy nét tự động điểm đơn:** Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 75; máy ảnh chỉ lấy nét trên đối tượng nằm trong điểm lấy nét được chọn. Dùng với đối tượng không chuyển động.
- **Lấy nét tự động vùng động:** Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 75. Trong chế độ lấy nét **AF-A** và **AF-C**, nếu trong tích tắc đối tượng rời khỏi điểm lấy nét được chọn thì máy ảnh sẽ lấy nét dựa trên thông tin từ các điểm lấy nét xung quanh. Số điểm lấy nét biến đổi theo chế độ được lựa chọn:
 - **Lấy nét tự động vùng động 9 điểm:** Chọn thời điểm tạo ra bức ảnh hoặc thời điểm chụp ảnh các đối tượng chuyển động có thể dự đoán trước (ví dụ: người chạy hoặc xe đua trên đường).
 - **Lấy nét tự động vùng động 21 điểm:** Chọn thời điểm chụp ảnh các đối tượng chuyển động không thể dự đoán trước (ví dụ: cầu thủ trong trận đấu bóng).
 - **Lấy nét tự động vùng động 51 điểm:** Chọn thời điểm chụp ảnh đối tượng chuyển động nhanh và khó lấy khuôn hình trong kính ngắm (ví dụ: chim).
- **Theo dõi 3D:** Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 75. Trong chế độ lấy nét **AF-A** và **AF-C**, máy ảnh sẽ theo dõi đối tượng rời khỏi điểm lấy nét đã chọn và chọn các điểm lấy nét khác theo yêu cầu. Dùng để tạo nhanh ảnh đối tượng chuyển động thất thường từ nơi này sang nơi khác (ví dụ: người chơi tennis). Nếu đối tượng rời khỏi kính ngắm, rời tay khỏi nút nhả cửa trập và tạo lại chụp ảnh với đối tượng trong điểm lấy nét đã chọn.



- **Lấy nét tự động vùng tự động:** Máy ảnh sẽ tự động nhận diện đối tượng và chọn điểm lấy nét. Nếu sử dụng thấu kính loại G hay D (□ 296), máy ảnh có thể phân biệt đối tượng con người từ phần nền cho nhận diện đối tượng cải tiến. Sau khi máy ảnh lấy nét, trong tích tắc điểm lấy nét hoạt động sẽ sáng lên; trong chế độ **AF-C** hay lấy nét tự động phần phụ liên tục ở chế độ **AF-A**, điểm lấy nét chính sáng lên sau khi các điểm lấy nét khác vừa tắt.

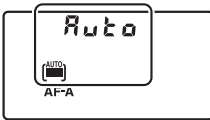


Để chọn chế độ vùng lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn hiển thị trong kính ngắm hoặc bảng điều khiển.

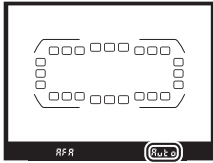


Nút chế độ AF

Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển



Kính ngắm



Theo dõi 3D

Khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập, màu sắc khu vực xung quanh điểm lấy nét được lưu trong máy ảnh. Cho nên theo dõi 3D có thể không tạo ra kết quả như mong muốn cho các đối tượng có màu sắc trùng với phần nền hoặc phủ một phần rất nhỏ trên khuôn hình.

Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động

Chế độ vùng lấy nét tự động hiển thị trên bảng điều khiển hoặc kính ngắm.

Chế độ vùng lấy nét tự động	Bảng điều khiển	Kính ngắm	Chế độ vùng lấy nét tự động	Bảng điều khiển	Kính ngắm
Lấy nét tự động điểm đơn	S		Lấy nét tự động vùng động 51 điểm *	dS i	
Lấy nét tự động vùng động 9 điểm *	d 9		Theo dõi 3D	3d	
Lấy nét tự động vùng động 21 điểm *	d2 i		Lấy nét tự động vùng tự động	Auto	

* Chỉ có điểm lấy nét hoạt động xuất hiện trên kính ngắm. Các điểm lấy nét còn lại cung cấp thông tin hỗ trợ cho việc lấy nét.

Lấy Nét Bằng Tay

Lấy nét tự động điểm đơn sẽ tự động được chọn khi lấy nét bằng tay.

Xem Thêm

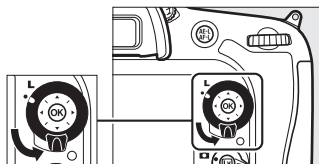
Thông tin về điều chỉnh thời gian máy ảnh chờ trước khi lấy nét lại khi một vật thể chuyển động phía trước máy ảnh, xem Cài Đặt Tùy Chọn a3 (**Theo dõi lấy nét với khóa bật**, 232). Xem trang 156 về thông tin các lựa chọn lấy nét tự động khi xem trực tiếp hoặc trong khi quay phim.

Chọn Lựa Điểm Lấy Nét

Máy ảnh đưa ra sự lựa chọn tới 51 điểm lấy nét có thể được sử dụng để tạo ảnh với đối tượng chính gần như nằm bất cứ đâu trên khuôn hình.

1 Xoay khóa bộ chọn lấy nét sang ●.

Cho phép sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét.



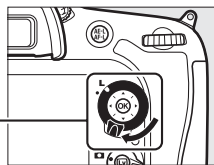
Khóa bộ chọn lấy nét

2 Chọn điểm lấy nét.

Sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét trong kính ngắm trong khi đo phơi sáng đang bật. Nhấn **OK** để chọn điểm lấy nét trung tâm.



Khóa bộ chọn lấy nét có thể được xoay sang vị trí khóa (L) như bên dưới để tránh cho điểm lấy nét đã chọn bị thay đổi khi nhấn đa bộ chọn.



Lấy nét tự động vùng tự động

Điểm lấy nét cho lấy nét tự động vùng tự động được tự động chọn; không thể chọn lựa điểm lấy nét bằng tay.

Xem Thêm

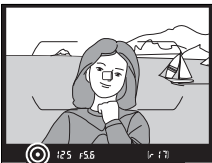
Thông tin về chọn khi điểm lấy nét được chiếu sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn a4 (**Roi điểm AF**, □ 232). Thông tin về cài đặt chọn lựa điểm lấy nét để “quản xung quanh”, xem Cài Đặt Tùy Chọn a5 (**Viền quanh điểm lấy nét**, □ 232). Thông tin về chọn số điểm lấy nét có thể được chọn sử dụng đa bộ chọn, xem Cài Đặt Tùy Chọn a6 (**Số điểm lấy nét**, □ 233). Thông tin về thay đổi vai trò của nút **OK**, xem Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Nút OK**; □ 252).

Khóa Lấy Nét

Khóa lấy nét có thể được dùng để thay đổi bố cục sau khi lấy nét, khiến nó có thể lấy nét trên đối tượng không nằm trong điểm lấy nét trong bố cục cuối cùng. Nếu máy ảnh không thể dùng lấy nét tự động để lấy nét (□ 72), khóa lấy nét có thể được dùng để tạo lại chụp ảnh sau khi lấy nét trên đối tượng khác cùng khoảng cách với đối tượng ban đầu. Khóa lấy nét hiệu quả nhất khi không lựa chọn lấy nét tự động vùng tự động cho chế độ vùng lấy nét tự động (□ 73).

1 Lấy Nét.

Đặt đối tượng vào vùng điểm lấy nét đã chọn và nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập để bắt đầu lấy nét. Kiểm tra chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện trong kính ngắm.

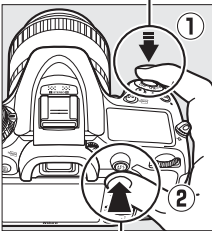


2 Khóa lấy nét.

Chế độ lấy nét AF-A và AF-C: Với nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng (①), nhấn nút ^{AE-L}**AE-L/AF-L** (②) để khóa cả lấy nét lẫn phơi sáng (một biểu tượng AE-L sẽ xuất hiện trong kính ngắm). Lấy nét và phơi sáng sẽ bị khóa trong khi nhấn nút ^{AE-L}**AE-L/AF-L**, thậm chí ngay cả sau đó bạn bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập.

Chế độ lấy nét AF-S: Lấy nét sẽ tự động khóa khi chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện, và tiếp tục khoá cho đến khi bạn bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập. Lấy nét còn bị khóa khi nhấn nút ^{AE-L}**AE-L/AF-L** (xem bên trên).

Nút nhả cửa trập

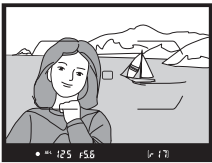


Nút ^{AE-L}**AE-L/AF-L**



3 Tạo lại bố cục ảnh và chụp.

Lấy nét sẽ vẫn bị khóa giữa các lần chụp nếu bạn duy trì nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập (**AF-S**) hoặc nhấn giữ nút ^{AE-L}**AE-L/AF-L**, cho phép một vài bức ảnh được chụp liên tiếp ở cùng một cài đặt lấy nét.



Không thay đổi khoảng cách giữa máy ảnh và đối tượng khi khóa lấy nét còn hiệu lực. Nếu đối tượng di chuyển, lấy nét lại ở khoảng cách mới.

Khóa lấy nét bằng nút AF-ON

Nếu muốn, lấy nét tự động có thể được gán cho một nút riêng biệt trong menu Cài Đặt Tùy Chọn, trong trường hợp đó lấy nét sẽ khóa khi nút được nhấn và vẫn còn bị khóa cho đến khi nhấn nút lần nữa. Cửa trập có thể nhả bất cứ lúc nào bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn a1 (**Chọn ưu tiên AF-C**,  231) và a2 (**Chọn ưu tiên AF-S**,  231), và chỉ báo đã được lấy nét (●) sẽ không hiển thị trong kính ngắm.

Xem Thêm

Xem Cài Đặt Tùy Chọn c1 (**Nút nhả cửa trập AE-L**,  236) về sử dụng nút nhả cửa trập để khóa phơi sáng, Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Chỉ định nút AE-L/AF-L**,  256) về chọn vai trò của nút  **AE-L/AF-L**.

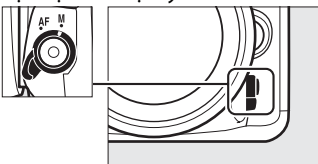


Lấy Nét Bằng Tay

Lấy nét bằng tay dùng cho các thấu kính không hỗ trợ lấy nét tự động (thấu kính non-AF NIKKOR) hoặc khi lấy nét tự động không cho kết quả như mong muốn (📖 72).

- **Thấu kính AF:** Chỉnh công tắc chế độ lấy nét thấu kính (nếu cài đặt trước) và bộ chọn chế độ lấy nét sang **M**.

Bộ chọn chế độ lấy nét

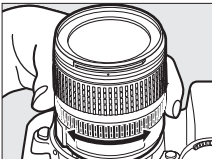


☑ Thấu kính lấy nét tự động không phải là thấu kính AF-S

Không dùng thấu kính AF khi công tắc chế độ lấy nét được chỉnh ở **M** và bộ chọn chế độ lấy nét máy ảnh đang cài ở **AF**. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thấu kính. Việc này không áp dụng cho các thấu kính AF-S, có thể sử dụng ở chế độ **M** mà không cần đặt bộ chọn chế độ lấy nét máy ảnh sang **M**.

- **Thấu kính lấy nét bằng tay:** Cài bộ chọn chế độ lấy nét máy ảnh sang **M**.

Để lấy nét bằng tay, điều chỉnh vòng lấy nét thấu kính đến khi hình ảnh xuất hiện trong trường mờ tách biệt trong kính ngắm khi lấy nét. Ảnh có thể được chụp bất cứ lúc nào, thậm chí khi hình ảnh không được lấy nét.



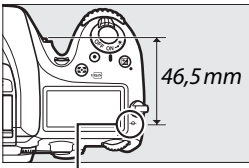
■ Máy Ngắm Điện Tử

Chỉ báo lấy nét kính ngắm có thể được sử dụng để xác nhận xem đối tượng trong điểm lấy nét được chọn đã được lấy nét chưa (điểm lấy nét có thể được chọn từ bất kỳ 51 điểm lấy nét nào). Sau khi đặt đối tượng trong điểm lấy nét đã chọn, nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập và xoay vòng lấy nét thấu kính đến khi chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện. Lưu ý rằng với đối tượng liệt kê ở trang 72, chỉ báo đã được lấy nét thỉnh thoảng có thể xuất hiện khi đối tượng không được lấy nét; xác nhận lấy nét trong kính ngắm trước khi chụp.



📏 Vị Trí Mặt Phẳng Tiêu Điểm

Để quyết định khoảng cách giữa đối tượng và máy ảnh, đo từ đầu mặt phẳng tiêu điểm (⊖) trên thân máy ảnh. Khoảng cách giữa chốt gắn thấu kính và đầu mặt phẳng tiêu điểm là 46,5 mm.



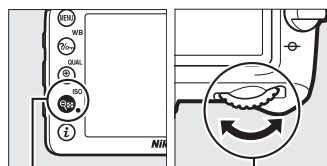
Đầu mặt phẳng tiêu điểm

ISO Độ Nhạy ISO

Độ nhạy ISO càng cao thì càng cần ít ánh sáng để phơi sáng, cho phép tốc độ cửa trập cao hơn hoặc độ mở ống kính nhỏ hơn. Việc chọn **Tự động** cho phép máy ảnh tự động đặt độ nhạy ISO để đáp ứng các điều kiện chiếu sáng. Gồm các tùy chọn sau:

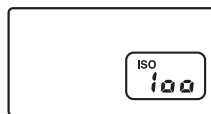
Chế độ	Độ nhạy ISO
	Tự động
P, S, A, M	100–6400 trong các bước $\frac{1}{3}$ EV; Hi 0,3 đến Hi 2
Các chế độ chụp khác	Tự động; 100–6400 trong các bước $\frac{1}{3}$ EV; Hi 0,3 đến Hi 2

Có thể điều chỉnh độ nhạy ISO bằng cách nhấn nút  (ISO) và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển hoặc kính ngắm.



Nút  (ISO)

Đĩa lệnh chính



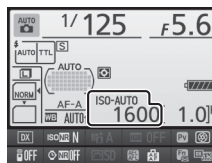
Bảng điều khiển



Kính ngắm

Xem độ nhạy ISO trong hiển thị thông tin

Độ nhạy ISO được hiển thị trong màn hình hiển thị thông tin. Khi **Tự động** được lựa chọn, **ISO-AUTO** (ISO TỰ ĐỘNG) và độ nhạy được lựa chọn bởi máy ảnh được hiển thị như hình bên phải.



Tự động

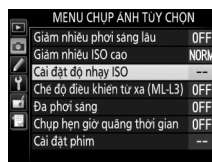
Nếu đĩa lệnh chế độ được xoay sang **P**, **S**, **A**, hoặc **M** sau khi **Tự động** được chọn cho độ nhạy ISO ở chế độ khác thì độ nhạy ISO được chọn gần nhất ở chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M** sẽ được khôi phục.

Cao 0,3–Cao 2

Cài đặt **Cao 0,3** tới **Cao 2** tương ứng với độ nhạy ISO 0,3–2 EV trên ISO 6400 (tương đương ISO 8000–25600). Ảnh được chụp ở các cài đặt này dễ bị nhiễu hơn (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng).

Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh cỡ độ nhạy ISO bằng cách sử dụng tùy chọn **Cài đặt độ nhạy ISO** trong menu chụp ( 224).



Xem Thêm

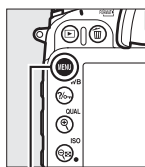
Để biết thông tin về việc lựa chọn kích cỡ bước độ nhạy ISO, xem Cài Đặt Tùy Chọn b1 (**Giá trị bước độ nhạy ISO**;  234). Để biết thông tin về hiển thị độ nhạy ISO trong bảng điều khiển hoặc điều khiển độ nhạy ISO mà không sử dụng nút  (**ISO**), xem Cài Đặt Tùy Chọn d3 (**Hiển thị ISO và điều chỉnh**;  239). Để biết thông tin về sử dụng tùy chọn **Giảm nhiễu ISO cao** trong menu chụp để giảm nhiễu ở độ nhạy ISO cao, xem trang 228.

Điều Khiển Độ Nhảy ISO Tự Động (Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

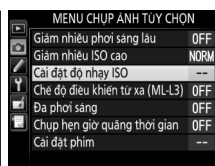
Nếu **Bật** được chọn cho **Cài đặt độ nhảy ISO** > **Điều khiển tự động độ nhảy ISO** trong menu chụp, độ nhảy ISO sẽ tự động được điều chỉnh nếu không đạt được phơi sáng tối ưu ở giá trị người dùng lựa chọn (độ nhảy ISO được điều chỉnh phù hợp khi đèn nháy được sử dụng).

1 Chọn Điều khiển tự động độ nhảy ISO cho Cài đặt độ nhảy ISO trong menu chụp.

Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Chọn **Cài đặt độ nhảy ISO** trong menu chụp, làm nổi bật **Điều khiển tự động độ nhảy ISO** và nhấn ►.

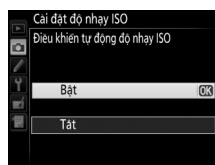


Nút MENU



2 Chọn Bật.

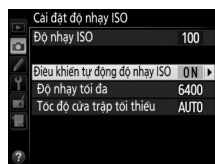
Làm nổi bật **Bật** và nhấn **OK** (nếu **Tắt** được chọn, độ nhảy ISO sẽ được cố định ở giá trị người dùng chọn).



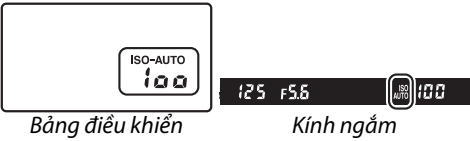
ISO

3 Điều chỉnh cài đặt.

Giá trị tối đa cho độ nhảy ISO tự động có thể được lựa chọn bằng cách sử dụng **Độ nhảy tối đa** (giá trị tối thiểu cho độ nhảy ISO tự động được tự động thiết lập sang ISO 100; lưu ý rằng nếu độ nhảy ISO được lựa chọn bởi người sử dụng cao hơn so với lựa chọn cho **Độ nhảy tối đa** thì giá trị được chọn bởi người sử dụng sẽ được sử dụng). Trong chế độ **P** và **A**, độ nhảy sẽ chỉ được điều chỉnh nếu thiếu phơi sáng sẽ xảy ra ở tốc độ cửa trập lựa chọn cho **Tốc độ cửa trập tối thiểu** ($1/4000-1$ s, hoặc **Tự động**; trong chế độ **S** và **M**, độ nhảy ISO sẽ được điều chỉnh cho phơi sáng tối ưu ở tốc độ cửa trập được người dùng lựa chọn). Nếu **Tự động** (chỉ có sẵn với các thấu kính CPU; tương đương với $1/30$ giây khi thấu kính không chế độ CPU được sử dụng) được chọn, máy ảnh sẽ chọn tốc độ cửa trập tối thiểu dựa trên tiêu cự của thấu kính (lựa chọn tự động tốc độ cửa trập tự động có thể được điều chỉnh bằng cách làm nổi bật **Tự động** và nhấn ►; ví dụ, ngay cả giá trị nhanh hơn so với những giá trị thường được máy ảnh chọn tự động cũng có thể được sử dụng với thấu kính tele để giảm mờ). Tốc độ cửa trập thấp hơn giá trị tối thiểu có thể được sử dụng nếu không đạt được phơi sáng tối ưu ở giá trị độ nhảy ISO được chọn cho **Độ nhảy tối đa**. Nhấn **OK** để thoát khi thiết lập xong.



Khi **Bật** được chọn, kính ngắm và bảng điều khiển hiển thị **ISO-AUTO** (ISO-TỰ ĐỘNG). Khi độ nhạy được thay đổi khỏi giá trị mà người dùng chọn, những chỉ báo này sẽ nhấp.

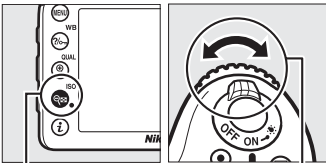


Bảng điều khiển

Kính ngắm

Bật hoặc Tắt Điều Khiển Độ Nhạy ISO Tự Động

Bạn có thể bật hoặc tắt điều khiển độ nhạy ISO tự động bằng cách nhấn nút **ISO** và xoay đĩa lệnh phụ. **ISO-AUTO** (ISO-TỰ ĐỘNG) được hiển thị khi điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.



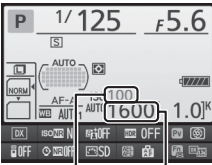
Nút **ISO**

Đĩa lệnh phụ

Điều Khiển Độ Nhạy ISO Tự Động

Nhiều (các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng) có nhiều khả năng xảy ra hơn ở độ nhạy cao hơn. Sử dụng tùy chọn **Giảm nhiễu ISO cao** trong menu chụp để giảm nhiễu (xem trang 228). Khi đèn flash được sử dụng, tốc độ cửa trập tối thiểu sẽ được thiết lập về giá trị được chọn cho **Tốc độ cửa trập tối thiểu** trừ khi giá trị này nhanh hơn Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Tốc độ đồng bộ đèn nháy**,  244) hoặc chậm hơn Cài Đặt Tùy Chọn e2 (**Tốc độ cửa trập đèn nháy**,  245), trong trường hợp này giá trị được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e2 sẽ được sử dụng. Lưu ý rằng độ nhạy ISO có thể được tự động tăng lên khi điều khiển độ nhạy ISO tự động được sử dụng kết hợp với các chế độ đèn nháy đồng bộ chậm (sẵn có với đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn được liệt kê trên trang 304), có thể ngăn máy ảnh không chọn tốc độ cửa trập thấp.

Khi điều khiển độ nhạy ISO tự động có hiệu lực, các giá trị điều chỉnh và được chọn xuất hiện trong màn hình hiển thị thông tin như hình bên phải.



Giá trị được chọn

Giá trị điều chỉnh



Phơi sáng

Đo sáng

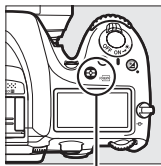
(Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

Chọn cách máy ảnh đặt phơi sáng trong chế độ **P**, **S**, **A**, và **M** (ở các chế độ khác, máy ảnh lựa chọn phương pháp đo sáng tự động).

Tùy chọn	Mô tả
	Ma trận: Tạo ra các kết quả tự nhiên trong hầu hết các tình huống. Máy ảnh đo sáng một khu vực rộng của khuôn hình và đặt phơi sáng theo phân phối tổng màu, sáng tác và với loại thấu kính G hoặc D (□ 296), thông tin khoảng cách (đo sáng ma trận màu 3D II; với các thấu kính CPU khác, máy ảnh sử dụng đo sáng ma trận màu II, không bao gồm thông tin khoảng cách 3D). Với thấu kính không CPU, máy ảnh sử dụng đo sáng ma trận màu nếu tiêu cự và độ mở ống kính tối đa được quy định cụ thể bằng cách sử dụng tùy chọn Dữ liệu thấu kính không CPU trong menu cài đặt (□ 150); nếu không máy ảnh sử dụng đo sáng cân bằng trung tâm.
	Cân bằng trung tâm: Máy ảnh đo sáng toàn bộ khuôn hình nhưng chú trọng nhiều nhất vào khu vực trung tâm (nếu thấu kính CPU được lắp, có thể chọn kích cỡ khu vực bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn b4, Vùng ưu tiên trung tâm , □ 236; nếu lắp thấu kính không CPU, khu vực có đường kính là 8 mm). Đo sáng cổ điển cho chân dung; khuyên dùng khi sử dụng các bộ lọc có yếu tố phơi sáng (yếu tố lọc) hơn 1x.*
	Điểm: Máy ảnh đo sáng vòng tròn đường kính 3,5 mm (xấp xỉ 2,5% khuôn hình). Vòng tròn được đo sáng vào điểm lấy nét hiện hành, giúp có thể để đo đối tượng ngoài trung tâm (nếu thấu kính không CPU được sử dụng hoặc nếu khu vực lấy nét tự động vùng tự động có hiệu lực, máy ảnh sẽ đo sáng điểm lấy nét giữa). Đảm bảo đối tượng được phơi sáng chính xác, ngay cả khi nền sáng hơn hay tối hơn.*

* Để chính xác hơn với thấu kính không CPU, chỉ định chiều dài tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính tối đa trong menu **Dữ liệu thấu kính không CPU** (□ 150).

Để chọn tùy chọn đo sáng, nhấn nút  (FORMAT) và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển.



Nút  (FORMAT)



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển



Xem Thêm

Để biết thông tin về việc thực hiện các điều chỉnh riêng cho phơi sáng tối ưu cho từng phương pháp đo sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn b5 (**Tính chỉnh phơi sáng tối ưu**, □ 236).

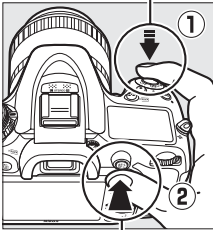
Khóa Tự Động Phơi Sáng

Sử dụng khóa tự động phơi sáng để chỉnh lại ảnh sau khi sử dụng đo sáng cân bằng trung tâm và đo sáng điểm để đo phơi sáng. Lưu ý rằng đo sáng ma trận sẽ không mang lại được kết quả mong muốn.

1 Khóa phơi sáng.

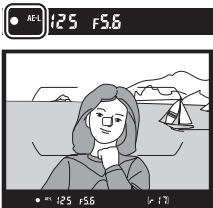
Định vị trí đối tượng vào điểm lấy nét được chọn và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét. Với nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng và đối tượng được đặt vào điểm lấy nét, nhấn nút **AE-L/AF-L** để khóa phơi sáng (nếu bạn đang sử dụng lấy nét tự động, lấy nét cũng sẽ khóa; xác nhận rằng chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện trong kính ngắm).

Nút nhả cửa trập



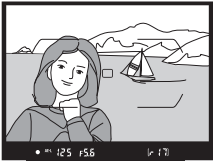
Nút **AE-L/AF-L**

Trong khi khóa phơi sáng có hiệu lực, chỉ báo **AE-L** sẽ xuất hiện trong kính ngắm.



2 Chỉnh lại ảnh.

Giữ nhấn nút **AE-L/AF-L** để chỉnh lại ảnh và chụp.



Vùng Được Đo Sáng

Trong đo sáng điểm, phơi sáng sẽ bị khóa tại giá trị đo ở chu vi 3,5 mm giữa điểm lấy nét được chọn. Trong đo sáng cân bằng trung tâm, phơi sáng sẽ bị khóa tại giá trị đo ở chu vi 8-mm ở giữa kính ngắm.

Điều Chỉnh Tốc Độ Cửa Chập và Độ Mở Ống Kính

Trong khi khóa phơi sáng được bật, có thể điều chỉnh các thiết lập sau đây mà không làm thay đổi giá trị đo phơi sáng:

Chế độ	Thiết lập
P	Tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (chương trình linh động;  48)
S	Tốc độ cửa trập
A	Độ mở ống kính

Có thể xác nhận các giá trị mới trong kính ngắm và bảng điều khiển. Lưu ý rằng không thể thay đổi đo sáng trong khi khóa phơi sáng được bật.

Xem Thêm

If **Bật** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c1 (**Nút nhả cửa trập AE-L**,  236), phơi sáng sẽ khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi vai trò của nút  **AE-L/AF-L**, xem Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Chỉ định nút AE-L/AF-L**,  256).



Bù Phơi Sáng

(Chỉ các chế độ P, S, A, M và )

Bù phơi sáng được sử dụng để thay đổi phơi sáng từ giá trị máy ảnh đưa ra, làm ảnh sáng hơn hoặc tối hơn. Hiệu quả nhất khi sử dụng với cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm ( 83). Chọn từ các giá trị giữa -5 EV (phơi sáng thiếu) và +5 EV (phơi sáng quá mức) trong gia số 1/3 EV. Nhìn chung, giá trị dương làm đối tượng sáng hơn trong khi giá trị âm làm đối tượng tối hơn.



-1 EV

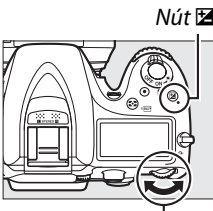
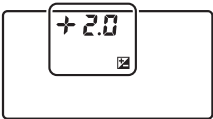
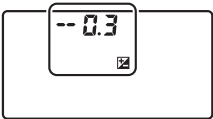
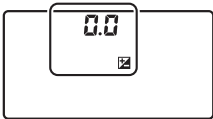


Không bù phơi sáng



+1 EV

Để chọn giá trị bù phơi sáng, nhấn nút  và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển hoặc kính ngắm.



Đĩa lệnh chính



± 0 EV

(Nhấn nút )

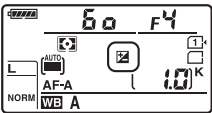


-0,3 EV



+2,0 EV

Tại các giá trị khác $\pm 0,0$, 0 ở trung tâm của các chỉ báo phơi sáng sẽ đèn nháy (chỉ các chế độ P, S, và A) và biểu tượng  sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm sau khi nhấn nút . Có thể xác nhận giá trị bù phơi sáng hiện hành trong chỉ báo phơi sáng bằng cách nhấn nút .



Có thể khôi phục phơi sáng bình thường bằng đặt bù phơi sáng về ± 0 . Bù phơi sáng không được đặt về mặc định khi máy ảnh tắt, nhưng sẽ đặt về mặc định nếu bạn chọn chế độ khác sau khi chọn .

Chế Độ M

Trong chế độ **M**, bù phơi sáng chỉ ảnh hưởng đến chỉ báo phơi sáng; tốc độ cửa trập và độ mở ống kính không thay đổi.

Sử Dụng Đèn Nháy

Khi sử dụng đèn nháy, bù phơi sáng ảnh hưởng đến cả cấp độ đèn nháy và phơi sáng, làm thay đổi độ sáng của đối tượng chính và nền. Có thể sử dụng cài Đặt Tùy Chọn e4 (**Bù phơi sáng cho đèn nháy**,  250) để chỉ hạn chế ảnh hưởng của bù phơi sáng đến nền.

Xem Thêm

Để biết thông tin về cách chọn kích cỡ của gia số bù phơi sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn b2 (**Bước EV cho đ.khiển phơi sáng**,  234). Để biết thông tin về việc điều chỉnh bù phơi sáng mà không cần nhấn nút , xem Cài Đặt Tùy Chọn b3 (**Bù phơi sáng dễ dàng**,  235). Để biết thông tin về tự động thay đổi phơi sáng, mức đèn nháy, cân bằng trắng hoặc D-Lighting hoạt động, xem trang 133.





Cân Bằng Trắng

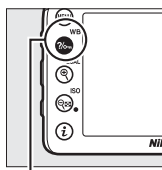
(Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

Cân bằng trắng đảm bảo các màu không bị ảnh hưởng bởi màu sắc của nguồn ánh sáng. Trong chế độ khác với P, S, A, và M, cân bằng trắng được máy ảnh thiết lập tự động. Tự động cân bằng trắng được khuyến dùng cho hầu hết các nguồn sáng; ở các chế độ P, S, A, và M, nhưng nếu cần có thể chọn các giá trị khác theo loại nguồn sáng:

Tùy chọn	Nhiệt độ màu *	Mô tả
AUTO Tự động		Điều chỉnh cân bằng trắng tự động. Để có kết quả tốt nhất, sử dụng thấu kính loại G hoặc D. Nếu đèn nháy gần sẵn hoặc đèn nháy tùy chọn bật, kết quả được điều chỉnh cho đèn nháy.
 Sáng chói	3000 K	Sử dụng dưới chiếu sáng sáng chói.
 Huỳnh quang		Sử dụng với:
Đèn hơi natri	2700 K	• Đèn khí natri (ở những địa điểm thể thao).
Huỳnh quang ấm trắng	3000 K	• Ánh sáng huỳnh quang trắng ấm.
Huỳnh quang trắng	3700 K	• Ánh sáng huỳnh quang trắng.
Huỳnh quang lạnh trắng	4200 K	• Ánh sáng cân bằng trắng huỳnh quang.
Huỳnh quang trắng ban ngày	5000 K	• Ánh sáng huỳnh quang trắng ban ngày.
Huỳnh quang ánh sáng ban ngày	6500 K	• Ánh sáng huỳnh quang ban ngày.
Hơi thủy ngân nhiệt độ cao	7200 K	• Nguồn sáng nhiệt độ màu cao (ví dụ như đèn khí thủy ngân).
 Ánh sáng mặt trời trực tiếp	5200 K	Sử dụng với các đối tượng chiếu sáng bởi ánh sáng mặt trời trực tiếp.
 Đèn nháy	5400 K	Sử dụng với đèn nháy gần sẵn hoặc đèn nháy tùy chọn.
 Nhiều mây	6000 K	Sử dụng ánh sáng ban ngày dưới bầu trời u ám.
 Bóng râm	8000 K	Sử dụng ánh sáng ban ngày với các đối tượng trong bóng râm.
 Chọn nhiệt độ màu	2500–10.000 K	Chọn nhiệt độ màu từ danh sách các giá trị (□ 94).
PRE Thiết lập sẵn bằng tay	—	Sử dụng đối tượng, nguồn ánh sáng, hoặc bức ảnh hiện thời làm tham khảo cho cân bằng trắng (□ 95).

* Tất cả các giá trị là gần đúng và không phản ánh việc tinh chỉnh (nếu có).

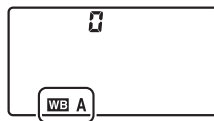
Cân bằng trắng được thiết lập bằng cách nhấn nút  (WB) và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển.



Nút  (WB)



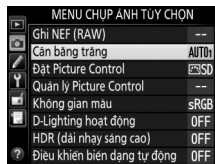
Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh cân bằng trắng cũng bằng cách sử dụng tùy chọn **Cân bằng trắng** trong menu chụp ( 224), cũng có thể được sử dụng để dò tinh chỉnh cân bằng trắng ( 91) hoặc đo một giá trị thiết lập sẵn cho cân bằng trắng ( 95). Tùy chọn **Tự động** trong menu **Cân bằng trắng** cung cấp lựa chọn **Bình thường** và **Giữ các màu chiếu sáng ấm**, để giữ màu ấm được tạo ra từ nguồn sáng đèn sáng chói, trong khi tùy chọn  **Huỳnh quang** có thể được dùng để chọn nguồn sáng từ loại bóng đèn.



Chiếu Sáng Đèn Nháy Trong Phòng Thu

Cân bằng trắng tự động có thể tạo ra các kết quả mong muốn với các đơn vị đèn nháy trong phòng thu lớn. Sử dụng cân bằng trắng thiết lập sẵn hoặc đặt cân bằng trắng sang **Đèn nháy** và sử dụng dò tinh chỉnh để điều chỉnh cân bằng trắng.

Nhiệt Độ Màu

Màu nhận được của một nguồn sáng khác nhau với người xem và các điều kiện khác. Nhiệt độ màu là cách đo khách quan của màu nguồn sáng, được quy định tham chiếu đến nhiệt độ mà một đối tượng được đun nóng để tỏa ra ánh sáng trong các bước sóng tương tự. Trong khi các nguồn sáng với nhiệt độ màu ở khoảng 5000-5500 K xuất hiện màu trắng, nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu thấp hơn, chẳng hạn như bóng đèn sáng chói, xuất hiện hơi vàng hoặc đỏ. Các nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu cao hơn xuất hiện nhuộm màu xanh. Các tùy chọn cân bằng trắng máy ảnh được thích ứng với các nhiệt độ màu sau đây (mọi số liệu chỉ là tương đối):

- | | |
|---|--|
| •  (đèn hơi natri): 2700 K | •  (ánh sáng mặt trời trực tiếp): 5200 K |
| •  (sáng chói)/
 (huỳnh quang ấm trắng): 3000 K | •  (đèn nháy): 5400 K |
| •  (huỳnh quang trắng): 3700 K | •  (nhiều mây): 6000 K |
| •  (huỳnh quang lạnh trắng): 4200 K | •  (huỳnh quang ánh sáng ban ngày): 6500 K |
| •  (huỳnh quang trắng ban ngày): 5000 K | •  (hơi thủy ngân nhiệt độ cao): 7200 K |
| | •  (bóng râm): 8000 K |

Xem Thêm

Khi **Chụp bù trừ WB** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 (**Bộ chụp bù trừ tự động**,  251), máy ảnh sẽ tạo ra vài ảnh mỗi khi cửa trập được nhả. Cân bằng trắng sẽ thay đổi với mỗi hình ảnh “chụp bù trừ” giá trị hiện được chọn cho cân bằng trắng ( 137).

Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng

Cân bằng trắng có thể được “dò tinh chỉnh” để bù cho sai khác trong màu của nguồn sáng hoặc để tạo ra đồ màu chủ ý cho ảnh. Cân bằng trắng được tinh chỉnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Cân bằng trắng** trong menu chụp hoặc bằng cách nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh phụ.

Menu Cân Bằng Trắng

1 Chọn tùy chọn cân bằng trắng trong menu chụp.

Để hiển thị các menu, nhấn nút **MENU**. Chọn **Cân bằng trắng** trong menu chụp, sau đó làm nổi bật một lựa chọn cân bằng trắng và nhấn **►**. Nếu một tùy chọn không phải là **Tự động**, **Huỳnh quang**, **Chọn nhiệt độ màu**, hoặc **Thiết lập sẵn bằng tay** được chọn thì chuyển sang Bước 2. **Tự động**, **Huỳnh quang**, hoặc **Chọn nhiệt độ màu** được chọn, làm nổi bật tùy chọn mong muốn và nhấn **►**. Để biết thông tin về tinh chỉnh cân bằng trắng thiết lập sẵn, xem trang 101.

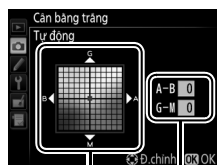


Nút MENU

2 Dò tinh chỉnh cân bằng trắng.

Sử dụng đa bộ chọn để dò tinh chỉnh cân bằng trắng. Có thể dò tinh chỉnh cân bằng trắng trên trục (A) hồ phách – (B) xanh trời và trục (G) xanh lá cây – (M) đỏ sậm. Trục (hồ phách-xanh trời) ngang tương ứng với nhiệt độ màu, với mỗi gia số tương đương với khoảng 5 đơn vị đo nhiệt độ màu. (□ 93).

Trục (xanh lá cây-đỏ sậm) dọc có tác dụng tương tự tương ứng với các bộ lọc **bù màu** (CC).



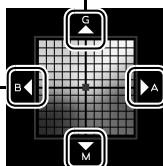
Tọa độ

Điều chỉnh

Tăng màu xanh lá cây

Xanh lá cây (G)

Xanh da trời (B)



Hồ phách (A)

Màu đỏ tươi (M)

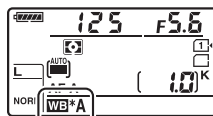
Tăng màu đỏ tươi

Tăng màu xanh trời

Tăng hồ phách

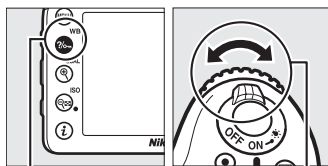
3 Nhấn **OK**.

Nhấn **OK** để lưu các cài đặt và quay trở lại menu chụp. Nếu cân bằng trắng đã được điều chỉnh, dấu hoa thị ("*") sẽ hiển thị trong bảng điều khiển.



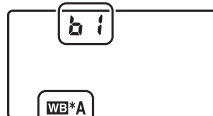
■ ■ Nút **WB** (WB)

Ở các cài đặt khác **WB** (**Chọn nhiệt độ màu**) và **PRE** (**Thiết lập sẵn bằng tay**), nút **WB** có thể được sử dụng để điều chỉnh cân bằng trắng trên trục hồ phách (A)-xanh trời (B) (□ 91; để tinh chỉnh cân bằng trắng khi **WB** hoặc **PRE** được chọn, sử dụng menu chụp như được mô tả trên trang 91). Có sáu cài đặt trong cả hai hướng; mỗi gia số tăng tương đương với khoảng 5 đơn vị đo nhiệt độ màu (□ 93). Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi giá trị mong muốn hiển thị trên bảng điều khiển. Việc xoay đĩa lệnh phụ sang trái làm tăng lượng màu hồ phách (A). Việc xoay đĩa lệnh phụ sang phải làm tăng lượng màu xanh trời (A). Tại các cài đặt không phải là 0, dấu hoa thị ("*") xuất hiện trong bảng điều khiển.



Nút **WB**

Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng

Các màu sắc trên trục tinh chỉnh chỉ là tương đối, không phải tuyệt đối. Ví dụ, việc di chuyển con trỏ đến **B** (xanh da trời) khi cài đặt “ấm” như  (sáng chói) được chọn cho cân bằng trắng sẽ làm cho hình ảnh hơi “lạnh hơn” nhưng sẽ không thực sự làm ảnh có màu xanh da trời.

Dò Tinh Chỉnh Nhiệt Độ Màu

Khi **Chọn nhiệt độ màu** được chọn, bạn có thể xem nhiệt độ màu trong dò tinh chỉnh cân bằng trắng.



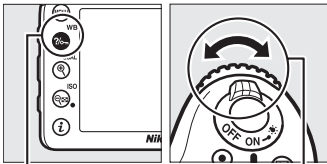
“Đơn vị đo nhiệt độ màu”

Bất kỳ thay đổi nào được thực hiện trong nhiệt độ màu sẽ tạo ra khác biệt lớn hơn đối với màu ở nhiệt độ màu thấp so với ở nhiệt độ màu cao hơn. Ví dụ, thay đổi 1000 K sẽ tạo ra thay đổi lớn hơn ở màu 3000 K so với màu ở 6000 K. Đơn vị đo nhiệt độ màu được tính bằng cách nhân nghịch đảo nhiệt độ màu với 10^6 , là một thước đo nhiệt độ màu có tính tới sự thay đổi, và đó là đơn vị được sử dụng trong các bộ lọc bù nhiệt độ màu. Ví dụ:

- 4000 K–3000 K (chênh lệch 1000 K)=83 đơn vị đo nhiệt độ màu
- 7000 K–6000 K (chênh lệch 1000 K)=24 đơn vị đo nhiệt độ màu

Chọn Nhiệt Độ Màu

Khi **[WB]** (**Chọn nhiệt độ màu**) được chọn cho cân bằng trắng, nhiệt độ màu có thể được chọn bằng cách nhấn nút **[WB]** và xoay đĩa lệnh phụ. Nhiệt độ màu được hiển thị trong bảng điều khiển.



Nút **[WB]**

Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

WB

✓ Chọn Nhiệt Độ Màu

Lưu ý rằng không thể đạt được kết quả mong muốn với đèn nháy hoặc chiếu sáng huỳnh quang. Chọn **[⚡]** (**Đèn nháy**) hoặc **[☀️]** (**Huỳnh quang**) cho các nguồn này. Với các nguồn sáng khác, hãy chụp thử để xác định xem giá trị được chọn có thích hợp không.

🔧 Menu Cân Bằng Trắng

Cũng có thể lựa chọn nhiệt độ màu trong menu cân bằng trắng. Lưu ý rằng nhiệt độ màu với nút **[WB]** và đĩa lệnh phụ thay thế các giá trị được chọn trong menu cân bằng trắng.



Thiết Lập Sẵn Bằng Tay

Thiết lập sẵn bằng tay được sử dụng để ghi lại và gọi lại các cài đặt cân bằng trắng tùy chọn để chụp dưới ánh sáng hỗn hợp hoặc để bù cho các nguồn sáng ám màu mạnh. Máy ảnh có thể lưu trữ tới sáu giá trị cho cân bằng trắng thiết lập sẵn ở các thiết lập sẵn d-1 đến -6. Có hai phương pháp để thiết lập cân bằng trắng thiết lập sẵn:

Phương pháp	Mô tả
Đo trực tiếp	Màu xám trung tính hoặc màu trắng được đặt dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong ảnh cuối cùng và cân bằng trắng được máy ảnh đo (📖 95). Trong xem ảnh trực tiếp (📖 153), cân bằng trắng có thể được đo trong khu vực được chọn của khuôn hình (cân bằng trắng điểm, 📖 98).
Sao từ ảnh hiện tại	Cân bằng trắng được sao chép từ ảnh trên thẻ nhớ (📖 100).

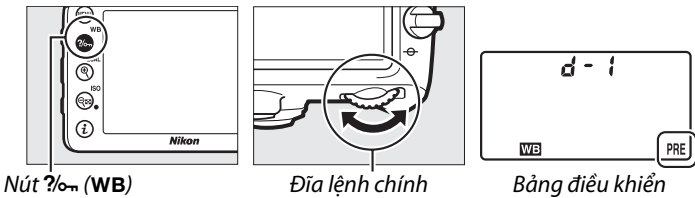
■ Đo giá trị cân bằng trắng trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm

1 Chiếu sáng đối tượng tham chiếu.

Đặt đối tượng màu trung tính hay đối tượng trắng dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong bức ảnh cuối cùng. Trong các thiết lập phòng thu, có thể sử dụng một bảng màu xám chuẩn làm đối tượng tham chiếu. Lưu ý rằng phơi sáng tự động tăng 1 EV khi đo cân bằng trắng, trong chế độ **M**, điều chỉnh phơi sáng để chỉ báo phơi sáng hiển thị ± 0 (📖 51).

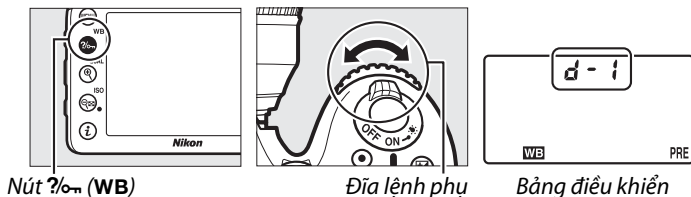
2 Đặt cân bằng trắng sang PRE (Thiết lập sẵn bằng tay).

Nhấn nút **WB** (WB) và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi PRE được hiển thị trong bảng điều khiển.



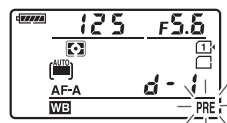
3 Chọn thiết lập sẵn.

Nhấn nút  (**WB**) và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi thiết lập sẵn cân bằng trắng (d-1 đến d-6) được hiển thị trong bảng điều khiển.



4 Chọn chế độ đo trực tiếp.

Nhả nhanh nút  (**WB**) và sau đó nhấn nút lại cho đến khi biểu tượng **PRE** trong bảng điều khiển bắt đầu nhấp. **PRE** nhấp nhấp cũng sẽ xuất hiện trong kính ngắm. Hiển thị sẽ đèn nhấp khoảng sáu giây.



Bảng điều khiển



Kính ngắm

5 Đo cân bằng trắng.

Trước khi các chỉ báo ngừng nhấp, tạo khuôn hình đối tượng tham chiếu để nó lấp đầy kính ngắm và nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ. Máy ảnh sẽ đo một giá trị cân bằng trắng và lưu vào giá trị thiết lập sẵn được chọn ở Bước 3. Bức ảnh sẽ không được ghi lại; có thể đo cân bằng trắng chính xác ngay cả khi máy ảnh không lấy nét.

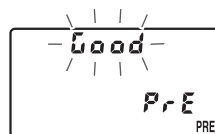


Giá Trị Thiết Lập Sẵn Được Bảo Vệ

Nếu giá trị thiết lập sẵn hiện tại được bảo vệ (□ 103), **PRE** sẽ nhấp trong bảng điều khiển và kính ngắm nếu bạn cố gắng đo giá trị mới.

6 Kiểm tra kết quả.

Nếu máy ảnh có thể để đo một giá trị cho cân bằng trắng, **Good** sẽ nhấp trong bảng điều khiển khoảng sáu giây, trong khi kính ngắm sẽ hiển thị **Good** nhấp nháy.

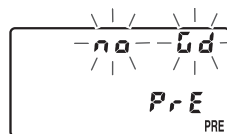


Bảng điều khiển



Kính ngắm

Nếu ánh sáng quá tối hoặc quá sáng, máy ảnh có thể không đo được cân bằng trắng. **no Good** nhấp nháy sẽ xuất hiện trong bảng điều khiển và kính ngắm trong khoảng sáu giây. Nhấn nút nhỏ cửa trập nửa chừng để trở lại Bước 5 và đo lại cân bằng trắng.



Bảng điều khiển



Kính ngắm

✓ Chế Độ Đo Trực Tiếp

Nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm và khi màn hình hiển thị đang nhấp nháy, chế độ đo trực tiếp sẽ kết thúc trong thời gian lựa chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**, 237).

✓ Đo Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn (Chụp Ảnh Bằng Kính Ngắm)

Không thể đo được cân bằng trắng thiết lập sẵn bằng tay trong khi chụp ảnh HDR hoặc chụp ảnh đa phơi sáng (115, 141) đang trong tiến trình hoặc khi **Ghi phim** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g4 (**Chỉ định nút cửa trập**, 260) và bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang 1.

✎ Chọn Giá Trị Thiết Lập Sẵn

Lựa chọn **Thiết lập sẵn bằng tay** cho tùy chọn **Cân bằng trắng** trong menu chụp sẽ hiển thị hộp thoại như ở bên phải; làm nổi bật một thiết lập sẵn và nhấn **OK**. Nếu không có giá trị hiện có cho thiết lập sẵn được chọn thì cân bằng trắng sẽ được đặt sang 5200 K, giống như **Ánh sáng mặt trời trực tiếp**.

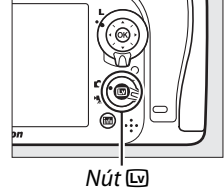


■ Đo Cân Bằng Trắng Trong Khi Xem Trực Tiếp (Cân Bằng Trắng Điểm)

Trong xem trực tiếp, cân bằng trắng có thể được đo trong một khu vực lựa chọn của khuôn hình, không cần phải chuẩn bị đối tượng tham chiếu hoặc thay đổi thấu kính trong khi chụp ảnh xa.

1 Nhấn nút **Lv**.

Gương sẽ được nâng lên và nội dung nhìn qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh.



2 Đặt cân bằng trắng sang PRE (Thiết lập sẵn bằng tay).

Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi **PRE** được hiển thị trong màn hình.



3 Chọn thiết lập sẵn.

Nhấn nút **WB** và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi thiết lập sẵn cân bằng trắng mong muốn (d-1 đến d-6) được hiển thị trong màn hình.



4 Chọn chế độ đo trực tiếp.

Nhấn nhanh nút **WB** và sau đó nhấn nút lại cho đến khi biểu tượng **PRE** trong màn hình bắt đầu nhấp. Một mục tiêu cân bằng trắng điểm (□) sẽ được hiển thị tại điểm lấy nét được chọn.



5 Đặt mục tiêu trên khu vực màu trắng hoặc xám.

Trong khi **P**-**X** nhấp nháy trong màn hình, sử dụng đa bộ chọn để đặt  trên khu vực màu trắng hoặc màu xám của đối tượng.



6 Đo cân bằng trắng.

Nhấn **OK** hoặc nhấn nút nhà cửa trập hết cỡ để đo cân bằng trắng. Thời gian có sẵn để đo cân bằng trắng là thời gian được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Độ trễ tắt màn hình**) > **Xem trực tiếp** ( 238).



Khi **Thiết lập sẵn bằng tay** được chọn cho **Cân bằng trắng** trong menu chụp, vị trí của đối tượng được sử dụng để đo cân bằng trắng thiết lập sẵn bằng tay được hiển thị trên các thiết lập sẵn được ghi lại trong quá trình chụp ảnh xem trực tiếp.



Đo Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn (Xem Ảnh Trực Tiếp)

Không thể đặt được cân bằng trắng bằng tay thiết lập sẵn khi phơi sáng HDR đang được sử dụng ( 115) hoặc khi **Ghi phim** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g4 (**Chỉ định nút cửa trập**,  260) và bộ chọn xem trực tiếp được xoay đến .

■ Sao Chép Cân Bằng Trắng từ Bức Ảnh

Tuân theo các bước bên dưới để sao chép giá trị cho cân bằng trắng từ ảnh hiện có cho thiết lập sẵn được chọn.

1 Chọn PRE (Thiết lập sẵn bằng tay) cho Cân bằng trắng trong menu chụp.

Nhấn nút MENU và chọn **Cân bằng trắng** trong menu chụp. Làm nổi bật **Thiết lập sẵn bằng tay** và nhấn ►.



Nút MENU

2 Chọn đích đến.

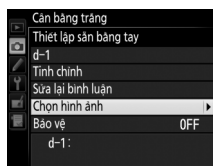
Làm nổi bật thiết lập sẵn đích đến (d-1 đến d-6) và nhấn **ISO**.



Nút ISO (ISO)

3 Chọn Chọn hình ảnh.

Làm nổi bật **Chọn hình ảnh** và nhấn ►.



4 Làm nổi bật một hình ảnh nguồn.

Đánh dấu hình ảnh nguồn.



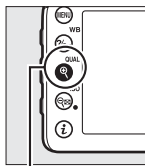
5 Nhấn OK.

Nhấn OK để sao chép giá trị cân bằng trắng cho bức ảnh được làm nổi bật cho thiết lập sẵn được chọn. Nếu bức ảnh được làm nổi bật có một nhận xét (266), nhận xét sẽ được sao chép vào nhận xét của thiết lập sẵn được chọn.



Chọn Hình Ảnh Nguồn

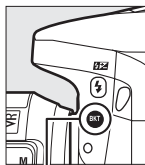
Để xem toàn khuôn hình hình ảnh được làm nổi bật trong Bước 4, nhấn và giữ nút **Q (QUAL)**.



Nút **Q (QUAL)**



Để xem hình ảnh trong các địa điểm khác, giữ nút **BKT** và nhấn **▲**. Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị; chọn thẻ và thư mục mong muốn (186).

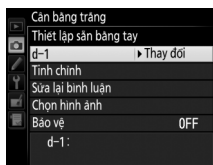


Nút **BKT**



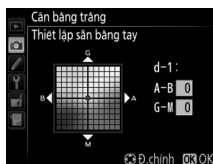
Chọn Thiết Lập Sẵn Cân Bằng Trắng

Nhấn **▲** để làm nổi bật thiết lập sẵn cân bằng trắng hiện hành (d-1 – d-6) và nhấn **►** để chọn thiết lập sẵn khác.



Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn

Giá trị thiết lập sẵn được chọn có thể được điều chỉnh bằng cách chọn **Tinh chỉnh** và điều chỉnh cân bằng trắng như mô tả trên trang 91.

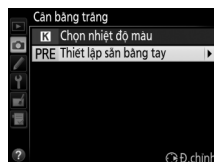


■ Ghi Nhận Xét

Thực hiện theo các bước dưới đây để nhập nhận xét mô tả lên đến ba mươi sáu ký tự cho thiết lập sẵn cân bằng trắng được chọn.

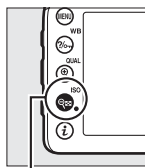
1 Chọn PRE (Thiết lập sẵn bằng tay).

Làm nổi bật **Thiết lập sẵn bằng tay** cân bằng trắng menu chụp và nhấn ►.



2 Chọn thiết lập sẵn.

Làm nổi bật thiết lập sẵn mong muốn và nhấn  (ISO).

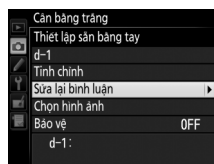


Nút  (ISO)



3 Chọn Sửa lại bình luận.

Làm nổi bật **Sửa lại bình luận** và nhấn ►.



4 Sửa nhận xét.

Sửa nhận xét như mô tả trên trang 111.

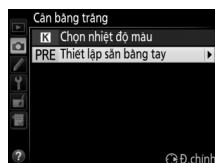


■ ■ Bảo Vệ Thiết Lập Sẵn Cân Bằng Trắng

Làm theo các bước dưới đây để bảo vệ giá trị thiết lập sẵn cân bằng trắng được chọn. Không thể sửa đổi các giá trị thiết lập sẵn được bảo vệ và không thể sử dụng được các tùy chọn **Tình chỉnh** và **Sửa lại bình luận**.

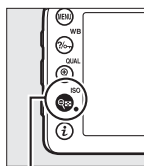
1 Chọn PRE (Thiết lập sẵn bằng tay).

Làm nổi bật **Thiết lập sẵn bằng tay** cân bằng trắng menu chụp và nhấn ►.



2 Chọn thiết lập sẵn.

Làm nổi bật thiết lập sẵn mong muốn và nhấn **ISO** (ISO).

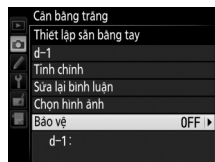


Nút **ISO** (ISO)



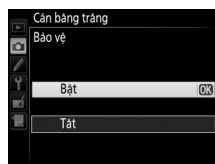
3 Chọn Bảo vệ.

Làm nổi bật **Bảo vệ** và nhấn ►.



4 Chọn Bật.

Làm nổi bật **Bật** và nhấn **OK** để bảo vệ cho những giá trị thiết lập sẵn cân bằng trắng được chọn. Để bỏ bảo vệ, chọn **Tắt**.







Tăng Cường Hình Ảnh

Picture Control

(Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

Hệ thống Picture Control duy nhất của Nikon có thể chia sẻ các thiết lập xử lý hình ảnh, bao gồm độ sắc nét, độ tương phản, độ sáng, độ bão hòa, và sắc thái giữa các thiết bị và phần mềm tương thích.

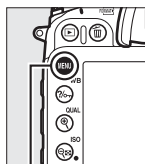
Chọn Picture Control

Máy ảnh này có các lựa chọn Picture Control thiết lập sẵn như sau. Ở các chế độ P, S, A và M, bạn có thể chọn Picture Control theo đối tượng hoặc loại cảnh (ở các chế độ khác, máy ảnh sẽ tự động lựa chọn Picture Control).

Tùy chọn	Mô tả
Tiêu chuẩn	Xử lý tiêu chuẩn cho kết quả cân bằng. Khuyến dùng trong hầu hết các tình huống.
Trung tính	Xử lý tối thiểu cho kết quả tự nhiên. Chọn bức ảnh mà bạn sẽ xử lý hoặc chỉnh sửa một cách bao quát sau.
Sống động	Hình ảnh được tăng cường hiệu ứng sống động, in ảnh. Chọn bức ảnh nhấn mạnh đến màu sắc cơ bản.
Đơn sắc	Chụp ảnh đơn sắc.
Chân dung	Xử lý chân dung cho làn da với kết cấu tự nhiên và cảm giác tròn đầy.
Phong cảnh	Tạo ra ảnh phong cảnh và cảnh quan thành phố sống động.

1 Hiện Thị Picture Control.

Để hiển thị các menu, nhấn nút **MENU**. Làm nổi bật **Đặt Picture Control** trong menu chụp và nhấn ► để hiển thị danh sách Picture Control.



Nút MENU



2 Chọn một Picture Control.

Làm nổi bật Picture Control mong muốn và nhấn **OK**.

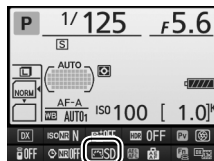


Picture Control Tùy Chọn

Picture Control Tùy Chọn được tạo ra thông qua sửa đổi các Picture Control hiện có bằng cách sử dụng tùy chọn **Quản lý Picture Control** trong menu chụp (□ 110). Picture Control Tùy Chọn có thể được lưu vào thẻ nhớ để chia sẻ với các máy ảnh khác cùng kiểu máy và phần mềm tương thích (□ 112).

Chỉ Báo Picture Control

Picture Control hiện tại được hiển thị trong màn hình hiển thị thông tin khi nhấn nút **Info**.



Chỉ báo Picture Control



Sửa Đổi Picture Control

Picture Control thiết lập sẵn hoặc Picture Control tùy chọn hiện hành (📖 110) có thể được sửa đổi để phù hợp với cảnh hoặc mục đích sáng tạo của người dùng. Chọn một kết hợp cân đối về độ làm sắc nét, tương phản, và độ bão hòa bằng cách sử dụng **Điều chỉnh nhanh**, hoặc điều chỉnh bằng tay cho từng cài đặt riêng.

1 Chọn Picture Control.

Làm nổi bật Picture Control mong muốn trong danh sách Picture Control (📖 105) và nhấn ►.



2 Điều chỉnh cài đặt.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật cài đặt mong muốn (📖 108) và nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn giá trị. Lặp lại bước này cho đến khi tất cả các cài đặt được điều chỉnh, hoặc chọn **Điều chỉnh nhanh** để chọn kết hợp cài đặt thiết lập sẵn. Các cài đặt mặc định có thể được phục hồi bằng cách nhấn nút  (FORMAT).



3 Nhấn OK.



Các Sửa Đổi Picture Control Gốc

Các Picture Control được sửa đổi từ các cài đặt mặc định được chỉ báo bởi dấu hoa thị ("*").



■ Cài Đặt Picture Control

Tùy chọn		Mô tả
Điều chỉnh nhanh		Chọn các tùy chọn giữa -2 và +2 để làm giảm hoặc tăng hiệu ứng của Picture Control đã chọn bằng cách điều chỉnh độ làm sắc nét, tương phản và độ bão hòa (lưu ý rằng việc này sẽ đặt lại tất cả các điều chỉnh bằng tay). Ví dụ, lựa chọn các giá trị dương cho Sống động để tạo hình ảnh sống động hơn. Không có với Picture Control Trung tính hoặc Đơn sắc .
 Điều chỉnh bằng tay (tất cả Picture Control)	Làm sắc nét	Kiểm soát độ sắc nét của đường nét. Chọn A để điều chỉnh độ sắc nét tự động theo cảnh, hoặc chọn các giá trị trong khoảng 0 (không làm sắc nét) đến 9 (giá trị càng cao, độ làm sắc nét càng lớn).
	Độ tương phản	Chọn A để điều chỉnh độ tương phản tự động theo cảnh, hoặc chọn giá trị trong khoảng từ -3 đến +3 (chọn giá trị thấp hơn để tránh các phần làm nổi bật ở đối tượng chân dung khỏi bị “biến mất” do ánh nắng trực tiếp; giá trị cao hơn để giữ lại những chi tiết không rõ trong ảnh phong cảnh và các đối tượng có độ tương phản thấp khác).
	Độ sáng	Chọn -1 để giảm độ sáng, +1 tăng độ sáng. Không ảnh hưởng đến phơi sáng.
 Điều chỉnh bằng tay (chỉ không đơn sắc)	Độ bão hòa	Kiểm soát độ sống động của màu sắc. Chọn A để điều chỉnh độ bão hòa tự động theo cảnh, hoặc chọn các giá trị từ -3 đến +3 (giá trị thấp hơn làm giảm độ bão hòa, và giá trị cao hơn làm tăng độ bão hòa).
	Màu sắc	Chọn các giá trị âm (tối thiểu là -3) để làm cho màu đỏ thành tím hơn, xanh da trời thành xanh lá cây hơn, và xanh lá cây thành vàng hơn; các giá trị dương (lên tới +3) làm màu đỏ thành cam hơn, xanh lá cây thành xanh da trời
 Điều chỉnh bằng tay (chỉ đơn sắc)	Hiệu ứng bộ lọc	Mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu trên ảnh đơn sắc. Chọn từ Off (Tắt) , vàng, cam, đỏ, và xanh lá cây (☐ 109).
	Tông màu	Chọn màu được sử dụng trong các ảnh đơn sắc từ B&W (đen và trắng), Sepia (Nâu đỏ) , Cyanotype (Xanh) (đơn sắc nhuộm xanh), Red (Đỏ) , Yellow (Vàng) , Green (Xanh lá cây) , Blue Green (Xanh) , Blue (Xanh da trời) , Purple Blue (Xanh tím) , Red Purple (Đỏ tím) (☐ 109).

☑ “A” (Tự Động)

Kết quả độ làm sắc nét, độ tương phản, độ bão hòa tự động sẽ thay đổi theo độ phơi sáng và vị trí của đối tượng trong khuôn hình. Sử dụng thấu kính loại G hoặc D cho kết quả tốt nhất.

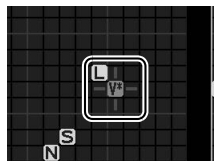
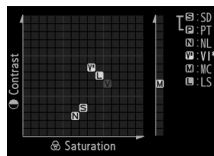
🔍 Picture Control Tùy Chọn

Các tùy chọn có sẵn cho Picture Control tùy chọn giống như những tùy chọn mà Picture Control tùy chọn dựa trên đó.

Lưới Picture Control

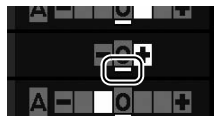
Khi nhấn nút  (**ISO**) ở Bước 2 trên trang 107 sẽ hiển thị một lưới Picture Control hiển thị độ tương phản và độ bão hòa của Picture Control đã chọn liên quan đến Picture Control khác (tương phản chỉ được hiển thị khi chọn **Đơn sắc**). Nhấn nút  (**ISO**) để trở lại menu Picture Control.

Các biểu tượng Picture Control sử dụng độ tương phản và độ bão hòa tự động được hiển thị bằng màu xanh lá cây trong lưới Picture Control, và các đường xuất hiện song song với trục của lưới.



Thiết Lập Trước Đo

Dòng dưới giá trị được hiển thị trong menu cài đặt Picture Control cho thấy các giá trị cài đặt trước đo. Sử dụng phần này làm tham khảo khi điều chỉnh các thiết lập.



Hiệu Ứng Bộ Lọc (Chỉ Đơn Sắc)

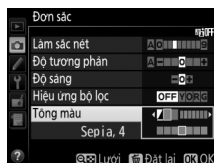
Các tùy chọn trong menu này mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu sắc trên ảnh đơn sắc. Có các hiệu ứng bộ lọc sau đây:

Tùy chọn		Mô tả
Y	Vàng	Tăng độ tương phản. Có thể được sử dụng để giảm bớt độ sáng bầu trời trong các bức ảnh phong cảnh. Màu cam tạo ra độ tương phản hơn vàng, màu đỏ tương phản hơn so với cam.
O	Cam	
R	Đỏ	
G	Xanh lá cây	Làm mềm tông màu da. Có thể được sử dụng cho ảnh chân dung.

Lưu ý rằng các hiệu ứng đạt được do **Hiệu ứng bộ lọc** thì rõ rệt hơn so với những hiệu ứng của các bộ lọc thủy tinh vật lý.

Tông màu (Chỉ Đơn Sắc)

Nhấn  khi đã chọn **Tông màu** sẽ hiển thị các tùy chọn độ bão hòa. Nhấn  hoặc  để điều chỉnh độ bão hòa. Kiểm soát độ bão hòa không có sẵn khi chọn chế độ **B&W** (đen và trắng).



Tạo Picture Control Tùy Chọn

Picture Control được cung cấp với máy ảnh có thể được sửa đổi và lưu lại dưới dạng Picture Control tùy chọn.

1 Chọn Quản lý Picture Control trong menu chụp.

Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Làm nổi bật **Quản lý Picture Control** trong menu chụp và nhấn ►.



Nút MENU

2 Chọn Lưu/sửa lại.

Làm nổi bật **Lưu/sửa lại** và nhấn ►.



3 Chọn Picture Control.

Làm nổi bật một Picture Control hiện có và nhấn ►, hoặc nhấn nút OK để chuyển sang Bước 5 và lưu bản sao của Picture Control được làm nổi bật mà không sửa đổi thêm.



4 Chỉnh sửa Picture Control đã chọn.

Xem trang 108 để biết thêm thông tin. Để bỏ bất kỳ thay đổi và bắt đầu từ các cài đặt mặc định, nhấn nút (FORMAT). Nhấn OK khi thiết lập xong.



5 Chọn đích đến.

Chọn đích đến của Picture Control tùy chọn (C-1 tới C-9) và nhấn ►.



6 Đặt tên Picture Control.

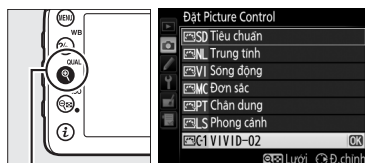
Hộp thoại nhập văn bản sẽ được hiển thị ở bên phải. Theo mặc định, các Picture Control mới sẽ được đặt tên bằng cách thêm vào một số có hai chữ số (được chỉ định tự động) vào tên của Picture Control hiện có; để sử dụng tên mặc định, sang Bước 7. Để di chuyển con trỏ trong vùng tên, giữ **ISO** nút và nhấn **◀** hoặc **▶**. Để nhập vào chữ cái mới ở vị trí con trỏ hiện tại, sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật ký tự mong muốn trên vùng bàn phím và nhấn **OK**. Để xóa ký tự tại vị trí con trỏ hiện tại, nhấn nút **FORMAT**.



Tên của Picture Control Tùy Chọn có thể dài đến mười chín ký tự. Bất kỳ ký tự nào đứng sau ký tự thứ mười chín sẽ bị xóa.

7 Nhấn **QUAL**.

Nhấn nút **QUAL** để lưu thay đổi và thoát. Picture Control mới sẽ xuất hiện trong danh sách Picture Control.



Nút **QUAL**

Quản lý Picture Control >Đổi tên

Picture Control Tùy Chọn có thể được đổi tên bất cứ lúc nào bằng cách sử dụng tùy chọn **Đổi tên** trong menu **Quản lý Picture Control**.

Quản lý Picture Control >Xóa

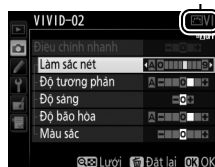
Tùy chọn **Xóa** trong menu **Quản lý Picture Control** có thể được sử dụng để xóa các Picture Control tùy chọn khi chúng không còn cần thiết.

Biểu Tượng Picture Control Ban Đầu

Picture Control thiết lập sẵn ban đầu mà Picture Control tùy chỉnh dựa trên đó được biểu thị bằng biểu tượng ở góc trên bên phải màn hình hiển thị chỉnh sửa.



Biểu tượng Picture Control Ban Đầu



Chia Sẻ Picture Control Tùy Chọn

Picture Control Tùy Chọn được tạo ra bằng cách sử dụng Tiện Ích Picture Control có sẵn với ViewNX 2 hoặc phần mềm tùy chọn như Capture NX 2, có thể được sao chép vào thẻ nhớ và được tải vào máy ảnh; hoặc Picture Control tùy chọn được tạo ra với máy ảnh có thể được sao chép vào thẻ nhớ để sử dụng trong các máy ảnh D7100 khác và phần mềm tương thích, và sau đó xóa đi khi không còn cần thiết.

Để sao chép các Picture Control tùy chọn đến hoặc từ thẻ nhớ, hoặc để xóa các Picture Control tùy chọn từ thẻ nhớ, hãy làm nổi bật **Tải/lưu** trong menu **Quản lý Picture Control** và nhấn ►. Các tùy chọn sau đây sẽ được hiển thị:

- **Sao chép sang máy ảnh:** Sao chép Picture Control tùy chọn từ thẻ nhớ đến Picture Control tùy chọn C-1 tới C-9 trên máy ảnh và đặt tên chúng như mong muốn.
- **Xóa khỏi thẻ:** Xóa Picture Control tùy chọn đã chọn từ thẻ nhớ. Hộp thoại xác nhận sẽ hiển thị bên phải trước khi một Picture Control bị xóa; để xóa Picture Control đã chọn, làm nổi bật **Có** và nhấn **OK**.
- **Sao chép sang thẻ:** Sao chép một Picture Control tùy chọn (C-1 đến C-9) từ máy ảnh tới đích đến đã chọn (1 đến 99) trên thẻ nhớ.



Lưu Picture Control Tùy Chọn

Có thể lưu tới 99 Picture Control tùy chọn vào thẻ nhớ tại bất kỳ thời điểm nào. Thẻ nhớ có thể chỉ được sử dụng để lưu trữ các Picture Control tùy chọn do người dùng tạo ra. Không thể sao chép sang thẻ nhớ, đổi tên hoặc xóa các Picture Control cài đặt trước được cung cấp với máy ảnh (105).

Các tùy chọn trong menu **Quản lý Picture Control** đơn chỉ áp dụng vào thẻ nhớ ở trong Khe 1. Không thể xóa Picture Control tùy chọn khỏi hoặc sao chép đến hoặc từ Khe 2.

Giữ Chi Tiết trong Phần Tô Sáng và Phần Bóng

D-Lighting Hoạt Động

(Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

D-Lighting hoạt động giữ lại các chi tiết được làm nổi bật và trong bóng, tạo ra các bức ảnh có độ tương phản tự nhiên. Sử dụng cho những cảnh có độ tương phản cao, ví dụ như khi chụp cảnh sáng ngoài trời qua cánh cửa hay cửa sổ, hoặc chụp các đối tượng bóng mờ vào một ngày nắng. Hiệu quả nhất khi dùng với chế độ đo sáng ma trận (□ 83).



D-Lighting hoạt động tắt



D-Lighting hoạt động:  Tự động



☒ “D-Lighting hoạt động” So Với “D-Lighting”

Tùy chọn **D-Lighting hoạt động** trong menu chụp sẽ điều chỉnh phơi sáng trước khi chụp để tối ưu dải tương phản, trong khi đó, tùy chọn **D-Lighting** trong menu sửa lại (□ 276) làm sáng các bóng trong ảnh sau khi chụp.

1 Chọn D-Lighting hoạt động trong menu chụp.

Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Làm nổi bật **D-Lighting hoạt động** trong menu chụp và nhấn ►.



Nút MENU

2 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi bật **Ⓜ A Tự động**, **Ⓜ H Siêu cao**, **Ⓜ H Cao**, **Ⓜ N Bình thường**, **Ⓜ L Thấp**, hoặc **Tắt** và nhấn **OK**. Nếu **Ⓜ A Tự động** được chọn, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh D-Lighting hoạt động theo điều kiện chụp (tuy nhiên lưu ý rằng hiệu ứng có thể không hiển thị trong chế độ **M** và khi đo sáng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm được sử dụng).



✓ **D-Lighting hoạt động**

D-Lighting hoạt động không được sử dụng với phim. Nhiều (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) có thể xuất hiện trong các bức ảnh chụp với D-Lighting hoạt động. Một số đối tượng có thể có độ bóng không đồng đều. D-Lighting Hoạt Động không thể được sử dụng ở độ nhạy ISO Hi 0,3 hoặc cao hơn.

✍ **Xem Thêm**

Khi chọn **Chụp bù trừ ADL** cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 (**Bộ chụp bù trừ tự động**, 251), máy ảnh sẽ thay đổi D-Lighting hoạt động trong các lượt chụp (139). Để biết thêm thông tin về cách sử dụng **Fn** nút hoặc nút xem trước độ sâu của trường và quay số đĩa lệnh chính để chọn tùy chọn D-Lighting hoạt động, xem trang 255.

Dải Động Cao (HDR)

(Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

Được sử dụng với các đối tượng có độ tương phản cao, Dải Động Cao (HDR) giữ được các chi tiết nổi bật và bóng bằng cách kết hợp hai ảnh chụp ở các phơi sáng khác nhau. HDR là hiệu quả nhất khi được sử dụng với đo sáng ma trận (☐ 83; với các phương pháp đo sáng khác và các thấu kính không CPU, cường độ AUTO **Tự động** tương đương với **NORM Bình thường**). Không thể sử dụng để ghi hình ảnh NEF (RAW). Trong khi HDR là có hiệu lực, quay phim (☐ 161), đèn nháy chiếu sáng, chụp bù trừ (☐ 133), và đa phơi sáng (☐ 141) không thể được sử dụng và tốc độ màn của trập bóng đèn (bóng đèn) và thời gian (- -) không có sẵn.



Phơi sáng lần đầu (tối hơn)

+



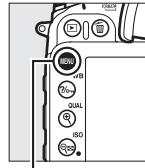
Phơi sáng lần hai (sáng hơn)



Ảnh HDR kết hợp

1 Chọn HDR (dải nhạy sáng cao).

Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **HDR (dải nhạy sáng cao)** trong menu chụp và nhấn ►.

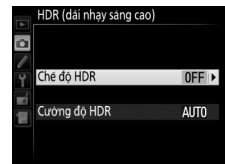


Nút MENU



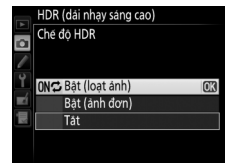
2 Chọn một chế độ.

Làm nổi bật **Chế độ HDR** và nhấn ►.

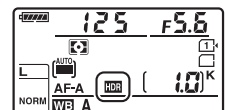


Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn OK.

- Để chụp một loạt ảnh HDR, chọn ON/Bật (loạt ảnh). Chụp HDR sẽ tiếp tục cho đến khi bạn chọn Tắt cho **Chế độ HDR**.
- Để bức ảnh HDR, chọn Bật (ảnh đơn). Chụp bình thường sẽ khôi phục tự động sau khi bạn đã tạo được một bức ảnh HDR.
- Để thoát mà không tạo thêm ảnh HDR, chọn Tắt.

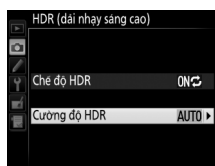


Nếu **Bật (loạt ảnh)** hoặc **Bật (ảnh đơn)** được chọn, biểu tượng HDR sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển.



3 Chọn Cường độ HDR.

Để chọn độ lệch phơi sáng giữa hai bức ảnh (Cường độ HDR), làm nổi bật **Cường độ HDR** và nhấn ►.

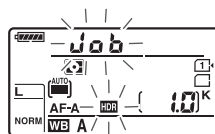


Làm nổi bật AUTO **Tự động**, HIGH **Siêu cao**, HIGH **Cao**, NORM **Bình thường**, hoặc LOW **Thấp** và nhấn ⊗. Nếu AUTO **Tự động** được chọn, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh cường độ HDR theo điều kiện chụp.



4 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Máy ảnh lấy hai phơi sáng khi nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập. **Job HDR** sẽ đèn nháy trong bảng điều khiển và **Job Hdr** trong kính ngắm, trong khi hình ảnh được kết hợp; không chụp được ảnh cho đến khi việc ghi hình hoàn tất. Bất kể tùy chọn nào được chọn cho chế độ nhả, chỉ một bức ảnh được chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.



Bảng điều khiển



Kính ngắm

Nếu **Bật (loạt ảnh)** được chọn, HDR sẽ tắt khi **Tắt** được chọn cho **Chế độ HDR**; nếu **Bật (ảnh đơn)** được chọn, HDR tự động tắt sau khi bức ảnh được chụp. Biểu tượng HDR được xóa khỏi màn hình khi chụp ảnh HDR kết thúc.

Tạo Khuôn Ảnh HDR

Các mép của hình ảnh sẽ được cắt bỏ. Có thể không đạt được kết quả mong muốn nếu di chuyển máy ảnh hoặc đối tượng trong quá trình chụp. Tùy thuộc vào cảnh, hiệu ứng có thể không nhìn thấy, bóng có thể xuất hiện xung quanh các đối tượng sáng hoặc quầng quanh các đối tượng tối. Một số đối tượng có thể có độ bóng không đồng đều.

Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Nếu **Bật (loạt ảnh)** được chọn cho **Chế độ HDR** trước khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian bắt đầu, máy ảnh sẽ tiếp tục chụp ảnh HDR ở quảng thời gian được chọn (Nếu **Bật (ảnh đơn)** được chọn, chụp hẹn giờ quảng thời gian sẽ kết thúc sau khi chụp một ảnh).

Xem Thêm

HDR cũng có thể được điều chỉnh bằng cách sử dụng **Fn** hoặc nút xem trước độ sâu của trường và các đĩa lệnh. Xem Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Chỉ định nút Fn**,  255) hoặc f3 (**Chỉ định nút xem trước**,  255).







Chụp Ảnh Có Đèn Nháy

Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn

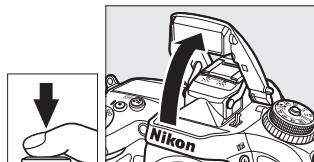
Đèn nháy gắn sẵn có Số Hướng Dẫn (GN) 12 (m, ISO 100, 20 °C) và tạo góc xem nhìn của thấu kính 16mm. Nó có thể được sử dụng không chỉ khi thiếu sáng tự nhiên mà còn để làm đầy các vùng bóng và tăng sáng cho các đối tượng ngược sáng hoặc để tăng độ bắt sáng của mắt đối tượng.

■ **Sử dụng Đèn nháy Gắn sẵn: Chế Độ** và

1 Chọn chế độ đèn nháy (120).

2 Chụp ảnh.

Đèn nháy sẽ bật lên theo yêu cầu khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng, và bật khi chụp một bức ảnh. *Nếu đèn nháy không tự động bật lên, ĐỪNG cố nâng nó lên bằng tay. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng đèn nháy.*



■ **Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn: Chế độ P, S, A, M và 11**

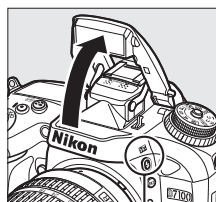
1 Nâng đèn nháy.

Nhấn nút () để nâng đèn nháy.

2 Chọn chế độ đèn nháy (chỉ chế độ P, S, A, và M ; 120).

3 Chụp ảnh.

Đèn nháy sẽ bật sáng mỗi khi ảnh được chụp.



Nút ()

Đo sáng

Chọn đo sáng ma trận hoặc đo sáng cân bằng trung tâm để kích hoạt nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số. Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn dành cho SLR kỹ thuật số được kích hoạt tự động khi đo sáng điểm được chọn (122).

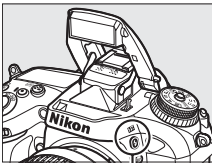
Chế Độ Đèn Nháy

Các chế độ đèn nháy có sẵn thay đổi theo chế độ chụp:

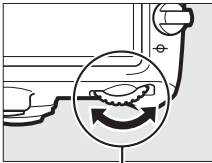
	Tự động		Tự động + đồng bộ chậm + giảm mắt đỏ
	Tự động + giảm mắt đỏ		Tự động + đồng bộ chậm
	Tắt		Tắt
P, A		S, M	
	Đèn nháy làm đầy		Đèn nháy làm đầy
	Giảm mắt đỏ		Giảm mắt đỏ
	Đồng bộ chậm + giảm mắt đỏ		Đồng bộ màn phía sau
	Đồng bộ chậm		
	Màn phía sau + Đồng bộ chậm *		

* **SLOW** được hiển thị khi cài đặt hoàn tất.

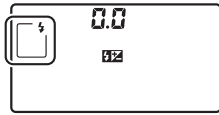
Để chọn một chế độ đèn nháy, nhấn nút và xoay nút đĩa lệnh chính cho đến khi chế độ cài đặt mong muốn hiển thị trên bảng điều khiển.



Nút



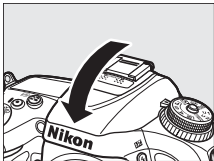
Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

Hạ Đèn Nháy Gắn Sẵn

Để tiết kiệm pin khi đèn nháy không được sử dụng, nhấn nhẹ nút hạ xuống cho đến khi chốt khớp vào đúng vị trí.



Chế Độ Đèn Nháy Mặc Định

Chế độ đèn nháy mặc định được hiển thị dưới đây.

Chế độ	Mặc Định	Chế độ	Mặc Định
    	Tự động		Tự động+đồng bộ chậm
	Auto+red-eye reduction (Tự động+giảm mắt đỏ)	11, P, S, A, M	Đèn nháy làm đầy

Chế Độ Đèn Nháy

Các chế độ đèn nháy liệt kê ở trang trước có thể kết hợp với một hoặc nhiều kiểu thiết lập sau, như được hiển thị bằng biểu tượng chế độ đèn nháy:

- **AUTO (đèn nháy tự động):** Khi ánh sáng yếu hay đối tượng chụp bị ngược sáng, đèn nháy tự động bật lên khi nút nhả màn trập nhấn nửa chừng và bật sáng theo yêu cầu.
- **👁 (giảm mắt đỏ):** Sử dụng để chụp chân dung. Đèn giảm mắt đỏ bật sáng trước khi đèn nháy bật, giảm “mắt đỏ.”
- **🔇 (tắt):** Đèn nháy không bật ngay cả khi ánh sáng yếu hoặc đối tượng chụp bị ngược sáng.
- **SLOW (đồng bộ chậm):** Tốc độ của trập tự động chậm lại để bắt ánh sáng phía sau khi chụp đêm hoặc chụp ở chế độ thiếu ánh sáng. Sử dụng cả ánh sáng nền trong chụp chân dung.
- **REAR (đồng bộ màn phía sau):** Đèn nháy bật sáng ngay trước khi cửa trập đóng, phát ra một luồng ánh sáng phía sau các nguồn sáng di động (phía dưới bên phải). Nếu biểu tượng này không hiển thị, đèn nháy sẽ bật khi cửa trập mở (đồng bộ màn trước, hiệu quả của việc này đối với các nguồn sáng di động sẽ được trình bày phía dưới bên trái).



Đồng bộ màn trước



Đồng bộ màn phía sau

Đèn Nháy Gắn Sẵn

Để biết thông tin về thấu kính có thể được sử dụng cùng với đèn nháy gắn sẵn, xem trang 299. Gỡ nắp thấu kính để tránh các phản bóng. Đèn nháy có phạm vi tối thiểu 0,6 m và không thể được dùng trong phạm vi cận cảnh của thấu kính thu phóng có chức năng cận cảnh. Có thể sử dụng điều khiển đèn nháy i-TTL ở độ nhạy ISO giữa 100 và 6400. Ở giá trị cao hơn 6400, có thể không đạt được kết quả mong muốn trong một số phạm vi hoặc thiết lập độ mở ống kính.

Nếu đèn nháy bật ở chế độ nhả liên tục (🔁 57), chỉ một bức ảnh được chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.

Nút nhả cửa trập có thể bị vô hiệu hóa trong thời gian ngắn để bảo vệ đèn nháy sau khi nó được sử dụng để chụp các bức ảnh liên tiếp. Đèn nháy có thể tiếp tục sử dụng sau một khoảng dừng ngắn.



Các các tốc độ của trập sau đây dành cho đèn nháy gắn sẵn.

Các các tốc độ của trập sau đây dành cho đèn nháy gắn sẵn.

Chế độ điều khiển đèn nháy

Máy ảnh hỗ trợ các chế độ điều khiển đèn nháy i-TTL sau:

- Chế độ điều khiển đèn nháy dành cho đèn nháy gắn sẵn có thể được chọn bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn e3 (**Đ.kh đ.nháy cho đ.nháy gắn sẵn** □ 246). Màn hình hiển thị thông tin về chế độ điều khiển đèn nháy dành cho đèn nháy gắn sẵn như sau:

122

Độ Mở Ống Kính, Độ Nhảy và Phạm Vi Đèn Nháy

Phạm vi đèn nháy khác với độ nhảy (ISO tương đương) và độ mở ống kính.

Độ mở ống kính ở ISO tương đương							Phạm vi tương đối
100	200	400	800	1600	3200	6400	mét
1.4	2	2.8	4	5.6	8	11	0,7–8,5
2	2.8	4	5.6	8	11	16	0,6–6,0
2.8	4	5.6	8	11	16	22	0,6–4,2
4	5.6	8	11	16	22	32	0,6–3,0
5.6	8	11	16	22	32	—	0,6–2,1
8	11	16	22	32	—	—	0,6–1,5
11	16	22	32	—	—	—	0,6–1,1
16	22	32	—	—	—	—	0,6–0,8

Đèn nháy gắn sẵn sử dụng trong phạm vi tối thiểu là 0,6 m.

Ở chế độ **P**, độ mở ống kính tối đa (số f-tối thiểu) được giới hạn theo độ nhảy ISO, như hình dưới đây:

Độ mở ống kính tối đa ở ISO tương đương:						
100	200	400	800	1600	3200	6400
2.8	3.5	4	5	5.6	7.1	8

Nếu độ mở ống kính tối đa của thấu kính nhỏ hơn mức nêu trên, giá trị tối đa cho độ mở ống kính sẽ là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.

Xem Thêm

Xem trang 125 để có thông tin về khóa giá trị đèn nháy (FV) dành cho đối tượng được đo sáng trước khi tái chỉnh sửa một bức ảnh.

Để biết thông tin về đồng bộ tốc độ cao FP tự động và chọn một tốc độ đồng bộ đèn nháy, xem Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Tốc độ đồng bộ đèn nháy**,  244). Để biết thông tin về việc lựa chọn tốc độ cửa trập chậm nhất khi sử dụng đèn nháy, xem Cài Đặt Tùy Chọn e2 (**Tốc độ cửa trập đèn nháy**,  245). Để biết thông tin về điều khiển đèn nháy và sử dụng đèn nháy gắn sẵn ở chế độ bộ điều khiển, xem Cài Đặt Tùy Chọn e3 (**Đ.kh đ.nháy cho đ.nháy gắn sẵn**,  246).

Xem trang 303 để có thông tin về sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn.

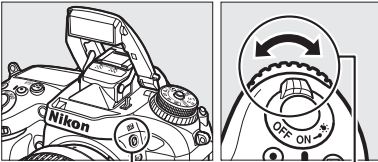


Bù Đèn Nháy

(Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

Bù đèn nháy được sử dụng để thay đổi đầu ra đèn nháy từ -3 EV đến +1 EV trong gia số 1/3 EV, làm thay đổi độ sáng của đối tượng chính tương quan với nền. Có thể tăng công suất đèn nháy để làm đối tượng chính trông sáng hơn, hoặc giảm đi để tránh những điểm nổi bật hoặc phản xạ không mong muốn.

Nhấn nút  và quay đĩa lệnh phụ cho đến khi giá trị mong muốn hiện thị trên bảng điều khiển. Nhìn chung, chọn những giá trị dương sẽ làm đối tượng chính trông sáng hơn, các giá trị âm làm nó tối hơn.

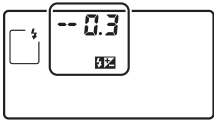


Nút 

Đĩa lệnh phụ

Tại các giá trị không phải là $\pm 0,0$, biểu tượng  sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm sau khi bạn nhấn nút . Có thể xác nhận giá trị hiện tại cho bù đèn nháy bằng cách nhấn nút .

Có thể khôi phục công suất đèn nháy bằng cách cài đặt bù đèn nháy về $\pm 0,0$. Bù đèn nháy không được cài đặt lại khi máy ảnh tắt.



± 0 EV

(Nút  được nhấn)



-0,3 EV



+1,0 EV

Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Bù đèn nháy cũng có sẵn với các bộ đèn nháy tùy chọn SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, SB-400, và SB-R200. SB-910, SB-900, SB-800, SB-700 và SB-600 cũng cho phép bù đèn nháy được thiết lập bằng cách sử dụng các điều khiển trên bộ đèn nháy; giá trị được lựa chọn cho bộ đèn nháy được thêm vào giá trị đã chọn cho máy ảnh.

Xem Thêm

Để có thông tin về chọn các giá trị tăng thêm sẵn có cho bù đèn nháy, xem Cài Đặt Tùy Chọn b2 (**Bước EV cho đ.khiển phơi sáng**,  234). Để biết thêm thông tin về cách chọn kết hợp đèn nháy và bù phơi sáng, xem Thiết Lập Tùy Chọn e4 (**Bù phơi sáng cho đèn nháy**,  250). Để biết thông tin về tự động thay đổi mức đèn nháy qua loạt chụp, xem trang 133.

Khóa FV

Tính năng này được sử dụng để khóa công suất đèn nháy, cho phép các bức ảnh được chỉnh sửa lại mà không cần thay đổi mức đèn nháy và đảm bảo công suất đèn nháy phù hợp với đối tượng ngay cả khi đối tượng không đặt ở trung tâm khuôn hình. Công suất đèn nháy được điều chỉnh tự động đối với bất kỳ thay đổi nào trong độ nhạy ISO và độ mở ống kính.

Để sử dụng khóa FV:

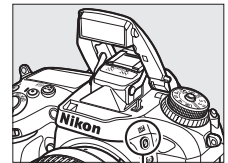
1 Gán khóa FV cho nút Fn.

Chọn **Khóa FV** cho Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Chỉ định nút Fn** > **Nhấn**, 253).



2 Nâng đèn nháy.

Trong các chế độ **P**, **S**, **A**, **M**, và **l**, đèn nháy có thể được nâng lên bằng cách nhấn nút **⚡ (B2)**. Trong các chế độ **Auto**, **l**, **l**, **l**, **l**, **l**, **l**, và **l**, đèn nháy sẽ bật lên tự động khi cần.



Nút **⚡ (B2)**

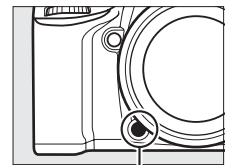
3 Lấy nét.

Đặt đối tượng và trung tâm khuôn hình và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét.



4 Khóa mức đèn nháy.

Sau khi xác nhận rằng chỉ báo đèn nháy (**⚡**) được hiển thị trong kính ngắm, nhấn nút **Fn**. Đèn nháy sẽ bật đèn nháy sớm màn hình để xác định mức độ đèn nháy phù hợp. Công suất đèn nháy sẽ bị khóa ở mức này và các biểu tượng khóa FV (**B2**) sẽ xuất hiện trong kính ngắm.



Nút **Fn**



5 Chỉnh lại ảnh.



6 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để chụp. Nếu muốn, các ảnh bổ sung có thể được chụp mà không cần nhả khóa FV.

7 Nhả khóa FV.

Nhấn nút **Fn** để nhả khóa FV. Xác nhận rằng biểu tượng khóa FV () không còn hiển thị trong kính ngắm.

Sử Dụng khóa FV cho Đèn Nháy Gắn Sẵn

Khóa FV chỉ có sẵn với đèn nháy gắn sẵn khi **TTL** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e3 (**Đ.kh đ.nháy cho đ.nháy gắn sẵn**,  246).

Sử Dụng Khóa FV đối với Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Khóa FV cũng có sẵn với các bộ đèn nháy tùy chọn trong TTL và chế độ điều khiển đèn nháy (khi có hỗ trợ) sớm màn hình AA và chế độ điều khiển đèn nháy sớm màn hình A. Lưu ý rằng khi chế độ bộ điều khiển được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e3 (**Đ.kh đ.nháy cho đ.nháy gắn sẵn**,  246) bạn cần thiết lập chế độ điều khiển đèn nháy cho đèn nháy chính hoặc ít nhất một nhóm từ xa sang TTL hoặc AA.

Đo sáng

Các khu vực đo sáng đối với khóa FV khi sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn như sau:

Bộ đèn nháy	Chế độ đèn nháy	Vùng được đo sáng
Bộ đèn nháy độc lập	i-TTL	4-mm xung quang trung tâm khuôn tạo ảnh
	AA	Vùng được đo sáng bằng đo phơi sáng đèn nháy
Được sử dụng với bộ đèn nháy khác (Đèn Không Dây Năng Cao)	i-TTL	Toàn bộ khuôn hình
	AA	Vùng được đo sáng bằng đo phơi sáng đèn nháy
	A (đèn nháy chủ)	

Xem Thêm

Để biết thông tin về việc sử dụng xem trước độ sâu của trường hoặc nút  **AE-L/AF-L** dành cho khóa FV, xem Cài Đặt Tùy Chọn f3 (**Chỉ định nút xem trước**,  255) hoặc Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Chỉ định nút AE-L/AF-L**,  256).



Chụp Ảnh Điều Khiển Từ Xa

Sử Dụng Điều Khiển Từ Xa ML-L3 Tùy Chọn

Điều khiển từ xa ML-L3 (☐ 309) có thể được sử dụng để giảm lắc máy ảnh hoặc để tự chụp chân dung.

1 Chọn Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3).

Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)** trong menu chụp và nhấn ►.



Nút MENU

2 Chọn chế độ điều khiển từ xa.

Làm nổi bật trong những tùy chọn sau và nhấn OK.

Tùy chọn	Mô tả
 2s Chế độ từ xa trễ	Cửa trập được nhả sau 2 giây sau khi nút nhả cửa trập ML-L3 được nhấn.
 Chế độ từ xa phản ứng nhanh	Cửa trập được nhả khi nút nhả cửa trập ML-L3 được nhấn.
 Mup Gương nâng lên từ xa	Nhấn nút nhả cửa trập ML-L3 một lần để nâng gương, nhấn lần nữa để nhả cửa trập và chụp ảnh. Tránh bị che mờ gây ra do máy ảnh di chuyển khi gương nâng lên.
 OFF Tắt	Không thể nhả cửa trập bằng cách sử dụng ML-L3.

3 Tạo khuôn hình bức ảnh.

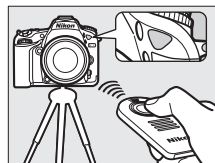
Lắp máy ảnh vào giá ba chân hoặc đặt máy ảnh lên bề mặt ổn định, bằng phẳng.

Chế Độ Nhả

Khi điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn được sử dụng, chế độ nhả được chọn với đĩa lệnh chế độ nhả (☐ 57) được bỏ qua để sử dụng tùy chọn được chọn cho **Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)** trong menu chụp.

4 Chụp ảnh.

Từ khoảng cách 5 m hoặc gần hơn, hướng bộ phát trên ML-L3 vào các bộ nhận hồng ngoại trên máy ảnh (☐ 3, 5) và nhấn nút nhả cửa trập ML-L3. *Trong chế độ từ xa chụp chậm*, đèn hẹn giờ sẽ sáng trong khoảng hai giây trước khi cửa trập nhả. *Trong chế độ từ xa phản ứng nhanh*, đèn hẹn giờ sẽ nhấp nháy sau khi cửa trập được nhả. *Trong chế độ gương nâng lên từ xa*, nhấn nút nhả cửa trập ML-L3 khi nâng gương nâng lên; cửa trập sẽ được nhả và đèn hẹn giờ nhấp khoảng sau 30 giây hoặc khi nút được nhấn lần thứ hai.



☑ Trước Khi Sử Dụng Điều Khiển Từ Xa ML-L3

Trước khi sử dụng điều khiển từ xa lần đầu tiên, tháo tấm phủ pin và nhựa trong.

🔋 Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn

Trước khi chụp ảnh với đèn nháy ở các chế độ **P**, **S**, **A**, **M**, hoặc **Hi**, nhấn nút  () để nâng đèn nháy và đợi cho chỉ báo  hiển thị trong kính ngắm (☐ 119). Việc chụp sẽ bị gián đoạn nếu đèn nháy được nâng lên trong khi chế độ điều khiển từ xa có hiệu lực. Nếu cần phải dùng đèn nháy, máy ảnh sẽ chỉ phản ứng với nút nhả cửa trập ML-L3 khi đèn nháy đã sạc điện. Trong chế độ tự động hoặc cảnh và hiệu ứng đặc biệt mà đèn nháy tự động bật lên, đèn nháy sẽ bắt đầu sạc khi chế độ điều khiển từ xa được chọn; một khi đèn nháy đã được sạc, nó sẽ tự động bật lên và bật sáng khi cần.

Trong chế độ đèn nháy hỗ trợ giảm mắt đỏ, đèn giảm mắt đỏ sẽ sáng khoảng một giây trước khi cửa trập được nhả. Trong chế độ từ xa chụp chậm, đèn hẹn giờ sẽ sáng hai giây, tiếp theo là đèn giảm mắt đỏ sẽ sáng một giây trước khi cửa trập được nhả.

📷 Lấy Nét trong Chế Độ Điều Khiển Từ Xa

Máy ảnh không thể điều chỉnh lấy nét liên tục khi lấy nét tự động phần phụ liên tục được chọn; tuy nhiên lưu ý rằng bất kể chế độ lấy nét tự động nào được chọn, bạn vẫn có thể lấy nét bằng cách nhấn vào nút nhả cửa trập máy ảnh nửa chừng trước khi chụp. Nếu tự động lấy nét tự động hoặc tự động lấy nét tự động phần phụ đơn được chọn cho máy ảnh ở chế độ xem trực tiếp trong chế độ từ xa phản ứng nhanh hoặc tri hoãn, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh lấy nét trước khi chụp; nếu máy ảnh không thể lấy nét trong chụp ảnh bằng kính ngắm, nó sẽ trở về chế độ chờ mà không nhả cửa trập.

📷 Chế Độ Nâng Gương Lên Từ Xa

Trong khi gương được nâng lên, không thể tạo khuôn hình cho ảnh trong kính ngắm, lấy nét tự động và đo sáng sẽ không hoạt động được.

Chế Độ Điều Khiển Từ xa Hiện Tại

Điều khiển từ xa sẽ bị hủy bỏ tự động nếu không có ảnh nào được chụp trước khi thời gian được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c5 (**Chụp từ xa theo t.lượng (ML-L3)**,  238), **Tắt** được chọn cho **Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)**, khởi động lại hai nút được thực hiện, hoặc các tùy chọn chụp được đặt lại bằng cách sử dụng **Đặt lại menu chụp ảnh tùy chọn**.

Chỉ định nút cửa trập

Nếu **Ghi phim** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g4 (**Chỉ định nút cửa trập**,  260), không thể sử dụng ML-L3 khi bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang .

Đậy Kính Ngắm

Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm khỏi gây nhiễu phơi sáng, tháo hốc mắt cao su và đậy nắp kính ngắm bằng nắp thị kính DK-5 được cung cấp ( 60).

Xem Thêm

Để biết thông tin về cách chọn độ dài thời gian máy ảnh sẽ vẫn ở chế độ chờ tín hiệu từ điều khiển từ xa, xem Cài Đặt Tùy Chọn c5 (**Chụp từ xa theo t.lượng (ML-L3)**;  238). Để biết thông tin về kiểm soát tiếng bíp khi sử dụng điều khiển từ xa, xem Cài Đặt Tùy Chọn d1 (**Bíp**;  238).

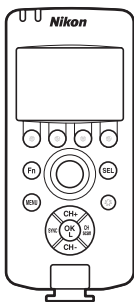


Bộ Điều Khiển Từ Xa Không Dây

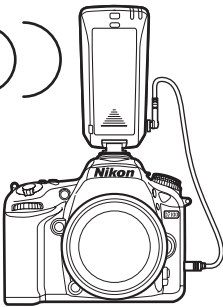
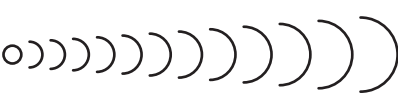
Khi máy ảnh được sử dụng với các bộ điều khiển từ xa không dây WR-1 (☐ 309) và WR-R10/WR-T10 (☐ 309) tùy chọn, nút nhả cửa trập trên WR-1 và WR-T10 thực hiện chức năng tương tự như nút nhả cửa trập máy ảnh, cho phép chụp ảnh liên tục và chụp ảnh hẹn giờ từ xa.

Bộ Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-1

Khi WR-1 được kết nối vào đầu cắm phụ kiện máy ảnh, cửa trập có thể được nhả bằng cách sử dụng WR-1 khác.



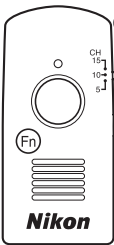
Nhấn nút nhả cửa trập trên bộ
phát...



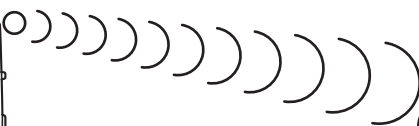
... sẽ nhả cửa trập trên máy ảnh được
kết nối với bộ thu.

Bộ Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-R10/WR-T10

Khi WR-R10 (bộ thu) được kết nối vào máy ảnh, cửa trập có thể được nhả bằng cách sử dụng WR-T10 (bộ phát).



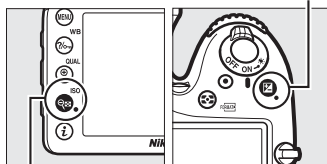
Nhấn nút nhả cửa trập trên
WR-T10 (bộ phát)...



... sẽ nhả cửa trập trên máy ảnh
được kết nối với WR-R10 (bộ
thu).



Khởi Động Lại Hai Nút: Khôi phục lại thiết lập mặc định

Nút 

Nút ☞ (ISO)

Tùy chọn	Mặc Định	
Chất lượng hình ảnh	JPEG bình thường	66
Kích cỡ hình ảnh	Lớn	68
Cân bằng trắng	Tự động > Bình thường	89
Dò tinh chỉnh	A-B: 0, G-M: 0	91
HDR (dải nhạy sáng cao)	Tắt ¹	115
Cài đặt độ nhạy ISO		
Độ nhạy ISO		
P, S, A, M	100	79
Các chế độ chụp khác	Tự động	
Điều khiển tự động độ nhạy ISO	Tắt	81
Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)	Tắt	127
Chụp hẹn giờ quang thời gian	Tắt ²	145
Lấy nét tự động (kính ngắm)		
Chế độ lấy nét tự động		
	AF-S	71
Các chế độ khác với 	AF-A	
Chế độ vùng lấy nét tự động		
    	Lấy nét tự động điểm đơn	73
 	Lấy nét tự động vùng động 51 điểm	
                               		



Tùy chọn	Mặc Định	
Lấy nét tự động (xem trực tiếp/phim)		
Chế độ lấy nét tự động	AF-S	155
Chế độ vùng lấy nét tự động		
         P, S, A, M	Lấy nét tự động vùng rộng	156
 	Lấy nét tự động vùng bình thường	
        	Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt	
Điểm lấy nét ³	Trung tâm	75
Đo sáng	Ma trận	83
Giữ khóa tự động phơi sáng	Tắt	76, 84
Chụp bù trừ	Tắt	133
Cài đặt Picture Control ⁴	Chưa điều chỉnh	105
Bù đèn nháy	Tắt	124
Bù phơi sáng	Tắt	86
Chế độ trễ phơi sáng	Tắt	241
Chế độ đèn nháy		
    	Tự động	120
	Tự động+giảm mắt đỏ	
	Tự động+đồng bộ chậm	
¶, P, S, A, M	Đèn nháy làm đầy	
Khóa FV	Tắt	125
Đa phơi sáng	Tắt ⁵	141
Chương trình linh động	Tắt	48
+NEF (RAW)	Tắt	253
Chế độ hiệu ứng đặc biệt		
		
Sống động	0	180
Đường nét	0	
		
Hướng	Phong cảnh	181
Chiều rộng	Bình thường	
		
Màu	Tắt	182
Phạm vi màu	3	

1 Cường độ HDR không được đặt lại.

2 Nếu chụp hẹn giờ quảng thời gian hiện đang trong sử dụng, việc chụp sẽ kết thúc. Thời gian bắt đầu, quảng thời gian chụp, và số lượng quảng thời gian và số lần chụp không được thiết lập lại.

3 Điểm lấy nét không được hiển thị lấy nét tự động vùng tự động được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động.

4 Chỉ Picture Control hiện hành.

5 Nếu đa phơi sáng hiện đang được sử dụng, việc chụp ảnh sẽ kết thúc và đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ các phơi sáng được ghi đến điểm đó. Gia số và số lần chụp không được thiết lập lại.

Chụp bù trừ

(Chỉ Các Chế Độ P, S, A và M)

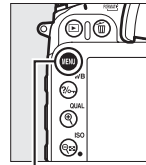
Chụp bù trừ tự động thay đổi phơi sáng, mức đèn nháy, Active D-Lighting (ADL), hoặc cân bằng trắng với mỗi lần chụp, “chụp bù trừ” giá trị hiện hành. Chọn trong các tình huống khó thiết lập phơi sáng, mức độ đèn nháy, (i-TTL và, nơi được hỗ trợ, chỉ chế độ điều khiển đèn nháy độ mở ống kính tự động; xem trang 122, 246, và 305), cân bằng trắng, hoặc D-Lighting hoạt động và không có thời gian để kiểm tra kết quả và điều chỉnh các cài đặt với mỗi lần chụp, hoặc thử nghiệm với các cài đặt khác nhau cho cùng một đối tượng.

■ ■ Bù Trừ Đèn Nháy và Phơi Sáng

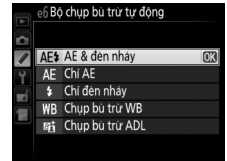
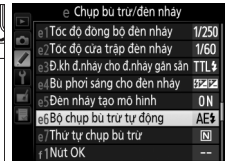
Để thay phơi sáng và/hoặc đèn nháy trong một loạt các bức ảnh:

1 Chọn đèn nháy hoặc phơi sáng bù trừ cho Thiết Lập Tùy Chọn e6 (Bộ chụp bù trừ tự động) trong menu Cài Đặt Tùy Chọn.

Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Chọn Cài Đặt Tùy Chọn e6 (**Bộ chụp bù trừ tự động**) trong menu Cài Đặt Tùy Chọn, làm nổi bật một tùy chọn và nhấn $\odot$. Chọn **AE & đèn nháy** để thay đổi phơi sáng và mức đèn nháy, **Chỉ AE** để chỉ thay đổi phơi sáng, hoặc **Chỉ đèn nháy** để chỉ thay đổi mức đèn nháy.

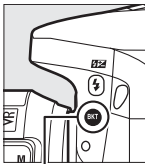


Nút MENU



2 Chọn số lần chụp.

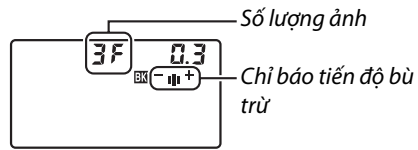
Nhấn nút BKT, xoay đĩa lệnh chính để chọn số ảnh trong chuỗi chụp bù trừ và thứ tự ảnh sẽ được chụp.



Nút BKT



Đĩa lệnh chính



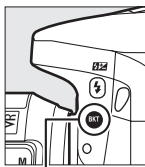
Bảng điều khiển

BKT sẽ được hiển thị trong kính ngắm (xem bên phải); bảng điều khiển sẽ hiển thị BKT.

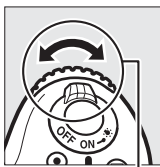


3 Chọn gia số chụp bù trừ.

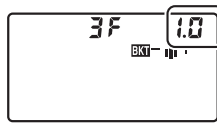
Nhấn nút **BKT** và xoay quay số phụ lệnh để chọn gia số chụp bù trừ.



Nút BKT



Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

Gia số chụp bù trừ

Các chương trình chụp bù trừ với gia số $\frac{1}{3}$ EV được liệt kê dưới đây:

Hiển thị bảng điều khiển	Số lần chụp	Thứ tự chụp bù trừ (EVs)
+ 3F 0.3	3	0/+0,3/+0,7
-- 3F 0.3	3	0/-0,7/-0,3
+ 2F 0.3	2	0/+0,3
-- 2F 0.3	2	0/-0,3
3F 0.3	3	0/-0,3/+0,3
5F 0.3	5	0/-0,7/-0,3/+0,3/+0,7

Xem Thêm

Để biết thông tin về lựa chọn các kích cỡ của gia số, xem Cài Đặt Tùy Chọn b2 (**Bước EV cho đ.khiển phơi sáng**, □ 234). Để biết thêm thông tin về cách chọn thứ tự thực hiện chụp bù trừ, xem Cài Đặt Tùy Chọn e7 (**Thứ tự chụp bù trừ**, □ 251).

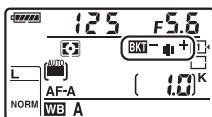


4 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

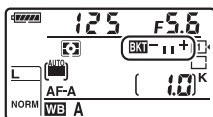
Máy ảnh này sẽ thay đổi phơi sáng và/hoặc mức đèn nháy từng lần chụp theo chương trình chụp bù trừ được chọn. Điều chỉnh phơi sáng được bổ sung vào các ảnh có bù phơi sáng (□ 86), giúp đạt được các giá trị bù phơi sáng hơn 5 EV.



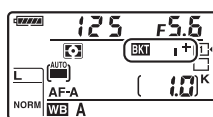
Trong khi chụp bù trừ có hiệu lực, chỉ báo tiến độ bù trừ sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển. Mỗi phần sẽ biến mất khỏi chỉ báo sau mẫu ảnh chụp.



Phơi sáng được điều chỉnh
bởi:
0 EV



Phơi sáng được điều chỉnh
bởi:
-1 EV



Phơi sáng được điều chỉnh
bởi:
+1 EV

Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi chỉ báo tiến độ bù trừ và biểu tượng **BKT** không còn hiển thị.



Bù Trừ Đèn Nháy và Phơi Sáng

Trong các chế độ nhả tốc độ thấp liên tục và chế độ tốc độ cao liên tục, việc chụp sẽ tạm dừng sau khi số lần chụp được quy định trong chương trình chụp bù trừ đã được thực hiện. Việc chụp sẽ khôi phục lần tới khi nút nhả cửa trập được nhấn. Trong chế độ tự hẹn giờ, máy ảnh sẽ thực hiện số lần chụp được chọn ở Bước 2 trên trang 133 mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn, bất kể tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 được chọn như thế nào (**Tự hẹn giờ**) > **Số lượng ảnh** (☐ 237); tuy nhiên quãng thời gian giữa các lần chụp được điều khiển bởi Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Tự hẹn giờ**) > **Quãng thời gian giữa các ảnh**. Trong các chế độ khác, mỗi lần nhả nút nhả cửa trập sẽ có một ảnh được chụp.

Nếu thẻ nhớ đầy trước khi tắt cả các lần chụp trong trình tự đã được chụp, việc chụp có thể được khôi phục lại trong lần chụp tiếp theo trình tự sau khi đã thay thẻ nhớ hoặc các ảnh đã được xóa để tạo không gian cho thẻ nhớ. Nếu máy ảnh được tắt trước khi tắt cả các lần chụp trong trình tự được chụp, chụp bù trừ sẽ tiếp tục trình tự trong lần chụp tiếp theo khi máy ảnh được bật.

Phơi Sáng Bù Trừ

Máy ảnh điều chỉnh phơi sáng bằng cách thay đổi tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (chế độ P), độ mở ống kính (chế độ S), hoặc tốc độ cửa trập (chế độ A và M). Nếu **Bật** được chọn cho **Cài đặt độ nhạy ISO** > **Điều khiển tự động độ nhạy ISO** (☐ 81) trong các chế độ P, S, và A, máy ảnh sẽ tự động thay đổi độ nhạy ISO cho phơi sáng tối ưu khi vượt quá giới hạn của hệ thống phơi sáng máy ảnh; trong chế độ M, đầu tiên máy ảnh sẽ sử dụng điều khiển độ nhạy ISO tự động để phơi sáng càng gần mức tối ưu càng tốt và sau đó bù trừ phơi sáng này bằng cách thay đổi tốc độ cửa trập.

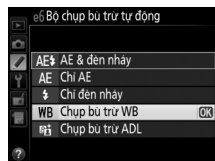


■ Cân Bằng Trắng Bù Trừ

Máy ảnh này tạo ra nhiều bản sao của mỗi bức ảnh, mỗi ảnh có cân bằng trắng khác nhau. Để có thêm thông tin về cân bằng trắng, xem trang 89.

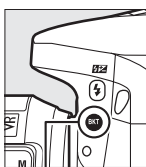
1 Chọn cân bằng trắng bù trừ.

Chọn **Chụp bù trừ WB** cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 **Bộ chụp bù trừ tự động**.

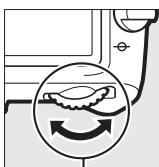


2 Chọn số lần chụp.

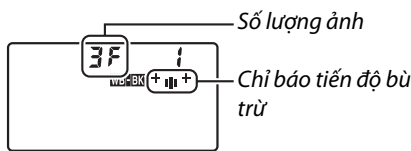
Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh chính để chọn số ảnh trong chuỗi chụp bù trừ và thứ tự ảnh sẽ được chụp.



Nút **BKT**



Đĩa lệnh chính



Bảng điều khiển

BKT sẽ được hiển thị trong kính ngắm (xem bên phải); bảng điều khiển sẽ hiển thị **WB-BKT**.



■ Cân Bằng Trắng Bù Trừ

Cân bằng trắng bù trừ không có ở chất lượng hình ảnh NEF (RAW). Việc chọn **NEF (RAW)**, **NEF (RAW) + JPEG mịn**, **NEF (RAW) + JPEG bình thường**, hoặc **NEF (RAW) + JPEG cơ bản** sẽ hủy cân bằng trắng bù trừ.

Cân bằng trắng bù trừ chỉ ảnh hưởng đến nhiệt độ màu (trục hồ phách-màu xanh trong màn hình hiển thị dò tinh chỉnh cân bằng trắng, 91). Không có điều chỉnh nào được thực hiện trên trục màu xanh lá cây-đỏ tươi.

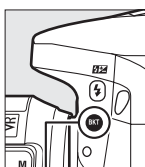
Trong chế độ tự hẹn giờ (95), số lượng bản sao quy định trong chương trình cân bằng trắng sẽ được tạo ra mỗi khi cửa trập được nhả, bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Tự hẹn giờ**) > **Số lượng ảnh** (237).

Nếu máy ảnh bị tắt trong khi đèn tiếp cận thẻ nhớ sáng, máy ảnh sẽ chỉ tắt nguồn sau khi tắt cả các bức ảnh theo thứ tự đã được ghi lại.

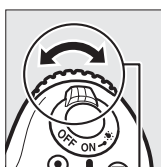


3 Chọn một gia số cân bằng trắng.

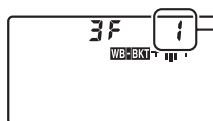
Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh phụ để chọn gia số của 1 (5 đơn vị đo nhiệt độ màu; 93), 2 (10 đơn vị đo nhiệt độ màu) hoặc 3 (15 đơn vị đo nhiệt độ màu). Giá trị **B** cho biết lượng màu xanh, giá trị số **A** là lượng màu hổ phách (91).



Nút BKT



Đĩa lệnh phụ



Bảng điều khiển

Gia số cân bằng trắng

Các chương trình chụp bù trừ với gia số 1 được liệt kê dưới đây.

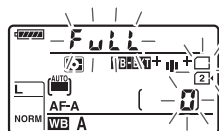
Hiển thị bảng điều khiển	Số lần chụp	Gia số cân bằng trắng	Thứ tự chụp bù trừ
b3F 1 +	3	1B	0 / 1 B / 2 B
A3F 1 +	3	1A	0 / 2 A / 1 A
b2F 1 +	2	1B	0 / 1 B
A2F 1 +	2	1A	0 / 1 A
3F 1 + +	3	1A, 1B	0 / 1 A / 1 B
5F 1 + + +	5	1A, 1B	0 / 2 A / 1 A / 1 B / 2 B

4 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Mỗi ảnh chụp sẽ được xử lý để tạo ra số lượng bản sao quy định trong chương trình chụp bù trừ, và mỗi bản sao sẽ có cân bằng trắng khác nhau. Các chỉnh sửa cân bằng trắng được bổ sung vào điều chỉnh cân bằng trắng với dò tinh chỉnh cân bằng trắng.



Nếu số lượng ảnh chụp trong chương trình chụp bù trừ lớn hơn so với số phơi sáng còn lại, **Full** và biểu tượng của thẻ bị ảnh hưởng sẽ đèn nhấp trong bảng điều khiển, biểu tượng **Full** nhấp nháy sẽ xuất hiện trong kính ngắm như thể hiện ở bên phải và nhả cửa trập sẽ bị vô hiệu hóa. Việc chụp có thể bắt đầu khi thẻ nhớ mới được lắp vào.



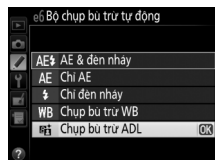
Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi chỉ báo tiến độ bù trừ và biểu tượng **WB-BKT** không còn được hiển thị.

■ ■ Chụp bù trừ ADL

Máy ảnh này thay đổi D-Lighting hoạt động trong một loạt các phơi sáng. Để có thêm thông tin về D-Lighting hoạt động, xem trang 113.

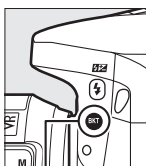
1 Chọn bù trừ ADL.

Chọn **Chụp bù trừ ADL** cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 **Bộ chụp bù trừ tự động**.

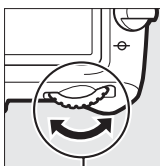


2 Chọn số lần chụp.

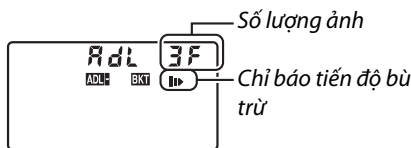
Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh chính để lựa chọn số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ. Chọn chụp hai ảnh để chụp một ảnh với D-Lighting hoạt động tắt và ảnh khác với giá trị hiện được chọn cho **D-Lighting hoạt động** trong menu chụp (Nếu D-Lighting hoạt động tắt, ảnh chụp thứ hai sẽ được chụp với D-Lighting hoạt động được đặt sang **Tự động**). Chọn chụp ba ảnh để chụp một loạt ảnh với D-Lighting hoạt động được đặt sang **Tắt**, **Bình thường**, và **Cao**.



Nút BKT



Đĩa lệnh chính



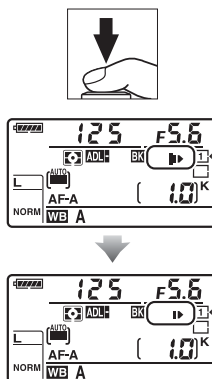
Bảng điều khiển

BKT sẽ được hiển thị trong kính ngắm (xem bên phải); bảng điều khiển sẽ hiển thị **ADL-BKT**.



3 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Máy ảnh sẽ thay đổi D-Lighting hoạt động theo mỗi lần chụp tùy theo chương trình chụp bù trừ được chọn. Trong khi chụp bù trừ có hiệu lực, chỉ báo tiến độ bù trừ sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển. Mỗi phần sẽ biến mất khỏi chỉ báo sau mẫu ảnh chụp: nếu chương trình chụp bù trừ có hai lần chụp, chỉ báo sẽ thay đổi từ **▮▮** sang **▮▮**, trong khi nếu chương trình có ba lần chụp, chỉ báo sẽ thay đổi từ **▮▮** sang **▮▮**.



Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi chỉ báo tiến độ bù trừ và biểu tượng **ADL=BKT** không còn được hiển thị.



Chụp bù trừ ADL

Trong các chế độ nhả tốc độ thấp liên tục và chế độ tốc độ cao liên tục, việc chụp sẽ tạm dừng sau khi số lần chụp được quy định trong chương trình chụp bù trừ đã được thực hiện. Việc chụp sẽ khôi phục lần tới khi nút nhả cửa trập được nhấn. Trong chế độ tự hẹn giờ, máy ảnh sẽ thực hiện số lần chụp được chọn ở Bước 2 trên trang 139 mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn, bất kể tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 được chọn như thế nào (**Tự hẹn giờ**) > **Số lượng ảnh** (□ 237); tuy nhiên quãng thời gian giữa các lần chụp được điều khiển bởi Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Tự hẹn giờ**) > **Quãng thời gian giữa các ảnh**. Trong các chế độ khác, mỗi lần nhả nút nhả cửa trập sẽ có một ảnh được chụp.

Nếu thẻ nhớ đầy trước khi tất cả các lần chụp trong trình tự đã được chụp, việc chụp có thể được khôi phục lại trong lần chụp tiếp theo trình tự sau khi đã thay thẻ nhớ hoặc các ảnh đã được xóa để tạo không gian cho thẻ nhớ. Nếu máy ảnh được tắt trước khi tất cả các lần chụp trong trình tự được chụp, chụp bù trừ sẽ tiếp tục trình tự trong lần chụp tiếp theo khi máy ảnh được bật.

Thực hiện theo các bước dưới đây để ghi lại một loạt hai hoặc ba phơi sáng một bức ảnh duy nhất. Đa phơi sáng tạo ra màu sắc rõ nét hơn đối với ảnh có lớp phủ ảnh do phần mềm tạo ra từ các hình ảnh có sẵn.

■ ■ Tạo Đa Phơi Sáng

Không thể ghi lại đa phơi sáng trong chế độ xem trực tiếp. Thoát khỏi xem trực tiếp trước khi tiếp tục.

Thời Gian Ghi Mở Rộng

Đối với quãng thời gian giữa những phơi sáng hơn 30 giây, kéo dài độ trễ tắt đo sáng bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**,  237). Khoảng thời gian tối đa giữa các phơi sáng là 30 giây lâu hơn tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2. Việc chụp sẽ tự động kết thúc nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng thời gian nhất định và một đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ các phơi sáng được ghi tới điểm đó.

- 1 Chọn Đa phơi sáng trong menu chụp.**
Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Đa phơi sáng** trong menu chụp và nhấn ►.

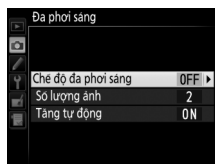


Nút MENU



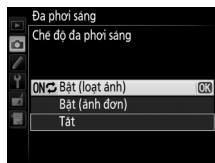
2 Chọn một chế độ.

Làm nổi bật **Chế độ đa phơi sáng** và nhấn ►.



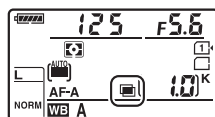
Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn **OK**.

- Để chụp một loạt đa phơi sáng, chọn **ON** ➔ **Bật (loạt ảnh)**. Chụp đa phơi sáng sẽ tiếp tục cho đến khi bạn chọn **Tắt** cho **Chế độ đa phơi sáng**.



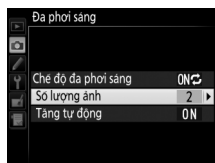
- Để chụp một đa phơi sáng, chọn **Bật (ảnh đơn)**. Chụp bình thường sẽ khôi phục tự động sau khi bạn đã tạo được một đa phơi sáng.
- Để thoát mà không tạo thêm đa phơi sáng, chọn **Tắt**.

Nếu **Bật (loạt ảnh)** hoặc **Bật (ảnh đơn)** được chọn, biểu tượng  sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển.

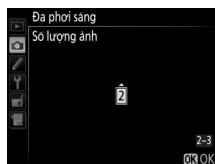


3 Chọn số lần chụp.

Làm nổi bật **Số lượng ảnh** và nhấn ►.

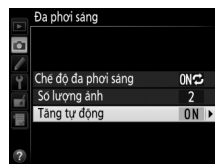


Nhấn ▲ hoặc ▼ để lựa chọn số lượng phơi sáng sẽ được kết hợp để tạo thành một bức ảnh duy nhất và nhấn **OK**.



4 Chọn mức tăng.

Làm nổi bật **Tăng tự động** và nhấn ►.



Các tùy chọn sau đây sẽ được hiển thị. Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**.

- **Bật:** Mức tăng được điều chỉnh theo số phơi sáng thực sự được ghi (mức tăng cho mỗi phơi sáng được đặt sang $1/2$ cho 2 phơi sáng, $1/3$ cho 3 phơi sáng v.v...).
- **Tắt:** Mức tăng không được điều chỉnh khi ghi nhiều đa phơi sáng. Khuyến dùng nếu nền tối.

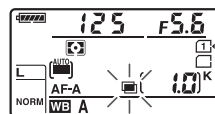


5 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Trong chế độ nhả tốc độ thấp liên tục và tốc độ cao liên tục (□ 57), máy ảnh ghi lại tất cả các phơi sáng trong một lần chụp liên tiếp. Nếu **Bật (loạt ảnh)** được chọn, máy ảnh sẽ tiếp tục ghi đa phơi sáng trong khi nút nhả cửa trập được nhấn; nếu **Bật (ảnh đơn)** được chọn, chụp đa phơi sáng sẽ kết thúc sau bức ảnh đầu tiên. Trong chế độ tự hẹn giờ, máy ảnh sẽ tự động ghi số lượng phơi sáng được chọn ở Bước 3 trên trang 142, bất kể tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 được chọn như thế nào (**Tự hẹn giờ**) > **Số lượng ảnh** (□ 237); tuy nhiên quãng thời gian giữa các lần chụp được điều khiển bởi Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Tự hẹn giờ**) > **Quãng thời gian giữa các ảnh**. Trong các chế độ nhả khác, một bức ảnh sẽ được chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn, tiếp tục chụp cho đến khi tắt cả các phơi sáng đã được ghi (để biết thông tin về việc dừng đa phơi sáng trước khi tắt cả các hình ảnh được ghi lại, xem trang 144).



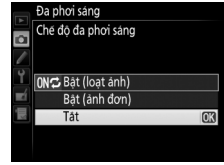
Biểu tượng  sẽ nhấp cho đến khi chụp xong. Nếu **Bật (loạt ảnh)** được chọn, chụp đa phơi sáng sẽ chỉ kết thúc khi **Tắt** được chọn cho chế độ đa phơi sáng; Nếu **Bật (ảnh đơn)** được chọn, việc chụp đa phơi sáng sẽ tự động kết thúc khi đa phơi sáng hoàn tất. Biểu tượng  được xóa khỏi màn hình khi chụp đa phơi sáng kết thúc.



■ ■ Dừng Đa Phơi Sáng

Để gián đoạn đa phơi sáng trước khi đạt được số lượng phơi sáng quy định, chọn **Tắt** cho chế độ đa phơi sáng. Nếu việc chụp kết thúc trước khi đạt tới số phơi sáng quy định, đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ các phơi sáng đã ghi được tới thời điểm đó. Nếu **Tăng tự động** được bật, việc tăng sẽ được điều chỉnh để phản ánh số các phơi sáng thực sự được ghi lại. Lưu ý rằng việc chụp sẽ tự động kết thúc nếu:

- Khởi động lại hai nút được thực hiện (📖 131)
- Máy ảnh được tắt
- Pin cạn kiệt
- Ảnh được xóa



☑ Đa Phơi Sáng

Không tháo hoặc thay thẻ nhớ trong khi đang ghi đa phơi sáng.

Không thể ghi lại đa phơi sáng trong chế độ xem trực tiếp. Chụp ảnh trong xem trực tiếp thiết lập lại **Chế độ đa phơi sáng** sang **Tắt**.

Nhiều (các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) có thể xuất hiện trong các bức ảnh chụp với **Tắt** cho tăng tự động (📖 143).

Thông tin được liệt kê trong hiển thị thông tin ảnh phát lại (bao gồm cả đo sáng, phơi sáng, chế độ chụp, tiêu cự, ngày chụp và hướng máy ảnh) là của lần chụp đầu tiên trong đa phơi sáng.

📝 Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Nếu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian được kích hoạt trước khi phơi sáng đầu tiên, máy ảnh sẽ ghi lại các phơi sáng ở khoảng thời gian lựa chọn cho đến khi đạt được số lượng phơi sáng được quy định trong menu đa phơi sáng (số lượng ảnh được liệt kê trong menu chụp hẹn giờ quảng thời gian bị bỏ qua). Các phơi sáng này sau đó sẽ được ghi thành một bức ảnh và chụp hẹn giờ quảng thời gian sẽ kết thúc (nếu **Bật (ảnh đơn)** được chọn cho chế độ đa phơi sáng, chụp đa phơi sáng cũng sẽ kết thúc tự động).

📝 Thiết Lập Khác

Trong khi đa phơi sáng đang được chụp, thẻ nhớ không thể được định dạng và một số mục menu chuyển sang màu xám và không thể thay đổi được.

Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Máy ảnh được trang bị để chụp ảnh tự động trong khoảng thời gian thiết lập trước.

☑ Trước Khi Chụp

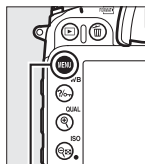
Không chọn tự hẹn giờ (☹) hoặc chế độ nhả MUP khi sử dụng hẹn giờ quảng thời gian. Trước khi bắt đầu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian, chụp thử ở các cài đặt hiện hành và xem các kết quả trong màn hình.

Trước khi lựa chọn thời gian bắt đầu, chọn **Múi giờ và ngày** trong menu cài đặt và chắc chắn rằng đồng hồ máy ảnh được thiết lập đúng thời gian và ngày (📅 265).

Nên sử dụng giá ba chân. Lắp máy ảnh vào giá ba chân trước khi bắt đầu chụp. Để đảm bảo việc chụp không bị gián đoạn, hãy chắc chắn pin máy ảnh EN-EL15 đã được sạc đầy. Nếu nghi ngờ, hãy sạc pin trước khi sử dụng hoặc sử dụng một bộ đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5B (bán riêng).

1 Chọn Chụp hẹn giờ quảng thời gian trong menu chụp.

Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Chụp hẹn giờ quảng thời gian** trong menu chụp và nhấn ►.



Nút MENU



2 Chọn thời gian bắt đầu.

Chọn từ các bộ kích hoạt bắt đầu sau đây.

- **Để bắt đầu chụp ngay**, làm nổi bật **Ngay bây giờ** và nhấn ►. Việc chụp bắt đầu khoảng 3 giây sau khi cài đặt hoàn tất, chuyển sang Bước 3.
- **Để chọn thời gian bắt đầu**, làm nổi bật **Thời gian bắt đầu** và nhấn ► để hiển thị các tùy chọn thời gian bắt đầu như minh họa ở bên phải. Nhấn ◀ hoặc ► để làm nổi bật giờ hoặc phút và nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nhấn ► để tiếp tục.



3 Chọn khoảng thời gian.

Nhấn ◀ hoặc ► để làm nổi bật giờ, phút hoặc giây và nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Chọn khoảng thời gian dài hơn thời gian cần để chụp được số ảnh chọn ở bước 4. Nếu khoảng thời gian quá ngắn, số lượng ảnh chụp có thể ít hơn tổng số liệt kê trong Bước 4 (số khoảng thời gian nhân với số ảnh trên mỗi khoảng thời gian). Nhấn ► để tiếp tục.



4 Chọn số lượng khoảng thời gian và số lượng ảnh cho mỗi khoảng thời gian.

Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật số khoảng thời gian hoặc số lần chụp; nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nhấn ▶ để tiếp tục.



5 Bắt đầu chụp.

Làm nổi bật **Bật** và nhấn OK (để trở lại menu chụp mà không bắt đầu quãng thời gian, làm nổi bật **Tắt** và nhấn OK). Loạt chụp đầu tiên sẽ được thực hiện tại thời gian bắt đầu được chỉ định, hoặc sau khoảng 3 giây nếu



Ngay bây giờ được chọn cho **Chọn thời gian bắt đầu** trong Bước 2. Việc chụp sẽ tiếp tục ở quãng thời gian lựa chọn cho đến khi chụp xong. Lưu ý rằng do tốc độ cửa trập, tốc độ khuôn hình, và thời gian cần thiết để ghi ảnh có thể khác nhau từ khoảng thời gian này đến khoảng thời gian tiếp theo, thời gian giữa phần cuối của một khoảng thời gian và thời gian bắt đầu tiếp theo có thể khác nhau. Nếu không thể chụp ở các cài đặt hiện hành (ví dụ, nếu tốc độ cửa trập của Bóng đèn (bulb) hoặc Thời gian (- -) hiện được chọn ở chế độ chụp **M** hoặc thời gian bắt đầu chưa tới một phút), cảnh báo sẽ được hiển thị trong màn hình.

✓ Hết Bộ Nhớ

Nếu thẻ nhớ đầy, hẹn giờ quãng thời gian vẫn hoạt động nhưng không có ảnh nào được chụp. Tiếp tục chụp (148) sau khi xóa một số hình ảnh hoặc tắt máy ảnh và lắp thẻ nhớ khác.

🔍 Đậy Kính Ngắm

Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm khỏi gây nhiễu phơi sáng, tháo hốc mắt cao su và đậy nắp kính ngắm bằng nắp thị kính DK-5 được cung cấp (60).

Chụp Ảnh Hẹn giờ Quảng Thời Gian

Chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian không thể kết hợp với chụp ảnh điều khiển từ xa bằng cách sử dụng điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn (□ 127), xem ảnh trực tiếp (□ 153), hoặc xem phim trực tiếp (□ 161).

Chế Độ Nhả

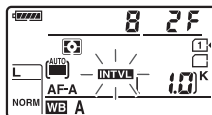
Bất kể chế độ nhả nào được chọn, máy ảnh sẽ chụp số lần chụp được quy định ở mỗi quảng thời gian. Trong chế độ liên tục, ảnh sẽ được chụp ở tốc độ được đưa ra trên trang 58. Trong chế độ S (khuôn hình đơn), ảnh sẽ được chụp ở tốc độ được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d5 (**Tốc độ chụp chế độ CL**, □ 239); trong chế độ Q, nhiều máy ảnh sẽ được giảm.

Chụp bù trừ

Điều chỉnh các cài đặt chụp bù trừ trước khi bắt đầu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian. Nếu phơi sáng, đèn nháy hoặc chụp bù trừ ADL đang hoạt động trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian có hiệu lực, máy ảnh sẽ chụp số lần chụp trong chương trình chụp bù trừ tại mỗi quảng thời gian, bất kể số lần chụp được quy định trong menu hẹn giờ quảng thời gian là bao nhiêu. Nếu cân bằng trắng bù trừ được bật trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian có hiệu lực, máy ảnh sẽ chụp một ảnh trong mỗi quảng thời gian và xử lý ảnh để tạo ra số bản sao được quy định trong chương trình chụp bù trừ.

Trong Quá Trình Chụp

Trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian, biểu tượng **IN-VIS** trong bảng điều khiển sẽ đèn nháy. Ngay trước khi quảng thời gian chụp tiếp theo bắt đầu, màn hình hiển thị tốc độ cửa trập sẽ hiển thị số lượng quảng thời gian còn lại, và màn hình hiển thị khẩu độ sẽ hiển thị số lần chụp còn lại trong quảng thời gian hiện tại. Tại thời điểm khác, có thể xem số quảng thời gian còn lại và số lần chụp trong mỗi khoảng thời gian bằng cách nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng (sau khi nút được nhả, tốc độ cửa trập và độ mở ống kính sẽ được hiển thị cho đến khi hẹn giờ chờ hết hạn).



Để xem các cài đặt quảng thời gian hiện hành, chọn **Chụp hẹn giờ quảng thời gian** giữa các lần chụp. Trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian đang trong tiến trình, menu quảng thời gian sẽ hiển thị thời gian bắt đầu, quảng thời gian chụp, và số quảng thời gian và số lần chụp còn lại. Không mục nào trong số này có thể thay đổi được trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian đang trong tiến trình.



Có thể phát lại ảnh và có thể điều chỉnh cài đặt menu và cài đặt chụp tự do trong khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian đang trong tiến trình. Màn hình sẽ tự động tắt khoảng bốn giây trước mỗi quảng thời gian.



■ ■ Tạm Dừng Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Có thể tạm dừng chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian bằng cách:

- Nhấn vào nút **OK** giữa các quảng thời gian
- Làm nổi bật **Bắt đầu** > **Tạm dừng** trong menu hẹn giờ quảng thời gian và nhấn **OK**
- Tắt và bật lại máy ảnh (nếu muốn, có thể thay thẻ nhớ trong khi máy ảnh tắt)
- Lựa chọn chế độ tự hẹn giờ (☺), hoặc chế độ nhả **MUP**

Để tiếp tục chụp:

1 Chọn thời gian bắt đầu mới.

Chọn thời gian bắt đầu mới như mô tả trên trang 145.



2 Tiếp tục chụp.

Làm nổi bật **Bắt đầu lại** và nhấn **OK**. Lưu ý rằng nếu chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian được tạm dừng trong khi chụp thì số lần chụp còn lại trong quảng thời gian hiện hành sẽ bị hủy.



■ ■ Dừng Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quảng Thời Gian

Chụp hẹn giờ quảng thời gian sẽ kết thúc tự động nếu pin bị cạn kiệt. Có thể dừng chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian bằng cách:

- Chọn **Bắt đầu** > **Tắt** trong menu hẹn giờ quảng thời gian
- Thực hiện khởi động lại hai nút (□ 131)
- Chọn **Đặt lại menu chụp ảnh tùy chọn** trong menu chụp (□ 224)
- Thay đổi các cài đặt chụp bù trừ (□ 133)

Chụp bình thường sẽ tiếp tục khi chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian kết thúc.

■ ■ Không Chụp Được Ảnh

Máy ảnh sẽ bỏ qua quảng thời gian hiện tại nếu bất kỳ tình huống nào sau đây kéo dài tám giây hoặc nhiều hơn sau khi quảng thời gian phải bắt đầu: bức ảnh hoặc hình ảnh của quảng thời gian trước vẫn chưa được chụp, bộ nhớ đệm đầy, hoặc máy ảnh không thể lấy nét trong **AF-S** hoặc khi lấy nét tự động phần phụ đơn được chọn trong **AF-A** (lưu ý rằng máy ảnh sẽ lấy nét lại trước mỗi lần chụp). Việc chụp sẽ tiếp tục với quảng thời gian tiếp theo.

Thấu Kính Không CPU

Bằng cách xác định dữ liệu thấu kính (tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính tối đa), người dùng có thể truy cập đến một loạt các chức năng thấu kính CPU khi sử dụng thấu kính không CPU.

Nếu biết tiêu cự thấu kính:

- Thu phóng thông minh có thể sử dụng với các bộ đèn nháy tùy chọn SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, và SB-600.
- Tiêu cự thấu kính được liệt kê (bằng dấu hoa thị) trong màn hình hiển thị thông tin hình ảnh phát lại

Nếu biết độ mở ống kính tối đa của thấu kính:

- Giá trị độ mở ống kính được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm
- Mức đèn nháy được điều chỉnh cho những thay đổi về độ mở ống kính nếu bộ đèn nháy hỗ trợ chế độ AA (độ mở ống kính tự động)
- Độ mở ống kính được liệt kê (bằng dấu hoa thị) trong màn hình hiển thị thông tin hình ảnh phát lại

Chỉ định cả tiêu cự và độ mở ống kính tối đa của thấu kính:

- Cho phép đo sáng ma trận màu (lưu ý rằng có thể cần thiết phải sử dụng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm để đạt được kết quả chính xác với một số thấu kính, bao gồm cả thấu kính Reflex-NIKKOR)
- Cải thiện độ chính xác của cân bằng trung tâm và đo sáng điểm và đèn nháy làm đầy cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số



Máy ảnh có thể lưu trữ dữ liệu cho chín thấu kính không CPU. Để nhập hoặc chỉnh sửa dữ liệu cho thấu kính không CPU:

1 Chọn Dữ liệu thấu kính không CPU.

Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt và nhấn ►.



Nút MENU

2 Chọn số thấu kính.

Làm nổi bật **Số thấu kính** và nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn số thấu kính giữa 1 và 9.



3 Nhập tiêu cự và độ mở ống kính.

Làm nổi bật **Tiêu cự (mm)** hoặc **Độ mở ống kính tối đa** và nhấn ◀ hoặc ▶ để sửa mục được làm nổi bật. Có thể chọn tiêu cự từ các giá trị giữa 6 đến 4000 mm, độ mở ống kính tối đa từ các giá trị giữa f/1.2 và f/22.



 **Tiêu Cự Không Được Liệt Kê**
Nếu tiêu cự chính xác không được liệt kê, chọn giá trị gần nhất lớn hơn tiêu cự thực tế của thấu kính.

 **Bộ Chuyển Từ Xa và Thấu Kính Thu Phóng**
Độ mở ống kính tối đa cho bộ chuyển từ xa là độ mở ống kính tối đa hỗn hợp của độ mở ống kính và thấu kính. Lưu ý rằng không điều chỉnh được dữ liệu thấu kính khi thấu kính không CPU được thu hoặc phóng. Dữ liệu cho tiêu cự khác nhau có thể được nhập như số thấu kính riêng biệt, hoặc dữ liệu cho thấu kính có thể được chỉnh sửa để phản ánh các giá trị tiêu cự thấu kính mới và độ mở ống kính tối đa mỗi lần thu phóng được điều chỉnh.

4 Lưu cài đặt và thoát.

Nhấn **OK**. Tiêu cự xác định và độ mở ống kính sẽ được lưu theo số thấu kính được chọn.



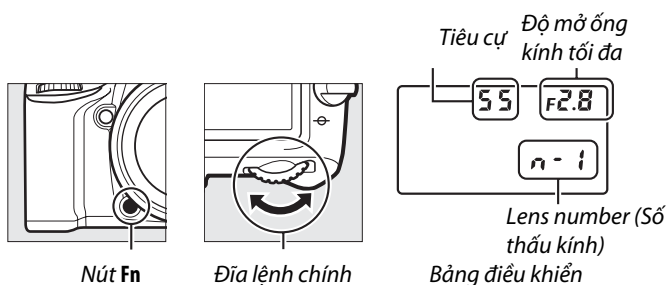
Để gọi lại dữ liệu thấu kính khi sử dụng thấu kính không CPU:

1 Chỉ định lựa chọn số thấu kính không CPU để điều khiển máy ảnh.

Chọn **Chọn số thấu kính không CPU** khi nhấn tùy chọn “nhấn + đĩa lệnh” để điều khiển máy ảnh trong menu Cài Đặt Tùy Chọn. Chọn số thấu kính không CPU có thể được gán cho nút **Fn** (Cài Đặt Tùy Chọn f2, **Chỉ định nút Fn**, □ 253), nút xem trước độ sâu của trường (Cài Đặt Tùy Chọn f3, **Chỉ định nút xem trước**, □ 255), hoặc nút **AE-L/AF-L** (Cài Đặt Tùy Chọn f4, **Chỉ định nút AE-L/AF-L**, □ 256).

2 Sử dụng điều khiển được chọn để chọn số thấu kính.

Nhấn nút được chọn và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài số thấu kính mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển.



Sử dụng bộ GPS

Thiết bị GP-1 GPS có thể được kết nối với đầu cắm phụ kiện của máy ảnh (□ 310) bằng cách sử dụng cáp kèm theo với bộ GPS, cho phép thông tin hiện hành về vị trí máy ảnh được ghi lại khi ảnh được chụp. Tắt máy ảnh trước khi kết nối bộ GPS; để biết thêm thông tin, xem tài liệu hướng dẫn bộ GPS.

■ ■ Tùy Chọn Menu Cài Đặt

Mục **GPS** trong menu cài đặt chứa các tùy chọn được liệt kê dưới đây.

- **Hẹn giờ chờ:** Chọn để đo phơi sáng tắt tự động khi bộ GPS được lắp.

Tùy chọn	Mô tả
Bật	Đo phơi sáng tự động tắt nếu không có hoạt động được thực hiện cho thời gian đã chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (Hẹn giờ chờ , □ 237; để cho phép máy ảnh có thời gian lấy dữ liệu GPS, độ trễ kéo dài thêm một phút sau khi đo phơi sáng được bật hoặc máy ảnh được bật). Điều này sẽ làm tăng tiêu hao pin.
Tắt	Đo phơi sáng không tắt khi bộ GPS được kết nối.

- **Vị trí:** Mục này chỉ có sẵn nếu bộ GPS được kết nối, khi nó hiển thị vĩ độ, kinh độ, cao độ hiện hành và Múi Giờ Quốc Tế (UTC) mà GPS ghi được.
- **Sử dụng GPS để đặt đ. hồ máy ảnh:** Chọn **Có** để đồng bộ đồng hồ máy ảnh với thời gian mà thiết bị GPS ghi được.



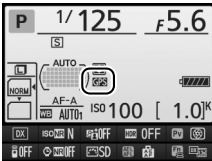
📌 Múi Giờ Quốc Tế (UTC)

Dữ liệu UTC được thiết bị GPS cung cấp và độc lập với đồng hồ máy ảnh.

📌 Biểu tượng GPS

Trạng thái kết nối được hiển thị bằng biểu tượng GPS:

- **GPS (tĩnh):** Máy ảnh đã thiết lập giao tiếp với bộ GPS. Thông tin ảnh của ảnh được chụp trong khi biểu tượng này được hiển thị bao gồm một trang bổ sung dữ liệu GPS (□ 191).
- **GPS (nhấp nháy):** Bộ GPS đang tìm kiếm tín hiệu. Ảnh được chụp trong khi biểu tượng này đang nhấp nháy sẽ không có dữ liệu GPS.
- **Không có biểu tượng:** Không nhận được dữ liệu GPS mới nào từ bộ GPS trong ít nhất hai giây. Ảnh được chụp khi biểu tượng GPS không được hiển thị sẽ không có dữ liệu GPS.



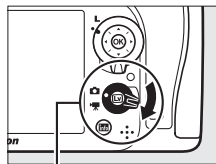
Xem Ảnh Trực Tiếp

Thực hiện theo các bước dưới đây để chụp ảnh trong xem trực tiếp.

1 Xoay bộ chọn xem trực tiếp sang (xem ảnh trực tiếp).

Đậy Kính Ngắm

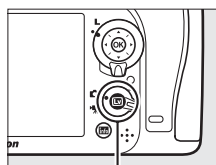
Để ngăn ánh sáng vào qua ngắm kính khỏi gây nhiễu phơi sáng, tháo hốc mắt cao su và đậy nắp kính ngắm bằng nắp thị kính DK-5 được cung cấp trước khi chụp (□ 60).



Bộ chọn xem trực tiếp

2 Nhấn nút .

Gương sẽ được nâng lên và nội dung nhìn qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh. Không còn nhìn thấy đối tượng trong kính ngắm.



Nút 

3 Định vị điểm lấy nét.

Định vị điểm lấy nét trên đối tượng như được mô tả ở trang 155.

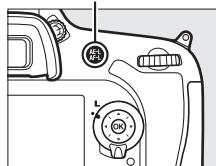
4 Lấy nét.

Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét.

Điểm lấy nét sẽ nhấp nháy màu xanh lá cây trong khi máy ảnh lấy nét. Nếu máy ảnh có thể lấy nét, điểm lấy nét sẽ hiển thị màu xanh lá cây, nếu máy ảnh không thể lấy nét, điểm lấy nét sẽ nhấp nháy màu đỏ (lưu ý có thể chụp ảnh ngay cả khi điểm lấy nét nhấp đỏ, kiểm tra lấy nét trong màn hình trước khi chụp). Có thể khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút  **AE-L/AF-L** (□ 84); khóa lấy nét trong khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Trong chế độ **M**, có thể điều chỉnh phơi sáng với sự hỗ trợ của chỉ báo phơi sáng (□ 51).



Nút  **AE-L/AF-L**



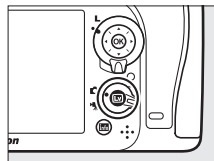
5 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để chụp. Màn hình sẽ tắt.



6 Thoát khỏi chế độ xem trực tiếp.

Xoay nút  để thoát chế độ xem trực tiếp.



Kết Thúc Xem Trực Tiếp

Xem trực tiếp kết thúc tự động khi thấu kính bị tháo ra. Chế độ xem trực tiếp cũng có thể kết thúc tự động để tránh làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh; thoát xem trực tiếp khi không sử dụng máy ảnh. Lưu ý nhiệt độ của các mạch bên trong của máy ảnh có thể tăng và nhiều (điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên hoặc sương mù) có thể xuất hiện trong các trường hợp sau đây (máy ảnh bị ấm lên đáng kể, nhưng đây không phải là sự cố):

- Nhiệt độ môi trường xung quanh cao
- Máy ảnh được sử dụng trong thời gian dài ở chế độ xem trực tiếp hoặc để quay phim
- Máy ảnh được sử dụng trong chế độ nhả liên tục trong thời gian dài

Nếu xem trực tiếp không bắt đầu khi bạn bắt đầu xem trực tiếp, hãy đợi các mạch bên trong nguội và sau đó thử lại.

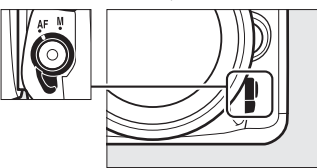
Phim

Chức năng ghi phim không có sẵn trong xem ảnh trực tiếp và việc bấm nút ghi phim không có tác dụng. Chọn xem phim trực tiếp ( 161) để chụp phim.

Lấy Nét trong Xem Trực Tiếp

Để lấy nét bằng lấy nét tự động, xoay bộ chọn chế độ lấy nét sang **AF** và làm theo các bước dưới đây để chọn lấy nét tự động và chế độ vùng lấy nét tự động. Để có thêm thông tin về lấy nét thủ công, xem trang 159.

Bộ chọn chế độ lấy nét

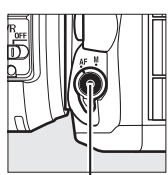


■ Chọn Chế Độ Lấy Nét

Những chế độ lấy nét tự động sau có sẵn trong xem trực tiếp (chú ý rằng lấy nét tự động phần phụ toàn thời gian không có sẵn trong chế độ  và ):

Chế độ	Mô tả
AF-S	Lấy nét tự động phần phụ đơn: Với các đối tượng cố định. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.
AF-F	Lấy nét tự động phần phụ toàn thời gian: Với các đối tượng di động. Máy ảnh lấy nét liên tục cho đến khi nút nhả cửa trập được nhấn. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

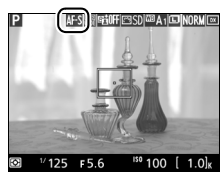
Để chọn chế độ lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh chính cho tới khi chế độ mong muốn được hiển thị trong màn hình.



Nút chế độ AF



Đĩa lệnh chính



Màn hình

 **Sử Dụng Lấy Nét Tự Động trong Xem Trực Tiếp**

Sử dụng thấu kính AF-S. Có thể không đạt được các kết quả mong muốn với các thấu kính hoặc bộ chuyển từ xa khác. Lưu ý rằng trong xem trực tiếp, tự động lấy nét chậm hơn và màn hình có thể sáng hoặc tối trong khi máy ảnh lấy nét. Điểm lấy nét đôi khi có thể được hiển thị bằng màu xanh khi máy ảnh không thể lấy nét. Máy ảnh có thể không thể lấy nét trong những tình huống sau đây:

- Đối tượng có đường song song với cạnh dài của khuôn hình
- Đối tượng thiếu tương phản
- Đối tượng tại các điểm lấy nét có chứa các khu vực có độ sáng tương phản mạnh, hoặc đối tượng được chiếu sáng bởi ánh sáng tại chỗ hoặc đèn neon hoặc nguồn sáng khác thay đổi về độ sáng
- Nhấp nháy hoặc dài xuất hiện dưới đèn huỳnh quang, đèn khí thủy ngân, khí natri, hoặc ánh sáng tương tự
- Bộ lọc (ngôi sao) ngang hoặc bộ lọc đặc biệt khác được sử dụng
- Đối tượng xuất hiện nhỏ hơn điểm lấy nét
- Đối tượng bị chi phối bởi các mẫu hình học thông thường (ví dụ như rèm hoặc hàng cửa sổ trong tòa nhà chọc trời)
- Đối tượng đang di chuyển

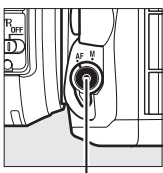


Chọn Chế Độ Vùng Lấy Nét Tự Động

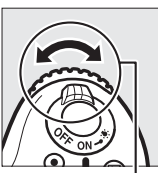
Trong các chế độ khác với , các chế độ vùng lấy nét tự động sau có thể được chọn trong xem trực tiếp (lưu ý AF dò tìm đối tượng không có sẵn trong các chế độ , , và 

Chế độ	Mô tả
	Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt: Sử dụng để chụp chân dung. Máy ảnh tự động phát hiện đối tượng và lấy nét đối tượng chân dung; nếu đối tượng được chọn có viền kép màu vàng (nếu có nhiều khuôn mặt, tối đa là 35, được phát hiện, máy ảnh sẽ lấy nét vào các đối tượng gần nhất; để chọn đối tượng khác, sử dụng đa bộ chọn). Nếu máy ảnh không còn có thể phát hiện đối tượng nữa (ví dụ, vì đối tượng đã quay mặt đi với máy ảnh), đường biên sẽ không còn được hiển thị nữa.
	Vùng lấy nét tự động rộng: Sử dụng để chụp cầm tay ảnh phong cảnh và các đối tượng không phải chân dung. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển điểm lấy nét tới bất cứ nơi nào trong khuôn hình hoặc nhấn phím  để đặt điểm lấy nét vào giữa khuôn hình.
	Vùng lấy nét tự động bình thường: Sử dụng lấy nét điểm cố định trên một điểm cố định trong khuôn hình. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển điểm lấy nét tới bất cứ nơi nào trong khuôn hình hoặc nhấn phím  để đặt điểm lấy nét vào giữa khuôn hình. Nên sử dụng giá ba chân.
	Tự động lấy nét dò tìm đối tượng: Định vị điểm lấy nét trên đối tượng và nhấn  . Điểm lấy nét sẽ theo dõi đối tượng được chọn khi đối tượng di chuyển qua khuôn hình. Để kết thúc dò tìm, nhấn  lần nữa. Lưu ý rằng máy ảnh không thể theo dõi đối tượng nếu đối tượng di chuyển nhanh, rời khỏi khuôn hình hay bị che khuất bởi các đối tượng khác, thay đổi rõ ràng về kích thước, màu sắc hay độ sáng, hoặc quá nhỏ, quá lớn, quá sáng, quá tối, hay có màu hoặc độ sáng giống với nền.

Để chọn chế độ lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh phụ cho tới khi chế độ mong muốn được hiển thị trong màn hình.



Nút chế độ AF



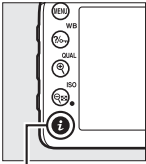
Đĩa lệnh phụ



Màn hình

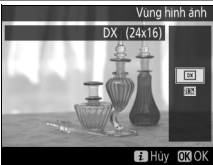
Sử dụng nút *i*

Các tùy chọn được liệt kê dưới đây có thể được truy cập bằng cách nhấn nút *i* trong khi chụp xem ảnh trực tiếp. Làm nổi bật mục bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn ► để xem các tùy chọn cho mục được làm nổi bật. Sau khi chọn thiết lập mong muốn, nhấn **OK** để thoát.



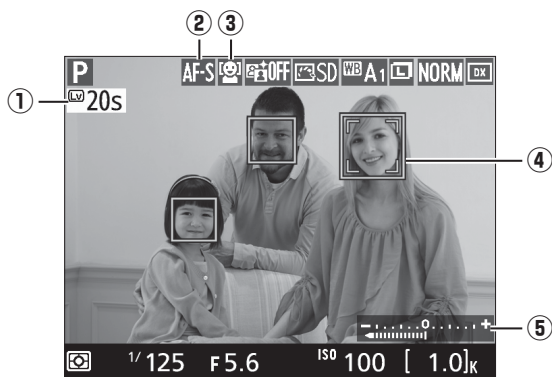
Nút *i*



Tùy chọn	Mô tả
Vùng hình ảnh	Chọn vùng hình ảnh từ DX (24×16) và 1,3× (18×12) (☐ 63). 
Chất lượng hình ảnh	Chọn chất lượng hình ảnh (☐ 66).
Kích cỡ hình ảnh	Chọn cỡ hình ảnh (☐ 68).
Đặt Picture Control	Chọn một Picture Control (☐ 105). 
D-Lighting hoạt động	Điều chỉnh D-Lighting hoạt động để giữ lại chi tiết trong phần làm nổi bật và bóng (☐ 113).
Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)	Chọn từ các chế độ Chế độ từ xa trễ , Chế độ từ xa phản ứng nhanh , và Gương nâng lên từ xa để chụp ảnh điều khiển từ xa bằng cách sử dụng điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn (☐ 127). 
Độ sáng màn hình	Nhấn ▲ hoặc ▼ để điều chỉnh độ sáng màn hình cho xem trực tiếp. Thay đổi độ sáng màn hình không có hiệu lực trên các ảnh được ghi với máy ảnh. 



Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp: Xem Ảnh Trực Tiếp



Mục	Mô tả	
① Thời gian còn lại	Số lượng thời gian còn lại trước khi xem trực tiếp kết thúc tự động. Hiển thị nếu chụp sẽ kết thúc trong 30 giây hoặc ít hơn.	160
② Chế độ lấy nét tự động	Chế độ lấy nét tự động hiện tại.	155
③ Chế độ vùng lấy nét tự động	Chế độ vùng lấy nét tự động hiện tại.	156
④ Điểm lấy nét	Điểm lấy nét hiện tại. Màn hình hiển thị khác nhau với tùy chọn được lựa chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động.	153
⑤ Chỉ báo phơi sáng	Cho biết ảnh sẽ được phơi sáng quá ít hay quá nhiều tại các cài đặt hiện tại (chỉ chế độ M).	51

Lưu ý: Hiển thị với tất cả chỉ báo với mục đích minh họa.

Phơi sáng

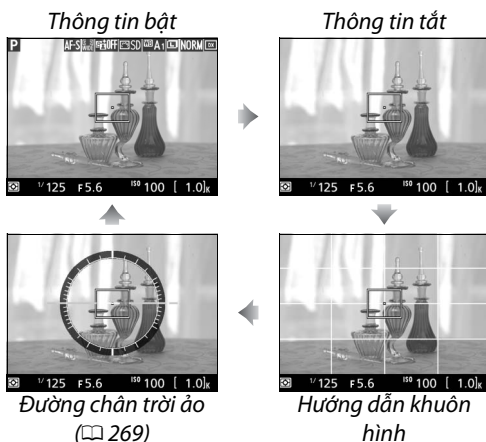
Tùy thuộc vào cảnh, phơi sáng có thể khác khi xem trực tiếp không được sử dụng. Đo sáng trong xem trực tiếp được điều chỉnh cho phù hợp với hiển thị xem trực tiếp, tạo ra ảnh có phơi sáng gần với những gì được nhìn thấy trong màn hình. Trong các chế độ **P**, **S**, **A**, **M** và **□**, có thể điều chỉnh phơi sáng bằng ± 5 EV ($\square$ 86). Lưu ý rằng ảnh hưởng của giá trị trên +3 EV hoặc dưới -3 EV không thể xem trước được trên màn hình.

Xem Thêm

Xem trang 98 để biết thông tin về đo giá trị cho cân bằng trắng thiết lập sẵn trong quá trình xem trực tiếp.

Hiển Thị Thông Tin: Xem Ảnh Trực Tiếp

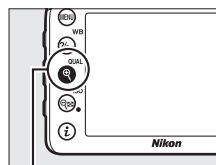
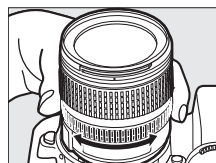
Để ẩn hoặc hiển thị các chỉ báo trong màn hình trong khi xem ảnh trực tiếp, nhấn nút **info**.



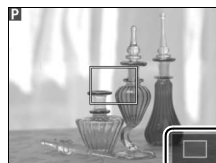
Lấy Nét Bằng Tay

Để lấy nét ở chế độ lấy nét bằng tay (📖 78), xoay vòng lấy nét thấu kính cho đến khi đối tượng được lấy nét.

Để phóng to cảnh trong màn hình lên đến khoảng 19× để lấy nét chính xác, nhấn nút **Q (QUAL)**. Trong khi xem qua thấu kính được thu nhỏ, một cửa sổ điều hướng sẽ xuất hiện trong khung màu xám ở góc dưới cùng bên phải màn hình. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển đến khu vực khuôn hình không hiển thị trong màn hình (chỉ có nếu chế độ vùng lấy nét tự động rộng hoặc bình thường được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động), hoặc nhấn **Q ISO** để thu nhỏ.



Nút **Q (QUAL)**



Cửa sổ định hướng

Thấu Kính Không CPU

Khi sử dụng thấu kính không CPU, chắc chắn phải nhập tiêu cự và độ mở ống kính tối đa bằng cách sử dụng tùy chọn **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt (□ 149). Thấu kính không CPU chỉ có thể được dùng trong các chế độ **A** và **M** (□ 47); khi độ mở ống kính chỉ được điều chỉnh bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính.

Màn Hình Hiện Thị Xem Trực Tiếp

Mặc dù không xuất hiện trong bức ảnh cuối cùng, các đường mép răng cưa, viền màu, nhiễu và các điểm sáng có thể xuất hiện trên màn hình, trong khi các dải sáng có thể xuất hiện ở một số vùng với các dấu nhảy và các nguồn sáng đứt đoạn khác hoặc nếu đối tượng được chiếu sáng trong thời gian ngắn bằng ánh sáng nhấp nháy hay nguồn sáng nhất thời phát sáng nào khác. Ngoài ra, có thể xảy ra biến dạng nếu máy ảnh được lia theo chiều ngang hoặc đối tượng di chuyển ở tốc độ cao thông qua khuôn hình. Nhấp nháy và tạo dải dễ nhìn thấy trên màn hình dưới đèn huỳnh quang, hơi thủy ngân hay đèn natri có thể được giảm xuống bằng cách sử dụng **Giảm nhấp nháy** (□ 264), mặc dù chúng vẫn có thể được nhìn thấy trên bức ảnh cuối cùng ở một số tốc độ cửa trập. Khi chụp trong chế độ xem trực tiếp, tránh hướng máy ảnh vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh khác. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh.

Hiện Thị Đếm Ngược

Đếm ngược sẽ được hiển thị 30 giây trước khi xem trực tiếp kết thúc tự động (□ 158; bộ hẹn giờ chuyển sang màu đỏ nếu chế độ xem trực tiếp chuẩn bị kết thúc để bảo vệ các mạch nội bộ hoặc, nếu một tùy chọn khác **Không giới hạn** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c4—**Độ trễ tắt màn hình > Xem trực tiếp**; □ 238—5 giây trước khi màn hình tắt tự động). Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bộ đếm thời gian có thể xuất hiện ngay lập tức khi xem trực tiếp được chọn. Lưu ý rằng mặc dù đếm ngược không xuất hiện trong quá trình phát lại, chế độ xem trực tiếp vẫn sẽ kết thúc tự động khi bộ đếm thời gian hết hạn.

HDMI

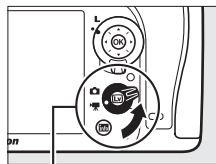
Nếu máy ảnh được gắn vào thiết bị video HDMI trong chế độ xem ảnh trực tiếp, màn hình máy ảnh sẽ vẫn bật và thiết bị video sẽ hiển thị xem qua thấu kính. Nếu thiết bị hỗ trợ HDMI-CEC, chọn **Tắt** cho tùy chọn **HDMI > Điều khiển thiết bị** trong menu cài đặt (□ 216) trước khi chụp trong chế độ xem trực tiếp.



Xem Trực Tiếp Phim

Có thể quay phim trong chế độ xem trực tiếp.

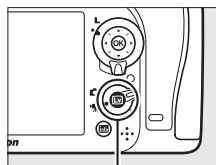
- 1 Xoay bộ chọn xem trực tiếp sang  (xem trực tiếp phim).



Bộ chọn xem trực tiếp

- 2 Nhấn nút .

Gương sẽ được nâng lên và cảnh xem qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh như nó sẽ xuất hiện trong phim thực tế, điều chỉnh cho hiệu ứng phơi sáng. Không còn nhìn thấy đối tượng trong kính ngắm.



Nút 

Biểu Tượng

Biểu tượng  ( 165) cho biết không thể quay phim.

Trước Khi Ghi

Trước khi ghi, chọn độ mở ống kính (chỉ các chế độ **A** và **M**,  50, 51) và nếu muốn, chọn không gian màu ( 227).

- 3 Chọn chế độ lấy nét ( 155).



- 4 Chọn chế độ vùng lấy nét tự động ( 156).



5 Lấy nét.

Tạo khuôn hình cho ảnh mở đầu và lấy nét như mô tả trong Bước 3 và 4 trên các trang 153 (để biết thêm thông tin về lấy nét trong xem trực tiếp phim, xem trang 155).

Lưu ý rằng số lượng các đối tượng có thể được phát hiện trong lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt sẽ giảm trong chế độ xem trực tiếp phim.



Phơi sáng

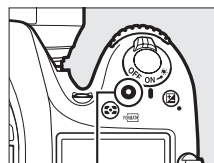
Có thể điều chỉnh các cài đặt sau trong xem trực tiếp phim:

	Độ mở ống kính	Tốc độ cửa trập	Độ nhạy ISO	Bù phơi sáng
P, S, A, 	—	—	—	✓
M	—	✓	✓	—
Các chế độ chụp khác	—	—	—	—

Trong chế độ **M**, độ nhạy ISO có thể được đặt sang các giá trị giữa 100 và Hi 2 và tốc độ cửa trập sang các giá trị giữa $1/25$ giây và $1/8000$ giây (tốc độ cửa trập chậm nhất thay đổi với tốc độ khuôn hình; □ 169). Trong các chế độ khác, tốc độ cửa trập và độ nhạy ISO được điều chỉnh tự động. Nếu kết quả là phơi sáng thừa hoặc thiếu, thoát ra và khởi động lại xem trực tiếp phim.

6 Bắt đầu quay.

Nhấn nút ghi phim để bắt đầu ghi. Chỉ báo ghi và thời gian còn lại được hiển thị trong màn hình. Phơi sáng được đặt bằng cách sử dụng đo sáng ma trận và có thể được khóa bằng cách nhấn nút  **AE-L/AF-L** (□ 84) hoặc (trong các chế độ **P**, **S**, **A**, và ) thay đổi lên tới ± 3 EV trong các bước $1/3$ EV bằng cách nhấn nút  và xoay đĩa lệnh chính (□ 86). Trong chế độ lấy nét tự động, có thể khóa lấy nét bằng cách nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng.



Nút ghi phim

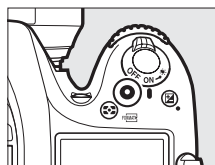
Chỉ báo ghi



Thời gian còn lại

7 Kết thúc ghi.

Nhấn nút ghi phim lần nữa để kết thúc việc ghi. Việc ghi sẽ tự động kết thúc khi đạt độ dài tối đa, hoặc thẻ nhớ đầy.



Độ Dài Tối Đa

Độ dài tối đa của từng tệp phim là 4 GB (để biết thời gian ghi tối đa, xem trang 169); lưu ý rằng tùy thuộc vào tốc độ ghi thẻ nhớ, việc ghi có thể kết thúc trước khi đạt đến độ dài này (□ 347).

Chụp ảnh

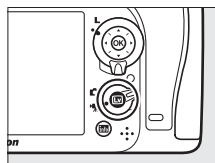
Để bức ảnh trong khi đang ghi, nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ (nếu muốn, có thể gán hiển thị thông tin chụp ảnh sang **Fn**, xem trước độ sâu của trường hoặc nút **AE-L/AF-L** và nút được sử dụng để hiển thị các cài đặt nhiếp ảnh tĩnh của máy ảnh trước khi chụp; □ 259, 260). Ghi phim sẽ kết thúc (đoạn phim được quay cho đến lúc đó sẽ được lưu lại) và máy ảnh sẽ trở về xem trực tiếp. Bức ảnh sẽ được ghi lại tại cài đặt vùng hình ảnh hiện tại bằng cách sử dụng xén tỷ lệ 16 : 9. Hình ảnh sẽ được chụp với đèn nhấp tắt. Lưu ý không thể xem trước phơi sáng của ảnh trong chế độ xem trực tiếp phim, chế độ **P**, **S**, hoặc **A** hoặc được khuyến dùng nhưng kết quả chính xác có thể đạt được trong chế độ **M** bằng cách sử dụng **Fn**, xem trước độ sâu của trường hoặc nút **AE-L/AF-L** (□ 259, 260) để hiển thị thông tin chụp ảnh và kiểm tra chỉ báo phơi sáng. Có thể đặt bù phơi sáng cho bức ảnh sang các giá trị giữa -5 và +5 EV, nhưng chỉ các giá trị giữa -3 và +3 là có thể xem trước được trên màn hình (chế độ **P**, **S**, **A**, và ; □ 86).

Hiển Thị Đếm Ngược

Đếm ngược sẽ được hiển thị 30 giây trước khi xem trực tiếp tự động kết thúc (□ 158). Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bộ đếm thời gian có thể xuất hiện ngay lập tức khi bắt đầu ghi phim. Lưu ý rằng bất kể thời lượng của thời gian ghi là bao nhiêu, chế độ xem trực tiếp vẫn sẽ kết thúc tự động khi bộ đếm thời gian hết hạn. Chờ cho các mạch bên trong mát trước khi tiếp tục ghi phim.

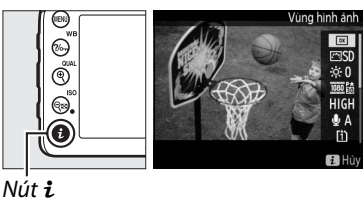
8 Thoát khỏi chế độ xem trực tiếp.

Xoay nút  để thoát chế độ xem trực tiếp.



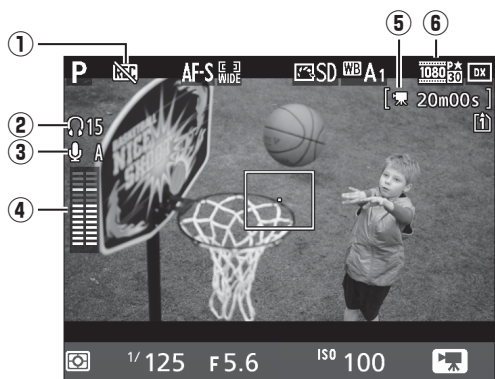
Sử dụng nút **i**

Các tùy chọn được liệt kê dưới đây có thể được truy cập bằng cách nhấn nút **i** trước khi ghi bắt đầu trong xem phim trực tiếp (việc nhấn nút **i** trong khi đang ghi sẽ không có tác dụng). Làm nổi bật mục bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn ► để xem các tùy chọn cho mục được làm nổi bật. Sau khi chọn thiết lập mong muốn, nhấn **OK** để thoát.



Tùy chọn	Mô tả
Vùng hình ảnh	Chọn vùng hình ảnh từ DX (24×16) và 1,3× (18×12) (📖 63).
Đặt Picture Control	Chọn một Picture Control (📖 105).
Độ sáng màn hình	Nhấn ▲ hoặc ▼ để điều chỉnh độ sáng màn hình cho xem trực tiếp phim. Thay đổi độ sáng màn hình không có hiệu lực trên các phim được ghi với máy ảnh.
Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình	Chọn cỡ khuôn hình và tốc độ khuôn hình (📖 169).
Chất lượng phim	Chọn chất lượng phim (📖 169).
Micrô	Nhấn ▲ hoặc ▼ để điều chỉnh độ nhảy micrô (📖 169). Cả micrô gắn sẵn và micrô stereo ME-1 tùy chọn đều bị ảnh hưởng.
Đích	Khi hai thẻ nhớ được lắp vào, bạn có thể chọn thẻ có phim được ghi (📖 169).
Âm lượng tai nghe	Chỉ hiển thị khi tai nghe bên thứ ba được cắm vào đầu cắm tai nghe. Nhấn ▲ hoặc ▼ để điều chỉnh âm lượng tai nghe (📖 165).

Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp: Xem Trực Tiếp Phim



Mục	Mô tả	
① Biểu tượng “Không thể quay phim”	Cho biết không thể quay phim.	—
② Âm lượng tai nghe	Âm lượng đầu ra âm thanh cho tai nghe.	164
③ Độ nhạy micrô	Độ nhạy micrô để ghi phim.	164
④ Mức âm thanh	Mức âm thanh để ghi âm. Được hiển thị ở màu đỏ nếu mức quá cao; điều chỉnh độ nhạy micrô theo đó.	164, 169
⑤ Thời gian còn lại (xem trực tiếp phim)	Thời gian ghi dành cho phim.	162
⑥ Cỡ khuôn hình phim	Cỡ khuôn hình ghi phim.	169

 **Sử Dụng Micrô Bên Ngoài**

Micrô stereo ME-1 tùy chọn có thể được sử dụng để giảm nhiễu do rung thấu kính gây ra trong quá trình lấy nét tự động.

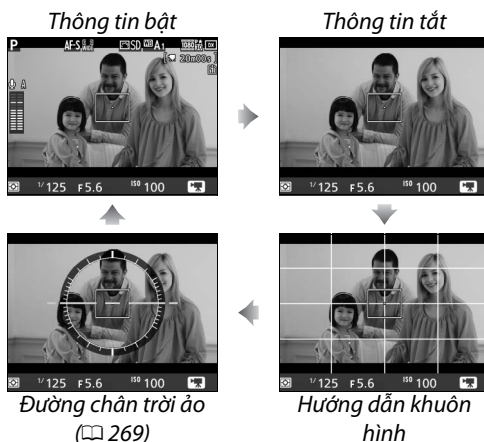
 **Tai Nghe**

Có thể dùng tai nghe của bên thứ ba. Lưu ý rằng mức độ âm thanh cao có thể dẫn đến âm lượng lớn; cần đặc biệt cẩn thận khi sử dụng tai nghe.



Hiển Thị Thông Tin: Xem Trực Tiếp Phim

Để ẩn hoặc hiển thị các chỉ báo trong màn hình trong khi xem trực tiếp phim, nhấn nút **info**.

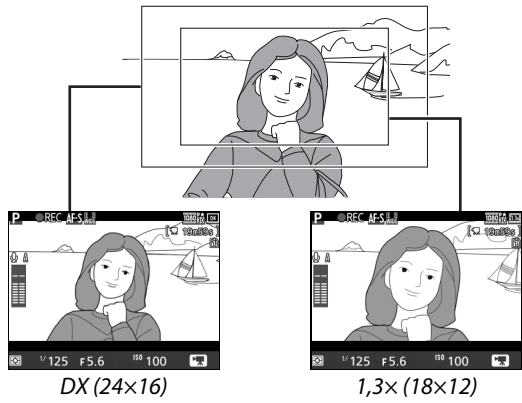


Xem Thêm

Cỡ khuôn hình, độ nhạy micrô và các tùy chọn khe cắm thẻ cũng có trong menu **Cài đặt phim** (□ 169). Có thể điều chỉnh lấy nét bằng tay như mô tả trên trang 159. Có thể chọn vai trò của các nút **OK**, **Fn**, xem trước độ sâu của trường, và nút **AE-L/AF-L** bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn f1 (**Nút OK**; □ 252), g1 (**Chỉ định nút Fn**; □ 259), g2 (**Chỉ định nút xem trước**; □ 260), và g3 (**Chỉ định nút AE-L/AF-L**; □ 260), tương ứng (ba tùy chọn cuối cho phép bạn khóa phơi sáng mà không cần phải giữ bấm nút). Cài Đặt Tùy Chọn g4 (**Chỉ định nút cửa trập**; □ 260) kiểm soát việc sử dụng nút nhả cửa trập để khởi động xem trực tiếp phim hoặc để khởi động và kết thúc ghi phim.

Vùng Hình Ảnh

Bất kể tùy chọn nào được chọn **Vùng hình ảnh** trong menu chụp (☐ 63), tất cả các phim và hình ảnh được ghi lại trong chế độ xem trực tiếp phim (☐ 161) có tỉ lệ khung hình là 16 : 9. Tuy nhiên việc chọn **1,3× (18×12)** sẽ làm giảm góc xem và tăng tiêu cự rõ ràng của thấu kính. Biểu tượng A  được hiển thị khi **1,3× (18×12)** được chọn.



 **Ảnh Chụp Trong Chế Độ Xem Trực Tiếp Phim**

Bảng sau đây cho thấy kích thước của ảnh chụp trong chế độ xem trực tiếp phim:

Vùng hình ảnh	Kích thước/tùy chọn chất lượng hình ảnh	Kích thước (điểm ảnh)	Cỡ in (cm) *
DX (24×16)	Lớn	6000 × 3368	50,8 × 28,5
	Trung bình	4496 × 2528	38,1 × 21,4
	Nhỏ	2992 × 1680	25,3 × 14,2
1,3× (18×12)	Lớn	4800 × 2696	40,6 × 22,8
	Trung bình	3600 × 2024	30,5 × 17,1
	Nhỏ	2400 × 1344	20,3 × 11,4

* Kích cỡ gần đúng khi in ở 300 dpi. Cỡ in bằng inch bằng với cỡ hình ảnh bằng điểm ảnh chia theo độ phân giải máy in bằng **điểm trên mỗi inch** (dpi; 1 inch = bằng khoảng 2,54 cm).

Chất lượng hình ảnh được xác định bởi tùy chọn cho **Chất lượng hình ảnh** trong menu chụp (☐ 66).

HDMI

Nếu máy ảnh được kết nối với thiết bị HDMI (□ 215), giao diện xem qua thấu kính sẽ xuất hiện ở cả màn hình máy ảnh và trên thiết bị HDMI. Có thể ẩn hoặc hiện chỉ báo trong màn hình và trên thiết bị HDMI bằng cách sử dụng nút . Để sử dụng chế độ xem trực tiếp khi máy ảnh được kết nối với thiết bị HDMI-CEC, chọn **Tắt** cho **HDMI > Điều khiển thiết bị** trong menu cài đặt (□ 216). Nếu **1920×1080, 60i**, **1920×1080, 50i**, **1280×720, 60p**, hoặc **1280×720, 50p** được chọn cho **Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình**, màn hình sẽ tắt khi máy ảnh kết nối với thiết bị video HDMI.

Ghi phim từ xa

Nếu **Ghi phim** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn g4 (**Chỉ định nút cửa trập**, □ 260), nút nhả cửa trập trên dây chụp từ xa tùy chọn hoặc bộ điều khiển từ xa không dây tùy chọn (□ 309, 310) có thể được dùng để khởi động xem trực tiếp phim và bắt đầu và kết thúc ghi phim.

Ghi Phim

Nhấp nháy, tạo dải hoặc biến dạng có thể dễ nhìn thấy trên màn hình và trong phim cuối cùng dưới đèn huỳnh quang, hơi thủy ngân hay đèn natri hoặc nếu máy ảnh được lướt ngang hay đối tượng di chuyển với tốc độ cao qua khuôn hình (để biết thông tin về giảm nhấp nháy và tạo dải, xem **Giảm nhấp nháy**, □ 264). Cảnh lờ mờ, viền màu, nhòe, và điểm sáng chói cũng có thể xuất hiện. Các dải sáng có thể xuất hiện ở một số vùng của khuôn hình với các dấu nháy và các nguồn sáng đứt đoạn khác hoặc nếu đối tượng được chiếu sáng trong thời gian ngắn bằng ánh sáng nhấp nháy hay nguồn sáng nhất thời phát sáng khác. Khi ghi phim, tránh hướng máy ảnh vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh khác. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh. Lưu ý rằng nhiều (các điểm ảnh sáng gần cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) và màu sắc bất ngờ có thể xuất hiện nếu bạn phóng to trên màn hình qua thấu kính (□ 159) trong chế độ xem trực tiếp phim.

Máy ảnh có thể ghi lại cả video và âm thanh; không che micro trong quá trình ghi. Lưu ý rằng micro gắn sẵn có thể ghi lại tiếng ồn thấu kính trong khi lấy nét tự động và chống rung.

Không thể sử dụng chiếu sáng đèn nháy trong xem trực tiếp phim.

Việc ghi sẽ tự động kết thúc nếu thấu kính được tháo ra hoặc khi đĩa lệnh chế độ được xoay.

Chế độ xem trực tiếp có thể kết thúc tự động để tránh làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh; thoát xem trực tiếp khi không sử dụng máy ảnh. Lưu ý nhiệt độ của các mạch bên trong của máy ảnh có thể tăng và nhiều (điểm sáng, các điểm ảnh sáng gần cách ngẫu nhiên hoặc sương mù) có thể xuất hiện trong các trường hợp sau đây (máy ảnh bị ẩm lên đáng kể, nhưng đây không phải là sự cố):

- Nhiệt độ môi trường xung quanh cao
- Máy ảnh được sử dụng trong thời gian dài ở chế độ xem trực tiếp hoặc để quay phim
- Máy ảnh được sử dụng trong chế độ nhả liên tục trong thời gian dài

Nếu xem trực tiếp không bắt đầu khi bạn bắt đầu xem trực tiếp hoặc ghi phim, hãy đợi các mạch bên trong nguội và sau đó thử lại.

Cài đặt phim

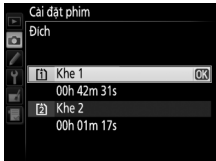
Sử dụng tùy chọn **Cài đặt phim** trong menu chụp để điều chỉnh các thiết lập sau.

- **Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình:** Chọn từ các tùy chọn sau đây:

	Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình		Chất lượng phim	Độ dài tối đa (★ chất lượng cao/Bình thường)
	Cỡ khuôn hình (điểm ảnh)	Tốc độ khuôn hình *	Tốc độ bit tối đa (Mbps) (★ chất lượng cao/Bình thường)	
	1920 × 1080	60i	24/12	20 phút/ 29 phút 59 giây
	1920 × 1080	50i		
	1920 × 1080	30p		
	1920 × 1080	25p		
	1920 × 1080	24p		
	1280 × 720	60p		
	1280 × 720	50p		

* Giá trị liệt kê. Tốc độ khuôn hình thực tế cho 60p, 50p, 30p, 25p, và 24p lần lượt là 59,94, 50, 29,97, 25, và 23,976 khuôn hình trên một giây.

- **Micrô:** Bật hoặc tắt micrô stereo ME-1 gắn sẵn hoặc tùy chọn hoặc điều chỉnh độ nhạy micrô. Chọn **Độ nhạy tự động** để điều chỉnh độ nhạy tự động, **Tắt micrô** để tắt ghi âm; để chọn độ nhạy micrô bằng tay, chọn **Độ nhạy bằng tay** và chọn độ nhạy.
- **Đích:** Chọn khe để ghi phim. Menu cho biết thời gian còn lại trên mỗi thẻ; việc ghi tự động kết thúc khi không còn thời gian.



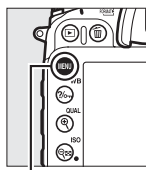
**Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình**

Cài đặt **1920×1080, 60i** và **1920×1080, 50i** không có sẵn cho **Cài đặt phim > Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình** khi **DX (24×16)** được chọn cho **Vùng hình ảnh** trong menu chụp (□ 63). Các cài đặt này có thể truy cập bằng cách đặt **Vùng hình ảnh** sang **1,3× (18×12)**. Việc chọn **DX (24×16)** cho **Vùng hình ảnh** khi bất kỳ tùy chọn nào trong số này đang có hiệu lực sẽ đặt lại **Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình** về **1920×1080, 30p** (nếu **1920×1080, 60i** được chọn) hoặc về **1920×1080, 25p** (nếu **1920×1080, 50i** được chọn).

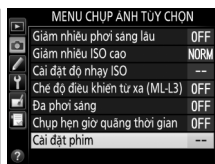


1 Chọn Cài đặt phim.

Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bật **Cài đặt phim** trong menu chụp và nhấn ►.

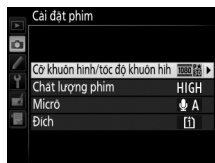


Nút MENU



2 Chọn tùy chọn phim.

Làm nổi bật mục mong muốn và nhấn ► sau đó làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**.

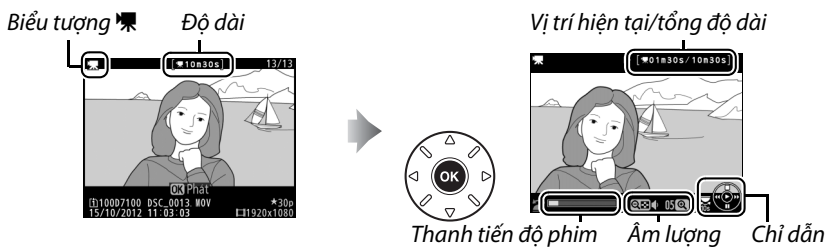


✓ **Cơ Khuôn Hình và Tốc Độ Khuôn Hình**

Kích cỡ khuôn hình và tốc độ khuôn hình ảnh hưởng đến sự phân bố và số lượng của độ nhiễu (các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, sương mù, hoặc các điểm sáng).

Xem Phim

Phim được chỉ định bởi một biểu tượng  trong phát lại khuôn hình đầy ( 185).
Nhấn  để bắt đầu phát lại.



Các thao tác sau đây có thể được thực hiện:

Để	Sử dụng	Mô tả
Tạm dừng		Tạm dừng phát lại.
Phát		Tiếp tục phát lại khi phim bị tạm dừng hoặc trong quá trình tua lại/tua đi.
Tua lại/tua đi		Tốc độ tăng lên mỗi khi nhấn, từ 2x đến 4x đến 8x đến 16x; nhấn liên tục để bỏ qua đến phần bắt đầu hoặc kết thúc phim (khuôn hình đầu tiên được thể hiện bằng  ở góc trên bên phải màn hình, khuôn hình cuối cùng được thể hiện bằng ). Nếu phát lại bị tạm dừng, tua lại hoặc tua đi phim từng khuôn hình một; giữ nhấn để tua đi hoặc tua lại liên tục.
Bỏ qua 10 giây		Xoay đĩa lệnh chính để bỏ qua trước hoặc sau 10 giây.
Nhảy về trước/sau		Xoay đĩa lệnh phụ để chuyển sang khuôn hình cuối cùng hoặc đầu tiên.
Chỉnh âm lượng	 (QUAL) /  (ISO)	Nhấn  (QUAL) để tăng âm lượng,  (ISO) để giảm.
Xén phim		Xem trang 173 để biết thêm thông tin.
Thoát		Thoát phát lại khuôn hình đầy.
Trở về chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để thoát chế độ chụp.



Biểu Tượng

 được hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy và phát lại phim nếu phim được ghi mà không có âm thanh.



Sửa Lại Phim

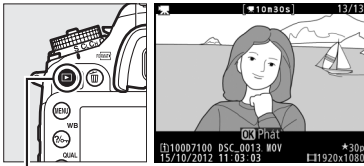
Xén cảnh phim để tạo ra các bản sao chỉnh sửa phim hoặc lưu khuôn hình ở dạng ảnh tĩnh JPEG.

Tùy chọn	Mô tả
 Chọn điểm bắt đầu/kết thúc	Tạo bản sao từ chỗ cảnh quay mở đầu hoặc kết thúc đã được gỡ bỏ.
 Lưu khuôn hình được chọn	Lưu khuôn hình đã chọn thành JPEG tĩnh.

Cắt Xén Phim

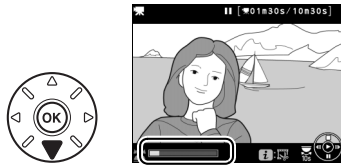
Để tạo bản sao cắt xén của phim:

- 1** **Hiển thị khuôn hình phim đầy.**
Nhấn nút  để hiển thị ảnh đầy khuôn hình trong màn hình và nhấn  và  để cuộn qua các ảnh cho đến khi tới phim bạn muốn chỉnh sửa được hiển thị.



Nút 

- 2** **Chọn điểm bắt đầu hoặc điểm kết thúc.**
Phát lại phim như mô tả trên trang 171, nhấn  để bắt đầu và tiếp tục phát lại và  để tạm dừng và nhấn phím  hoặc  hoặc xoay đĩa lệnh phụ hoặc chính để xác định vị trí khuôn hình mong muốn ( 171). Vị trí tương đối của bạn trong phim có thể được xác định chắc chắn từ thanh tiến độ phim.



Thanh tiến độ phim

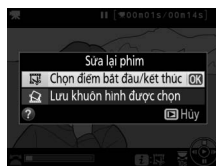
- 3** **Hiển thị các tùy chọn chỉnh sửa phim.**
Nhấn nút  để hiển thị các tùy chọn chỉnh sửa phim.



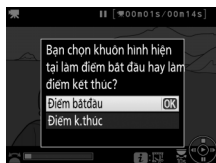
Nút 

4 Chọn Chọn điểm bắt đầu/kết thúc.

Làm nổi bật **Chọn điểm bắt đầu/kết thúc** và nhấn **OK**.

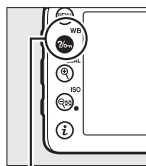


Hội thoại hiện ra bên phải sẽ được hiển thị; chọn khuôn hình hiện tại sẽ là điểm bắt đầu hay kết thúc của bản sao và nhấn **OK**.



5 Xóa khuôn hình.

Nếu khuôn hình mong muốn hiện tại không hiển thị, nhấn **◀** hoặc **▶** để tiến hoặc lùi (để bỏ qua 10 giây trước hoặc sau, xoay đĩa lệnh chính; bỏ qua đến khuôn hình đầu tiên hoặc cuối, xoay đĩa lệnh phụ). Để chuyển đổi lựa chọn hiện tại từ điểm bắt đầu (▢) đến điểm kết thúc (▣) hoặc ngược lại, nhấn **⌂/WB**.



Nút **⌂/WB** (WB)



Một khi bạn đã chọn điểm bắt đầu và/hoặc kết thúc, nhấn **▲**. Tất cả các khuôn hình trước điểm bắt đầu được chọn và sau điểm kết thúc được chọn sẽ được loại bỏ khỏi bản sao.



6 Lưu bản sao.

Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn **OK**:

- **Lưu thành tệp mới:** Lưu bản sao thành tệp mới.
- **Ghi đè tệp hiện có:** Thay thế tệp phim gốc bằng bản sao đã chỉnh sửa.
- **Hủy:** Trở lại Bước 5.
- **Xem trước:** Xem trước bản sao.



Bản sao chỉnh sửa được biểu thị bằng biểu tượng  trong phát lại khuôn hình đây.

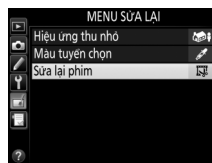
Cắt Xén Phim

Phim phải dài ít nhất hai giây. Nếu bản sao không thể được tạo ra tại vị trí phát lại hiện tại, vị trí hiện tại sẽ được hiển thị bằng màu đỏ ở Bước 5 và không có bản sao nào sẽ được tạo ra. Bản sao sẽ không được lưu nếu không có đủ không gian trống trên thẻ nhớ.

Bản sao có cùng ngày giờ tạo với bản gốc.

Menu Sửa Lại

Cũng có thể chỉnh sửa phim bằng cách sử dụng tùy chọn **Sửa lại phim** trong menu sửa lại (📖 273).



Lưu Khuôn Hình Đã Chọn

Để lưu bản sao khuôn hình đã chọn thành JPEG tĩnh:

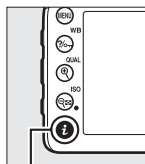
1 Xem phim và chọn khuôn hình.

Phát lại phim như được mô tả trên trang 171; vị trí tương đối của bạn trong phim có thể được xác định chắc chắn từ thanh tiến độ phim. Nhấn ◀ hoặc ▶ để tua lại hoặc tua đi và nhấn ▼ để tạm dừng phim tại khuôn hình bạn có ý định sao chép.

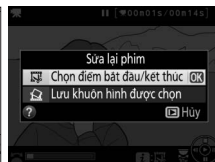


2 Hiển thị các tùy chọn chỉnh sửa phim.

Nhấn nút **i** để hiển thị các tùy chọn chỉnh sửa phim.

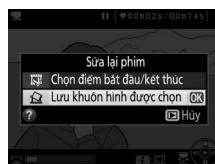


Nút **i**



3 Chọn Lưu khuôn hình được chọn.

Làm nổi bật **Lưu khuôn hình được chọn** và nhấn **OK**.



4 Tạo bản sao tĩnh.

Bấm ▲ để tạo bản sao tĩnh của khuôn hình hiện tại.



5 Lưu bản sao.

Làm nổi bật **Có** và nhấn **OK** để tạo bản sao JPEG chất lượng cao (□ 66) của khuôn hình được chọn. Phim tĩnh được chỉ định bởi biểu tượng  trong phát lại khuôn hình đầy.



Lưu Khuôn Hình Được Chọn

Phim JPEG tĩnh được tạo với tùy chọn **Lưu khuôn hình được chọn** không thể sửa lại được. Phim JPEG tĩnh thiếu một số loại thông tin ảnh (□ 187).



Hiệu Ứng Đặc Biệt

Hiệu ứng đặc biệt có thể được sử dụng khi ghi hình ảnh.

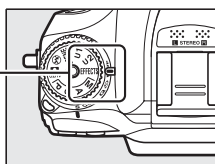


Chụp với hiệu ứng đặc biệt

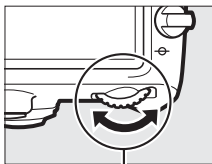
Để xem cảnh hiện đang được chọn, xoay đĩa lệnh chế độ sang **EFFECTS** và nhấn nút **Info**. Để chọn chế độ hiệu ứng đặc biệt khác, xoay đĩa lệnh chính.



Đĩa lệnh chế độ



Đĩa lệnh chính



Màn hình

NEF (RAW)

Nếu NEF (RAW) + JPEG được chọn cho chất lượng hình ảnh trong chế độ hoặc , chỉ các ảnh JPEG sẽ được ghi (□ 66). Nếu NEF (RAW) được chọn, ảnh JPEG chất lượng nét sẽ được ghi thay vì ảnh NEF (RAW).

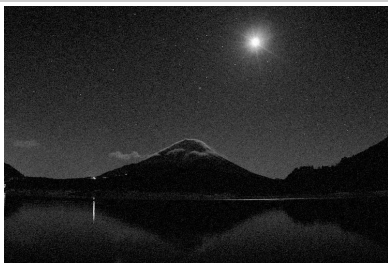
Chế độ nhả liên tục

Khi hoặc được chọn, tốc độ khuôn hình của nhả liên tục sẽ giảm. Nếu bộ nhớ đệm đầy, máy ảnh sẽ hiển thị thông báo cho biết việc ghi đang được tiến hành và việc chụp sẽ bị tạm dừng cho đến khi thông báo biến mất khỏi màn hình hiển thị.

Menu Sửa Lại

Các tùy chọn **Phác thảo màu** (□ 286), **Hiệu ứng thu nhỏ** (□ 287), và **Màu tuyển chọn** (□ 288) trong menu sửa lại có thể được sử dụng để áp dụng các hiệu ứng này vào ảnh hiện tại.

Nhìn ban đêm



Sử dụng trong các điều kiện tối để ghi lại ảnh đơn sắc ở độ nhạy ISO cao (với một chút nhiễu ở dạng các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng). Lấy nét bằng tay có thể được sử dụng nếu máy ảnh không thể lấy nét bằng lấy nét tự động. Khi đèn nháy gần sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân để giảm che mờ. Trong chụp ảnh bằng kính ngắm, đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động gần sẵn sẽ sáng để hỗ trợ hoạt động lấy nét; để tắt đèn chiếu, chọn **Tắt** cho Cài Đặt Tùy Chọn a7 (**Đèn trợ giúp AF gần sẵn**,  233).

Phác thảo màu



Máy ảnh phát hiện và phác họa màu cho hiệu ứng phác họa màu. Phim quay trong chế độ này phát lại như một trình chiếu slide làm từ một loạt các ảnh tĩnh. Có thể chọn hiệu ứng trong quá trình xem trực tiếp ( 180); lưu ý rằng tốc độ làm mới màn hình hiển thị giảm khi xem trực tiếp có hiệu lực và tốc độ khuôn hình giảm trong các chế độ nhả liên tục. Lấy nét tự động không có trong quá trình quay phim.

Hiệu ứng thu nhỏ



Đối tượng từ xa xuất hiện tí hon. Phim có hiệu ứng cỡ tí hon phát lại ở tốc độ cao, nén 30 đến 45 phút đoạn cảnh ở 1920 × 1080/30p thành một bộ phim phát lại trong khoảng 3 phút. Có thể chọn hiệu ứng trong quá trình xem trực tiếp ( 181); lưu ý rằng tốc độ làm mới màn hình hiển thị giảm khi xem trực tiếp có hiệu lực và tốc độ khuôn hình giảm trong các chế độ nhả liên tục. Âm thanh không được ghi lại với phim; lấy nét tự động không có sẵn trong quá trình quay phim. Đèn nháy gần sẵn và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động tắt; sử dụng giá ba chân để chống mờ khi ánh sáng yếu.

Màu tuyến chọn



Tất cả các màu sắc khác với màu được lựa chọn được ghi thành màu đen và trắng. Có thể chọn hiệu ứng trong quá trình xem trực tiếp (□ 182). Khi đèn nháy gắn sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân khi ánh sáng yếu.

Hình bóng



Hình bóng của đối tượng ngược với độ sáng nền. Khi đèn nháy gắn sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân khi ánh sáng yếu.

Ảnh sắc độ nhẹ



Sử dụng với những cảnh tươi sáng để tạo hình ảnh đầy sáng. Đèn nháy gắn sẵn tắt.

Ảnh sắc độ nặng



Sử dụng với những cảnh tối để tạo ra hình ảnh tối, âm đạm với các nổi bật rõ nét. Khi đèn nháy gắn sẵn tắt; cần sử dụng giá ba chân khi ánh sáng yếu.

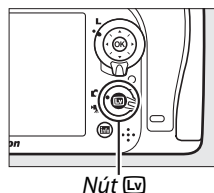


Tùy Chọn Có Sẵn Trong Xem Trực Tiếp

Phác thảo màu

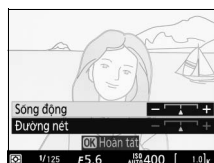
1 Nhấn nút **[Lv]**.

Gương sẽ được nâng lên và nội dung nhìn qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh.



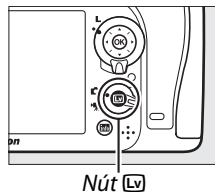
2 Điều chỉnh tùy chọn.

Nhấn **[OK]** để hiển thị các tùy chọn được hiển thị ở bên phải (lưu ý rằng các tùy chọn tạm thời xóa khỏi màn hình hiển thị trong quá trình lấy nét tự động). Nhấn **▲** hoặc **▼** để làm nổi bật **Sống động** hoặc **Đường nét** và nhấn **◀** hoặc **▶** để thay đổi. Có thể tăng độ sống động lên để màu bão hòa hơn, hoặc giảm để làm rõ một hiệu ứng đơn sắc, trong khi viền có thể làm dày hơn hoặc mỏng đi. Tăng độ dày của các đường thẳng cũng làm cho màu sắc bão hòa hơn. Nhấn **[OK]** để thoát khi thiết lập xong. Để thoát xem trực tiếp, nhấn lại nút **[Lv]**. Các thiết lập được lựa chọn sẽ tiếp tục có hiệu lực và sẽ áp dụng cho các ảnh chụp bằng cách sử dụng kính ngắm.



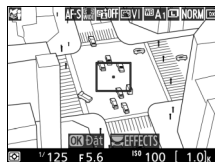
1 Nhấn nút **[Lv]**.

Gương sẽ được nâng lên và nội dung nhìn qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh.



2 Định vị điểm lấy nét.

Sử dụng đa bộ chọn để định vị điểm lấy nét trong khu vực sẽ được lấy nét và sau đó nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét (lưu ý rằng các tùy chọn tạm thời xóa khỏi màn hình hiển thị trong quá trình lấy nét tự động). Để tạm thời xóa các tùy chọn hiệu ứng cỡ tí hơn khỏi hiển thị và mở rộng xem trong màn hình để lấy nét chính xác, nhấn **[Q]** (**QUAL**). Nhấn **[ISO]** để khôi phục hiển thị hiệu ứng cỡ tí hơn.



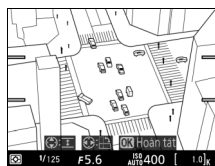
3 Hiển thị các tùy chọn.

Nhấn **[OK]** để hiển thị các tùy chọn hiệu ứng cỡ tí hơn.



4 Điều chỉnh tùy chọn.

Nhấn **[◀]** hoặc **[▶]** để chọn hướng của khu vực sẽ được lấy nét và nhấn **[▲]** hoặc **[▼]** để điều chỉnh độ rộng.

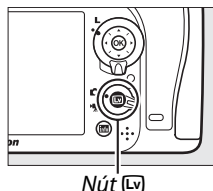


5 Trở lại màn hình xem trực tiếp.

Nhấn **[OK]** để trở lại xem trực tiếp. Để thoát xem trực tiếp, nhấn lại nút **[Lv]**. Các thiết lập được lựa chọn sẽ tiếp tục có hiệu lực và sẽ áp dụng cho các ảnh chụp bằng cách sử dụng kính ngắm.

1 Nhấn nút **[Lv]**.

Gương sẽ được nâng lên và nội dung nhìn qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh.



2 Hiển thị các tùy chọn.

Nhấn **[OK]** để hiển thị các lựa chọn màu chọn lọc.



3 Chọn một màu.

Tạo khuôn hình đối tượng trong ô trắng ở giữa màn hình hiển thị và nhấn **[▲]** để chọn màu cho đối tượng làm màu cho hình ảnh cuối cùng (máy ảnh có thể khó dò tìm màu không bão hòa; chọn màu bão hòa). Để phóng to giữa màn hình hiển thị nhằm chọn màu chính xác, nhấn **[Q]** (**QUAL**). Nhấn **[ISO]** để thu nhỏ.



Màu được chọn



4 Chọn phạm vi màu.

Nhấn **[▲]** hoặc **[▼]** để tăng hoặc giảm phạm vi màu sắc tương tự sẽ xuất hiện trong bức hình ảnh hay phim cuối cùng. Chọn từ các giá trị từ 1 đến 7; lưu ý rằng giá trị cao hơn có thể bao gồm màu sắc từ các màu khác.



Phạm vi màu



5 Chọn thêm màu.

Để chọn màu bổ sung, xoay đĩa lệnh để làm nổi bật một hộp màu khác trong ba hộp ở trên cùng màn hình hiển thị và lặp lại các Bước 3 và 4 để chọn màu khác. Lặp lại đối với màu thứ ba nếu muốn. Để hủy chọn màu được làm nổi bật, nhấn **[FORMAT]** (Để xóa tất cả các màu, nhấn giữ **[FORMAT]**). Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị; chọn **Có**.



6 Trở lại màn hình xem trực tiếp.

Nhấn  để trở lại xem trực tiếp. Trong quá trình chụp, chỉ các đối tượng có màu được chọn sẽ được ghi lại có màu; tất cả những đối tượng khác sẽ được ghi lại màu đen trắng. Để thoát xem trực tiếp, nhấn lại nút . Các thiết lập được lựa chọn sẽ tiếp tục có hiệu lực và sẽ áp dụng cho các ảnh chụp bằng cách sử dụng kính ngắm.



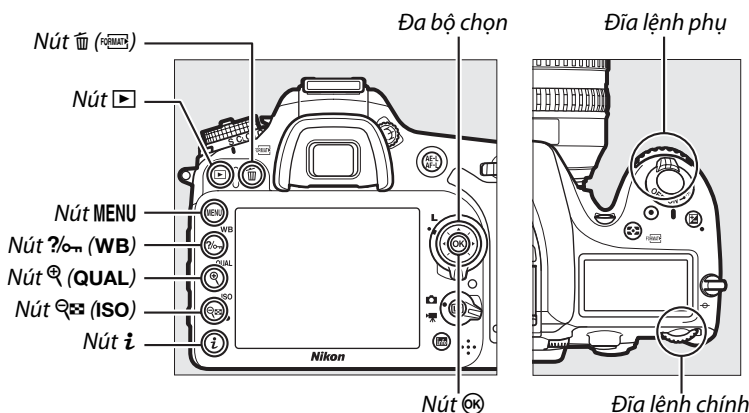




Thông Tin Thêm Về Phát Lại

Phát Lại Khuôn Hình Đầy

Để phát lại ảnh, nhấn nút . Ảnh mới nhất sẽ được hiển thị ở màn hình.



Xoay Dọc

Để hiển thị ảnh “dọc” (hướng chân dung) theo hướng dọc, chọn **Bật** cho chức năng **Xoay dọc** trong menu phát lại (222).



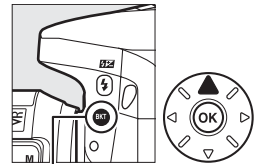
Xem Lại Hình Ảnh

Khi chọn **Bật** cho mục **Xem lại hình ảnh** trong menu phát lại (222), ảnh sẽ tự động hiển thị trên màn hình trong khoảng 4 giây sau khi chụp (vì máy ảnh đã đặt đúng hướng nên hình ảnh sẽ không tự động xoay trong suốt thời gian xem lại hình ảnh). Ở chế độ nhả liên tục, khi kết thúc chụp, hiển thị sẽ bắt đầu với hình ảnh đầu tiên trong loạt ảnh hiện thời.

Để	Sử dụng	Mô tả
Xem thêm ảnh		Nhấn ► để xem ảnh theo thứ tự được lưu, ◀ để xem ảnh theo thứ tự ngược lại.
Xem thông tin ảnh		Nhấn ▲ hoặc ▼ để xem thông tin về bức ảnh hiện tại (□ 187).
Xem hình thu nhỏ	 (ISO)	Xem trang 193 để biết thêm thông tin.
Phóng to ảnh	 (QUAL)	Xem trang 195 để biết thêm thông tin.
Xóa ảnh		Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện. Nhấn  lần nữa để xóa ảnh.
Thay đổi trạng thái bảo vệ	 (WB)	Để bảo vệ ảnh, hoặc bỏ bảo vệ đối với hình ảnh đã được bảo vệ, nhấn  (WB) (□ 196).
Trở về chế độ chụp		Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.
Sửa lại ảnh hoặc xén phim		Tạo bản sao chỉnh sửa hoặc xén của ảnh hiện tại hoặc phim (□ 173, 273).
Phát phim		Nếu hình ảnh hiện thời được đánh dấu là  để cho biết đó là phim, nhấn  để bắt đầu phát lại phim (□ 171).

Chọn Khe Thẻ Nhớ

Nếu hai thẻ nhớ được đưa vào, chọn một thẻ để phát lại bằng cách giữ nút **BKT** và nhấn ▲ trong suốt quá trình phát lại khuôn hình đầy hay hình thu nhỏ. Hộp thoại như bên phải sẽ hiển thị; làm nổi bật khe muốn chọn và nhấn ► để liệt kê các thư mục trên thẻ được chọn, sau đó làm nổi bật một thư mục và nhấn  để xem lại hình ảnh trong thư mục được chọn. Thực hiện quá trình tương tự khi chọn ảnh cho các menu sửa lại (□ 217) và chỉnh sửa (□ 273) hoặc khi sao chép cân bằng trắng từ một bức ảnh đã tồn tại (□ 101).



Nút BKT

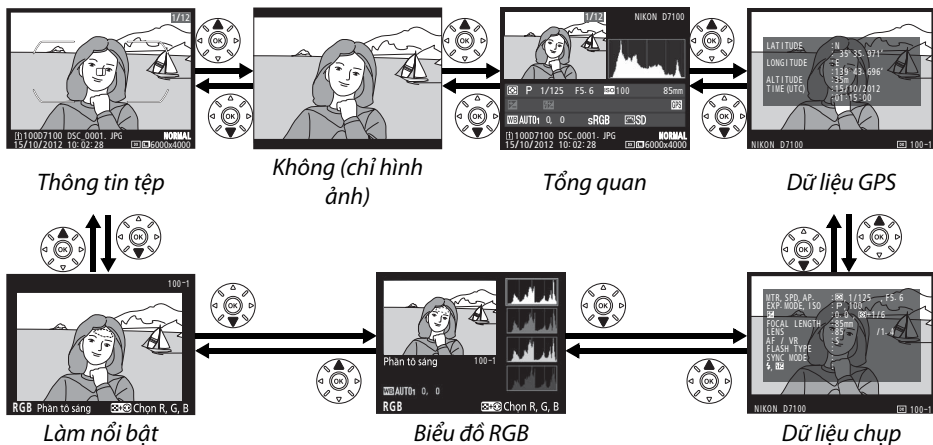


Xem Thêm

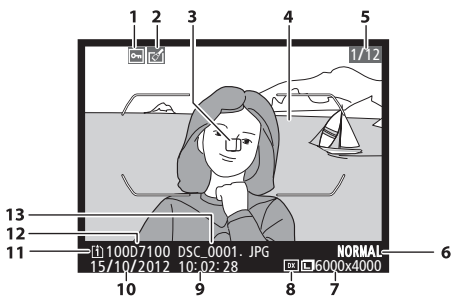
Để biết thêm thông tin về cách chọn thời gian màn hình chờ khi không làm việc, xem Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Độ trễ tắt màn hình**, □ 238). Để biết thêm thông tin về cách sử dụng đĩa lệnh để xem thêm ảnh hoặc thông tin ảnh, xem Cài Đặt Tùy Chọn f5 (**Tùy chọn đĩa lệnh**) > **Menu và phát lại** (□ 257).

Thông Tin Ảnh

Thông tin ảnh được đề trên những bức ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy. Nhấn ▲ hoặc ▼ để duyệt qua thông tin ảnh như minh họa bên dưới. Lưu ý rằng “chỉ hình ảnh”, dữ liệu chụp, biểu đồ RGB, phần tô sáng và dữ liệu tổng quan chỉ được hiển thị nếu tùy chọn tương ứng được chọn cho **Tùy chọn hiển thị phát lại** (☐ 219). Dữ liệu GPS chỉ được hiển thị nếu sử dụng bộ GPS khi chụp ảnh.



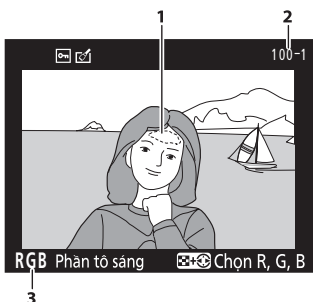
Thông Tin Tệp



1	Trạng thái bảo vệ	196
2	Chỉ báo sửa lại	273
3	Điểm lấy nét ^{1, 2}	75
4	Khung vùng lấy nét tự động ¹	33
5	Số khuôn hình/tổng số khuôn hình	
6	Chất lượng hình ảnh	66
7	Cỡ hình ảnh	68
8	Vùng hình ảnh	63
9	Thời gian ghi	28, 265
10	Ngày ghi	28, 265
11	Khe thẻ hiện thời	69, 186
12	Tên thư mục	225
13	Tên tập tin	226

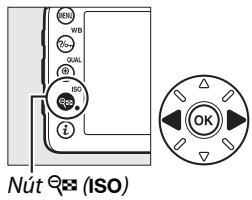
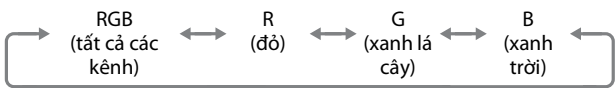
- Chỉ hiển thị nếu **Điểm lấy nét** được chọn cho **Tùy chọn hiển thị phát lại** (☐ 219).
- Nếu ảnh được chụp sử dụng **AF-S** hoặc lựa chọn lấy nét tự động phần phụ đơn trong khi **AF-A**, hiển thị cho thấy điểm đầu tiên mà lấy nét bị khóa. Nếu bức ảnh sử dụng **AF-C** hoặc chọn lấy nét tự động phần phụ liên tục trong khi **AF-A**, điểm lấy nét chỉ hiển thị nếu tùy chọn khác với lấy nét tự động vùng tự động được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động và máy ảnh có thể lấy nét.

■ ■ Làm nổi bật

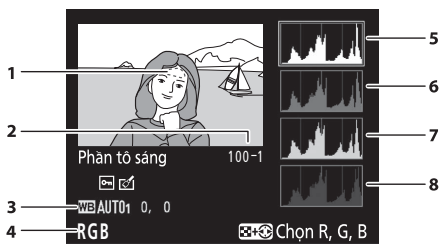


- 1 Phân tỏ sáng hình ảnh *
- 2 Số thư mục—số khuôn hình..... 225
- 3 Kênh hiện thời *

* Vùng nhấp nháy cho biết phần tỏ sáng (các vùng có thể bị phơi sáng quá nhiều) của kênh hiện tại. Giữ **ISO** nút và nhấn ◀ hoặc ▶ duyệt qua các kênh như sau:



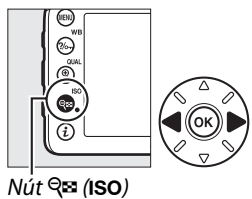
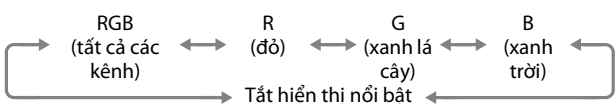
■ ■ Biểu Đồ RGB



- 3 Cân bằng trắng.....89
- Nhiệt độ màu94
- Dò tinh chỉnh cân bằng trắng.....91
- Cài đặt trước bằng tay95
- 4 Kênh hiện thời *
- 5 Biểu đồ (kênh RGB). Trong tất cả các biểu đồ, trục ngang chỉ độ sáng điểm ảnh, trục thẳng đứng chỉ số điểm ảnh.
- 6 Biểu đồ (kênh màu đỏ)
- 7 Biểu đồ (kênh màu xanh lá cây)
- 8 Biểu đồ (kênh màu xanh trời)

- 1 Phân tỏ sáng hình ảnh *
- 2 Số thư mục—số khuôn hình..... 225

* Vùng nhấp nháy cho biết phần tỏ sáng (các vùng có thể bị phơi sáng quá nhiều) của kênh hiện tại. Giữ **ISO** nút và nhấn ◀ hoặc ▶ duyệt qua các kênh như sau:



Thu Phóng Phát Lại

Để phóng to ảnh khi hiển thị biểu đồ, nhấn **Q (QUAL)**. Sử dụng nút **Q (QUAL)** và **ISO** để phóng to và thu nhỏ và cuộn hình ảnh bằng đa bộ chọn. Biểu đồ sẽ được cập nhật để hiển thị các dữ liệu cho phần hình ảnh thấy được trên màn hình.



Biểu đồ

Biểu đồ máy ảnh chỉ mang tính hướng dẫn và có thể khác so với những gì hiển thị trong các ứng dụng hình ảnh. Sau đây là một số biểu đồ mẫu:

Nếu hình ảnh chứa các đối tượng có phạm vi độ sáng rộng, sự phân phối của các tông màu sẽ tương đối cân bằng.



Nếu hình ảnh tối, phân phối tông màu sẽ dịch sang trái.



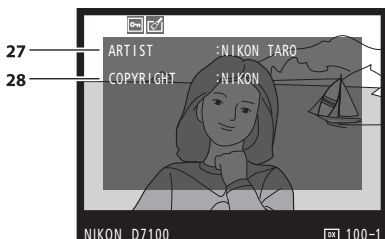
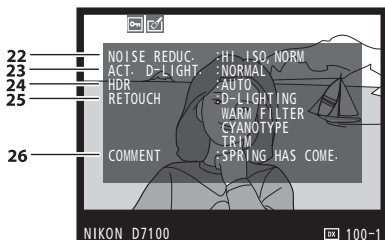
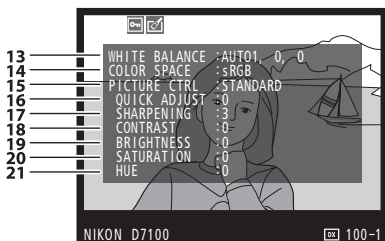
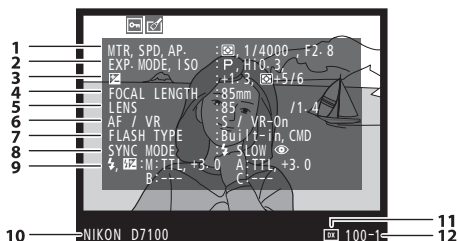
Nếu hình ảnh sáng, phân phối tông màu sẽ dịch sang phải.



Tăng bù phơi sáng sẽ dịch sự phân phối tông màu sang phải, và nếu giảm bù phơi sáng thì phân phối sẽ dịch sang trái. Biểu đồ sẽ cho thấy cái nhìn tổng quát về phơi sáng toàn diện khi ánh sáng xung quanh khiến cho ảnh khó nhìn thấy được trên màn hình.



■ Dữ Liệu Chụp

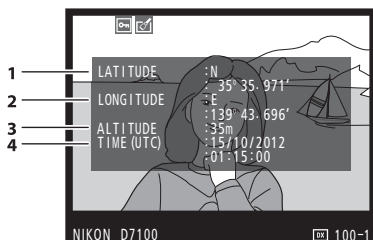


1	Đo sáng	83
	Tốc độ cửa trập	49, 51
	Độ mở ống kính	50, 51
2	Chế độ chụp	36, 41, 47, 177
	Độ nhạy ISO ¹	79

3	Bù phơi sáng	86
	Tối ưu điều chỉnh phơi sáng ²	236
4	Tiêu cự	149, 302
5	Dữ liệu thấu kính	149
6	Chế độ lấy nét	71, 78
	Thấu kính VR (chống rung) ³	
7	Loại đèn nháy	119, 303
	Chế độ bộ điều khiển	247
8	Chế độ đèn nháy	120
9	Điều khiển đèn nháy	246, 305, 306
	Bù đèn nháy	124
10	Tên máy ảnh	
11	Vùng hình ảnh	63
12	Số thư mục—số khuôn hình	225
13	Cân bằng trắng	89
	Nhiệt độ màu	94
	Dò tinh chỉnh cân bằng trắng	91
	Cài đặt trước bằng tay	95
14	Không gian màu	227
15	Picture Control	105
16	Điều chỉnh nhanh ⁴	108
	Picture Control ban đầu ⁵	111
17	Làm sắc nét	108
18	Độ tương phản	108
19	Độ sáng	108
20	Độ bão hòa ⁶	108
	Hiệu ứng bộ lọc ⁷	108, 109
21	Màu sắc ⁶	108
	Tông màu ⁷	108, 109
22	High ISO noise reduction (Giảm nhiễu ISO cao)	228
	Giảm nhiễu phơi sáng lâu	228
23	D-Lighting Hoạt Động	113
24	Cường độ HDR	115
25	Lịch sử sửa lại	273
26	Nhận xét hình ảnh	266
27	Tên của nhiếp ảnh gia ⁸	267
28	Người giữ bản quyền ⁸	267

- 1 Hiển thị màu đỏ nếu ảnh được chụp với điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.
- 2 Hiển thị nếu Cài Đặt Tùy Chọn b5 (**Tình hình phơi sáng tối ưu**,  236) được chỉnh đến giá trị khác 0 cho bất cứ phương pháp đo sáng nào.
- 3 Chỉ hiển thị nếu gắn thấu kính chống rung.
- 4 Chỉ các Picture Control **Tiêu chuẩn**, **Sống động**, **Chân dung** và **Phong cảnh**.
- 5 **Trung tính**, **Đơn sắc**, và các Picture Control mặc định.
- 6 Không hiển thị với Picture Control đơn sắc.
- 7 Chỉ Picture Control đơn sắc.
- 8 Trang thứ tư của dữ liệu chụp chỉ được hiển thị nếu thông tin bản quyền được ghi lại với ảnh như được mô tả trên trang 267.

■■ Dữ Liệu GPS *

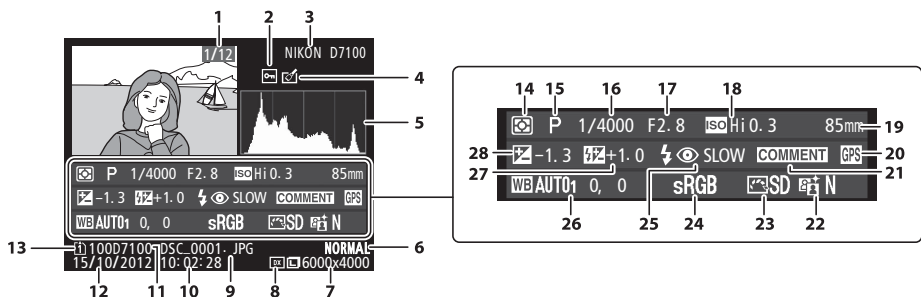


- | | |
|---|-----------------------|
| 1 | Vĩ Độ |
| 2 | Kinh Độ |
| 3 | Cao Độ |
| 4 | Múi Giờ Quốc Tế (UTC) |

* Dữ liệu cho phim dùng bắt đầu ghi.



Dữ Liệu Tổng Quan



1	Số khung hình/tổng số ảnh	
2	Trạng thái bảo vệ	196
3	Tên máy ảnh	
4	Chỉ báo sửa lại	273
5	Biểu đồ thể hiện sự phân phối tổng màu trong hình ảnh (189).	
6	Chất lượng hình ảnh	66
7	Cỡ hình ảnh	68
8	Vùng hình ảnh	63
9	Tên tập tin	226
10	Thời gian ghi	28, 265
11	Tên thư mục	225
12	Ngày ghi	28, 265
13	Khe thẻ hiển thị thời	69, 186
14	Đo sáng	83
15	Chế độ chụp	36, 41, 47, 177
16	Tốc độ cửa trập	49, 51

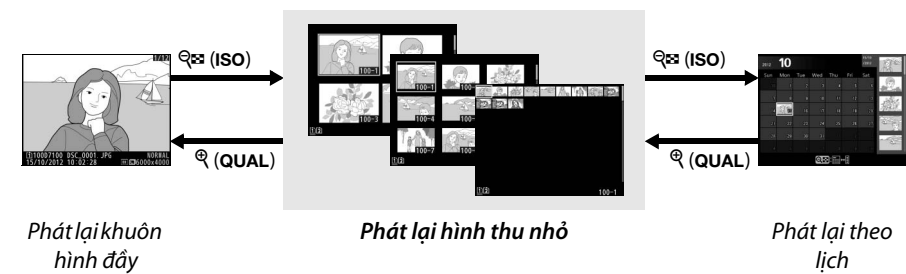
17	Độ mở ống kính	50, 51
18	Độ nhạy ISO *	79
19	Tiêu cự	149, 302
20	Chỉ báo dữ liệu GPS	152
21	Chỉ báo nhận xét ảnh	266
22	D-Lighting Hoạt Động	113
23	Picture Control	105
24	Không gian màu	227
25	Chế độ đèn nháy	120
26	Cân bằng trắng	89
	Nhiệt độ màu	94
	Dò tinh chỉnh cân bằng trắng	91
	Cài đặt trước bằng tay	95
27	Bù đèn nháy	124
	Chế độ bộ điều khiển	247
28	Bù phơi sáng	86

* Hiển thị màu đỏ nếu ảnh được chụp với điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.



Phát Lại Hình Thu Nhỏ

Để hiển thị hình ảnh trên các "tờ tiếp xúc" của bốn, chín hay 72 ảnh, nhấn nút  (ISO).

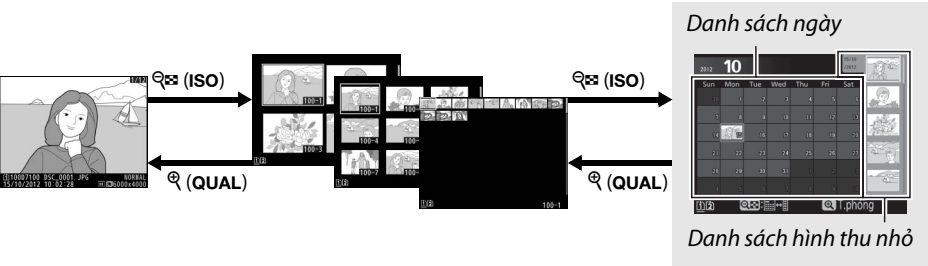


Để	Sử dụng	Mô tả
Hiển thị thêm hình ảnh	 (ISO)	Nhấn  (ISO) để tăng thêm số ảnh hiển thị.
Hiển thị ít hình ảnh hơn	 (QUAL)	Nhấn nút  (QUAL) để giảm bớt số hình ảnh hiển thị. Khi bốn ảnh hiển thị, nhấn để xem đầy khuôn hình ảnh được chọn nổi.
Làm nổi bật hình ảnh		Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh cho phát lại khuôn hình đầy, thu phóng phát lại ( 195), xóa ( 197), hoặc bảo vệ ( 196).
Xem hình ảnh được làm nổi bật		Nhấn  để hiển thị ảnh được làm nổi bật trong khuôn hình đầy.
Xóa ảnh được làm nổi bật	 (FORMAT)	Xem trang 197 để biết thêm thông tin.
Thay đổi trạng thái bảo vệ của hình ảnh được làm nổi bật	 (WB)	Xem trang 196 để biết thêm thông tin.
Trở về chế độ chụp		Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.
Sửa lại ảnh hoặc xén phim		Tạo bản sao chỉnh sửa hoặc xén của ảnh hiện tại hoặc phim ( 173,  273).



Phát Lại Theo Lịch

Để xem hình được chụp vào ngày được chọn, nhấn nút  (ISO) khi 72 hình ảnh được hiển thị.



Phát lại khuôn
hình đầy

Phát lại hình thu nhỏ

Phát lại theo lịch

Hoạt động được thể hiện dựa vào việc con trỏ xuất hiện trên danh sách ngày hay danh sách ảnh thu nhỏ:

Để	Sử dụng	Mô tả
Hoán đổi giữa danh sách ngày và danh sách ảnh thu nhỏ		Nhấn nút  (ISO) hoặc  trong danh sách ngày để đặt con trỏ trong danh sách các hình thu nhỏ. Nhấn  (ISO) một lần nữa để quay trở lại danh sách ngày.
Thoát để phát lại hình thu nhỏ/Phóng to hình được làm nổi bật		Danh sách ngày: Thoát sang phát lại 72 khuôn hình. Danh sách hình thu nhỏ: Nhấn và giữ nút  (QUAL) để phóng to hình ảnh được làm nổi bật.
Làm nổi bật ngày/ Làm nổi bật hình ảnh		Danh sách ngày: Chọn nổi bật ngày. Danh sách hình thu nhỏ: Làm nổi hình ảnh.
Hoán đổi phát lại khuôn hình đầy		Danh sách hình thu nhỏ: Xem ảnh được làm nổi bật.
Xóa (các) ảnh được làm nổi bật		Danh sách ngày: Xóa tất cả ảnh vào ngày được chọn. Danh sách hình thu nhỏ: Xóa ảnh được làm nổi bật ( 197).
Thay đổi trạng thái bảo vệ ảnh được làm nổi bật		Xem trang 196 để biết thêm thông tin.
Trở về chế độ chụp		Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.
Sửa lại ảnh hoặc xén phim		Tạo bản sao chỉnh sửa hoặc xén của bức ảnh hoặc phim được làm nổi bật trong danh sách hình thu nhỏ ( 173,  273).

Xem Gần: Thu Phóng Phát Lại

Nhấn nút **QUAL** để phóng to hình ảnh hiển thị phát lại khuôn hình đầy hoặc hình ảnh đang được làm nổi bật trong phát lại hình thu nhỏ. Các hoạt động sau có thể thực hiện trong khi thu phóng đang có hiệu lực:

Để	Sử dụng	Mô tả	
Phóng to hoặc thu nhỏ	 (QUAL)/ ISO	Nhấn  (QUAL) để phóng to tối đa khoảng 38× (ảnh lớn ở 24 × 16/DX định dạng), 28× (ảnh trung bình) hoặc 19× (ảnh nhỏ). Nhấn  (ISO) để thu nhỏ. Khi phóng to ảnh, sử dụng đa bộ chọn để xem các vùng ảnh không nhìn thấy trong màn hình. Giữ nhấn đa bộ chọn để cuộn đều đến vùng khác của khuôn hình. Cửa sổ định hướng xuất hiện khi tỉ lệ thu phóng thay đổi; vùng nhìn thấy hiện thời trên màn hình được chỉ định bởi khung màu vàng.	
Xem các vùng khác của ảnh		Khuôn mặt (lên đến 35) được nhận diện suốt quá trình thu phóng chỉ báo bởi khung màu trắng trong cửa sổ định hướng. Xoay đĩa lệnh phụ để xem các khuôn mặt khác.	
Chọn khuôn mặt		Xoay đĩa lệnh chính để xem các ảnh khác ở cùng một vị trí với tỷ lệ thu phóng hiện tại. Thu phóng phát lại bị hủy khi phim được hiển thị.	
Xem hình ảnh khác		Xoay đĩa lệnh chính để xem các ảnh khác ở cùng một vị trí với tỷ lệ thu phóng hiện tại. Thu phóng phát lại bị hủy khi phim được hiển thị.	
Thay đổi trạng thái bảo vệ	 (WB)	Xem trang 196 để biết thêm thông tin.	
Trở về chế độ chụp		Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.	
Sửa lại ảnh		Tạo bản sao chỉnh sửa của bức ảnh hiện tại ( 273).	



Bảo Vệ Ảnh Khỏi Bị Xóa

Trong khuôn hình đầy, thu phóng, phát lại hình thu nhỏ và phát lại theo lịch, nút **WB** (WB) có thể được sử dụng để bảo vệ hình ảnh khỏi bị xóa vô tình. Tập tin được bảo vệ không thể bị xóa bằng cách sử dụng nút **FORMAT** hay lựa chọn **Xóa** trong menu phát lại. Lưu ý rằng hình ảnh được bảo vệ sẽ bị xóa khi định dạng thẻ nhớ (32, 262).

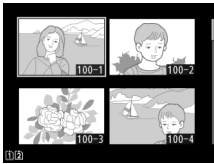
Để bảo vệ bức ảnh:

1 Chọn hình ảnh.

Hiển thị ảnh trong phát lại khuôn hình đầy hoặc thu phóng phát lại hay làm nổi bật ảnh trong danh sách phát lại hình thu nhỏ hoặc phát lại theo lịch.



Phát lại khuôn hình đầy



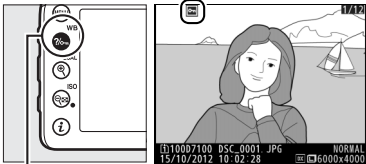
Phát lại hình thu nhỏ



Phát lại theo lịch

2 Nhấn nút **WB** (WB).

Ảnh sẽ được đánh dấu với một biểu tượng **WB**. Để gỡ bảo vệ khỏi ảnh khiến nó có thể bị xóa, hiển thị hoặc làm nổi bật trong danh sách hình thu nhỏ và sau đó nhấn nút **WB** (WB).



Nút **WB** (WB)

Hủy Bỏ Bảo Vệ Cho Tất Cả Ảnh

Để hủy bỏ bảo vệ cho tất cả các ảnh trong thư mục hay cho thư mục được chọn trong menu **Thư mục phát lại**, nhấn đồng thời nút **WB** và **FORMAT** trong khoảng hai giây trong khi phát lại.

Xóa Ảnh

Để xóa ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy hay ảnh nổi bật trong danh sách hình thu nhỏ, nhấn nút  (FORMAT). Để xóa nhiều ảnh được chọn, tắt cả ảnh chụp trong ngày được chọn, hay tắt cả ảnh trong thư mục phát lại, sử dụng tùy chọn **Xóa** trong menu phát lại. Khi đã xóa, ảnh không thể khôi phục lại. Lưu ý rằng không thể xóa ảnh được bảo vệ hoặc ẩn.

Phát Lại Khuôn Hình Đầy, Hình Thu Nhỏ và Theo Lịch

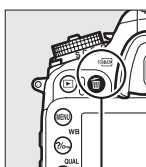
Nhấn nút  (FORMAT) để xóa ảnh hiện tại.

1 Chọn hình ảnh.

Hiển thị ảnh hoặc làm nổi bật nó trong danh sách hình thu nhỏ trong phát lại hình thu nhỏ hoặc phát lại theo lịch.

2 Nhấn nút (FORMAT).

Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị.



Nút  (FORMAT)



Phát lại khuôn hình đầy



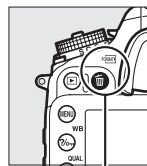
Phát lại hình thu nhỏ



Phát lại theo lịch
(danh sách hình thu nhỏ)

3 Nhấn nút (FORMAT) một lần nữa.

Để xóa ảnh, nhấn nút  (FORMAT). Để thoát mà không xóa ảnh, nhấn nút .



Nút  (FORMAT)

Phát Lại Theo Lịch

Trong quá trình phát lại theo lịch, bạn có thể xóa tất cả ảnh trong ngày được chọn bằng cách làm nổi bật ngày trong danh sách ngày và nhấn nút  (FORMAT) (194).

Xem Thêm

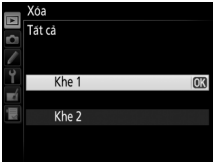
Tùy chọn **Sau khi xóa** trong menu phát lại quyết định liệu ảnh trước hay sau đó có hiển thị sau khi một bức ảnh bị xóa hay không (222).



Menu Phát Lại

Tùy chọn **Xóa** trong menu phát lại chứa các tùy chọn sau. Lưu ý rằng tùy thuộc vào số lượng ảnh mà có thể yêu cầu phải xóa bớt.

Tùy chọn	Mô tả
Đã chọn	Xóa ảnh đã chọn.
Chọn ngày	Xóa tất cả ảnh chụp trong ngày đã chọn (📅 199).
ALL Tất cả	Xóa tất cả các ảnh trong thư mục hiện thời được chọn cho phát lại (📅 217). Nếu có hai thẻ nhớ được lắp vào, bạn có thể chọn xóa ảnh từ thẻ.

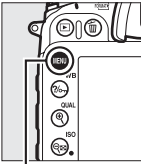


■ ■ Đã chọn: Xóa Ảnh Đã Chọn

- 1

Chọn Đã chọn cho tùy chọn Xóa trong menu phát lại.

Nhấn nút **MENU** và chọn **Xóa** trong menu phát lại. Làm nổi bật **Đã chọn** và nhấn ►.



Nút MENU



- 2

Làm nổi bật một bức ảnh.

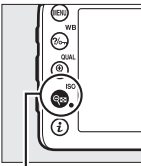
Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật một bức ảnh (để xem ảnh đã chọn nổi bật đầy màn hình, nhấn và giữ nút **Q (QUAL)**; để xem ảnh ở vị trí khác, giữ nút **BKT**, nhấn **▲**, và chọn thẻ và thư mục mong muốn như mô tả ở trang 186).



- 3

Chọn ảnh đã làm nổi bật.

Nhấn nút **Q (ISO)** để chọn ảnh cần làm nổi bật. Ảnh đã chọn được đánh dấu bởi biểu tượng . Lặp lại bước 2 và bước 3 để chọn thêm ảnh; để xóa ảnh, làm nổi bật và nhấn **Q (ISO)**.



Nút Q (ISO)



4 Nhấn **OK** để hoàn thành hoạt động.

Một hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện; làm nổi bật **Có** và nhấn **OK**.



■ Chọn ngày: Xóa Ảnh Được Chụp Vào Ngày Đã Chọn

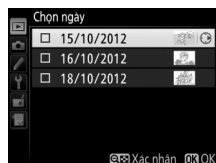
1 Chọn Chọn ngày.

Trong menu xóa, làm nổi bật **Chọn ngày** và nhấn **►**.

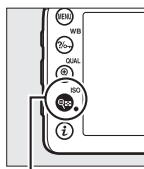


2 Làm nổi bật ngày.

Nhấn **▲** hoặc **▼** để làm nổi bật một ngày.



Để xem các bức ảnh được chụp vào ngày được làm nổi bật, nhấn **ISO**. Sử dụng đa bộ chọn để cuộn qua các bức ảnh, hoặc nhấn giữ **QUAL** để xem toàn màn hình bức ảnh hiện tại. Nhấn **ISO** để quay về danh sách ngày.

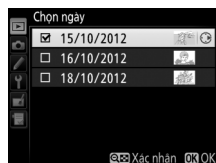


Nút **ISO**



3 Chọn ngày được làm nổi bật.

Nhấn **►** để chọn tất cả ảnh được chụp trong ngày được làm nổi bật. Ngày đã chọn được đánh dấu với biểu tượng **☑**. Lặp lại bước 2 và 3 để chọn ngày bổ sung; để bỏ chọn một ngày, làm nổi bật ngày đó và nhấn **►**.



4 Nhấn **OK** để hoàn thành hoạt động.

Một hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện; làm nổi bật **Có** và nhấn **OK**.





Kết nối

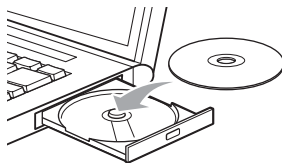
Cài đặt ViewNX 2

Cài đặt phần mềm kèm theo để hiển thị và chỉnh sửa hình ảnh và phim đã được sao chép vào máy tính của bạn. Trước khi cài đặt ViewNX 2, xác nhận rằng máy tính của bạn đáp ứng các yêu cầu hệ thống ở trang 202. Lưu ý rằng nếu sử dụng các phiên bản cũ của phần mềm không hỗ trợ D7100, những hình ảnh RAW có thể không chuyển được sang máy tính. Phiên bản mới nhất của ViewNX 2 có sẵn để tải về từ các trang web được liệt kê trên trang xxvi.



1 Khởi động trình cài đặt.

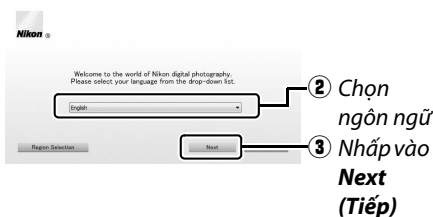
Khởi động máy tính, lắp CD cài đặt ViewNX 2 và khởi động trình cài đặt.



2 Chọn ngôn ngữ.

Nếu ngôn ngữ mong muốn không có sẵn, nhấp vào **Region Selection (Chọn khu vực)** để chọn khu vực khác nhau và sau đó chọn ngôn ngữ mong muốn (lựa chọn khu vực không có sẵn trong phiên bản châu Âu nhả ra).

① Chọn khu vực (nếu yêu cầu)



3 Khởi động trình cài đặt.

Nhấp vào **Install (Cài đặt)** và làm theo các hướng dẫn trên màn hình.

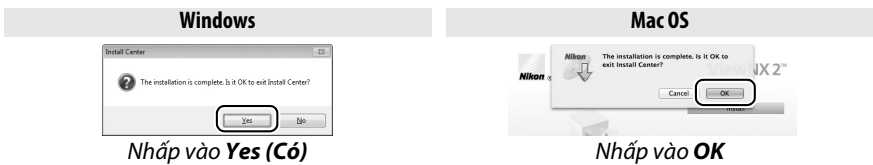
☒ Hướng dẫn cài đặt

Để được trợ giúp cài đặt ViewNX 2, nhấp vào **Installation Guide (Hướng Dẫn Cài Đặt)** trong Bước 3.



Nhấp vào **Install (Cài đặt)**

4 Thoát trình cài đặt.



Phần mềm sau được cài đặt:

- ViewNX 2
- Apple QuickTime (chỉ dành cho Windows)

5 Lấy đĩa CD trình cài đặt khỏi ổ đĩa CD-ROM.

Yêu Cầu Hệ Thống		
	Windows	Mac OS
CPU	• Ảnh/Phim JPEG: Intel Celeron, Pentium 4, hoặc dòng Core, 1,6 GHz hoặc cao hơn • Phim H.264 (phát lại): 3,0Nền dùng GHz hoặc cao hơn Pentium D; Intel Core i5 hoặc cao hơn khi xem phim với cỡ khuôn hình 1280 × 720 hoặc nhiều hơn tại tốc độ khuôn hình 30 khuôn hình trên một giây hoặc cao hơn hoặc phim có cỡ khuôn hình 1920 × 1080 hoặc cao hơn • Phim H.264 (chỉnh sửa): 2,6 GHz hoặc cao hơn Core 2 Duo	• Ảnh/Phim JPEG: Dòng Intel Core hoặc Xeon • Phim H.264 (phát lại): Core Duo 2 GHz hoặc cao hơn; Intel Core i5 hoặc cao hơn khi xem phim cỡ khuôn hình 1280 × 720 hoặc cao hơn ở tốc độ khuôn hình 30 khuôn hình trên một giây hoặc cao hơn hoặc phim có cỡ khuôn hình 1920 × 1080 hoặc cao hơn • Phim H.264 (chỉnh sửa): 2,6 GHz hoặc cao hơn Core 2 Duo
Hệ điều hành	Các phiên bản cài sẵn của Windows XP, Windows Vista, Windows 7 và Windows 8, chỉ các phiên bản 32 bit của Windows XP được hỗ trợ	Mac OS X phiên bản 10,6, 10,7, hoặc 10,8
RAM	• Windows 8/Windows 7/Windows Vista: 1 GB hoặc cao hơn (nên 2 GB hoặc nhiều hơn) • Windows XP: 512 MB hoặc nhiều hơn (nên 2 GB hoặc nhiều hơn)	512 MB hoặc nhiều hơn (nên 2 GB hoặc nhiều hơn)
Không gian đĩa cứng	Tối thiểu 500 MB có sẵn trên đĩa khởi động (nên 1 GB hoặc nhiều hơn)	
Màn hình	Độ phân giải: 1024 × 768 điểm ảnh (XGA) hoặc nhiều hơn (nên 1280 × 1024 điểm ảnh (SXGA) hoặc nhiều hơn) Màu: Màu 24 bit (True Color) trở lên	Độ phân giải: 1024 × 768 điểm ảnh (XGA) hoặc nhiều hơn (nên 1280 × 1024 điểm ảnh (SXGA) hoặc nhiều hơn) Màu: Màu 24 bit (triệu màu) trở lên
Xem các trang web được nêu ở trang xxvi để có thông tin mới nhất đối với các hệ điều hành được hỗ trợ.		

Sử dụng ViewNX 2

Sao Chép Ảnh vào Máy Tính

Trước khi tiến hành, chắc chắn phải cài đặt phần mềm trên CD đi kèm ViewNX 2 (□ 201).

1 Chọn cách thức hình ảnh sẽ được sao chép vào máy tính.

Chọn một trong những phương pháp sau:

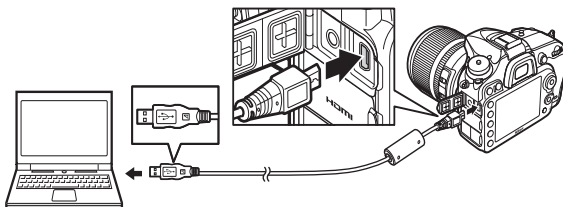
- **Kết nối USB trực tiếp:** Tắt máy ảnh và đảm bảo rằng thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh. Kết nối máy ảnh vào máy tính bằng cách sử dụng cáp UC-E6 USB kèm theo và sau đó bật máy ảnh.

Sử Dụng một Nguồn Điện Đáng Tin Cậy

Để đảm bảo việc truyền dữ liệu không bị gián đoạn, hãy chắc chắn pin máy ảnh EN-EL15 đã được sạc đầy. Nếu nghi ngờ, hãy sạc pin trước khi sử dụng hoặc sử dụng một bộ đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5B (bán riêng).

Cục Chia USB

Kết nối máy ảnh trực tiếp vào máy tính; không kết nối cáp qua cục chia USB hay qua bàn phím.



- **Khe thẻ SD:** Nếu máy tính của bạn được trang bị khe thẻ SD, có thể lắp thẻ trực tiếp vào khe.
- **Bộ đọc thẻ SD:** Kết nối bộ đọc thẻ (mua riêng từ nhà cung cấp thứ ba) vào máy tính và lắp thẻ nhớ.

2 Bắt đầu thành phần Nikon Transfer 2 của ViewNX 2.

Nếu thông báo nhắc bạn chọn chương trình được hiển thị, chọn Nikon Transfer 2.

Windows 7

Nếu hội thoại sau đây được hiển thị, chọn Nikon Transfer 2 như được mô tả bên dưới.

- 1 Dưới **Import pictures and videos** (Nhập hình ảnh và video), nhấp vào **Change program** (Thay đổi chương trình). Một hộp thoại chọn chương trình sẽ được hiển thị, chọn **Import file using Nikon Transfer 2** (Nhập tệp tin bằng cách sử dụng Nikon Transfer 2) và nhấn **OK**.

- 2 Nhấp đúp vào **Import file** (Nhập tệp tin).



3 Nhấp vào **Start Transfer (Bắt Đầu Truyền)**.

Ở cài đặt mặc định, tất cả các hình ảnh trên thẻ nhớ sẽ được sao chép vào máy tính.



Start Transfer (Bắt Đầu Truyền)

4 Chấm dứt kết nối.

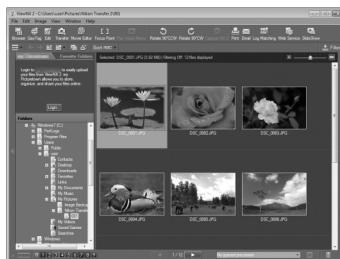
Nếu máy ảnh được kết nối với máy tính, tắt máy ảnh và ngắt kết nối cáp USB. Nếu bạn đang sử dụng đầu đọc thẻ hoặc khe thẻ, chọn tùy chọn thích hợp trong hệ điều hành máy tính để đẩy ổ đĩa di động tương ứng với thẻ nhớ và sau đó tháo các thẻ khỏi bộ đọc thẻ hoặc khe cắm thẻ nhớ.

Xem Ảnh

Hình ảnh được hiển thị trong ViewNX 2 khi chuyển xong.

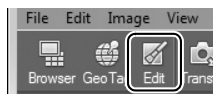
Khởi chạy ViewNX 2 bằng tay

- Windows: Nhấp đúp lối tắt ViewNX 2 trên màn hình.
- Mac OS: Nhấp vào biểu tượng ViewNX 2 trong Dock.



■■ Sửa Lại Ảnh

Để xem ảnh và hiển thị các thao tác như điều chỉnh độ sắc nét và mức tông màu, nhấp vào nút **Edit (Chỉnh sửa)** ở thanh ViewNX 2.



■■ Chỉnh Sửa Phim

Để hiển thị các thao tác như sắp xếp các cảnh không mong muốn trong phim từ máy ảnh, nhấp vào nút **Movie Editor (Chỉnh Sửa Phim)** ở thanh ViewNX 2.



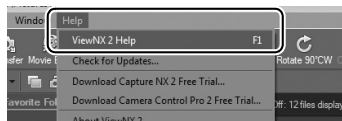
■■ In Ảnh

Nhấp vào nút **Print (In)** trong thanh công cụ ViewNX 2. Một hộp thoại sẽ được hiển thị, cho phép bạn in ảnh trên máy in kết nối với máy tính.



Để Biết Thêm Thông Tin

Tham khảo trợ giúp trực tuyến để biết thêm thông tin về việc sử dụng ViewNX 2.



Cáp Kết Nối

Hãy chắc là máy ảnh đã tắt khi kết nối hoặc ngắt kết nối với khớp nối cáp. Không sử dụng lực hoặc cố gắng để lắp các đầu nối ở góc nghiêng. Đóng nắp đầu nối khi không sử dụng đầu nối.

Trong Lúc Truyền

Không tắt máy ảnh hoặc ngắt kết nối cáp USB trong quá trình truyền dữ liệu.

Windows

Để truy cập trang web của Nikon sau khi cài đặt ViewNX 2, chọn **All Programs (Toàn bộ chương trình) > Link to Nikon (Kết nối đến Nikon)** từ menu Start của Windows (cần kết nối Internet).



Ethernet và Mạng không dây

Thiết bị kết nối UT-1 tùy chọn (□ 310) cần có phiên bản Wireless Transmitter Utility 1.4.0 hoặc cao hơn (Wireless Transmitter Utility được cung cấp kèm với UT-1; có thể tải về phiên bản mới nhất của phần mềm UT-1 và Wireless Transmitter Utility từ các trang web trên trang xxvi). Khi sử dụng với D7100, UT-1 cần có phiên bản vi chương trình 1.1 hoặc cao hơn (phiên bản vi chương trình có thể được hiển thị bằng cách kết nối UT-1 và chọn **Mạng > Tùy chọn > Phiên bản vi chương trình** trong menu cài đặt; □ 261). Khi kết nối với máy ảnh thông qua cáp USB của máy ảnh, UT-1 tùy chọn có thể được sử dụng để tải lên hình ảnh vào máy tính hoặc máy chủ ftp qua mạng Ethernet hoặc, nếu có bộ phát không dây WT-5 (□ 310) được kết nối với UT-1, thì sẽ được tải lên qua mạng LAN không dây.

■ Chế độ có sẵn

Có các phương thức sau đây khi máy ảnh được kết nối với mạng bằng cách sử dụng UT-1 hoặc UT-1 và bộ phát không dây WT-5:

Chế độ	Chức năng
Tải lên FTP	Tải lên hình ảnh và phim hiện có vào máy tính hoặc máy chủ FTP, hoặc tải lên hình ảnh mới khi được chụp.
Truyền hình ảnh	
Điều khiển máy ảnh	Điều khiển máy ảnh từ máy tính bằng cách sử dụng Camera Control Pro 2 (bán riêng).

Để biết thêm thông tin, xem tài liệu cung cấp cùng với UT-1 và / hoặc WT-5.



Tải lên hình ảnh

Khi UT-1 được kết nối, nút **i** sẽ hoạt động trong khi phát lại để chọn hình ảnh để tải lên ftp và các chế độ truyền hình ảnh. Không thể thực hiện được các thao tác phát lại khác mà sử dụng nút **i**, như **Đặt cạnh nhau để so sánh** (☐ 290) ngay cả khi máy ảnh không hiện nối mạng. Tuy nhiên, các chức năng này có thể được truy cập bằng cách chọn tùy chọn không phải là **Tải lên FTP** hoặc **Truyền hình ảnh** cho **Loại kết nối**.

Trong Lúc Truyền

Không thể ghi phim hoặc phát lại khi UT-1 được kết nối và có ảnh vẫn còn được gửi hoặc ảnh hiện đang được truyền qua mạng Ethernet hoặc mạng không dây.

Phim

Phim có thể được tải lên trong chế độ truyền nếu máy ảnh được kết nối với mạng Ethernet hay không dây và **Gửi tự động** hoặc **Gửi thư mục** không được chọn cho **Tùy chọn**.

Bộ phát không dây WT-5

Sự khác biệt chủ yếu giữa WT-5 và WT-5A/B/C/D/E là ở số lượng kênh được hỗ trợ; trừ khi có quy định khác, tất cả các tham chiếu cho WT-5 cũng được áp dụng cho WT-5A/B/C/D/E.

Camera Control Pro 2

Phần mềm Camera Control Pro 2 (bán riêng; ☐ 309) có thể được dùng để điều khiển máy ảnh từ máy tính. Khi Camera Control Pro 2 được sử dụng để đưa ảnh và phim trực tiếp vào máy tính, chỉ báo kết nối PC (**P** **L**) sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển.



In ảnh

Các ảnh JPEG được chọn có thể được in trên máy in PictBridge (☐ 346) được kết nối trực tiếp với máy ảnh.

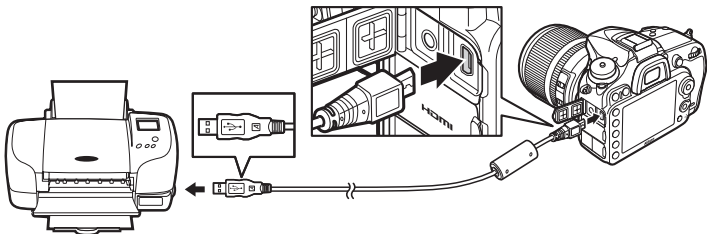
Kết Nối tới Máy In

Kết nối máy ảnh sử dụng cáp USB UC-E6 cấp kèm.

1 Tắt máy ảnh.

2 Kết nối cáp USB.

Bật máy in lên và kết nối cáp USB như minh họa. Không sử dụng lực hoặc cố gắng để lắp các đầu nối ở góc nghiêng.



☒ Cục Chia USB

Kết nối máy ảnh trực tiếp vào máy tính, không kết nối cáp qua cục chia USB.

3 Bật máy ảnh.

Một màn hình khởi động máy sẽ hiện lên, theo sau là hiển thị phát lại PictBridge.



☒ In Qua Kết Nối USB Trực Tiếp

Hãy chắc chắn rằng pin EN-EL15 đã được sạc đầy hoặc sử dụng bộ đổi điện AC EH-5b tùy chọn và đầu nối nguồn EP-5B. Khi chụp ảnh để in thông qua kết nối trực tiếp USB, cài đặt **Không gian màu về sRGB** (☐ 227).

☒ Chọn Ảnh Để In

Ảnh NEF (RAW) (☐ 66) không thể chọn được để in. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **Xử lý NEF (RAW)** trong menu sửa lại (☐ 282).

☒ Xem Thêm

Xem trang 335 để có thêm thông tin về việc cần phải làm gì khi lỗi xuất hiện trong quá trình in.

In Từng Ảnh Một

1 Chọn ảnh.

Nhấn ◀ hoặc ▶ để xem thêm các bức ảnh. Nhấn nút  (QUAL) để phóng to trên khuôn hình hiện tại (□ 195; nhấn nút  để thoát khỏi chế độ thu phóng). Để xem sáu hình ảnh cùng lúc, nhấn nút  (ISO). Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật hình ảnh, hoặc nhấn nút  (QUAL) để hiển thị toàn bộ khuôn hình đầy ảnh được làm nổi bật; để xem hình ảnh tại các địa điểm khác khi hình ảnh nhỏ được hiển thị, giữ nút BKT, nhấn ▲ và chọn thẻ và thư mục mong muốn như mô tả trên trang 186.



2 Hiển thị các tùy chọn in.

Nhấn  để hiển thị các tùy chọn in PictBridge.



3 Điều chỉnh tùy chọn in ấn.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một tùy chọn và nhấn ▶ để chọn.

Tùy chọn	Mô tả
Cỡ trang	Làm nổi bật kích thước trang (chỉ các kích thước được máy in hiện tại hỗ trợ mới được liệt kê) và nhấn  để chọn và thoát menu trước đó (để in ở kích thước trang cho máy in hiện tại, chọn Máy in mặc định).
Số bản	Nhấn nút ▲ hoặc ▼ để chọn số lượng bản sao (tối đa 99 bản), sau đó nhấn nút  để lựa chọn và trở về menu trước.
Đường viền	Tùy chọn này có sẵn chỉ khi được hỗ trợ bởi máy in. Làm nổi bật Máy in mặc định (sử dụng các cài đặt máy in hiện tại), In có đường viền (in ảnh với viền trắng), hoặc Không đường viền và nhấn  để chọn và thoát menu trước đó.
Nhãn thời gian	Làm nổi bật Máy in mặc định (sử dụng các cài đặt máy in hiện tại), In nhãn thời gian (in thời gian và ngày chụp lên tấm ảnh), hoặc Không có nhãn thời gian và nhấn  để chọn và thoát menu trước đó.
Xén	Tùy chọn này có sẵn chỉ khi được hỗ trợ bởi máy in. Để thoát mà không xén, làm nổi bật Không xén và nhấn  . Để xén bức ảnh hiện tại, làm nổi bật Xén và nhấn ▶. Một hộp thoại lựa chọn xén sẽ được hiển thị, nhấn  (QUAL) để tăng kích cỡ xén,  để giảm. Xác định vị trí xén bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn  . Lưu ý rằng chất lượng in có thể giảm xuống nếu hình xén nhỏ được in ở kích thước lớn.

4 Bắt đầu in.

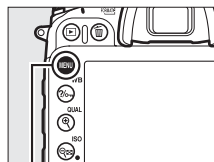
Chọn **Bắt đầu in** và nhấn  để bắt đầu in. Để hủy bỏ trước khi tất cả các bản sao được in, nhấn .



In Đa Ảnh

1 Hiển thị menu PictBridge.

Nhấn nút **MENU** trên màn hình phát lại PictBridge (xem Bước 3 trên trang 208).



Nút MENU

2 Chọn một tùy chọn.

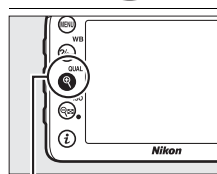
Làm nổi bật trong những tùy chọn sau và nhấn ►.

- **Chọn in:** Chọn các ảnh để in.
- **Chọn ngày:** In một bản sao của tất cả các ảnh đã chụp vào ngày lựa chọn.
- **In (DPOF):** In theo thứ tự in hiện thời được tạo bằng tùy chọn **Thứ tự in DPOF** trên menu phát lại (□ 213). Thứ tự in hiện thời sẽ được hiển thị ở Bước 3.
- **Bản in danh mục:** Để tạo bản in danh mục của tất cả các ảnh JPEG (□ 66) trên thẻ nhớ, sang Bước 4. Lưu ý rằng nếu thẻ nhớ chứa nhiều hơn 256 ảnh, chỉ có 256 ảnh đầu tiên sẽ được in.



3 Chọn ảnh hoặc chọn ngày.

Nếu bạn chọn **Chọn in hoặc In (DPOF)** trong **Bước 2**, nhấn ◀ hoặc ▶ để di chuyển qua các ảnh trên thẻ nhớ, để xem ảnh ở các vị trí khác, giữ nút **BKT**, nhấn ▲, và chọn thẻ và thư mục mong muốn như mô tả trên trang 186. Để hiển thị toàn màn hình ảnh hiện thời, nhấn và giữ nút **Q** (**QUAL**). Để chọn hình ảnh hiện tại để in, nhấn ▲. Hình ảnh sẽ được đánh dấu bằng biểu tượng  và số lượng bản in sẽ được thiết lập sang 1. Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn số lượng bản in (lên đến 99 bản, để thôi chọn ảnh, nhấn nút ▼ khi số lượng bản in là 1). Tiếp tục cho đến khi tất cả các ảnh mong muốn được chọn.

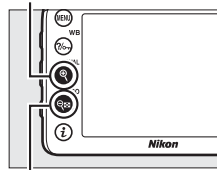


Nút **Q** (**QUAL**): Xem ảnh toàn màn hình

Nếu bạn chọn **Chọn ngày** trong **Bước 2**, nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi một ngày và nhấn ▶ để bật hoặc tắt ngày được làm nổi bật. Để xem các ảnh được chụp vào ngày được chọn, nhấn **Q** (**ISO**). Sử dụng đa bộ chọn để cuộn qua các bức ảnh, hoặc nhấn giữ **Q** (**QUAL**) để xem toàn màn hình bức ảnh hiện tại. Nhấn **Q** (**ISO**) lần nữa để quay về hộp thoại lựa chọn ngày.



Nút **Q** (**QUAL**): Xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật



Nút **Q** (**ISO**): Xem ảnh của ngày được chọn



4 Hiển thị các tùy chọn in.

Nhấn **OK** để hiển thị các tùy chọn in PictBridge.



5 Điều chỉnh tùy chọn in ấn.

Chọn kích thước trang, viền, và dấu thời gian như mô tả ở trang 209 (một cảnh báo sẽ hiện thị nếu kích thước trang được chọn là quá nhỏ đối với bản in danh mục).

6 Bắt đầu in.

Chọn **Bắt đầu in** và nhấn **OK** để bắt đầu in. Để hủy bỏ trước khi tất cả các bản sao được in, nhấn **OK**.

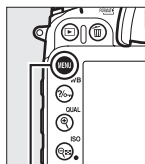


Tạo Thứ Tự In DPOF: Cài Đặt In

Tùy chọn **Thứ tự in DPOF** trong menu phát lại được sử dụng để tạo “thứ tự in” cho thiết bị và máy in tương thích với PictBridge có hỗ trợ DPOF.

1 Chọn Chọn/đặt cho mục Thứ tự in DPOF trên menu phát lại.

Nhấn nút **MENU** và chọn **Thứ tự in DPOF** trong menu phát lại. Làm nổi bật **Chọn/đặt** và nhấn **▶** (để loại bỏ toàn bộ ảnh khỏi thứ tự in, chọn **Bỏ chọn tất cả?**).

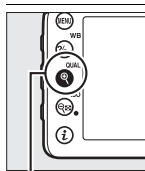


Nút MENU

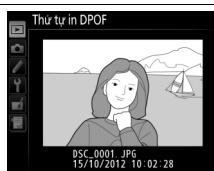


2 Chọn ảnh.

Nhấn **◀** hoặc **▶** để di chuyển qua các ảnh trên thẻ nhớ (để xem ảnh tại các vị trí khác, giữ nút **BKT** và nhấn **▲**). Để hiển thị toàn màn hình ảnh hiện thời, nhấn và giữ nút **QUAL**. Để chọn hình ảnh hiện tại để in, nhấn **▲**. Hình ảnh sẽ được đánh dấu bằng biểu tượng và số lượng bản in sẽ được thiết lập sang 1. Nhấn **▲** hoặc **▼** để chọn số lượng bản in (lên đến 99 bản, để thôi chọn ảnh, nhấn nút **▼** khi số lượng bản in là 1). Tiếp tục cho đến khi tất cả các ảnh mong muốn được chọn.

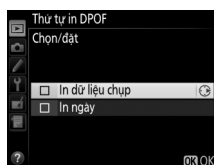


Nút **QUAL**: Xem ảnh toàn màn hình



3 Hiển thị tùy chọn tạo dấu vết.

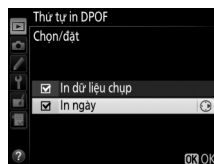
Nhấn nút **OK** để hiển thị các tùy chọn dấu vết dữ liệu.



4 Chọn tùy chọn dấu vết.

Làm bật các tùy chọn sau và nhấn nút ► để bật hoặc tắt tùy chọn được làm nổi bật (để kết thúc thứ tự in mà không cần đến thông tin này, thực hiện theo Bước 5).

- **In dữ liệu chụp:** In tốc độ cửa trập và độ mở ống kính trên toàn bộ ảnh trong thứ tự in.
- **In ngày:** In ngày ghi hình lên tất cả các ảnh có trong thứ tự in.



5 Hoàn thành thứ tự in.

Nhấn **OK** để hoàn thành thứ tự in.



Thứ tự in DPOF

Để in thứ tự in hiện thời khi máy ảnh kết nối với máy in PictBridge, chọn **In (DPOF)** trên menu PictBridge và làm theo các bước trong “In Nhiều Ảnh” để chỉnh sửa và in theo thứ tự hiện thời (□ 210). Các tùy chọn dữ liệu chụp và ngày in DPOF không được hỗ trợ khi in qua kết nối USB trực tiếp; để in ngày ghi hình lên ảnh trong thứ tự in hiện thời, sử dụng tùy chọn PictBridge **Nhấn thời gian**.

Tùy chọn **Thứ tự in DPOF** không thể được sử dụng nếu không đủ dung lượng trống trên thẻ nhớ để chứa thứ tự in.

Không thể lựa chọn được ảnh NEF (RAW) (□ 66) bằng cách sử dụng tùy chọn này. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **Xử lý NEF (RAW)** trong menu sửa lại (□ 282).

Thứ tự in có thể không in chính xác nếu ảnh bị xóa đi thông qua sử dụng máy tính hoặc thiết bị khác sau khi thứ tự in được tạo.

Xem Ảnh trên TV

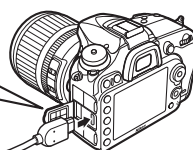
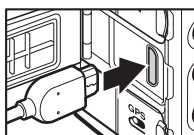
Máy ảnh có thể được kết nối với các thiết bị video độ phân giải cao bằng cách sử dụng cáp **High-Definition Multimedia Interface (HDMI)** (mua riêng). Cáp phải có đầu nối mini HDMI (Loại C) để kết nối với máy ảnh.

1 Tắt máy ảnh.

Luôn tắt máy ảnh trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI.

2 Kết nối cáp HDMI như minh họa.

*Kết nối với thiết bị có độ nét cao
(chọn cáp kết nối cho thiết bị
HDMI)*



Kết nối với máy ảnh

3 Chỉnh thiết bị về kênh HDMI.

4 Bật máy ảnh lên và nhấn nút .

Trong khi phát lại, hình ảnh sẽ được hiển thị trên màn hình TV.

Đóng Nắp Đầu Nối

Đóng nắp đầu nối máy ảnh khi không sử dụng đầu nối. Bụi bẩn ở các đầu nối có thể ảnh hưởng đến việc truyền dữ liệu.

Phát Lại Trên TV

Nên sử dụng bộ đổi điện AC EH-5b và đầu nối nguồn EP-5B (bán riêng) khi phát lại lâu dài. TV sẽ hiển thị hình ảnh toàn màn hình nếu thông tin ảnh được ẩn trong quá trình phát lại khuôn hình đầy (□ 187). Lưu ý rằng có thể không nhìn thấy các mép khi xem ảnh trên màn hình tivi.

Âm thanh

Âm thanh sẽ không được phát lại qua tai nghe kết nối với máy ảnh. Có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách sử dụng điều khiển của TV, không sử dụng được điều khiển của máy ảnh.

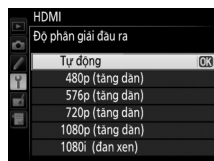


■ ■ Tùy Chọn HDMI

Tùy chọn **HDMI** trong menu cài đặt (□ 261) điều khiển độ phân giải đầu ra và có thể được dùng để bật máy ảnh để điều khiển từ xa từ các thiết bị hỗ trợ chuẩn HDMI-CEC (High-Definition Multimedia Interface–Consumer Electronics Control, tiêu chuẩn cho phép các thiết bị HDMI được sử dụng để điều khiển thiết bị ngoại vi kết nối với chúng).

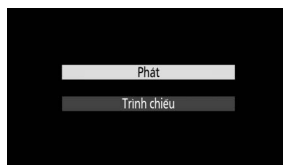
Độ Phân Giải Đầu Ra

Chọn định dạng cho ảnh đầu ra ở thiết bị HDMI. Nếu **Tự động** được chọn, máy ảnh sẽ tự động chọn định dạng thích hợp.



Điều Khiển Thiết Bị

Nếu **Bật** được chọn cho **HDMI > Điều khiển thiết bị** trong menu cài đặt khi máy ảnh được kết nối với TV hỗ trợ HDMI-CEC và cả máy ảnh và TV được bật, màn hình ở bên phải sẽ xuất hiện trên TV và TV từ xa có thể được sử dụng làm đa bộ chọn máy ảnh và nút **OK** trong quá trình phát lại khuôn hình đầy và trình chiếu slide. Nếu **Tắt** được chọn, không thể dùng điều khiển từ xa để điều khiển máy ảnh.



🔧 HDMI và Xem Trực Tiếp

Các màn hình hiển thị HDMI được kết nối qua cáp HDMI có thể được sử dụng để xem ảnh trực tiếp và xem phim trực tiếp (□ 160, 168). Trong quá trình xem phim trực tiếp và quay phim, hình ảnh sẽ được phát ra thiết bị HDMI ở độ phân giải được lựa chọn cho **HDMI > Độ phân giải đầu ra** trong menu cài đặt. Nếu **Tự động** được chọn, đầu ra HDMI sẽ được điều chỉnh theo tùy chọn lựa chọn cho **Cài đặt phim > Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình** trong menu chụp (□ 169). Nếu thiết bị HDMI không hỗ trợ cài đặt tự động được chọn ở cỡ khuôn hình và tốc độ khuôn hình, chọn tùy chọn khác với **Tự động** cho **Độ phân giải đầu ra**. Đầu ra phim có thể ở kích cỡ khuôn hình nhỏ hơn so với giá trị được chọn cho **Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình** (□ 169).

🔧 Thiết Bị HDMI-CEC

Khi máy ảnh kết nối với một thiết bị HDMI-CEC, **⏏** sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển ở số phơi sáng còn lại.

🔧 Điều Khiển Thiết Bị

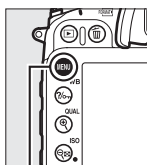
Xem tài liệu hướng dẫn sử dụng TV để có thông tin chi tiết.



Hướng Dẫn Menu

▶ Menu Phát Lại: *Quản Lý Hình Ảnh*

Để hiển thị menu phát lại, nhấn **MENU** và chọn tab ▶ (menu phát lại).



Nút MENU



Menu phát lại chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn	
Xóa	198
Thư mục phát lại	217
Ấn hình ảnh	218
Tùy chọn hiển thị phát lại	219
Sao chép (các) hình ảnh	219

Tùy chọn	
Xem lại hình ảnh	222
Sau khi xóa	222
Xoay dọc	222
Trình chiếu	223
Thứ tự in DPOF	213



Xem Thêm

Liệt kê menu mặc định ở trên trang 324.

Thư mục phát lại

Nút MENU → ▶ menu phát lại

Chọn một thư mục để phát lại (185):

Tùy chọn	Mô tả
D7100	Hình ảnh trong tất cả các thư mục được tạo ra với D7100 sẽ được hiển thị trong khi phát lại.
Tất cả	Hình ảnh trong tất cả các thư mục sẽ hiển thị trong khi phát lại.
Hiện tại	Chỉ các hình ảnh trong thư mục hiện tại sẽ được hiển thị trong khi phát lại.

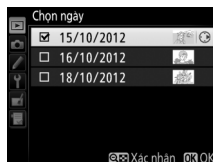


Ẩn hình ảnh

Nút MENU → menu phát lại

Ẩn hoặc hiện hình ảnh. Hình ảnh ẩn chỉ có thể nhìn thấy trong menu **Ẩn hình ảnh** và chỉ có thể xóa được bằng cách định dạng thẻ nhớ.

Tùy chọn	Mô tả
Chọn/đặt	Ẩn hoặc hiện hình ảnh được chọn.
Chọn ngày	Lựa chọn tùy chọn này sẽ hiển thị một danh sách ngày tháng. Để ẩn tất cả các hình ảnh được chụp vào một ngày nào đó, làm nổi bật ngày và nhấn ►. Ngày được lựa chọn được đánh dấu bằng ✓; để hiện tất cả hình ảnh được chụp vào một ngày lựa chọn, làm nổi bật nó và nhấn ►. Nhấn để hoàn thành hoạt động.
Bỏ chọn tất cả?	Hiện tất cả ảnh.



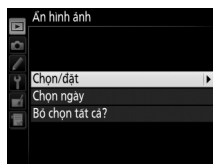
Hình Ảnh Được Bảo Vệ và Ảnh Ẩn

Việc hiện một hình ảnh được bảo vệ cũng sẽ loại bỏ bảo vệ của hình ảnh đó.

Thực hiện theo các bước dưới đây để ẩn hoặc hiện ảnh được chọn.

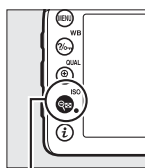
1 Chọn Chọn/đặt.

Làm nổi bật **Chọn/đặt** và nhấn ►.



2 Chọn ảnh.

Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển qua các ảnh trên thẻ nhớ (để xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút (**QUAL**); để xem hình ảnh ở các vị trí khác như mô tả trên trang 186, giữ **BKT** và nhấn và nhấn (**ISO**) để chọn ảnh hiện hành. Ảnh được lựa chọn được đánh dấu bằng biểu tượng ; để bỏ chọn ảnh, làm nổi bật nó và nhấn (**ISO**) một lần nữa. Tiếp tục chọn đến khi toàn bộ ảnh mong muốn đã được chọn.



Nút (**ISO**)



3 Nhấn .

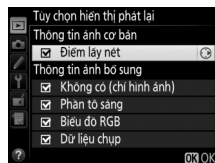
Nhấn để hoàn thành hoạt động.



Tùy chọn hiển thị phát lại

Nút MENU → menu phát lại

Chọn thông tin có sẵn trong hiển thị thông tin ảnh phát lại (187). Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một tùy chọn, sau đó nhấn ► để chọn tùy chọn cho màn hình hiển thị thông tin hình ảnh. ✓ sẽ xuất hiện bên cạnh các mục đã chọn; để bỏ chọn, làm nổi bật và nhấn ►. Để trở về menu phát lại, nhấn OK.



Sao chép (các) hình ảnh

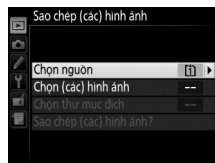
Nút MENU → menu phát lại

Sao chép ảnh từ thẻ nhớ tới thẻ nhớ khác. Tùy chọn này chỉ có khi hai thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh.

Tùy chọn	Mô tả
Chọn nguồn	Chọn thẻ có chứa ảnh để sao chép.
Chọn (các) hình ảnh	Chọn các hình ảnh cần sao chép.
Chọn thư mục đích	Chọn thư mục đích đến trên thẻ còn lại.
Sao chép (các) hình ảnh?	Sao chép hình ảnh được chọn tới đích đến được chỉ định.

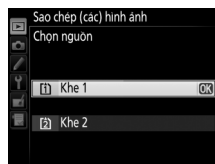
1 Chọn Chọn nguồn.

Làm nổi bật **Chọn nguồn** và nhấn ►.



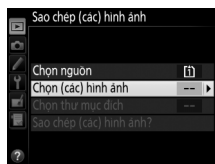
2 Chọn thẻ nguồn.

Làm nổi bật khe chứa thẻ có hình ảnh sẽ được sao chép và nhấn OK.



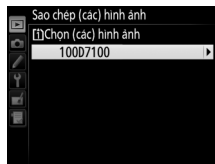
3 Chọn Chọn (các) hình ảnh.

Làm nổi bật **Chọn (các) hình ảnh** và nhấn ►.



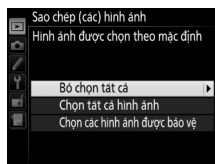
4 Chọn thư mục nguồn.

Làm nổi bật thư mục chứa các hình ảnh được sao chép và nhấn ►.



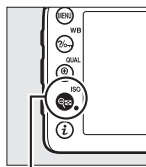
5 Lựa chọn ảnh đầu.

Trước khi tiếp tục để chọn hoặc bỏ chọn từng ảnh, bạn có thể đánh dấu tất cả hoặc tất cả các hình ảnh được bảo vệ trong thư mục để sao chép bằng cách chọn **Chọn tất cả hình ảnh** hoặc **Chọn các hình ảnh được bảo vệ**. Để đánh dấu riêng các ảnh được bảo vệ để sao chép, chọn **Bỏ chọn tất cả** trước khi tiếp tục.



6 Chọn thêm hình ảnh.

Làm nổi bật ảnh và nhấn **ISO** để chọn hoặc bỏ chọn (xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút **QUAL**). Hình ảnh được chọn sẽ được đánh dấu bằng ✓. Nhấn **OK** để tiến hành Bước 7 khi lựa chọn của bạn là hoàn tất.

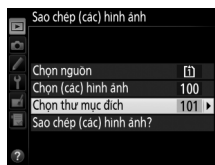


Nút **ISO**



7 Chọn Chọn thư mục đích.

Làm nổi bật **Chọn thư mục đích** và nhấn ►.



8 Chọn thư mục đích đến.

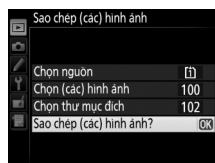
Để nhập vào một số thư mục, chọn **Chọn thư mục theo số**, nhập số (📖 225), và nhấn **OK**. Nếu một thư mục có số chỉ định chưa tồn tại, thì thư mục mới sẽ được tạo.

Để chọn từ một danh sách các thư mục hiện có, chọn **Chọn thư mục từ danh sách**, làm nổi bật thư mục và nhấn **OK**.

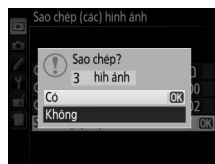


9 Sao chép các hình ảnh.

Làm nổi bật **Sao chép (các) hình ảnh?** và nhấn **OK**.



Một hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện; làm nổi bật **Có** và nhấn **OK**. Nhấn **OK** lần nữa để thoát khi sao chép hoàn tất.



☑ Sao Chép Hình Ảnh

Hình ảnh sẽ không sao chép được không có đủ không gian trống trên thẻ nhớ. Hãy chắc chắn pin đã được sạc đầy trước khi sao chép phim.

Nếu thư mục đích chứa một hình ảnh có cùng tên là một trong những hình ảnh được sao chép, một hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị. Chọn **Thay thế hình ảnh hiện có** để thay thế với hình ảnh được sao chép, hoặc chọn **Thay thế tất cả** để thay thế tất cả các hình ảnh hiện tại có cùng tên mà không cần nhắc thêm. Để tiếp tục mà không thay thế hình ảnh, chọn **Bỏ qua** hoặc chọn **Hủy** để thoát mà không sao chép thêm bất kỳ hình ảnh nào.



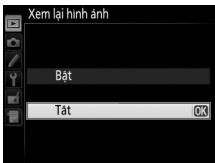
Trạng thái bảo vệ được sao chép cùng với hình ảnh nhưng đánh dấu in (📖 213) thì không. Không thể sao chép hình ảnh ẩn.



Xem lại hình ảnh

Nút MENU → menu phát lại

Chọn để ảnh được tự động hiển thị trong màn hình ngay sau khi chụp. Nếu **Tắt** được chọn, ảnh chỉ có thể được hiển thị bằng cách nhấn nút .



Sau khi xóa

Nút MENU → menu phát lại

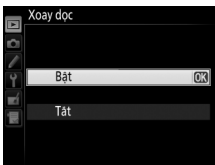
Chọn ảnh hiển thị sau khi một hình ảnh bị xóa.

Tùy chọn	Mô tả
Hiện tiếp theo	Hiển thị ảnh tiếp theo. Nếu ảnh bị xóa là khuôn hình cuối, thì ảnh trước đó sẽ được hiển thị.
Hiện trước đó	Hiển thị ảnh trước đó. Nếu ảnh bị xóa là khuôn hình đầu tiên, thì ảnh tiếp theo sẽ được hiển thị.
Tiếp tục như trước	Nếu người dùng di chuyển qua các ảnh theo thứ tự chụp, ảnh tiếp theo sẽ được hiển thị như mô tả ở phần Hiện tiếp theo . Nếu người dùng di chuyển qua các ảnh theo thứ tự ngược lại, hình ảnh trước đó sẽ được hiển thị như mô tả ở phần Hiện trước đó .

Xoay dọc

Nút MENU → menu phát lại

Chọn để xoay ảnh "dọc" (chiều chân dung) trong khi phát lại. Lưu ý rằng vì bản thân máy ảnh đã ở trong hướng phù hợp trong suốt quá trình chụp, hình ảnh sẽ không xoay tự động trong quá trình xem lại hình ảnh.



Tùy chọn	Mô tả
Bật	Hình ảnh "Dọc" (hướng chân dung) tự động xoay để hiển thị trong màn hình máy ảnh. Ảnh được chụp với Tắt được chọn cho Xoay hình ảnh tự động (📷 265) sẽ được hiển thị ở hướng "ngang" (phong cảnh).
Tắt	Ảnh "Dọc" (hướng chân dung) được hiển thị ở hướng "ngang" (phong cảnh).

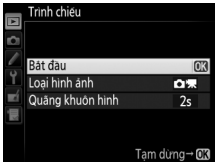
Trình chiếu

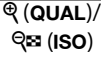
Nút MENU →  menu phát lại

Tạo trình chiếu slide các hình ảnh trong thư mục phát lại hiện hành ( 217). Hình ảnh ẩn ( 218) không được hiển thị.

Tùy chọn	Mô tả
Bắt đầu	Bắt đầu trình chiếu slide.
Loại hình ảnh	Chọn kiểu ảnh được hiển thị từ Hình ảnh tĩnh và phim , Chỉ hình ảnh tĩnh , và Chỉ phim .
Quãng khuôn hình	Chọn khoảng thời gian mỗi ảnh được hiển thị.

Để bắt đầu trình chiếu, làm nổi bật **Bắt đầu** và nhấn . Có thể thực hiện các hoạt động sau đây trong khi đang trình chiếu slide:



Để	Nhấn	Mô tả
Quay lại/về trước		Nhấn  để trở lại khuôn hình trước,  để sang khuôn hình tiếp theo.
Xem thông tin ảnh bổ sung		Thay đổi hoặc ẩn thông tin hình ảnh hiển thị (chỉ ảnh tĩnh;  187).
Tạm dừng/tiếp tục		Tạm dừng hoặc tiếp tục trình chiếu slide.
Tăng/giảm âm lượng		Nhấn Q (QUAL) trong khi phát lại phim để tăng âm lượng, ISO để giảm.
Thoát sang menu phát lại	MENU	Kết thúc trình chiếu slide và trở lại menu phát lại.
Thoát sang chế độ phát lại		Kết thúc trình chiếu và trở lại chế độ phát lại.
Thoát sang chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để trở về chế độ chụp.

Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị khi trình chiếu kết thúc. Chọn **Bắt đầu lại** để khởi động lại hoặc **Thoát** để trở lại menu phát lại.



Menu Chụp: Các tùy chọn Chụp

Để hiển thị menu chụp, nhấn **MENU** và chọn tab  (menu chụp).



Nút MENU

Menu chụp chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn		Tùy chọn	
Đặt lại menu chụp ảnh tùy chọn	224	Không gian màu	227
Thư mục lưu trữ	225	D-Lighting hoạt động	113
Đặt tên tệp	226	HDR (dải nhạy sáng cao)	115
Vai trò của thẻ trong Khe 2	69	Điều khiển biến dạng tự động	227
Chất lượng hình ảnh	66	Giảm nhiễu phơi sáng lâu	228
Kích cỡ hình ảnh	68	Giảm nhiễu ISO cao	228
Vùng hình ảnh	63	Cài đặt độ nhạy ISO	79
JPEG nén	67	Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)	127
Ghi NEF (RAW)	67	Đa phơi sáng	141
Cân bằng trắng	89	Chụp hẹn giờ quảng thời gian	145
Đặt Picture Control	105	Cài đặt phim	169
Quản lý Picture Control	110		

Lưu ý: Tùy thuộc vào cài đặt máy ảnh, một vài mục có thể bị mờ đi và không hiển thị chức năng. Để biết thông tin về các tùy chọn có trong mỗi chế độ chụp, xem trang 321.

Đặt lại menu chụp ảnh tùy chọn Nút MENU → menu chụp

Chọn **Có** để khôi phục lại các tùy chọn menu chụp về giá trị mặc định ( 324).

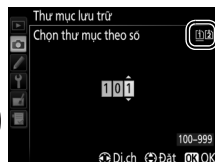


Chọn thư mục sẽ chứa các ảnh sau đó.

■ Chọn Thư mục theo Số Thư Mục

1 Chọn Chọn thư mục theo số.

Làm nổi bật **Chọn thư mục theo số** và nhấn ►.
Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị.



2 Chọn số thư mục.

Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật số, nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nếu một thư mục với số được lựa chọn đã tồn tại thì biểu tượng , , hoặc sẽ hiển thị bên trái của số thư mục:

- : Thư mục trống rỗng.
- : Thư mục đã đầy một phần.
- : Thư mục chứa 999 ảnh hoặc một ảnh được đánh số 9999. Không thể chứa thêm ảnh vào thư mục này.

Thẻ lưu trữ trên thư mục được hiển thị bằng biểu tượng khe thẻ ở góc trên bên phải của hộp thoại Chọn thư mục theo số. Thẻ được sử dụng cho các thư mục mới tùy thuộc vào tùy chọn hiện được chọn cho **Vai trò của thẻ trong Khe** 2.(69).

3 Lưu thay đổi và thoát.

Nhấn để hoàn thành hoạt động và quay trở lại menu chụp (để thoát mà không chọn thư mục lưu trữ, nhấn nút MENU). Nếu một thư mục có số chỉ định chưa tồn tại, thì thư mục mới sẽ được tạo. Các bức ảnh sau đó sẽ được lưu trữ trong thư mục được lựa chọn, trừ khi nó đã đầy.

Số Thư Mục và Số Tập Tin

Nếu thư mục hiện hành được đánh số là 999 và chứa 999 hình ảnh hoặc một ảnh được đánh số 9999, nhà cửa trập sẽ bị vô hiệu hóa và không chụp thêm được ảnh. Để tiếp tục chụp, tạo thư mục với số nhỏ hơn 999, hoặc chọn một thư mục hiện tại có số nhỏ hơn 999 và ít hơn 999 hình ảnh.

Thời Gian Khởi Động

Có thể cần thêm thời gian cho máy ảnh khởi động nếu thẻ nhớ chứa nhiều tập tin hoặc thư mục.



1 Chọn Chọn thư mục từ danh sách.

Làm nổi bật **Chọn thư mục từ danh sách** và nhấn



2 Làm nổi bật thư mục.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật thư mục.

3 Chọn thư mục được làm nổi bật.

Nhấn **OK** để chọn thư mục được làm nổi bật và trở về menu chụp. Các bức ảnh sau đó sẽ được lưu trữ trong thư mục được chọn.

Đặt tên tệp

Nút MENU → menu chụp

Hình ảnh được lưu bằng cách sử dụng tên tệp tin bao gồm “DSC_” hoặc, trong trường hợp hình ảnh sử dụng không gian màu hệ màu RGB của Adobe, “_DSC”, theo sau là một số có bốn chữ số và mở rộng ba ký tự (ví dụ “DSC_0001.JPG”). Tùy chọn **Đặt tên tệp** được sử dụng để chọn ba chữ cái để thay thế “DSC” phần của tên tệp tin. Để biết thông tin về chỉnh sửa tên tệp tin, xem trang 111.

Phần mở rộng

Có các mở rộng sau được sử dụng: “.NEF” cho hình ảnh NEF (RAW), “.JPG” cho hình ảnh JPEG, “.MOV” cho phim, và “.NDF” cho dữ liệu tham chiếu bỏ bụi. Trong mỗi cặp bức ảnh được chụp ở cài đặt chất lượng hình ảnh NEF (RAW) + JPEG, hình ảnh NEF và JPEG có tên tệp tin giống nhau nhưng phần mở rộng khác nhau.

Các không gian màu xác định gam màu sẵn có cho việc tái tạo màu sắc. Chọn **sRGB** cho những bức ảnh sẽ được in ra hoặc sử dụng “như thật,” không có sửa đổi thêm. **Hệ màu RGB của Adobe** có gam màu rộng hơn và được khuyến nghị cho các bức ảnh được xử lý mở rộng hoặc sửa lại sau khi rời khỏi máy ảnh.

Không Gian Màu

Không gian màu xác định sự tương ứng giữa màu sắc và các giá trị số đại diện cho các màu đó trong tập tin hình ảnh kỹ thuật số. Không gian màu sRGB được sử dụng rộng rãi, trong khi không gian màu RGB của hệ màu RGB của Adobe thường được sử dụng trong xuất bản và in thương mại. sRGB được khuyến nghị khi chụp các bức ảnh sẽ được in mà không sửa đổi hay xem trong các ứng dụng không hỗ trợ quản lý màu, hay khi chụp các bức ảnh sẽ được in bằng ExifPrint, tùy chọn in trực tiếp trên một số máy in gia đình, hoặc in ở tiệm hay dịch vụ in thương mại khác. Hình ảnh hệ màu RGB của Adobe cũng có thể được in bằng cách sử dụng các tùy chọn này, nhưng màu sắc sẽ không sống động.

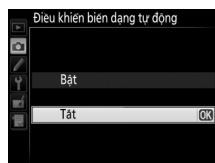
Các bức ảnh JPEG được chụp trong không gian màu RGB của Adobe không phù hợp với DCF; các ứng dụng và máy in hỗ trợ DCF sẽ tự động chọn không gian màu chính xác. Nếu ứng dụng hoặc thiết bị không hỗ trợ DCF, chọn không gian màu phù hợp bằng tay. Để biết thêm thông tin, xem tài liệu được cung cấp cùng ứng dụng hoặc thiết bị.

Phần Mềm Nikon

ViewNX 2 (được cung cấp) và Capture NX 2 (có riêng) tự động lựa chọn không gian màu chính xác khi mở ảnh được chụp bằng máy ảnh này.

Điều khiển biến dạng tự động

Chọn **Bật** để giảm hiện tượng cong đường biên hình khi chụp với thấu kính góc rộng và để giảm biến dạng đệm chốt khi chụp với thấu kính dài (lưu ý rằng mép của khu vực nhìn thấy trong kính ngắm có thể được cắt khỏi bức ảnh cuối và thời gian cần để xử lý hình ảnh trước khi ghi có thể tăng thêm). Tùy chọn này không áp dụng đối với phim và chỉ sẵn có với thấu kính loại G và D (không gồm thấu kính PC, mắt cá, và các thấu kính khác); kết quả không được đảm bảo với các thấu kính khác.



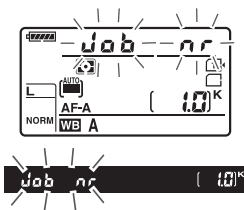
Sửa lại: Điều Khiển Biến Dạng

Để biết thêm thông tin vào việc tạo bản sao của hình ảnh hiện tại được giảm cong biến hình và biến dạng đệm chốt, xem trang 285.

Giảm nhiễu phơi sáng lâu

Nút MENU →  menu chụp

Nếu **Bật** được chọn, ảnh chụp ở tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây sẽ được xử lý để giảm nhiễu (điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, hoặc sương mù). Thời gian cần xử lý tăng gần gấp đôi; trong khi xử lý, “**Job nr**” sẽ đèn nháy ở hiển thị tốc độ cửa trập/độ mở ống kính và không chụp được ảnh (nếu máy ảnh được tắt trước khi xử lý xong, ảnh sẽ được lưu nhưng giảm nhiễu sẽ không được thực hiện). Trong chế độ nhả liên tục, tốc độ khuôn hình sẽ chậm và trong khi bức ảnh đang được xử lý, dung lượng của bộ nhớ đệm sẽ giảm. Giảm nhiễu phơi sáng lâu không có sẵn trong quá trình ghi phim.



Giảm nhiễu ISO cao

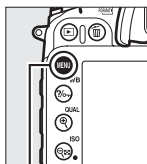
Nút MENU →  menu chụp

Các bức ảnh chụp ở độ nhạy ISO cao có thể được xử lý để giảm “nhiều.”

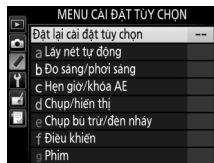
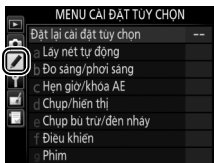
Tùy chọn	Mô tả
Cao	Giảm nhiễu (các điểm ảnh sáng ngẫu nhiên, đường thẳng, hoặc sương mù), đặc biệt ở bức ảnh được chụp ở các độ nhạy ISO cao. Chọn mức giảm nhiễu thực thi từ Cao , Bình thường , và Thấp .
Bình thường	
Thấp	
Tắt	Giảm nhiễu chỉ được thực hiện ở các độ nhạy ISO từ ISO 1250 và cao hơn. Mức giảm nhiễu thấp hơn mức được thực hiện khi Thấp được chọn cho Giảm nhiễu ISO cao .

Cài Đặt Tùy Chọn: Dò Tinh-Chỉnh Cài Đặt Máy Ảnh

Để hiển thị menu Cài Đặt Tùy Chọn, nhấn nút **MENU** và chọn tab  (menu Cài Đặt Tùy Chọn).



Nút MENU



Thiết Lập Tùy Chọn được sử dụng để điều chỉnh thiết lập máy ảnh phù hợp yêu cầu của từng cá nhân.

Nhóm Thiết Lập Tùy Chọn

Menu Chính



Đặt lại cài đặt
tùy chọn
(231)



Có các Cài Đặt Tùy Chọn sau:

Cài Đặt Tùy Chọn		
Đặt lại cài đặt tùy chọn		231
a Lấy nét tự động		
a1	Chọn ưu tiên AF-C	231
a2	Chọn ưu tiên AF-S	231
a3	Theo dõi lấy nét với khóa bật	232
a4	Rời điểm AF	232
a5	Viền quanh điểm lấy nét	232
a6	Số điểm lấy nét	233
a7	Đèn trợ giúp AF gắn sẵn	233
b Đo sáng/phơi sáng		
b1	Giá trị bước độ nhạy ISO	234
b2	Bước EV cho đ.khiến phơi sáng	234
b3	Bù phơi sáng dễ dàng	235
b4	Vùng ưu tiên trung tâm	236
b5	Tính chỉnh phơi sáng tối ưu	236
c Hẹn giờ/khóa AE		
c1	Nút nhả cửa trập AE-L	236
c2	Hẹn giờ chờ	237
c3	Tự hẹn giờ	237
c4	Độ trễ tắt màn hình	238
c5	Chụp từ xa theo t.lượng (ML-L3)	238
d Chụp/hiển thị		
d1	Bíp	238
d2	Hiển thị lưới kính ngắm	239
d3	Hiển thị ISO và điều chỉnh	239
d4	Lời khuyên trên màn hình	239
d5	Tốc độ chụp chế độ CL	239
d6	Nhả liên tục tối đa	240
d7	Chuỗi số tập	240
d8	Hiển thị thông tin	241

Cài Đặt Tùy Chọn		
d Chụp/hiển thị		
d9	Chiếu sáng LCD	241
d10	Chế độ trễ phơi sáng	241
d11	Cảnh báo đèn nháy	241
d12	Loại pin sạc MB-D15	242
d13	Thứ tự pin sạc	243
e Chụp bù trừ/đèn nháy		
e1	Tốc độ đồng bộ đèn nháy	244
e2	Tốc độ cửa trập đèn nháy	245
e3	Đ.kh đ.nháy cho đ.nháy gắn sẵn	246
e4	Bù phơi sáng cho đèn nháy	250
e5	Đèn nháy tạo mô hình	251
e6	Bộ chụp bù trừ tự động	251
e7	Thứ tự chụp bù trừ	251
f Điều khiển		
f1	Nút OK	252
f2	Chỉ định nút Fn	253
f3	Chỉ định nút xem trước	255
f4	Chỉ định nút AE-L/AF-L	256
f5	Tùy chọn đĩa lệnh	257
f6	Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh	258
f7	Khóa nhả khe trống	258
f8	Đảo ngược các chỉ báo	258
f9	Chỉ định nút MB-D15 	259
g Phím		
g1	Chỉ định nút Fn	259
g2	Chỉ định nút xem trước	260
g3	Chỉ định nút AE-L/AF-L	260
g4	Chỉ định nút cửa trập	260

Lưu ý: Tùy thuộc vào cài đặt máy ảnh, một vài mục có thể bị mờ đi và không hiển thị chức năng. Để biết thông tin về các tùy chọn có trong mỗi chế độ chụp, xem trang 321. Nếu cài đặt trong bảng hiện tại được sửa đổi khỏi giá trị mặc định ( 325), dấu hoa thị sẽ hiển thị bên cạnh các cài đặt được thay đổi ở mức thứ hai của menu Cài Đặt Tùy Chọn.



Đặt lại cài đặt tùy chọn

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn **Có** để khôi phục lại Cài Đặt Tùy Chọn về các giá trị mặc định (□ 325).



a: Lấy nét tự động

a1: Chọn ưu tiên AF-C

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Khi **AF-C** được lựa chọn cho chụp ảnh bằng kính ngắm (□ 71), tùy chọn này sẽ điều khiển việc có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập (*ưu tiên nhả*) hoặc chỉ khi máy ảnh ở chế độ lấy nét (*ưu tiên lấy nét*).

Tùy chọn	Mô tả
 Nhả	Có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập.
 Lấy nét	Ảnh chỉ có thể được chụp khi chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị.

Dù tùy chọn nào được chọn, việc lấy nét sẽ không khóa khi nút **AF-C** được chọn cho chế độ lấy nét tự động. Máy ảnh sẽ tiếp tục điều chỉnh lấy nét cho đến khi cửa trập được nhả ra.

a2: Chọn ưu tiên AF-S

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Khi **AF-S** được lựa chọn cho chế độ chụp ảnh bằng kính ngắm (□ 71), tùy chọn này sẽ điều khiển việc chỉ có thể chụp ảnh khi máy ảnh ở chế độ lấy nét (*focus priority*) (*ưu tiên lấy nét*), hoặc bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập (*release priority*) (*ưu tiên nhả*).

Tùy chọn	Mô tả
 Nhả	Có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả cửa trập.
 Lấy nét	Ảnh chỉ có thể được chụp khi chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị.

Dù tùy chọn nào được lựa chọn, nếu chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị khi nút **AF-S** được chọn cho chế độ lấy nét tự động, lấy nét sẽ khóa trong khi nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng. Khóa lấy nét tiếp tục cho đến khi cửa trập được nhả.



a3: Theo dõi lấy nét với khóa bật

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Tùy chọn này điều khiển việc tự động lấy nét điều chỉnh tương ứng với những thay đổi lớn trong khoảng cách đến đối tượng chụp khi **AF-C** được chọn hoặc lấy nét tự động phần phụ liên tục được lựa chọn khi máy ảnh ở chế độ **AF-A** để chụp ảnh bằng kính ngắm (□ 71).

Tùy chọn	Mô tả
AF  5 (Dài)	Khi khoảng cách đến đối tượng chụp thay đổi bất ngờ, máy ảnh phải đợi trong một khoảng thời gian nhất định trước khi điều chỉnh khoảng cách đến đối tượng chụp. Việc này sẽ giúp máy ảnh tránh việc lấy nét lại khi đối tượng chụp nhất thời bị che khuất bởi những vật di chuyển qua khuôn hình.
AF  4	
AF  3 (Bình thường)	
AF  2	
AF  1 (Ngắn)	
Tắt	

a4: Rơi điểm AF

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn dù điểm lấy nét động được làm nổi bật màu đỏ trên kính ngắm.

Tùy chọn	Mô tả
Tự động	Điểm lấy nét được chọn tự động được làm nổi bật tự động theo yêu cầu để tạo độ tương phản với nền.
Bật	Điểm lấy nét được chọn luôn được làm nổi bật, bất kể đến sáng của nền như thế nào. Tùy thuộc vào độ sáng của nền, điểm lấy nét được chọn có thể khó nhìn.
Tắt	Điểm lấy nét được chọn không được làm nổi bật.

a5: Viền quanh điểm lấy nét

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn xem việc chọn điểm lấy nét có “quấn quanh” từ mép này của màn hình hiển thị đến mép khác không.

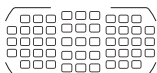
Tùy chọn	Mô tả
Viền	Chọn lựa điểm lấy nét “quấn xung quanh” từ đỉnh đến đáy, từ đáy đến đỉnh, phải qua trái, và trái qua phải, để, ví dụ, nhấn nút  khi một điểm lấy nét ở mép phải màn hình được làm bật lên (①) chọn điểm lấy nét tương ứng ở mép trái của màn hình hiển thị (②).
Không viền	Hiện thị vùng lấy nét được bao bởi các điểm lấy nét xa nhất để, ví dụ, khi nhấn nút  khi điểm lấy nét ở mép phải của hình được chọn sẽ không bị ảnh hưởng.



a6: Số điểm lấy nét

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

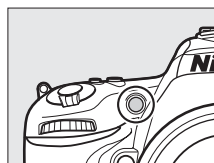
Chọn số lượng điểm lấy nét có sẵn cho việc lựa chọn điểm lấy nét bằng tay.

Tùy chọn	Mô tả	
AF51 51 điểm	Chọn từ 51 điểm lấy nét hiển thị bên phải.	
AF11 11 điểm	Chọn từ 11 điểm lấy nét hiển thị bên phải. Sử dụng cho chọn lựa điểm lấy nét nhanh.	

a7: Đèn trợ giúp AF gần sẵn

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn cho phép đèn trợ giúp lấy nét tự động gần sẵn sáng hoặc không để hỗ trợ việc lấy nét khi chiếu sáng yếu.



Tùy chọn	Mô tả
Bật	Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sáng khi chiếu sáng yếu (chỉ chụp ảnh bằng kính ngắm). Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sẵn có nếu thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: 1. AF-S được chọn cho chế độ lấy nét tự động (□ 71) hoặc lấy nét tự động phần phụ đơn được chọn khi máy ảnh ở chế độ AF-A . 2. Lấy nét tự động vùng tự động được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động (□ 73), hoặc lấy nét tự động vùng động hoặc điểm đơn được chọn và điểm lấy nét trung tâm được chọn.
Tắt	Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động sẽ không sáng để hỗ trợ quá trình lấy nét. Máy ảnh không thể lấy nét bằng việc sử dụng lấy nét tự động khi chiếu sáng yếu.

Đèn Chiếu Trợ Giúp Lấy Nét Tự Động

Tháo bỏ nắp thấu kính khi sử dụng đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động.

Xem Thêm

Để biết thông tin về các chế độ chụp trong đó có trợ giúp lấy nét tự động, xem trang 321. Xem trang 301 để có thêm thông tin về những hạn chế đối với thấu kính có thể sử dụng với trợ giúp lấy nét tự động.

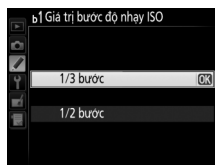


b: Đo sáng/phơi sáng

b1: Giá trị bước độ nhạy ISO

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

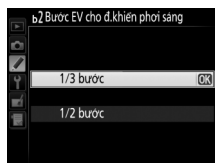
Chọn giá số sử dụng khi tiến hành điều chỉnh độ nhạy ISO. Nếu có thể, cài đặt độ nhạy ISO hiện thời được duy trì khi bước giá trị thay đổi. Nếu cài đặt hiện thời không có sẵn ở bước giá trị mới, độ nhạy ISO sẽ được làm tròn tới cài đặt hiện có gần nhất.



b2: Bước EV cho đ.khiến phơi sáng

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn giá số sử dụng khi tiến hành điều chỉnh tốc độ cửa trập, độ mở thấu kính, phơi sáng, mức bù đèn nháy và chụp bù trừ.



b3: Bù phơi sáng dễ dàng

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Tùy chọn này điều khiển xem có cần sử dụng nút  để cài đặt bù phơi sáng không (☐ 86). Nếu **Bật (Đặt lại tự động)** hoặc **Bật** được chọn, số 0 ở trung tâm của màn hình phơi sáng sẽ nhấp nháy khi mức bù phơi sáng được đặt ở ± 0 .

Tùy chọn	Mô tả
Bật (Đặt lại tự động)	Bù phơi sáng được đặt bằng cách xoay một trong những đĩa lệnh (xem chú ý dưới đây). Cài đặt được chọn bằng cách sử dụng đĩa lệnh được đặt lại khi máy ảnh hoặc hẹn giờ chờ tắt (cài đặt bù phơi sáng được chọn bằng cách sử dụng nút  sẽ không được đặt lại).
Bật	Giống như ở trên, ngoại trừ giá trị bù phơi sáng được chọn bằng đĩa lệnh không được đặt lại khi máy ảnh tắt hoặc hẹn giờ chờ hết hạn.
Tắt	Bù phơi sáng được đặt bằng cách nhấn nút  và xoay đĩa lệnh chính.

Thay Đổi Chính/Phụ

Đĩa sử dụng để đặt bù phơi sáng khi **Bật (Đặt lại tự động)** hoặc **Bật** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn b3 (**Bù phơi sáng dễ dàng**) phụ thuộc vào tùy chọn được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f5 (**Tùy chọn đĩa lệnh**) > **Thay đổi chính/phụ** (☐ 257).

Tùy chọn đĩa lệnh > Thay đổi chính/phụ			
Tắt		Bật	
Chế độ	P	Đĩa lệnh phụ	Đĩa lệnh phụ
	S	Đĩa lệnh phụ	Đĩa lệnh chính
	A	Đĩa lệnh chính	Đĩa lệnh phụ
	M	Không có	

Hiện ISO/ISO Dễ Dàng

Cài Đặt Tùy Chọn b3 (**Bù phơi sáng dễ dàng**) không thể được dùng với Cài Đặt Tùy Chọn d3 (**Hiện thị ISO và điều chỉnh**) > **Hiện ISO/ISO dễ dàng**. Những điều chỉnh đối với một trong những mục này sẽ đặt lại các mục còn lại; một thông báo được hiển thị khi mục này được đặt lại.



b4: Vùng ưu tiên trung tâm

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Khi tính toán bù sáng, việc đo cân bằng trung tâm sẽ chỉ định mức lớn nhất vào vòng trung tâm của khuôn hình. Đường kính (ϕ) của vòng tròn này có thể được đặt ở mức 6, 8, 10, hoặc 13 mm hoặc ở mức trung bình của toàn bộ khuôn hình.

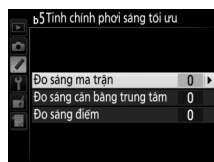


Lưu ý rằng, đường kính được cố định tại 8 mm khi thấu kính không CPU được sử dụng, bất kể cài đặt được chọn cho **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt (149). Khi **Trung bình** được chọn, trung bình của toàn bộ khuôn hình sẽ được sử dụng cho thấu kính CPU.

b5: Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Sử dụng tùy chọn này để tinh chỉnh giá trị phơi sáng được chọn bằng máy ảnh. Phơi sáng có thể được tinh chỉnh riêng biệt đối với mỗi phương pháp đo sáng bằng giá trị từ +1 đến -1 EV trong các bước $\frac{1}{6}$ EV.



☒ **Dò Tinh Chỉnh Phơi Sáng**

Tinh chỉnh phơi sáng không bị ảnh hưởng bởi khởi động lại hai nút. Chú ý rằng biểu tượng bù phơi sáng () không được hiển thị, cách duy nhất để xác định mức độ phơi sáng đã được thay đổi là đọc lượng phơi sáng trên menu dò tinh chỉnh. Bù phơi sáng () được ưa thích ở hầu hết các tình huống.

c: Hẹn giờ/khóa AE

c1: Nút nhả cửa trập AE-L

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Nếu **Bật** được chọn, phơi sáng sẽ khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.



c2: Hẹn giờ chờ

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn độ dài thời gian máy ảnh tiếp tục đo phơi sáng khi không tiến hành thao tác vận hành nào. Tốc độ cửa trập và độ mở ống kính hiển thị trên bánh điều khiển và kính ngắm tự động tắt khi bộ hẹn giờ hết hạn.

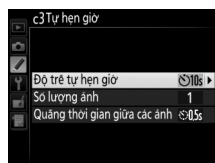
Chọn hẹn giờ chờ ngắn hơn để sử dụng pin được lâu hơn.



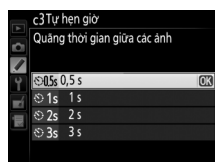
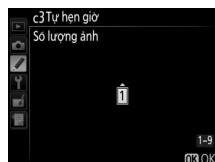
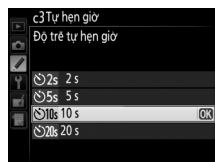
c3: Tự hẹn giờ

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn độ thời gian độ trễ nhả cửa trập, số lần chụp, và quãng thời gian giữa mỗi lần chụp ở chế độ tự hẹn giờ (□ 59).



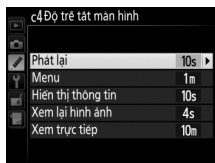
- **Độ trễ tự hẹn giờ:** Chọn độ dài thời gian độ trễ nhả cửa trập.
- **Số lượng ảnh:** Nhấn ▲ và ▼ để chọn số lần chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.
- **Quãng thời gian giữa các ảnh:** Chọn quãng thời gian giữa các lần chụp khi **Số lượng ảnh** lớn hơn 1.



c4: Độ trễ tắt màn hình

Nút MENU → menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn khoảng thời gian màn hình vẫn bật khi không vận hành chức năng nào của máy ảnh trong khi phát lại (**Phát lại**; mặc định ở 10 giây) và xem lại ảnh (**Xem lại hình ảnh**; mặc định ở 4 giây), khi các menu (**Menu**; mặc định ở 1 phút) hoặc thông tin (**Hiển thị thông tin**; mặc định ở 10 giây) được hiển thị hoặc trong xem trực tiếp và quay phim (**Xem trực tiếp**; mặc định ở 10 phút). Chọn độ trễ tắt màn hình ngắn hơn để sử dụng pin được lâu hơn.



c5: Chụp từ xa theo t.lượng (ML-L3)

Nút MENU → menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn mức thời gian máy ảnh sẽ bật ở chế độ chờ trong chế độ điều khiển từ xa (□ 127). Nếu không có thao tác nào được thực hiện trong khoảng thời gian được chọn, chụp từ xa sẽ kết thúc và **Tắt** sẽ tự động được chọn cho **Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)** trong menu chụp. Chọn các khoảng thời gian ngắn hơn để sử dụng pin được lâu hơn.



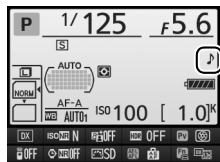
d: Chụp/hiển thị

d1: Bíp

Nút MENU → menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn độ cao và âm lượng của tiếng bíp phát ra khi máy ảnh lấy nét bằng cách sử dụng lấy nét tự động phần phụ đơn (**AF-S** hoặc khi lấy nét phần phụ đơn được chọn cho **AF-A**; □ 71, □ 59), khi lấy nét khóa trong xem trực tiếp, trong khi bộ đếm thời gian đang đếm ngược ở bộ tự hẹn giờ và chế độ nhả từ xa trì hoãn (□ 127), khi ảnh được chụp ở chế độ từ xa phản ứng nhanh hoặc ở chế độ gương nâng lên từ xa (□ 127), hoặc nếu bạn cố gắng chụp ảnh khi thẻ nhớ bị khóa (□ 31). Chú ý rằng sẽ không nghe thấy tiếng bíp ở chế độ xem trực tiếp phim (□ 161) hoặc chế độ nhả cửa trập tĩnh lặng (chế độ **Q**; □ 57), bất kể tùy chọn nào được chọn.

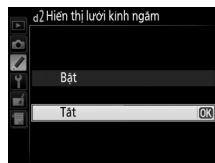
- **Âm lượng:** Chọn nút **3** (cao), **2** (trung bình), **1** (thấp) hoặc **Tắt** (Im lặng). Khi một tùy chọn khác không phải **Tắt** được chọn, ♪ xuất hiện trên hiển thị thông tin.
- **Độ cao thấp:** Chọn **Cao** hoặc **Thấp**.



d2: Hiển thị lưới kính ngắm

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn **Bật** để hiển thị các đường lưới theo yêu cầu trên kính ngắm (📖 9) để tham khảo khi soạn ảnh bằng cách sử dụng vùng hình ảnh định dạng DX (📖 63).



d3: Hiển thị ISO và điều chỉnh

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Nếu **Hiện độ nhạy ISO** hoặc **Hiện ISO/ISO dễ dàng** được chọn, bảng điều khiển sẽ hiển thị độ nhạy ISO ở vị trí của số phơi sáng còn lại. Nếu **Hiện ISO/ISO dễ dàng** được chọn, độ nhạy ISO có thể được đặt ở các chế độ **P** và **S** bằng cách xoay đĩa lệnh phụ hoặc ở chế độ **A** bằng cách xoay đĩa lệnh chính. Chọn **Hiện đếm khuôn hình** để hiển thị số lượng phơi sáng vẫn còn trên bảng điều khiển.

d4: Lời khuyên trên màn hình

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

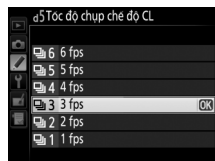
Chọn **Bật** để hiển thị mẹo công cụ cho những mục được chọn trên hiển thị thông tin (📖 12).



d5: Tốc độ chụp chế độ CL

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn tỷ lệ tốc độ khuôn hình tối đa trong chế độ **CL** (tốc độ thấp liên tục) (📖 57; (trong khi chụp ảnh hện giờ quảng thời gian, cài đặt này cũng xác định tỷ lệ tốc độ khuôn hình cho khuôn hình đơn).



d6: Nhả liên tục tối đa

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Số lượng tối đa số lần chụp có thể chụp trong một lần bấm máy ở chế độ chụp liên tục có thể được đặt ở bất cứ giá trị nào giữa 1 và 100.

 Bộ Nhớ Đệm

Bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn d6, việc chụp sẽ chậm lại khi bộ nhớ đệm đầy (P00). Xem trang 348 để có thêm thông tin về dung lượng bộ nhớ đệm.

d7: Chuỗi số tệp

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Khi chụp ảnh, máy ảnh đặt tên tệp bằng cách cộng một vào số cuối cùng của tệp trước. Tùy chọn này điều khiển liệu việc đánh số tệp có tiếp tục từ số cuối cùng được sử dụng hay không khi tạo một thư mục mới, thẻ nhớ được định dạng, hoặc khi lắp một thẻ nhớ mới vào máy ảnh.



Tùy chọn	Mô tả
Bật	Khi một thư mục mới được tạo, thẻ nhớ được định dạng lại, hoặc một thẻ nhớ mới được lắp vào máy ảnh, việc đánh số tệp tiếp tục từ số cuối cùng được dùng hoặc từ số tệp lớn nhất ở thư mục hiện thời, lấy số lớn hơn. Nếu một tấm ảnh được chụp khi thư mục hiện thời chứa ảnh có số 9999, thì một thư mục mới sẽ tự động được tạo và việc đánh số tệp sẽ bắt đầu lại từ 0001.
Tắt	Việc đánh số tệp được đặt lại ở 0001 khi một thư mục mới được tạo, thẻ nhớ được định dạng lại, hoặc một thẻ nhớ mới được lắp vào máy ảnh. Chú ý rằng một thư mục mới được tạo tự động nếu ảnh được chụp khi thư mục hiện thời chứa 999 tấm ảnh.
Đặt lại	Như với Bật , ngoại trừ bức ảnh được chụp tiếp theo được gán số tập tin bằng cách cộng một vào số tập tin lớn nhất ở thư mục hiện thời. Nếu thư mục trống, việc đánh số tập tin sẽ được đặt lại từ 0001.

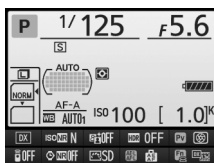
 Chuỗi Số Tệp

Nếu thư mục hiện thời được đánh số đến 999 và chứa hoặc là 999 tấm ảnh hoặc một bức ảnh được đánh số 9999, thì nút nhả cửa trập sẽ bị khóa lại và không tấm ảnh nào được chụp thêm. Chọn **Đặt lại** cho Cài Đặt Tùy Chọn d7 (**Chuỗi số tệp**) và sau đó định dạng lại thẻ nhớ hiện tại hoặc lắp thẻ nhớ mới.

d8: Hiển thị thông tin

Nút MENU → menu Cài Đặt Tùy Chọn

Nếu **Tự động** (AUTO) được chọn, màu của phông chữ trên hiển thị thông tin (📖 10) sẽ tự động chuyển từ đen sang trắng hoặc từ trắng sang đen để duy trì độ tương phản với nền. Để luôn sử dụng cùng một màu phông chữ, Chọn **Bằng tay** và chọn **Tối khi sáng** (B; phông chữ đen) hoặc **Sáng khi tối** (W; phông chữ trắng). Độ sáng màn hình sẽ tự động được điều chỉnh để có độ tương phản tối đa với màu văn bản được chọn.



Tối khi sáng



Sáng khi tối

d9: Chiếu sáng LCD

Nút MENU → menu Cài Đặt Tùy Chọn

Nếu **Tắt** được chọn, đèn nền của bảng điều khiển (đèn rọi màn hình tinh thể lỏng) sẽ chỉ sáng trong khi công tắc điện được xoay thẳng đến ☼. Nếu **Bật** được lựa chọn, bảng điều khiển sẽ được chiếu sáng mỗi khi hẹn giờ chờ được kích hoạt (📖 38). Chọn **Tắt** để tăng tuổi thọ pin.



d10: Chế độ trễ phơi sáng

Nút MENU → menu Cài Đặt Tùy Chọn

Trong những tình huống chuyển động máy ảnh nhỏ nhất cũng có thể làm mờ ảnh, chọn **1 s**, **2 s**, hoặc **3 s** để làm trễ nhả cửa trập cho đến khi một, hai, hoặc ba giây sau khi gương được nâng lên.



d11: Cảnh báo đèn nháy

Nút MENU → menu Cài Đặt Tùy Chọn

Nếu **Bật** được chọn, chỉ báo đèn nháy sẵn sàng (🔦) sẽ nhấp trên kính ngắm nếu đèn nháy là cần thiết để đảm bảo phơi sáng tối ưu.

d12: Loại pin sạc MB-D15

Nút MENU → menu Cài Đặt Tùy Chọn

Để đảm bảo các chức năng của máy ảnh hoạt động đúng như mong muốn khi gói pin MB-D15 được sử dụng cùng với các pin AA, khớp tùy chọn được chọn trên menu này với loại pin được lắp vào gói pin. Không cần điều chỉnh tùy chọn này khi sử dụng pin EN-EL15.

Tùy chọn	Mô tả
 LR6 (AA kiềm)	Chọn khi sử dụng pin LR6 kiềm AA.
 HR6 (AA Ni-MH)	Chọn khi sử dụng pin HR6 AA Ni-MH.
 FR6 (AA lithi)	Chọn khi sử dụng pin FR6 li-thi AA.

 Sử Dụng Pin AA

Dung lượng của các pin AA giảm nhanh ở nhiệt độ dưới 20 °C và thay đổi tùy vào điều kiện sản xuất và lưu kho; trong một vài trường hợp, các pin này có thể bị hỏng trước khi hết hạn sử dụng. Một vài loại pin AA có thể không được sử dụng, do đặc tính hoạt động và mức công suất có hạn của chúng, các loại pin kiềm có dung lượng nhỏ hơn một số loại khác do đó chỉ nên sử dụng nếu không có loại pin nào thay thế và chỉ dùng ở nhiệt độ ấm hơn. Máy ảnh hiển thị mức điện năng của các pin AA như sau:

Bảng điều khiển	Kính ngắm	Mô tả
	—	Pin đã được sạc đầy.
		Pin yếu. Pin mới đã sẵn sàng.
 (nháy)	 (nháy)	Tắt nhả cửa trập. Thay pin.

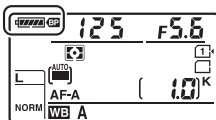
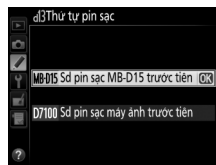


d13: Thứ tự pin sạc

Nút MENU → menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn xem pin trong máy ảnh hoặc pin trong gói pin nào được sử dụng trước khi gói pin tùy chọn MB-D15 được lắp vào. Chú ý rằng nếu pin MB-D15 được cấp điện bởi một bộ đổi điện AC tùy chọn EH-5b và một đầu nối nguồn EP-5B, bộ đổi điện AC sẽ được sử dụng không phụ thuộc vào tùy chỉnh nào được chọn.

Biểu tượng được hiển thị trên bảng điều khiển máy ảnh khi các pin trong MB-D15 đang được sử dụng.

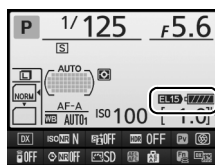


Gói Pin MB-D15

MB-D15 sử dụng một pin sạc Li-ion EN-EL15 hay sáu pin kiềm AA, Ni-MH, hoặc pin li-thi (EN-EL15 được cấp kèm máy ảnh, các loại pin AA được bán riêng).

Hiển thị thông tin hiển thị loại pin được lắp vào MB-D15 như sau:

Hiển thị loại pin sạc MB-D15	Loại pin sạc
	Pin sạc Li-ion EN-EL15
	Pin AA



e: Chụp bù trừ/đèn nháy

e1: Tốc độ đồng bộ đèn nháy

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Tùy chọn này điều khiển tốc độ đồng bộ đèn nháy.

Tùy chọn	Mô tả
1/320 s (FP tự động)	Đồng bộ tốc độ cao FP tự động được sử dụng khi bộ đèn nháy tương thích được gắn vào (□ 305). Nếu đèn nháy gắn sẵn hoặc bộ đèn nháy khác được sử dụng, tốc độ cửa trập được đặt sang 1/320 giây. Khi máy ảnh hiển thị tốc độ cửa trập 1/320 giây ở chế độ P hoặc A , đồng bộ tốc độ cao FP tự động được kích hoạt nếu tốc độ thực của cửa trập lớn hơn 1/320 giây.
1/250 s (FP tự động)	Đồng bộ tốc độ cao FP tự động được sử dụng khi bộ đèn nháy tương thích được gắn vào (□ 305). Nếu đèn nháy gắn sẵn hoặc bộ đèn nháy khác được sử dụng, tốc độ cửa trập được đặt sang 1/250 giây. Khi máy ảnh hiển thị tốc độ cửa trập 1/250 giây ở chế độ P hoặc A , đồng bộ tốc độ cao FP tự động được kích hoạt nếu tốc độ thực của cửa trập lớn hơn 1/250 giây.
1/250 s–1/60 s	Tốc độ đồng bộ đèn nháy đặt ở giá trị đã chọn.



Cố Định Tốc Độ Cửa Trập ở Giới Hạn Tốc Độ Đồng Bộ Đèn Nháy

Để đặt cố định tốc độ cửa trập ở giới hạn tốc độ đồng bộ ở chế độ **S** hoặc **M**, chọn tốc độ cửa trập tiếp sau tốc độ cửa trập chậm nhất có thể (30 giây hoặc Thời gian/- -). X (Chỉ báo đồng bộ đèn nháy) sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển và kính ngắm.



Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động

Cho phép sử dụng đèn nháy ở tốc độ cửa trập cao nhất mà máy ảnh hỗ trợ, điều này cho phép chọn độ mở ống kính tối đa để giảm độ sâu của trường ngay cả khi đối tượng chụp bị ngược sáng trong điều kiện có nhiều ánh sáng mặt trời. Chỉ báo chế độ đèn nháy hiển thị thông tin hiển thị “FP” khi đồng bộ tốc độ cao FP tự động được kích hoạt (□ 306).

■ Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động

Khi **1/320 s (FP tự động)** hoặc **1/250 s (FP tự động)** được chọn trong Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Tốc độ đồng bộ đèn nháy**, □ 244), đèn nháy gắn sẵn có thể được sử dụng ở tốc độ cửa trập nhanh $\frac{1}{320}$ giây hoặc $\frac{1}{250}$ giây, trong khi các bộ đèn nháy tùy chọn tương thích (□ 305) có thể được sử dụng ở tốc độ cửa trập bất kỳ (Tốc độ đồng bộ cao FP tự động).

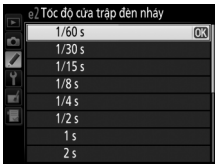
Tốc độ đồng bộ đèn nháy Tốc độ cửa trập	1/320 s (FP tự động)		1/250 s (FP tự động)		1/250 s	
	Đèn nháy gắn sẵn	Bộ đèn nháy tùy chọn	Đèn nháy gắn sẵn	Bộ đèn nháy tùy chọn	Đèn nháy gắn sẵn	Bộ đèn nháy tùy chọn
Từ $\frac{1}{8000}$ đến nhưng không bao gồm $\frac{1}{320}$ giây	—	FP tự động	—	FP tự động	—	—
Từ $\frac{1}{320}$ đến nhưng không bao gồm $\frac{1}{250}$ giây	Đồng bộ đèn nháy *		—	FP tự động	—	—
$\frac{1}{250}$ –30 giây	Đèn nháy đồng bộ					

* Phạm vi đèn nháy giảm khi tốc độ cửa trập tăng. Tuy nhiên phạm vi đèn nháy sẽ lớn hơn phạm vi đạt được ở cùng tốc độ với chế độ FP Tự động.

e2: Tốc độ cửa trập đèn nháy

Nút MENU → menu Cài Đặt Tùy Chọn

Tùy chọn này quyết định tốc độ cửa trập nhỏ nhất có sẵn khi đồng bộ màn trước hoặc đồng bộ màn sau hoặc giảm mắt đỏ được sử dụng ở chế độ **P** hoặc **A** (không phụ thuộc vào cài đặt đã chọn, tốc độ cửa trập có thể chậm ở mức 30 giây ở các chế độ **S** và **M** hoặc ở chế độ cài đặt đèn nháy đồng bộ chậm, đồng bộ màn phía sau chậm, hoặc giảm mắt đỏ với đồng bộ chậm). Phạm vi tùy chỉnh từ $\frac{1}{60}$ giây (**1/60 s**) đến 30 giây (**30 s**).



**e3: Đ.kh đ.nháy cho đ.nháy gắn
sẵn**

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn chế độ đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn.

Tùy chọn	Mô tả
TTL↕ TTL	Công suất đèn nháy được tự động điều chỉnh tương ứng với điều kiện chụp ảnh.
M↕ Bảng tay	Chọn mức đèn nháy (□ 246). Máy ảnh không phát ra nháy sớm màn hình.
RPT↕ Đèn nháy lặp lại	Đèn nháy bật đi bật lại khi cửa trập mở, tạo ra hiệu ứng đèn chớp (□ 246).
CMD↕ Chế độ bộ điều khiển	Sử dụng đèn nháy gắn như bộ đèn nháy tùy chọn từ xa điều khiển đèn nháy chính trong một hoặc nhiều nhóm (□ 247).

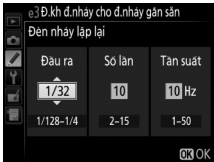
■ ■ Bảng tay

Chọn mức đèn nháy giữa **Đầy** và **1/128** (¹/128 công suất đầy đủ). Ở công suất tối đa, đèn nháy gắn sẵn có Số Hướng Dẫn là 12 (m, ISO 100, 20 °C).

■ ■ Đèn Nháy Lặp Lại

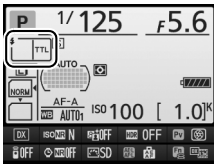
Đèn nháy bật đi bật lại khi cửa trập mở, tạo ra hiệu ứng đèn chớp. Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật những tùy chọn sau, ▲ hoặc ▼ để thay đổi.

Tùy chọn	Mô tả
Đầu ra	Chọn công suất đèn nháy (biểu diễn bằng tỷ lệ trên toàn công suất).
Số lần	Chọn số lần đèn nháy bật ở công suất đã chọn. Chú ý rằng tùy thuộc vào tốc độ cửa trập và tùy chỉnh đã chọn cho Tần suất , số lượng nháy có thể ít hơn so với đã chọn.
Tần suất	Chọn số lần đèn nháy bật trên mỗi giây.



 Chế Độ Điều Khiển Đèn Nháy

Chế độ điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn được hiển thị trên màn hình hiển thị thông tin (□ 122).



 “Bảng tay” và “Đèn nháy lặp lại”

Các biểu tượng  nháy trên bảng điều khiển và trên kính ngắm khi những tùy chỉnh này được chọn.

SB-400

Khi một bộ đèn nháy tùy chọn SB-400 được gắn vào và bật lên, Cài Đặt Tùy Chọn e3 chuyển sang **Đèn nháy tùy chọn**, cho phép chế độ điều khiển đèn nháy đối với SB-400 được chọn từ **TTL** và **Bằng tay** (Không có sẵn tùy chọn **Đèn nháy lặp lại** và **Chế độ bộ điều khiển**).

"Số lần"

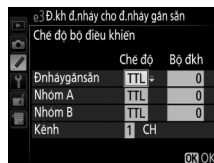
Các tùy chọn sẵn có cho **Đèn nháy lặp lại** > **Số lần** được xác định bằng công suất đèn nháy.

Đầu ra	Các tùy chỉnh cho "Số lần"	Đầu ra	Các tùy chỉnh cho "Số lần"
1/4	2	1/32	2–10, 15
1/8	2–5	1/64	2–10, 15, 20, 25
1/16	2–10	1/128	2–10, 15, 20, 25, 30, 35

■ Chế Độ Bộ Điều Khiển

Sử dụng đèn nháy gắn sẵn làm đèn nháy chủ điều khiển hoặc một hoặc vài bộ đèn nháy tùy chọn từ xa tới hai nhóm (A và B) bằng cách dùng đèn không dây nâng cao (□ 305).

Việc chọn tùy chọn này sẽ hiển thị menu ở phía bên phải. Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật những tùy chọn sau, ▲ hoặc ▼ để thay đổi.



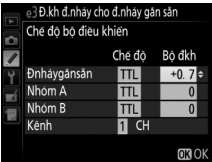
Tùy chọn	Mô tả
Đèn nháy gắn sẵn	Chọn chế độ đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn (đèn nháy bộ điều khiển).
TTL	Chế độ i-TTL. Chọn bù đèn nháy từ các giá trị giữa +3,0 và –3,0 EV với các gia số 1/3 EV.
M	Chọn mức đèn nháy giữa các giá trị 1/1 và 1/128 (1/128 của toàn công suất).
--	Đèn nháy gắn sẵn không bật, dù bộ đèn nháy từ xa bật. Đèn nháy gắn sẵn phải được nâng lên để nó có thể phát đèn nháy sớm màn hình.
Nhóm A	Chọn chế độ đèn nháy cho tất cả các bộ đèn nháy ở nhóm A.
TTL	Chế độ i-TTL. Chọn bù đèn nháy từ các giá trị giữa +3,0 và –3,0 EV với các gia số 1/3 EV.
AA	Độ mở ống kính tự động (chỉ có ở bộ đèn nháy tương thích; □ 305). Chọn bù đèn nháy từ các giá trị giữa +3,0 và –3,0 EV với các gia số 1/3 EV.
M	Chọn mức đèn nháy giữa các giá trị 1/1 và 1/128 (1/128 của toàn công suất).
--	Các bộ đèn nháy trong nhóm này không bật.
Nhóm B	Chọn chế độ đèn nháy cho tất cả các bộ đèn nháy ở nhóm B. Các tùy chọn sẵn có này cũng giống như những tùy chọn liệt kê cho Nhóm A ở trên.
Kênh	Chọn các kênh từ 1–4. Tất cả các bộ đèn nháy trong cả hai nhóm phải được đặt ở cùng một kênh.



Thực hiện theo các bước dưới đây để chụp ảnh trong chế độ bộ điều khiển.

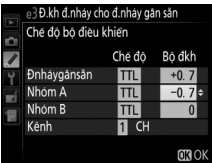
1 Điều chỉnh cài đặt cho đèn nháy gắn sẵn.

Chọn chế độ điều khiển đèn nháy và mức công suất cho đèn nháy gắn sẵn. Chú ý rằng mức công suất không thể điều chỉnh được ở chế độ --.



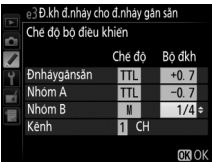
2 Điều chỉnh cài đặt cho nhóm A.

Chọn chế độ điều khiển đèn nháy và mức công suất cho bộ đèn nháy gắn sẵn ở nhóm A.

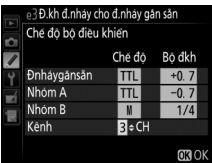


3 Điều chỉnh cài đặt cho nhóm B.

Chọn chế độ điều khiển đèn nháy và mức công suất cho bộ đèn nháy gắn sẵn ở nhóm B.



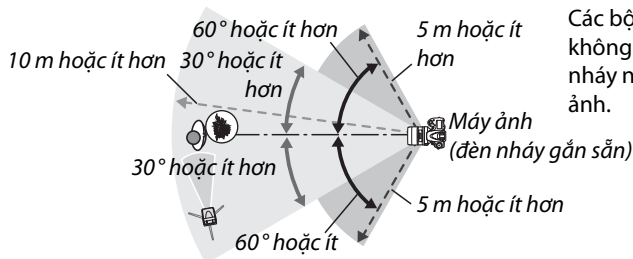
4 Chọn kênh.



5 Nhấn .

6 Soạn ảnh chụp.

Soạn ảnh chụp và sắp xếp các bộ đèn nháy như minh họa sau. Chú ý rằng khoảng cách tối đa mà tại đó các bộ đèn nháy từ xa có thể được đặt thay đổi tùy theo điều kiện chụp hình.



Các bộ cảm ứng từ xa không dây trên các bộ đèn nháy nên đối diện với máy ảnh.

7 Cấu hình các bộ đèn nháy từ xa.

Bật tất cả các bộ đèn nháy từ xa, điều chỉnh các cài đặt nhóm và đặt chúng ở kênh được chọn ở Bước 4. Xem hướng dẫn sử dụng bộ đèn nháy để biết chi tiết.

8 Nâng đèn nháy gắn sẵn.

Nhấn nút **⚡ (FV)** để nâng đèn nháy gắn sẵn. Chú ý rằng thậm chí nếu -- được chọn cho **Đèn nháy gắn sẵn > Chế độ**, đèn nháy gắn sẵn phải được nâng lên để nháy sớm màn hình có thể được phát ra.

9 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Sau khi chắc chắn rằng đèn sẵn sàng nháy của máy ảnh và các đèn sẵn sàng nháy của tất cả các bộ đèn nháy khác đã được bật lên, tạo khuôn hình, lấy nét và chụp ảnh. Có thể dùng khóa FV (📄 125) nếu muốn.

Hiện Thị Chế Độ Đồng Bộ Đèn Nháy

 không hiển thị trên màn hình điều khiển chế độ đồng bộ đèn nháy khi -- được chọn cho **Đnháygắnsắ** > **Chế độ**.

Bù Đèn Nháy

Giá trị bù đèn nháy được chọn bằng nút  () và đĩa lệnh phụ được thêm vào các giá trị bù đèn nháy được chọn cho đèn nháy gắn sẵn, nhóm A, và nhóm B trong menu **Chế độ bộ điều khiển**. Biểu tượng  được hiển thị trên bảng điều khiển và kính ngắm khi giá trị bù đèn nháy khác ± 0 được lựa chọn cho **Đnháygắnsắ** > **TTL**. Biểu tượng  nháy khi đèn nháy gắn sẵn ở chế độ **M**.

Chế Độ Bộ Điều Khiển

Định vị cửa sổ cảm biến trên các bộ đèn nháy từ xa để đón ánh sáng từ đèn nháy gắn sẵn (cần đặc biệt chú ý khi máy ảnh không được đặt trên giá ba chân). Hãy chắc chắn rằng ánh sáng trực tiếp hoặc phản chiếu mạnh từ các bộ đèn nháy từ xa không đi vào thấu kính máy ảnh (ở chế độ TTL) hoặc các quang bào ở các bộ đèn nháy từ xa (chế độ AA), vì điều này có thể ảnh hưởng đến phơi sáng. Để tránh các tia nháy căn giờ do đèn nháy gắn sẵn phát ra xuất hiện trên các tấm ảnh chụp ở phạm vi gần, chọn độ nhạy ISO thấp hoặc độ mở ống kính nhỏ (các số f- cao hoặc sử dụng bảng hồng ngoại tùy chọn SG-3IR cho đèn nháy gắn sẵn. SG-3IR cần để có kết quả chụp tốt nhất với đồng bộ màn phía sau, giúp tạo ra các tia đèn căn thời gian sáng hơn. Sau khi định vị các bộ đèn nháy từ xa, chụp thử một kiểu ảnh và xem các kết quả trên màn hình máy ảnh.

Dù không có giới hạn về số lượng các bộ đèn nháy từ xa được sử dụng, số lượng tối đa thực tế là ba. Nếu nhiều hơn số lượng này, ánh sáng phát ra từ các bộ đèn nháy từ xa sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất của máy ảnh.

e4: Bù phơi sáng cho đèn nháy

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn cách máy ảnh điều chỉnh mức nháy khi sử dụng bù phơi sáng.

Tùy chọn	Mô tả
  Toàn bộ khuôn hình	Cả hai mức nháy và bù phơi sáng được điều chỉnh để thay đổi phơi sáng trên toàn bộ khuôn hình.
 Chỉ hậu cảnh	Bù phơi sáng chỉ áp dụng đối với nền.

e5: Đèn nháy tạo mô hình

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Nếu **Bật** được lựa chọn khi máy ảnh đang được sử dụng cùng đèn nháy gắn sẵn hoặc bộ đèn nháy tùy chọn hoặc bộ đèn nháy tương thích với CLS (□ 305), đèn nháy mô hình sẽ được phát ra khi nhấn nút xem trước độ sâu trường của máy ảnh (□ 50). Không có đèn nháy mô hình được phát ra nếu **Tắt** được lựa chọn.



e6: Bộ chụp bù trừ tự động

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn các cài đặt hoặc cài đặt chụp bù trừ khi chụp bù trừ tự động (□ 133) có hiệu lực. Chọn **AE & đèn nháy** (AE) để tiến hành chụp bù trừ có phơi sáng và chụp bù trừ có đèn nháy, **Chỉ AE** (AE) để chụp bù trừ có phơi sáng, **Chỉ đèn nháy** (⚡) để chụp bù trừ có đèn nháy, **Chụp bù trừ WB** (WB) để chụp cân bằng trắng bù trừ (□ 137), hoặc **Chụp bù trừ ADL** (⚡) để tiến hành chụp bù trừ với D-Lighting hoạt động (□ 139). Chú ý rằng cân bằng trắng bù trừ không có ở cài đặt chất lượng ảnh dành cho ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG.

e7: Thứ tự chụp bù trừ

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Ở cài đặt mặc định **MTR > dưới > quá** (⏮), phơi sáng, đèn nháy, và chụp bù trừ trắng cân bằng được thực hiện theo thứ tự mô tả ở trang 133 và 137. Nếu **Dưới > MTR > quá** (→+) được chọn, việc chụp ảnh sẽ theo thứ tự từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất. Cài đặt này không ảnh hưởng đến bù trừ ADL.



f: Điều khiển

f1: Nút OK

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Tùy chọn này xác định vai trò được gán cho nút  trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm, phát lại và xem trực tiếp (bất kể tùy chọn nào được chọn, nhấn  khi phim được hiển thị toàn khung hình sẽ bắt đầu phát lại phim).

■ Chế độ chụp

Tùy chọn	Vai trò được gán cho nút 
RESET Chọn điểm lấy nét trung tâm	Chọn điểm lấy nét trung tâm.
 Làm n.bật điểm l.nét h.động	Làm nổi bật điểm lấy nét hoạt động.
Không sử dụng	None (Không).

■ Chế độ phát lại

Tùy chọn	Vai trò được gán cho nút 
 Bật/tắt hình thu nhỏ	Hoán đổi giữa phát lại khuôn hình đầy và phát lại hình thu nhỏ.
 Xem biểu đồ	Trong cả phát lại khuôn hình đầy và phát lại hình thu nhỏ, biểu đồ (📊 189) được hiển thị khi nút  được nhấn.
 Bật/tắt thu phóng	Hoán đổi giữa thu phóng khuôn hình đầy hoặc phát lại hình thu nhỏ và thu phóng phát lại. Chọn cài đặt thu phóng ban đầu từ Độ phóng đại thấp , Độ phóng đại vừa phải và Độ phóng đại cao . Hiển thị thu phóng sẽ căn giữa vào điểm lấy nét hoạt động.
 Chọn khe và thư mục	Hiển thị hộp thoại chọn khe và thư mục (📁 186).

■ Xem trực tiếp

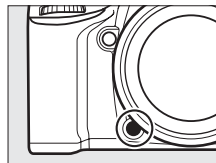
Tùy chọn	Vai trò được gán cho nút 
RESET Chọn điểm lấy nét trung tâm	Việc nhấn nút  trong xem trực tiếp sẽ chọn điểm lấy nét trung tâm.
 Bật/tắt thu phóng	Nhấn nút  để hoán đổi bật và tắt thu phóng. Chọn cài đặt thu phóng ban đầu từ Độ phóng đại thấp , Độ phóng đại vừa phải và Độ phóng đại cao . Hiển thị thu phóng sẽ căn giữa vào điểm lấy nét hoạt động.
Không sử dụng	Việc nhấn nút  không có tác dụng trong xem trực tiếp.



f2: Chỉ định nút Fn

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn vai trò do nút **Fn** đảm nhận, bằng tự bản thân nó (**Nhấn**) hoặc khi sử dụng kết hợp với đĩa lệnh (**Nhấn + đĩa lệnh**).



■ Nhấn

Việc chọn **Nhấn** sẽ hiển thị các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
 Xem trước	Nhấn nút Fn để xem trước độ sâu của trường (□ 50).
 Khóa FV	Nhấn nút Fn để khóa giá trị đèn nháy (chỉ đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn tương thích, □ 125, 305). Nhấn lại để hủy khóa FV.
 Khóa AE/AF	Lấy nét và khóa phơi sáng khi nút Fn được nhấn.
 Chỉ khóa AE	Phơi sáng khóa khi nhấn nút Fn .
 Khóa AE (Giữ)	Khóa phơi sáng khi nút Fn được nhấn và duy trì khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai hoặc thời gian hẹn giờ chờ hết hạn.
 Chỉ khóa AF	Lấy nét được khóa khi nhấn nút Fn .
 AF-ON	Nhấn nút Fn để bắt đầu lấy nét tự động. Không thể dùng nút nhả cửa trập để lấy nét.
 Tắt đèn nháy	Đèn nháy sẽ không bật sáng khi ảnh được chụp trong khi nút Fn được nhấn.
 Chụp bù trừ liên tiếp	Nếu nhấn nút Fn trong khi phơi sáng, đèn nháy, hoặc bù trừ ADL đang được bật trong khuôn hình đơn hoặc ở chế độ nhả cửa trập tĩnh lặng, tất cả các lần chụp trong chương trình chụp bù trừ hiện tại sẽ được chụp mỗi khi nhấn nút nhả cửa trập. Nếu chụp bù trừ cân bằng trắng được kích hoạt hoặc ở chế độ nhả liên tục (chế độ CN hoặc CL) được lựa chọn, máy ảnh sẽ lặp lại chụp bù trừ liên tiếp trong khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống.
 + [RAW] + NEF (RAW)	Nếu chất lượng hình ảnh được đặt ở JPEG mịn , JPEG bình thường , hoặc JPEG cơ bản , "RAW" sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển và một bản sao của NEF (RAW) sẽ được ghi lại bằng bức ảnh tiếp theo được chụp sau khi nhấn nút Fn (để ghi lại bản sao NEF/RAW bằng một loạt các tấm ảnh, nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng giữa các lần chụp). Để thoát mà không cần ghi bản sao NEF (RAW), nhấn nút Fn lần nữa.
 Đo sáng ma trận	Đo sáng ma trận được kích hoạt khi nhấn nút Fn .
 Đo sáng cân bằng trung tâm	Đo sáng cân bằng trung tâm được kích hoạt khi nhấn nút Fn .
 Đo sáng điểm	Đo sáng ma trận được kích hoạt khi nhấn nút Fn .



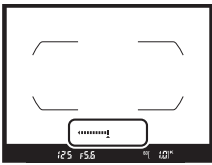
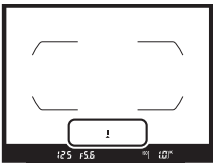
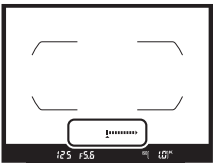
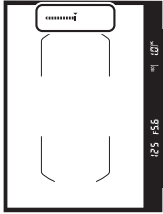
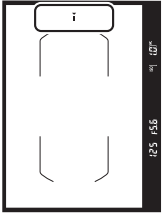
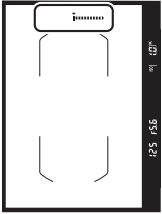
Tùy chọn	Mô tả
 Hiển thị lưới kính ngắm	Nếu DX (24×16) được chọn cho Vùng hình ảnh (📖 63), có thể sử dụng nút Fn để hiển thị hoặc ẩn lưới khuôn hình trong kính ngắm (📖 239).
 Đường chân trời ảo kính ngắm	Nhấn nút Fn để xem hiển thị đường chân trời ảo trong kính ngắm.
 MENU CỦA TÔI	Nhấn nút Fn hiển thị “MENU CỦA TÔI” (📖 291).
 Tr.cnh.nhất trog MENU CỦA TÔI	Nhấn nút Fn để nhảy tới mục hàng đầu trong “MY MENU” (MENU CỦA TÔI). Chọn tùy chọn này để truy cập nhanh vào một mục thường hay dùng trên menu.
 Phát lại	Nút Fn có chức năng tương tự như nút  . Chọn khi sử dụng một thấu kính chụp ảnh xa hoặc ở trong các trường hợp khác khi quá khó để vận hành nút  bằng tay trái.
Không có	Nhấn nút không có tác dụng gì.

 Các Tùy Chọn Không Tương Thích

Nếu tùy chọn lựa chọn cho **Nhấn** không thể được dùng kết hợp với tùy chọn được chọn cho **Nhấn + đĩa lệnh**, một thông báo sẽ được hiển thị bất kể **Nhấn** hay **Nhấn + đĩa lệnh** được chọn trước sẽ được đặt sang **Không có**.

 Đường Chân Trời Ảo Kính Ngắm

Khi **Đường chân trời ảo kính ngắm** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Chỉ định nút Fn**), việc nhấn nút **Fn** sẽ hiển thị chỉ báo cuộn trong kính ngắm. Nhấn nút một lần nữa để khôi phục lại chỉ báo về chức năng bình thường.

	Máy ảnh nghiêng phải	Máy ảnh cân bằng	Máy ảnh nghiêng trái
Kính ngắm (máy ảnh trong hướng phong cảnh) 			
Kính ngắm (máy ảnh trong hướng chân dung) 			

Chú ý rằng hiển thị có thể không chính xác khi máy ảnh nghiêng mạnh về phía trước hoặc về phía sau. Để hiển thị chân trời ảo trong màn hình, sử dụng tùy chọn **Đường chân trời ảo** trong menu cài đặt (📖 269).

■ ■ Nhấn + đĩa lệnh

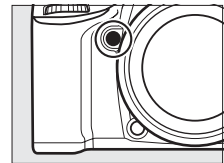
Việc chọn **Nhấn + đĩa lệnh** sẽ hiển thị các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
 Chọn vùng hình ảnh	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh để chọn vùng hình ảnh (□ 63).
 Tốc độ/độ mở ống kính 1 bước	Nếu nút Fn được nhấn khi đĩa lệnh quay, thay đổi tốc độ cửa trập (chế độ S và M) và độ mở ống kính (chế độ A và M) được tiến hành theo gia số của 1 EV, không phụ thuộc vào tùy chọn này được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn b2 hay không (Bước EV cho đ.khiển phơi sáng , □ 234).
 Chọn số thấu kính không CPU	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh để chọn một số thấu kính cụ thể bằng cách dùng tùy chọn Dữ liệu thấu kính không CPU (□ 149).
 D-Lighting hoạt động	Nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh để điều chỉnh D-Lighting hoạt động (□ 113).
 HDR (dải nhạy sáng cao)	Giữ nhấn nút Fn , xoay đĩa lệnh chính để chọn Chế độ HDR , đĩa lệnh phụ để chọn Cường độ HDR (□ 116).
Không có	Không có thao tác nào được thực hiện khi các đĩa lệnh được xoay trong khi nút Fn được nhấn.

f3: Chỉ định nút xem trước

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

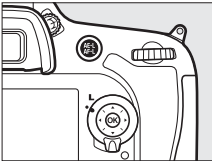
Chọn vai trò do nút xem trước độ sâu của trường đảm nhận, bằng tự bản thân nó (**Nhấn**) hoặc khi sử dụng kết hợp với đĩa lệnh (**Nhấn + đĩa lệnh**). Các tùy chọn có sẵn cũng tương tự như của **Chỉ định nút Fn** (□ 253). Các tùy chọn mặc định cho **Nhấn** và **Nhấn + đĩa lệnh** lần lượt là **Xem trước** và **Không có**.



f4: Chỉ định nút AE-L/AF-L

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn vai trò do nút ^{AE-L}**AE-L/AF-L** đảm nhận, bằng tự bản thân nó (**Nhấn**) hoặc khi sử dụng kết hợp với đĩa lệnh (**Nhấn + đĩa lệnh**).



■ ■ Nhấn

Việc chọn **Nhấn** sẽ hiển thị các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
 Khóa AE/AF	Lấy nét và phơi sáng sẽ khóa khi nhấn nút ^{AE-L} AE-L/AF-L .
 Chỉ khóa AE	Phơi sáng khóa khi nhấn nút ^{AE-L} AE-L/AF-L .
 Khóa AE (Giữ)	Khóa phơi sáng khi nhấn nút ^{AE-L} AE-L/AF-L và duy trì khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai hoặc thời gian hẹn giờ chờ hết hạn.
 Chỉ khóa AF	Lấy nét khi nhấn nút ^{AE-L} AE-L/AF-L .
 AF-ON	Nút ^{AE-L} AE-L/AF-L kích hoạt lấy nét tự động. Không thể dùng nút nhà cửa trập để lấy nét.
 Khóa FV	Nhấn nút ^{AE-L} AE-L/AF-L để khóa giá trị đèn nháy (chỉ đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn, □ 125, 305). Nhấn lại để hủy khóa FV.
Không có	Nhấn nút không có tác dụng gì.

■ ■ Nhấn + đĩa lệnh

Việc chọn **Nhấn + đĩa lệnh** sẽ hiển thị các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
 Chọn vùng hình ảnh	Nhấn nút ^{AE-L} AE-L/AF-L và xoay đĩa lệnh để chọn vùng hình ảnh (□ 63).
Non-CPU  Chọn số thấu kính không CPU	Nhấn nút ^{AE-L} AE-L/AF-L và xoay đĩa lệnh để chọn một số thấu kính cụ thể bằng cách dùng tùy chọn Dữ liệu thấu kính không CPU (□ 149).
Không có	Không có thao tác nào được thực hiện khi các đĩa lệnh được xoay trong khi nút ^{AE-L} AE-L/AF-L được nhấn.

Tùy chọn này điều khiển hoạt động của các đĩa lệnh chính và đĩa lệnh phụ.

- **Xoay ngược:** Đảo ngược hướng xoay của các đĩa lệnh khi sử dụng để điều chỉnh **Bù phơi sáng** và/hoặc **Tốc độ cửa trập/độ mở ống kính**. Làm nổi bật tùy chọn và nhấn ► để chọn hoặc bỏ chọn, sau đó nhấn OK. Cài đặt này cũng áp dụng đối với đĩa lệnh của MB-D15.
- **Thay đổi chính/phụ:** Nếu **Tắt** được chọn, đĩa lệnh chính sẽ điều khiển tốc độ cửa trập và đĩa lệnh phụ sẽ điều khiển độ mở ống kính. Chọn **Bật (Chế độ A)** để sử dụng đĩa lệnh chính chọn độ mở ống kính ở chế độ chụp **A**, **Bật** để sử dụng đĩa lệnh chính lựa chọn độ mở ống kính ở các chế độ **A** và **M** và đĩa lệnh phụ để chọn tốc độ của chụp ở các chế độ **S** và **M**. Cài đặt này cũng áp dụng đối với đĩa lệnh của MB-D15.
- **Cài đặt độ mở ống kính:** Nếu **Đĩa lệnh phụ** được chọn, độ mở ống kính chỉ có thể được điều chỉnh bằng đĩa lệnh phụ (hoặc bằng đĩa lệnh chính nếu nút **Bật** được chọn cho **Thay đổi chính/phụ**). Nếu **Vòng độ mở ống kính** được chọn, chỉ có thể điều chỉnh độ mở thấu kính bằng vòng độ mở của thấu kính và hiển thị độ mở ống kính máy ảnh sẽ hiển thị độ mở của ống kính với các giá trị 1 EV (độ mở ống kính của các thấu kính loại G vẫn được đặt bằng cách sử dụng đĩa lệnh phụ). Chú ý rằng dù chế độ cài đặt nào được chọn, vòng độ mở ống kính phải được sử dụng để điều chỉnh độ mở ống kính khi thấu kính không CPU được gắn vào.
- **Menu và phát lại:** Nếu **Tắt** được chọn, đa bộ chọn vẫn được sử dụng để chọn ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy, làm nổi bật hình thu nhỏ và điều hướng các menu. Nếu **Bật** hoặc **Bật (trừ xem lại hình ảnh)** được chọn, có thể sử dụng đĩa lệnh chính để chọn ảnh được chọn trong khi phát lại khuôn hình đầy, di chuyển con trỏ sang trái hoặc phải trong khi phát lại hình thu nhỏ, và di chuyển menu làm nổi bật thanh lên hoặc xuống. Đĩa lệnh phụ được sử dụng để hiển thị thêm thông tin ảnh trong phát lại khuôn hình đầy và để di chuyển con trỏ lên hoặc xuống trong khi phát lại hình thu nhỏ. Chọn **Bật (trừ xem lại hình ảnh)** để ngăn việc sử dụng đĩa lệnh cho việc phát lại khi xem lại hình ảnh. Khi các menu được hiển thị, xoay đĩa lệnh phụ sang phải sẽ hiển thị các menu phụ để chọn tùy chọn cần, xoay sang trái để hiển thị menu trước. Để đưa ra lựa chọn, nhấn ► hoặc OK.



f6: Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Nếu **Có** được chọn, các điều chỉnh thường được thực hiện bằng cách xoay đĩa lệnh trong khi giữ một nút có thể được thực hiện bằng cách xoay đĩa lệnh sau khi nút được nhả (cài đặt kết thúc khi nút được nhấn lần nữa, nút nhả cửa trập được nhấn nữa chừng, hoặc khi hẹn giờ chờ hết hạn). Các nút sau bị ảnh hưởng: nút , , , , chế độ AF, , hoặc **BKT**, **Fn**, xem trước và nút  **AE-L/AF-L**. **Fn** và các nút xem trước chỉ bị ảnh hưởng khi được chỉ định **Chọn vùng hình ảnh**, **Chọn số thấu kính không CPU**, **D-Lighting hoạt động**, hoặc **HDR (dải nhay sáng cao)** bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Chỉ định nút Fn**) hoặc f3 (**Chỉ định nút xem trước**). Nút  **AE-L/AF-L** chỉ bị ảnh hưởng khi gán **Chọn vùng hình ảnh** hoặc **Chọn số thấu kính không CPU** bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Chỉ định nút AE-L/AF-L**). Lưu ý rằng hẹn giờ chờ sẽ không hết hạn khi **Không giới hạn** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**).

Chọn vùng hình ảnh

Nếu **Chọn vùng hình ảnh** được gán cho **Fn**, nút xem trước độ sâu của trường hoặc nút  **AE-L/AF-L** và **Có** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f6 (**Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh**) thì bạn cần nhấn nút lần nữa để các cài đặt được chọn có hiệu lực sau khi nhấn nút và chọn vùng hình ảnh bằng đĩa lệnh.

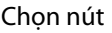
f7: Khóa nhả khe trống

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn **Cho phép nhả** cho phép cửa trập được nhả ra khi không có thẻ nhớ nào được lắp, dù không bức ảnh nào được ghi lại (tuy nhiên chúng vẫn được hiển thị trên màn hình ở chế độ mẫu). Nếu **Nhả bị khóa** được chọn, nút nhả cửa trập chỉ được bật khi có thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh.

f8: Đảo ngược các chỉ báo

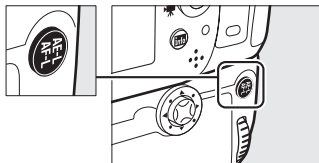
Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Nếu    (−0+) được chọn, các chỉ báo phơi sáng trong bảng điều khiển, kính ngắm, và hiển thị thông tin được hiển thị với các giá trị âm ở bên trái và các giá trị dương ở bên phải. Chọn nút    (+0−) để hiển thị các giá trị dương bên trái và các giá trị âm bên phải.

f9: Chỉ định nút MB-D15

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn chức năng được gán cho nút ^{AE-L}_{AF-L} **AE-L/AF-L** trên gói pin tùy chọn MB-D15.



Tùy chọn	Mô tả
 Khóa AE/AF	Lấy nét và phơi sáng sẽ khóa khi nhấn nút MB-D15 ^{AE-L} _{AF-L} AE-L/AF-L .
 Chỉ khóa AE	Phơi sáng khóa khi nhấn nút MB-D15 ^{AE-L} _{AF-L} AE-L/AF-L .
 Khóa AE (Giữ)	Khóa phơi sáng khi nhấn nút MB-D15 ^{AE-L} _{AF-L} AE-L/AF-L và duy trì khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai hoặc thời gian hẹn giờ chờ hết hạn.
 Chỉ khóa AF	Lấy nét khóa khi nhấn nút MB-D15 ^{AE-L} _{AF-L} AE-L/AF-L .
 AF-ON	Nhấn nút MB-D15 ^{AE-L} _{AF-L} AE-L/AF-L để kích hoạt lấy nét tự động. Không thể dùng nút nhả cửa trập để lấy nét.
 Khóa FV	Nhấn nút MB-D15 ^{AE-L} _{AF-L} AE-L/AF-L để khóa giá trị đèn nháy (chỉ đèn nháy gắn sẵn và bộ đèn nháy tùy chọn, □ 125, 305). Nhấn lại để hủy khóa FV.
 Giống như nút Fn	Nút MB-D15 ^{AE-L} _{AF-L} AE-L/AF-L thực hiện chức năng được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f2 (□ 253).

g: Phim

g1: Chỉ định nút Fn

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn vai trò cho nút **Fn** đảm nhiệm trong khi xem trực tiếp phim (tùy chọn mặc định là **Không có**).

Tùy chọn	Mô tả
 Xem thông tin chụp ảnh	Nhấn nút để hiển thị thông tin về tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, và các cài đặt hình ảnh khác ở vị trí ghi phim. Bấm lần nữa để trở lại màn hình hiển thị ghi phim bình thường (□ 163).
 Khóa AE/AF	Khóa chế độ lấy nét và phơi sáng khi nút này được nhấn.
 Chỉ khóa AE	Phơi sáng khóa khi nút được nhấn.
 Khóa AE (Giữ)	Khóa phơi sáng khi nhấn nút và duy trì khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai.
 Chỉ khóa AF	Lấy nét được khóa khi nhấn nút.
 AF-ON	Nhấn nút để bắt đầu lấy nét tự động. Không thể dùng nút nhả cửa trập để lấy nét.
Không có	Nhấn nút không có tác dụng gì.



g2: Chỉ định nút xem trước

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn vai trò do nút xem trước độ sâu của trường đảm nhiệm trong khi xem trực tiếp phim. Các tùy chọn có sẵn cũng tương tự như của **Chỉ định nút Fn** (□ 259).

g3: Chỉ định nút AE-L/AF-L

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn vai trò do nút  **AE-L/AF-L** đảm nhiệm trong khi xem trực tiếp phim. Các tùy chọn sẵn có tương tự như các tùy chọn của **Chỉ định nút Fn** (□ 259), ngoại trừ cài đặt mặc định là **Khóa AE/AF**.

g4: Chỉ định nút cửa trập

Nút MENU →  menu Cài Đặt Tùy Chọn

Chọn vai trò do nút nhả cửa trập đảm nhiệm khi  được chọn với bộ chọn xem trực tiếp.

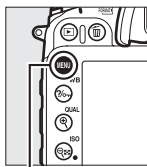
Tùy chọn	Mô tả
 Chụp ảnh	Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để kết thúc quay phim và chụp ảnh với tỉ lệ 16 : 9 (để biết thông tin về cỡ hình ảnh, xem trang 167).
 Ghi phim	Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để bắt đầu chế độ xem trực tiếp phim. Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét (chỉ chế độ lấy nét tự động) và nhấn hết cỡ để bắt đầu hoặc kết thúc ghi. Để kết thúc xem trực tiếp phim, nhấn nút  . Nút nhả cửa trập trên điều khiển từ xa không dây tùy chọn hoặc dây chụp từ xa (□ 309, 310) có thể được dùng để bắt đầu xem trực tiếp phim và bắt đầu và kết thúc quay phim; tuy nhiên không thể sử dụng điều khiển từ xa ML-L3 tùy chọn để quay phim; nút nhả cửa trập trên ML-L3 không có tác dụng.

Ghi Phim

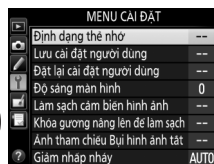
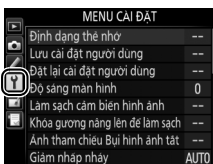
Nếu tùy chọn này được chọn, không thể dùng nút nhả cửa trập cho các chức năng như chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian hoặc ghi ảnh dữ liệu tham chiếu bỏ bụi khi bộ chọn xem trực tiếp được xoay sang , thông tin chụp (□ 10) không thể được hiển thị bằng cách sử dụng nút , thông tin chụp ảnh không thể được hiển thị bằng cách sử dụng các nút mà **Xem thông tin chụp ảnh** (□ 259, 260) đã được gán cho bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn g1 (**Chỉ định nút Fn**), g2 (**Chỉ định nút xem trước**), hoặc g3 (**Chỉ định nút AE-L/AF-L**). Chọn **Chụp ảnh** để sử dụng các chức năng này.

Y Menu Cài Đặt: *Cài Đặt Máy Ảnh*

Để hiển thị menu cài đặt, nhấn **MENU** và chọn tab (menu cài đặt) **Y**.



Nút MENU



Menu cài đặt chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn	
Định dạng thẻ nhớ	262
Lưu cài đặt người dùng	55
Đặt lại cài đặt người dùng	56
Độ sáng màn hình	262
Làm sạch cảm biến hình ảnh	313
Khóa gương nâng lên để làm sạch ¹	315
Ảnh tham chiếu Bụi hình ảnh tắt	263
Giảm nhấp nháy	264
Múi giờ và ngày	265
Ngôn ngữ (Language)	265
Xoay hình ảnh tự động	265
Thông tin pin	266

Tùy chọn	
Bình luận hình ảnh	266
Thông tin bản quyền	267
Lưu/tải cài đặt	268
Đường chân trời ảo	269
Dữ liệu thấu kính không CPU	149
Tính chỉnh AF	270
HDMI	216
GPS	152
Đầu nối di động không dây	271
Mạng	206
Tải lên Eye-Fi ²	272
Phiên bản vi chương trình	272

1 Không thực hiện được khi pin yếu.

2 Chỉ hiển thị khi gắn thẻ nhớ Eye-Fi tương thích (272).



Xem Thêm

Liệt kê menu mặc định ở trên trang 326.

Định dạng thẻ nhớ

Nút MENU →  menu cài đặt

Để bắt đầu định dạng, chọn một khe thẻ nhớ và chọn **Có**. *Lưu ý rằng việc định dạng sẽ xóa vĩnh viễn tất cả ảnh và các dữ liệu khác trên thẻ trong khe được chọn.* Trước khi định dạng, hãy đảm bảo sao lưu theo yêu cầu.



Khi Định Dạng

Không được tắt máy ảnh hay tháo thẻ nhớ khi đang định dạng.

Định Dạng Hai Nút

Thẻ nhớ cũng có thể được định dạng khi ấn nút  (**FORMAT**) và  (**FORMAT**) trong hơn hai giây ( 32).

Độ sáng màn hình

Nút MENU →  menu cài đặt

Nhấn  hoặc  để chọn độ sáng màn hình cho phát lại, menu và hiển thị thông tin. Chọn giá trị cao hơn để tăng độ sáng, thấp hơn để giảm độ sáng.



Độ sáng màn hình

Các giá trị của **+4** hoặc cao hơn giúp dễ dàng đọc được màn hình ngoài ánh sáng nhưng cũng làm cho màu vàng bị hơi xanh. Chọn giá trị thấp hơn để tái tạo màu chính xác.

Xem Thêm

Để xem trực tiếp thông tin về điều chỉnh độ sáng màn hình, xem trang 157.

Thu được dữ liệu tham khảo cho tùy chọn Bụi Hình Ảnh Tắt trong Capture NX 2 (có riêng; để biết thêm thông tin, tài liệu hướng dẫn Capture NX 2).

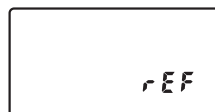
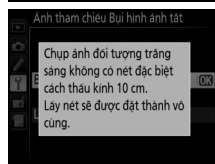
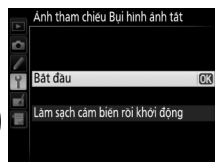
Ảnh tham chiếu Bụi hình ảnh tắt chỉ có khi thấu kính CPU được gắn trên máy ảnh. Nên dùng thấu kính có tiêu cự ít nhất 50 mm. Khi sử dụng một thấu kính thu phóng, phóng to hết cỡ.

1 Chọn tùy chọn khởi động.

Làm nổi bật trong những tùy chọn sau và nhấn **OK**. Để thoát mà không thu dữ liệu tham chiếu bỏ bụi hình ảnh tắt, nhấn **MENU**.



- **Bắt đầu:** Thông báo sẽ hiển thị ở bên phải, “rEF” sẽ xuất hiện trong kính ngắm và các hiển thị bảng điều khiển.
- **Làm sạch cảm biến rồi khởi động:** Chọn mục này để vệ sinh cảm biến hình ảnh trước khi bắt đầu. Thông báo như ở bên phải sẽ được hiển thị, “rEF” sẽ xuất hiện trong hiển thị kính ngắm và bảng điều khiển khi vệ sinh xong.



2 Tạo khuôn hình một đối tượng màu trắng trong kính ngắm.

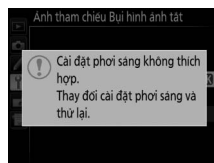
Với thấu kính khoảng mười xentimet từ một đối tượng trắng không có đặc điểm, đủ sáng, lấy khuôn hình sao cho đối tượng lấp đầy kính ngắm và nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập.

Trong chế độ lấy nét tự động, lấy nét sẽ tự động được cài ở vô tận; trong chế độ lấy nét bằng tay, đặt lấy nét sang vô tận tự động.

3 Yêu cầu dữ liệu tham chiếu bỏ bụi.

Nhấn hết cỡ nút nhỏ cửa trập để lấy dữ liệu tham chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt. Màn hình sẽ tắt khi nút nhỏ cửa trập được nhấn. Lưu ý rằng khi đối tượng được chiếu sáng yếu, giảm nhiễu sẽ được thực hiện, làm tăng thời lượng ghi.

Nếu đối tượng tham chiếu quá sáng hoặc quá tối, máy ảnh không lấy được dữ liệu tham chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt và thông báo sẽ hiển thị ở bên phải. Chọn một đối tượng tham chiếu khác và lặp lại quá trình từ Bước 1.



✓ Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi trước khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp sau khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành. Chỉ chọn **Làm sạch cảm biến rồi khởi động** nếu dữ liệu tham chiếu bỏ bụi không được dùng cho các ảnh hiện tại.

🔍 Dữ Liệu Tham Chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt

Ảnh chụp bởi các thấu kính khác nhau hay độ mở ống kính khác nhau có thể dùng chung dữ liệu tham chiếu. Không thể xem hình ảnh tham chiếu bằng phần mềm hình ảnh trên máy tính. Mẫu lưới sẽ hiển thị khi hình ảnh tham chiếu được xem trên máy ảnh.



Giảm nhấp nháy

Nút MENU → Ȳ menu cài đặt

Giảm nhấp nháy và dải khi chụp dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc thủy ngân trong khi xem trực tiếp hoặc quay phim. Chọn **Tự động** để cho phép máy ảnh tự động chọn tần số chính xác hoặc làm cho tần số phù hợp với tần số của nguồn điện AC cục bộ bằng tay.

🔍 Giảm nhấp nháy

Nếu **Tự động** không mang đến kết quả mong muốn và nếu bạn không chắc chắn về tần số của nguồn điện cục bộ, hãy thử cả hai tùy chọn 50 và 60 Hz và chọn một tùy chọn mang lại kết quả tốt nhất. Giảm nhấp nháy có thể không mang lại kết quả như mong muốn nếu đối tượng quá sáng, trong trường hợp này nên chọn chế độ **A** hay **M** và chọn độ mở ống kính bé hơn (số f cao hơn) trước khi xem trực tiếp.

Múi giờ và ngày

Nút MENU →  menu cài đặt

Thay đổi múi giờ, đặt đồng hồ máy ảnh, chọn thứ tự hiển thị ngày, và bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày (🔋 28).

Tùy chọn	Mô tả
Múi giờ	Chọn múi giờ. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động thiết lập thời gian theo múi giờ mới.
Ngày và giờ	Cài đặt đồng hồ máy ảnh. Nếu không cài đặt đồng hồ máy ảnh, biểu tượng  nhấp nháy sẽ xuất hiện trên bảng hiển thị thông tin.
Định dạng ngày	Chọn thứ tự hiển thị ngày, tháng, năm.
Thời gian t.kiệm á.sáng ban ngày	Bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động chỉnh sớm hơn hoặc chậm lại một giờ. Cài đặt mặc định là Tắt .

Ngôn ngữ (Language)

Nút MENU →  menu cài đặt

Chọn ngôn ngữ cho menu máy ảnh và các thông báo.

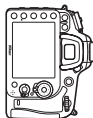
Xoay hình ảnh tự động

Nút MENU →  menu cài đặt

Những bức ảnh chụp khi chọn **Bật** chứa thông tin về hướng máy ảnh, cho phép xoay tự động trong khi phát lại (🔋 185) hoặc khi xem trong ViewNX 2 (cung cấp) hay trong Capture NX 2 (có bán riêng; 📖 309). Các hướng sau được ghi:



Hướng phong cảnh (rộng)



Máy ảnh xoay 90° theo chiều kim đồng hồ



Máy ảnh xoay 90° ngược chiều kim đồng hồ

Hướng máy ảnh không được lưu khi chọn **Tắt**. Chọn mục này khi quét hay chụp ảnh với thấu kính hướng lên hay xuống.

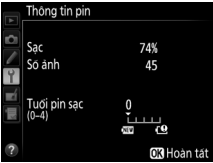
Xoay dọc

Để tự động xoay “dọc” (hướng chân dung) ảnh để hiển thị khi phát lại, chọn **Bật** ở tùy chọn **Xoay dọc** trong menu phát lại (🔋 222).

Thông tin pin

Nút MENU →  menu cài đặt

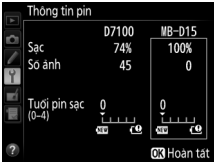
Xem thông tin về pin hiện thời lắp vào máy ảnh.



Mục	Mô tả
Sạc	Mức pin hiện tại theo tỷ lệ phần trăm.
Số ảnh	Số lần nhả cửa trập khi dùng pin hiện thời kể từ lần sạc cuối. Lưu ý rằng đôi khi máy ảnh nhả cửa trập mà không ghi lại bức ảnh, ví dụ khi đo cân bằng trắng cài đặt trước.
Tuổi pin sạc	Năm mức độ hiển thị tuổi pin. 0 (NEW) cho biết hiệu suất pin không bị hư hỏng, 4 (LO) cho biết pin đã hết tuổi thọ sạc và nên thay. Lưu ý nếu pin sạc ở nhiệt độ dưới khoảng 5 °C có thể biểu hiện sự suy giảm tạm thời trong tuổi thọ sạc; tuy nhiên tuổi thọ pin sẽ trở về bình thường khi pin sạc trở lại ở nhiệt độ khoảng 20 °C hoặc cao hơn.

Gói Pin MB-D15

Gói pin sạc MB-D15 hiển thị ở bên phải. Nếu sử dụng pin AA, mức pin sẽ được biểu thị bởi biểu tượng mức pin; các mục khác sẽ không hiển thị.

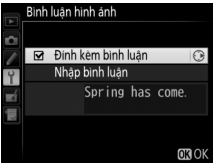


Bình luận hình ảnh

Nút MENU →  menu cài đặt

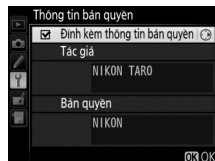
Thêm chú thích cho ảnh vừa chụp. Chú thích có thể được xem như siêu dữ liệu trong ViewNX 2 (cung cấp) hoặc Capture NX 2 (bán riêng;  309). Chú thích cũng xem được trên trang dữ liệu chụp trong phần hiển thị thông tin ảnh ( 190). Gồm các tùy chọn sau:

- **Nhập bình luận:** Nhập chú thích như mô tả ở trang 111. Phần chú thích có độ dài lên đến 36 ký tự.
- **Đính kèm bình luận:** Chọn mục này để đính kèm chú thích cho tất cả các ảnh tiếp theo. **Đính kèm bình luận** có thể được bật hay tắt bằng cách làm nổi bật và nhấn ►. Sau khi chọn thiết lập mong muốn, nhấn  để thoát.



Thêm thông tin bản quyền cho ảnh vừa chụp. Thông tin bản quyền được hiển thị ở trang dữ liệu chụp trong hiển thị thông tin ảnh (□ 190) và có thể xem ở dạng siêu dữ liệu trong ViewNX 2 (cung cấp) hoặc trong Capture NX 2 (bán riêng; □ 309). Gồm các tùy chọn sau:

- **Tác giả:** Nhập tên nhiếp ảnh gia như mô tả ở trang 111. Độ dài tên nhiếp ảnh gia có thể lên đến 36 ký tự.
- **Bản quyền:** Nhập tên người nắm giữ bản quyền như mô tả ở trang 111. Độ dài tên người giữ bản quyền có thể lên đến 54 ký tự.
- **Đính kèm thông tin bản quyền:** Chọn tùy chọn này để đính kèm thông tin bản quyền cho tất cả ảnh tiếp theo. Có thể bật hoặc tắt **Đính kèm thông tin bản quyền** bằng cách làm nổi bật và nhấn ►. Sau khi chọn thiết lập mong muốn, nhấn OK để thoát.



☑ Thông tin bản quyền

Để tránh giả mạo tên tác giả hay người giữ bản quyền, phải đảm bảo là không chọn **Đính kèm thông tin bản quyền** và trường **Tác giả** và **Bản quyền** được để trống trước khi đưa hoặc chuyển máy ảnh cho người khác. Nikon không chịu trách nhiệm pháp lý cho bất kỳ thiệt hại hay tranh chấp nào từ việc sử dụng tùy chọn **Thông tin bản quyền**.

Lưu/tải cài đặt

Nút MENU → Ȳ menu cài đặt

Chọn **Lưu cài đặt** để lưu cài đặt vào thẻ nhớ ở Khe 1 (□ 69; nếu thẻ nhớ đầy, báo lỗi sẽ xuất hiện). Sử dụng tùy chọn này để chia sẻ cài đặt trong các máy ảnh D7100.

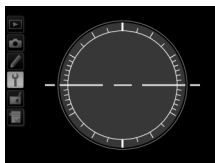
Menu	Tùy chọn	Menu	Tùy chọn
Phát Lại	Tùy chọn hiển thị phát lại	Cài đặt tùy chọn	Tất cả Cài Đặt Tùy Chọn ngoại trừ Đặt lại cài đặt tùy chọn
	Xem lại hình ảnh		Làm sạch cảm biến hình ảnh
	Sau khi xóa		Giảm nhấp nháy
	Xoay dọc		Múi giờ và ngày (trừ ngày và thời gian)
Chụp	Đặt tên tệp	Cài đặt	Ngôn ngữ (Language)
	Vai trò của thẻ trong Khe 2		Xoay hình ảnh tự động
	Chất lượng hình ảnh		Bình luận hình ảnh
	Kích cỡ hình ảnh		Thông tin bản quyền
	Vùng hình ảnh		Dữ liệu thấu kính không CPU
	JPEG nén		HDMI
	Ghi NEF (RAW)		GPS
	Cân bằng trắng (với dò tinh chỉnh và cài đặt trước d-1-d-6)		Đầu nối di động không dây
	Đặt Picture Control		Tải lên Eye-Fi
	Không gian màu	Menu Của Tôi/Cài Đặt Gần Đây	Tất cả mục Menu Của Tôi
	D-Lighting hoạt động		Tất cả cài đặt gần đây
	Điều khiển biến dạng tự động		Chọn tab
	Giảm nhiễu phơi sáng lâu		
	Giảm nhiễu ISO cao		
	Cài đặt độ nhạy ISO		
	Cài đặt phim		

Lưu trữ cài đặt sử dụng mẫu máy ảnh này có thể được khôi phục bằng cách chọn **Tải cài đặt**. Lưu ý rằng **Lưu/tải cài đặt** chỉ thực hiện được khi thẻ nhớ được gắn vào máy ảnh, và tùy chọn **Tải cài đặt** chỉ có sẵn nếu thẻ chứa cài đặt được lưu.

Cài Đặt Đã Lưu

Cài đặt được lưu trong một tập tin có tên NCSETUPB. Máy ảnh sẽ không thể tải cài đặt nếu tên tập tin bị thay đổi.

Hiển thị một đường chân trời ảo dựa trên thông tin từ cảm biến độ nghiêng máy ảnh. Nếu máy ảnh bị nghiêng trái hay phải, vạch tham chiếu cuộn sẽ chuyển sang màu xanh. Mỗi vạch chia tương đương với 5°.



Máy ảnh cân bằng



Máy ảnh nghiêng sang
trái hoặc phải

✓ Nghiêng Máy Ảnh

Hiển thị đường chân trời ảo sẽ không chính xác khi máy ảnh nghiêng mạnh về phía trước hoặc sau. Nếu máy ảnh không đo được độ nghiêng, mức nghiêng sẽ không hiển thị.

✎ Xem Thêm

Để biết thêm chi tiết về đường chân trời ảo trong kính ngắm, xem Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Chỉ định nút Fn**; 253, 254). Để xem trực tiếp thông tin hiển thị đường chân trời ảo, xem trang 159 và 166.

Tinh chỉnh AF

Nút MENU → menu cài đặt

Dò tinh chỉnh lấy nét cho tới 12 loại thấu kính. Trong hầu hết các trường hợp, không nên dò tinh chỉnh lấy nét tự động, có thể cản trở lấy nét bình thường; chỉ dùng khi cần.

Tùy chọn	Mô tả
Tinh chỉnh AF (Bật/Tắt)	• Bật: Bật điều chỉnh lấy nét tự động. • Tắt: Tắt điều chỉnh lấy nét tự động.
Giá trị được lưu	Điều chỉnh lấy nét tự động (AF) cho các thấu kính hiện thời (chỉ thấu kính CPU). Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn giá trị giữa +20 và -20. Có thể lưu được các giá trị của 12 loại thấu kính. Chỉ một giá trị có thể lưu cho mỗi loại thấu kính. Di chuyển tiêu điểm ra xa máy ảnh. Giá trị hiện tại Di chuyển tiêu điểm cực đến trước Giá trị hiện tại trước
Mặc định	Chọn giá trị điều chỉnh AF khi không tồn tại giá trị đã lưu trước đó cho các thấu kính (chỉ thấu kính CPU).
Liệt kê giá trị được lưu	Danh sách giá trị tinh chỉnh AF đã lưu trước đó. Để xóa một thấu kính trong danh sách, làm nổi bật thấu kính mong muốn và nhấn (XÓA). Để thay đổi bộ nhận diện thấu kính (ví dụ: để chọn bộ nhận diện có hai số cuối giống số sê-ri của thấu kính để phân biệt nó với các thấu kính khác cùng loại, trong trường hợp Giá trị được lưu chỉ có thể sử dụng cho một thấu kính mỗi loại), làm nổi bật thấu kính cần chọn và nhấn ►. Menu ở bên phải sẽ xuất hiện; nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn bộ nhận diện và nhấn để lưu thay đổi và thoát.

Điều Chỉnh Lấy Nét Tự Động

Máy ảnh không thể lấy nét ở điểm cực gần hoặc ở vô tận khi áp dụng điều chỉnh tự động lấy nét.

Xem Trực Tiếp

Điều chỉnh không thực hiện được cho lấy nét tự động khi xem trực tiếp (153).

Giá trị được lưu

Chỉ một giá trị có thể lưu cho mỗi loại thấu kính. Nếu dùng một bộ chuyển từ xa, các giá trị tách biệt có thể được lưu cho mỗi kết hợp của thấu kính và bộ chuyển từ xa.

Chọn cho phép hoặc không cho phép máy ảnh thiết lập các kết nối không dây với các thiết bị thông minh khi tùy chọn đầu nối di động không dây WU-1a (□ 310) được gắn vào đầu nối USB.

Tùy chọn	Mô tả
Bật	Kích hoạt kết nối không dây với các thiết bị thông minh chạy Wireless Mobile Utility.
Tắt	Vô hiệu hóa các kết nối không dây với các thiết bị thông minh. Chọn tùy chọn này trong địa điểm cấm việc sử dụng các thiết bị không dây. Việc chọn tùy chọn này cũng làm giảm tiêu hao pin máy ảnh.

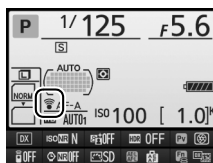


Tùy chọn này chỉ được hiển thị khi một thẻ nhớ Eye-Fi (có riêng từ các nhà cung cấp thứ ba) được gắn vào máy ảnh. Chọn **Bật** để tải lên ảnh vào nơi đến chọn trước (nếu hai thẻ Eye-Fi được lắp, bạn có thể chọn thẻ để tải lên). Lưu ý rằng ảnh sẽ không được tải lên nếu cường độ tín hiệu không đủ.

Kiểm tra tất cả các thiết bị mạng LAN không dây và chọn **Tắt** nơi mà các thiết bị không dây bị cấm.

Khi gắn một thẻ Eye-Fi vào, tình trạng của nó được chỉ định bởi một biểu tượng trên màn hình hiển thị thông tin:

- : Vô hiệu tải lên Eye-Fi.
- : Cho phép tải lên Eye-Fi nhưng hình ảnh không có sẵn để tải.
- (tĩnh): Cho phép tải lên Eye-Fi, chờ đợi để bắt đầu tải.
- (động): Cho phép tải lên Eye-Fi, đang tải dữ liệu.
- : Lỗi — máy ảnh không thể kiểm soát thẻ Eye-Fi. Nếu nhấp nháy xuất hiện trên bảng điều khiển hoặc kính ngắm, tham khảo trang 334; nếu chỉ báo này không xuất hiện, có thể chụp ảnh bình thường nhưng không thể thay đổi cài đặt Eye-Fi.



✓ Thẻ Eye-Fi

Thẻ Eye-Fi có thể phát ra tín hiệu mạng không dây khi chọn **Tắt**. Nếu màn hình xuất hiện cảnh báo (334), tắt máy ảnh và tháo thẻ ra.

Xem tài liệu hướng dẫn kèm theo thẻ Eye-Fi, và nếu có bất kỳ thắc mắc nào vui lòng liên hệ trực tiếp nhà sản xuất. Có thể dùng máy ảnh để bật tắt thẻ Eye-Fi, nhưng có thể không hỗ trợ các chức năng Eye-Fi khác.

Một số thẻ có thể không sẵn có tại một số quốc gia hay khu vực; tham khảo ý kiến nhà sản xuất để biết thêm thông tin. Thẻ Eye-Fi được sử dụng chỉ tại quốc gia mua. Hãy đảm bảo là vi chương trình thẻ Eye-Fi được cập nhật phiên bản mới nhất.

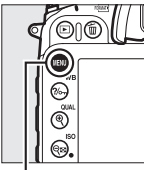
✍ Sử Dụng Thẻ Eye-Fi ở Chế Độ Ngang Hàng

Có thể cần thêm thời gian khi sử dụng thẻ Eye-Fi để hỗ trợ chế độ ngang hàng. Đặt Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**, 237) tới 30 giây hoặc lâu hơn.

Xem phiên bản vi chương trình máy ảnh hiện hành.

Menu Sửa Lại: Tạo Bản Sao Sửa Lại

Để hiển thị menu sửa lại, nhấn **MENU** và chọn thẻ  (menu sửa lại).



Nút MENU



Các tùy chọn trong menu sửa lại dùng để tạo các bản sao đã được xén hoặc chỉnh sửa của ảnh hiện tại. Menu sửa lại chỉ hiển thị khi thẻ nhớ chứa các bức ảnh được đưa vào máy ảnh (lưu ý rằng nếu thẻ nhớ đang lưu trữ cả các bản sao RAW/NEF và JPEG của cùng các bức ảnh như được mô tả trong trang 66, sửa lại ngoài **Lớp phủ hình ảnh** và **Xử lý NEF (RAW)** chỉ áp dụng cho các bản sao JPEG).

Tùy chọn	
 D-Lighting	276
 Điều chỉnh mắt đỏ	276
 Xén	277
 Đơn sắc	277
 Hiệu ứng bộ lọc	278
 Cân bằng màu	279
 Lớp phủ hình ảnh¹	280
 Xử lý NEF (RAW)	282
 Định cỡ lại	283
 Sửa lại nhanh	284

Tùy chọn	
 Làm thẳng	285
 Điều khiển biến dạng	285
 Mắt cá	285
 Đường nét màu	286
 Phác thảo màu	286
 Điều khiển phối cảnh	286
 Hiệu ứng thu nhỏ	287
 Màu tuyến chọn	288
 Sửa lại phim	173
 Đặt cạnh nhau để so sánh²	290

- Chỉ có thể chọn bằng cách nhấn **MENU** và chọn tab .
- Chỉ dùng được nếu nhấn  trong phát lại khuôn hình đầy khi hình đã chỉnh sửa hoặc hình gốc hiển thị.

Chỉnh Sửa Bản Sao

Hầu hết các tùy chọn có thể được áp dụng cho các bản sao tạo ra nhờ sử dụng các tùy chọn sửa lại khác, mặc dù ngoại trừ **Lớp phủ hình ảnh** và **Sửa lại phim** > **Chọn điểm bắt đầu/kết thúc**, mỗi tùy chọn chỉ có thể áp dụng cho một lựa chọn (lưu ý rằng chỉnh sửa nhiều có thể gây ra mất các chi tiết). Các tùy chọn không thể áp dụng cho vùng hình ảnh hiện tại sẽ bị mờ và không dùng được.

Chất Lượng Hình Ảnh

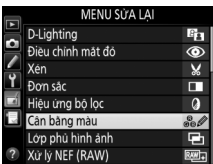
Ngoại trừ trường hợp bản sao được tạo bởi **Xén**, **Lớp phủ hình ảnh**, **Xử lý NEF (RAW)**, và **Định cỡ lại**, bản sao tạo ra từ ảnh JPEG có cùng cỡ và chất lượng với bản gốc, trong khi bản sao tạo ra từ ảnh NEF (RAW) được lưu như ảnh JPEG lớn-chất lượng tốt. Nên ưu tiên kích thước được dùng khi bản sao được lưu ở định dạng JPEG.

Tạo Bản Sao Sửa Lại

Để tạo một bản sao chỉnh sửa:

1 Chọn một mục trong menu sửa lại.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một mục và nhấn ► để chọn.



2 Chọn ảnh.

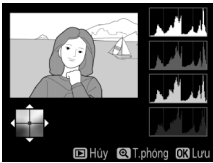
Làm nổi bật hình ảnh và nhấn OK (để xem hình ảnh nổi bật toàn màn hình, nhấn và giữ nút Q (QUAL); để xem hình ảnh ở các vị trí khác như đã đề cập ở trang 186, giữ BKT và nhấn ▲).



 **Sửa lại**
Máy ảnh không thể hiển thị hay sửa lại ảnh tạo bởi thiết bị khác.

3 Chọn tùy chọn chỉnh sửa lại.

Để biết thêm thông tin, xem phần dành cho mục được chọn. Để thoát mà không cần tạo bản sao chỉnh sửa, nhấn MENU.



 **Độ trễ tắt màn hình**
Màn hình sẽ tắt và hoạt động sẽ bị hủy bỏ nếu không thực hiện hành động nào trong một thời gian ngắn. Bất kỳ thay đổi nào chưa được lưu sẽ bị mất. Để tăng thời gian màn hình hoạt động, chọn menu thời gian hiển thị màn hình lâu hơn với Tùy Chọn Cài Đặt c4 (**Độ trễ tắt màn hình**; 238).

4 Tạo một bản sao chỉnh sửa.

Nhấn OK để tạo bản sao chỉnh sửa. Bản sao chỉnh sửa được chỉ định bởi biểu tượng .



Tạo Bản Sao Chỉnh Sửa Khi Phát Lại

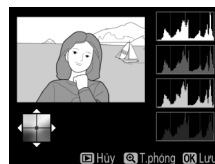
Các bản sao chỉnh sửa cũng có thể được tạo ra trong quá trình phát lại.



*Hiển thị ảnh khuôn hình đầy
và nhấn **i**.*



*Làm nổi bật một tùy chọn và
nhấn **OK**.*



Tạo bản sao sửa lại.

D-Lighting

Nút MENU → menu sửa lại

D-Lighting chiếu sáng bóng đổ, lý tưởng cho ảnh tối hoặc ngược sáng.

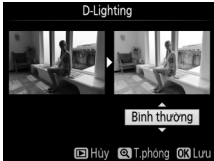


Trước



Sau

Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn phần chỉnh sửa được hiển thị. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn OK để sao chép ảnh.



Điều chỉnh mắt đỏ

Nút MENU → menu sửa lại

Tuỳ chọn này để sửa “mắt-đỏ” do đèn nháy gây ra, và chỉ dùng được cho ảnh chụp sử dụng đèn nháy. Bức ảnh được chọn để khắc phục mắt-đỏ có thể được xem trước trên màn hình hiển thị sửa lại. Xác nhận hiệu ứng của điều chỉnh mắt-đỏ và tạo bản sao như mô tả ở bảng bên dưới. Lưu ý rằng điều chỉnh mắt-đỏ không phải lúc nào cũng cho kết quả như mong muốn và trong một số trường hợp hiếm hoi có thể được áp dụng cho một số phần của ảnh không bị ảnh hưởng bởi mắt-đỏ; kiểm tra phần xem trước thật kỹ trước khi tiếp tục.

Để	Sử dụng	Mô tả
Phóng to	(QUAL)	Nhấn nút (QUAL) để phóng to, (ISO) để thu nhỏ. Khi phóng to ảnh, sử dụng đa bộ chọn để xem các vùng ảnh không nhìn thấy trong màn hình. Giữ nhấn đa bộ chọn để cuộn đều đến vùng khác của khuôn hình. Cửa sổ định hướng hiển thị khi nhấn nút thu phóng hoặc đa bộ chọn; vùng nhìn thấy hiện tại trên màn hình được chỉ định trong khung màu vàng. Nhấn OK để huỷ thu phóng.
Thu nhỏ	(ISO)	
Xem các vùng khác của ảnh		
Hủy thu phóng		
Tạo bản sao		Nếu máy ảnh phát hiện ảnh được chọn bị mắt-đỏ, một bản sao sẽ được tạo ra để tiến hành giảm hiệu ứng này. Bản sao sẽ không được tạo ra nếu máy ảnh không thể phát hiện màu mắt-đỏ.



Xén

Nút MENU → menu sửa lại

Tạo bản sao đã xén của ảnh được chọn. Ảnh được chọn sẽ hiển thị với phần xén biểu hiện dưới màu vàng; tạo một bản sao đã xén như mô tả ở bảng bên dưới.



Để	Sử dụng	Mô tả
Giảm kích cỡ của phần cắt	(ISO)	Nhấn nút (ISO) để giảm kích cỡ phần xén.
Tăng kích cỡ của phần xén	(QUAL)	Nhấn nút (QUAL) để tăng kích cỡ phần xén.
Thay đổi tỉ lệ cạnh xén		Xoay đĩa lệnh chính sang điểm giữa tỉ lệ 3 : 2, 4 : 3, 5 : 4, 1 : 1, và 16 : 9.
Định vị xén		Sử dụng đa bộ chọn vị trí phần xén. Bấm và giữ để di chuyển nhanh phần xén đến vị trí mong muốn.
Tạo bản sao		Lưu xén hiện tại thành tệp riêng biệt.

Xén: Chất Lượng Hình Ảnh và Cỡ Hình Ảnh

Bản sao được tạo ra từ ảnh NEF (RAW) hoặc (RAW) + JPEG có chất lượng hình ảnh (66) của JPEG nét; bản sao được cắt tạo ra từ ảnh JPEG có chất lượng hình ảnh giống như ảnh gốc. Kích cỡ bản sao khác với kích cỡ xén và tỉ lệ khuôn hình và xuất hiện ở phía trên trái phần hiển thị xén.



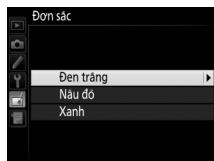
Xem Bản Sao Đã Cắt

Thu phóng phát lại có thể không dùng được khi hiển thị bản sao đã cắt.

Đơn sắc

Nút MENU → menu sửa lại

Bản sao ảnh có màu **Đen trắng**, **Nâu đỏ**, hoặc **Xanh** (xanh da trời và trắng đơn sắc).



Việc chọn **Nâu đỏ** hay **Xanh** sẽ hiển thị xem trước của ảnh được chọn; nhấn **▲** để tăng độ bão hòa màu, **▼** để giảm. Nhấn **OK** để tạo ra một bản sao đơn sắc.

Tăng độ bão hòa



Giảm độ bão hòa



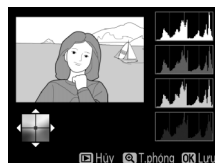
Hiệu ứng bộ lọc

Nút MENU → menu sửa lại

Chọn từ các hiệu ứng bộ lọc sau. Sau khi điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc như mô tả bên dưới, nhấn **OK** để sao chép ảnh.

Tùy chọn	Mô tả	
Ánh sáng trời	Tạo hiệu ứng lọc ánh sáng trời, giảm bớt màu xanh cho ảnh. Hiệu ứng có thể được xem trước trên màn hình như bên phải.	
Bộ lọc ấm	Tạo một bản sao hiệu ứng bộ lọc tông màu ấm, tạo cho bản sao màu đỏ "ấm". Hiệu ứng có thể xem trước trên màn hình.	
Tăng cường màu đỏ	Tăng cường màu đỏ (Tăng cường màu đỏ), màu xanh (Tăng cường màu xanh lục), hay màu xanh trời (Tăng cường màu xanh dương). Nhấn ▲ để tăng hiệu ứng, ▼ để giảm.	
Tăng cường màu xanh lục		
Tăng cường màu xanh dương		
Chéo màn hình	Thêm các hiệu ứng ngôi sao cho nguồn sáng. Số điểm: Chọn từ bốn, sáu, hoặc tám. Số lượng bộ lọc: Chọn độ sáng của nguồn ánh sáng bị ảnh hưởng. Góc bộ lọc: Chọn góc của điểm. Độ dài các điểm: Chọn độ dài điểm. Xác nhận: Xem trước hiệu ứng của bộ lọc như thể hiện ở bên phải. Nhấn Q (QUAL) để xem trước bản sao khuôn hình đầy. Lưu: Tạo một bản sao chỉnh sửa.	
Mềm	Thêm hiệu ứng bộ lọc mềm. Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn cường độ bộ lọc.	

Sử dụng đa bộ chọn để tạo ra một bản sao có cân bằng màu được điều chỉnh như minh họa bên dưới. Hiệu ứng này được hiển thị trên màn hình cùng với biểu đồ màu đỏ, xanh lá cây và màu xanh trời (189) tạo nên sự phân bố tổng màu trên bản sao.

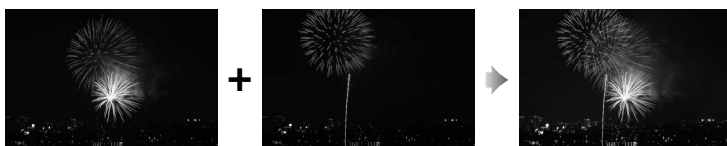


Thu phóng

Để phóng to hình ảnh hiển thị trên màn hình, nhấn (**QUAL**). Biểu đồ sẽ cập nhật để hiển thị dữ liệu chỉ cho phần ảnh hiển thị trên màn hình. Trong khi phóng to hình ảnh, nhấn (**WB**) để hoán đổi lui tới giữa cân bằng màu và thu phóng. Khi chọn thu phóng, có thể phóng to, thu nhỏ với nút (**QUAL**) và (**ISO**) và cuộn hình với đa bộ chọn.

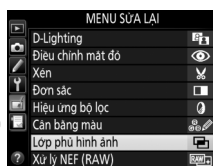


Lớp phủ hình ảnh kết hợp hai ảnh NEF (RAW) tồn tại để tạo thành một ảnh được lưu riêng biệt với bản gốc; kết quả sử dụng dữ liệu RAW từ cảm biến hình ảnh tốt hơn đáng kể so với lớp phủ tạo ra từ một ứng dụng tạo ảnh. Ảnh mới được lưu ở cài đặt chất lượng và cỡ ảnh hiện thời; trước khi tạo lớp phủ hãy cài đặt chất lượng và cỡ ảnh (66, 68; tất cả tùy chọn đều dùng được). Để tạo một bản sao NEF (RAW), chọn chất lượng hình ảnh **NEF (RAW)**.



1 Chọn Lớp phủ hình ảnh.

Làm nổi bật **Lớp phủ hình ảnh** trong menu sửa lại và nhấn .

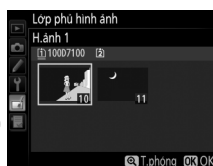


Hộp thoại như bên phải sẽ xuất hiện, với **H.ảnh 1** được làm nổi bật; nhấn để hiển thị danh sách ảnh NEF tạo ra bởi máy ảnh này.



2 Chọn hình ảnh đầu tiên.

Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật bức ảnh đầu tiên trong lớp phủ. Để xem hình ảnh được chọn trong khuôn hình đầy, nhấn và giữ nút (**QUAL**) (để xem hình ảnh ở vị trí khác như mô tả ở trang 186, giữ **BKT** và nhấn). Nhấn để chọn ảnh được làm nổi bật và trở về hiển thị xem trước.



3 Chọn hình ảnh thứ hai.

Hình được chọn sẽ xuất hiện là **H.ảnh 1**. Làm nổi bật **H.ảnh 2** và nhấn , sau đó chọn ảnh thứ hai như mô tả ở Bước 2.

4 Điều chỉnh tăng.

Làm nổi bật **H.ảnh 1** hay **H.ảnh 2** và tối ưu phơi sáng cho lớp phủ bằng cách nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn tăng từ giá trị 0,1 và 2,0. Lặp lại cho hình ảnh thứ hai. Giá trị mặc định là 1,0; chọn 0,5 đến chia đôi hoặc 2,0 để tăng gấp đôi. Xem được các hiệu ứng trong cột **Xem trc**.



5 Xem trước lớp phủ.

Nhấn ◀ hoặc ▶ để đặt con nhảy trong cột **Xem trc** và nhấn ▲ hoặc ▼ để đánh dấu làm nổi bật **Lớp phủ**. Nhấn OK để xem trước lớp phủ như bên phải (để lưu lớp phủ mà không cần hiển thị xem trước, chọn **Lưu**). Để trở về Bước 4 và chọn ảnh mới để tăng điều chỉnh, nhấn **ISO**.



6 Lưu lớp phủ.

Nhấn **OK** trong khi xem trước được hiển thị để lưu lớp phủ. Sau khi lớp phủ được tạo ra, ảnh kết quả sẽ được hiển thị khuôn hình đầy trên màn hình.



✓ Lớp Phủ Hình Ảnh

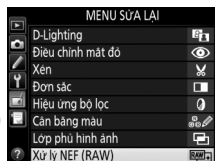
Chỉ có các bức ảnh NEF (RAW) có cùng vùng hình ảnh và độ sâu bit mới có thể kết hợp được.

Lớp phủ có cùng thông tin ảnh (bao gồm ngày ghi, đo sáng, tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, chế độ chụp, bù phơi sáng, tiêu cự và hướng ảnh) cũng như các giá trị cho cân bằng trắng và Picture Control như ảnh được chọn cho **H.ảnh 1**. Các chú thích hình ảnh hiện tại gắn với lớp phủ khi nó được lưu; tất nhiên không sao chép được thông tin bản quyền. Các lớp phủ lưu ở định dạng NEF (RAW) sử dụng nén được chọn cho **Loại** trong menu **Ghi NEF (RAW)** và có cùng độ sâu bit với bản gốc; lớp phủ JPEG được lưu sử dụng nén ưu tiên kích cỡ.

Tạo các bản sao JPEG của ảnh NEF (RAW).

1 Chọn Xử lý NEF (RAW).

Làm nổi bật **Xử lý NEF (RAW)** trong menu sửa lại và nhấn để hiển thị hội thoại chọn ảnh chỉ liệt kê những ảnh NEF (RAW) tạo ra từ máy ảnh này.



2 Chọn ảnh.

Làm nổi bật một bức ảnh (để xem ảnh được chọn trong khuôn hình đầy, nhấn và giữ nút (**QUAL**); để xem hình ảnh ở vị trí khác như mô tả ở trang 186, giữ **BKT** và nhấn). Nhấn để chọn bức ảnh được làm nổi bật và chuyển sang bước tiếp theo.



3 Chọn cài đặt cho bản sao JPEG.

Điều chỉnh các cài đặt được liệt kê bên dưới. Lưu ý rằng cân bằng trắng không dùng được với nhiều phơi sáng hay ảnh được tạo ra bằng chống lớp phủ hình ảnh và bù phơi sáng chỉ có thể cài đặt đến giá trị giữa -2 và 2 EV. Lưới Picture Control không được hiển thị khi các Picture Control được điều chỉnh.

Xử lý NEF (RAW)

Chất lượng hình ảnh

EXE

NORM

WB A1

0.0

SD

ISO NR N

? Hủy T.phóng OK OK

Chất lượng hình ảnh (66)

Kích cỡ hình ảnh (68)

Cân bằng trắng (89)

Bù phơi sáng (86)

Đặt Picture Control (105)

Giảm nhiễu ISO cao (228)

Xử lý NEF (RAW)

Không gian màu

sRGB

N

Hủy T.phóng OK OK

Không gian màu (227)

D-Lighting (276)

4 Sao chép ảnh.

Làm nổi bật **EXE** và nhấn **OK** để tạo bản sao JPEG của ảnh được chọn (để thoát mà không cần sao chép ảnh, nhấn nút **MENU**).



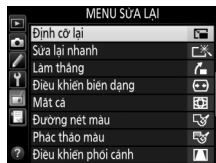
Định cỡ lại

Nút **MENU** → menu sửa lại

Tạo bản sao nhỏ của ảnh được chọn. Không thể thay đổi kích cỡ ảnh có tỷ lệ khuôn hình 16 : 9 (📄 163).

1 Chọn Định cỡ lại.

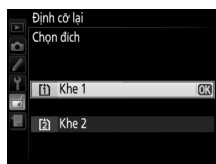
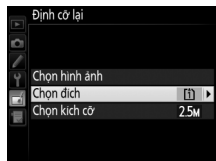
Để thay đổi cỡ ảnh được chọn, nhấn **MENU** để hiển thị menu và chọn **Định cỡ lại** trong menu sửa lại.



2 Chọn đích đến.

Nếu gắn hai thẻ nhớ vào, bạn có thể chọn đích đến cho bản sao được thay đổi kích cỡ bằng cách làm nổi bật **Chọn đích** và nhấn **▶** (nếu chỉ gắn một thẻ, tiếp tục sang Bước 3).

Menu như bên phải sẽ xuất hiện; làm nổi bật một khe cắm thẻ và nhấn **OK**.

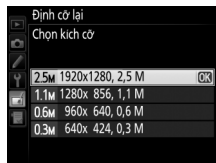


3 Chọn kích cỡ.

Làm nổi bật **Chọn kích cỡ** và nhấn **▶**.



Các tùy chọn được hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị; làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**.



4 Chọn ảnh.

Làm nổi bật **Chọn hình ảnh** và nhấn ►.



Hộp thoại như bên phải sẽ xuất hiện; làm nổi bật hình ảnh sử dụng đa bộ chọn và nhấn nút  (ISO) để chọn hoặc bỏ chọn (để xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút  (QUAL); để xem hình ảnh ở vị trí khác như mô tả ở trang 186, giữ BKT và nhấn ▲). Ảnh đã chọn được đánh dấu bởi biểu tượng . Nhấn  khi chọn xong.



5 Lưu bản sao đổi kích cỡ.

Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị. Làm nổi bật **Có** và nhấn  để lưu bản sao thay đổi kích cỡ.



Xem Bản Sao Đã Đổi Kích Cỡ

Thu phóng phát lại có thể không dùng được khi thay đổi kích cỡ bản sao đang hiển thị.

Chất Lượng Hình Ảnh

Bản sao tạo ra từ ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG có chất lượng hình ảnh  66) JPEG nét; bản sao tạo ra từ ảnh JPEG có chất lượng giống bản gốc.

Sửa lại nhanh

Nút MENU →  menu sửa lại

Tạo bản sao với độ bão hòa và độ tương phản tăng. D-Lighting được sử dụng để tăng độ sáng vật thể tối hoặc ngược sáng.

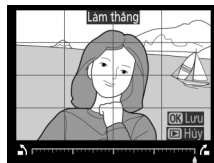
Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn mức tăng. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn  để sao chép ảnh.



Làm thẳng

Nút MENU →  menu sửa lại

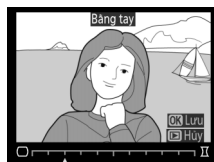
Tạo bản sao nắn thẳng của ảnh được chọn. Nhấn ► để xoay hình theo chiều kim đồng hồ lên đến năm độ với gia số khoảng 0,25 độ, nhấn ◀ để xoay ngược chiều kim đồng hồ (có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa; lưu ý là viền ảnh sẽ bị cắt để tạo khung bản sao). Nhấn ⊗ để sao chép ảnh, hoặc nhấn ► để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.



Điều khiển biến dạng

Nút MENU →  menu sửa lại

Tạo bản sao với sự biến dạng ngoại biên giảm. Chọn **Tự động** để máy ảnh tự động chỉnh sửa biến dạng và sau đó điều chỉnh sử dụng đa bộ chọn, hoặc chọn **Bằng tay** để giảm biến dạng bằng tay (lưu ý rằng **Tự động** không dùng được với ảnh chụp sử dụng điều khiển biến dạng tự động; xem trang 227). Nhấn ► để giảm hiện tượng cong đường biên hình, nhấn ◀ để giảm biến dạng đậm chốt (có thể xem trước hiệu ứng trên màn hình hiển thị sửa lại; lưu ý rằng số lượng điều khiển biến dạng lớn hơn dẫn đến việc nổi lên nhiều mép hơn). Nhấn ⊗ để sao chép ảnh, hoặc nhấn ► để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.



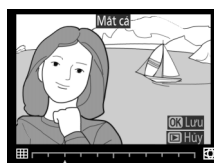
Tự động

Tự động chỉ dùng cho ảnh chụp bằng thấu kính loại G và D (không bao gồm PC, mắt cá, các loại thấu kính khác). Không đảm bảo kết quả cho các loại thấu kính khác.

Mắt cá

Nút MENU →  menu sửa lại

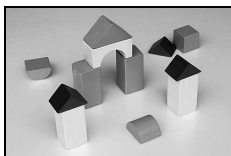
Tạo các bản sao đã được chụp bởi thấu kính mắt cá. Nhấn ► để tăng hiệu ứng (còn để tăng lượng viền ảnh bị xén), nhấn ◀ để giảm. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn ⊗ để sao chép ảnh, hoặc nhấn ► để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.



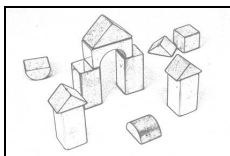
Đường nét màu

Nút MENU → menu sửa lại

Tạo một bản sao phác thảo của một bức ảnh để làm cơ sở cho việc sơn màu. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn **OK** để sao chép ảnh.



Trước



Sau



Phác thảo màu

Nút MENU → menu sửa lại

Tạo một bản sao của một bức ảnh tương tự như một bản thảo bằng bút chì màu. Nhấn **▲** hoặc **▼** để làm nổi bật **Sống động** hoặc **Đường nét** và nhấn **◀** hoặc **▶** để thay đổi. Có thể tăng độ sống động lên để màu bão hòa hơn, hoặc giảm để làm rõ một hiệu ứng đơn sắc, trong khi viền có thể làm dày hơn hoặc mỏng đi. Đường nét dày hơn làm cho màu sắc bão hòa hơn. Kết quả có thể được xem trước trên màn hình chỉnh sửa. Nhấn **OK** để sao chép ảnh, hoặc nhấn **▶** để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.



Điều khiển phối cảnh

Nút MENU → menu sửa lại

Tạo bản sao làm giảm hiệu ứng của phối cảnh tạo ra từ nền của một đối tượng cao. Sử dụng đa bộ chọn để điều chỉnh phối cảnh (lưu ý rằng điều khiển phối cảnh càng nhiều sẽ dẫn đến nhiều đường viền bị cắt ra). Kết quả có thể được xem trước trên màn hình chỉnh sửa. Nhấn **OK** để sao chép ảnh, hoặc nhấn **▶** để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.



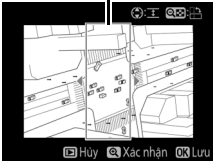
Trước



Sau



Tạo một bản sao thành một bức tranh tầm sâu. Chụp tốt nhất tại một điểm cao thuận lợi. Vùng sẽ được lấy nét trên bản sao được thể hiện bằng khuôn hình màu vàng.

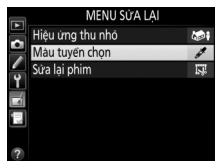
Để	Nhấn	Mô tả
Chọn hướng	 (ISO)	Nhấn  (ISO) để chọn hướng vùng được lấy nét.
Chọn vị trí		Nếu vùng ảnh hưởng theo chiều rộng, nhấn ▲ hoặc ▼ để định vị khuôn hình thể hiện khu vực lấy nét của bản sao. 
		Nếu vùng tác động có hướng dọc, nhấn ◀ hoặc ▶ để định vị khuôn hình thể hiện vùng lấy nét của bản sao. Vùng lấy nét 
Chọn kích cỡ		Nếu vùng tác động có hướng rộng, nhấn ◀ hoặc ▶ để chọn chiều cao.
		Nếu vùng tác động có hướng dọc, nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn chiều rộng.
Xem trước bản sao	 (QUAL)	Xem trước bản sao.
Hủy		Thoát khỏi phát lại khuôn hình đầy mà không tạo bản sao.
Tạo bản sao		Tạo bản sao.



Tạo bản sao trong đó chỉ xuất hiện màu sắc được chọn.

1 Chọn Màu tuyển chọn.

Làm nổi bật **Màu tuyển chọn** trong menu sửa lại và nhấn ► để hiển thị hội thoại lựa chọn ảnh.



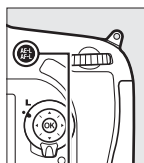
2 Chọn ảnh.

Làm nổi bật một bức ảnh (để xem ảnh được chọn trong khuôn hình đầy, nhấn và giữ nút **Q (QUAL)**; để xem hình ảnh ở vị trí khác như mô tả ở trang 186, giữ **BKT** và nhấn **▲**). Nhấn **OK** để chọn bức ảnh được làm nổi bật và chuyển sang bước tiếp theo.



3 Chọn một màu.

Sử dụng đa bộ chọn để định vị con trỏ trên đối tượng và nhấn **AE-L/AF-L** để chọn màu sắc của vật thể mà vẫn còn lại trong bản sao cuối cùng (máy ảnh có thể khó dò tìm màu sắc không bão hòa; chọn màu bão hòa). Để phóng to bức ảnh nhằm chọn màu chính xác, nhấn **Q (QUAL)**. Nhấn **Q ISO** để thu nhỏ.



Nút **AE-L/AF-L**

Màu được chọn



4 Làm nổi bật phạm vi màu.

Xoay đĩa lệnh chính để làm nổi bật phạm vi màu cho màu được chọn.



Phạm vi màu



5 Chọn phạm vi màu.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để tăng hoặc giảm phạm vi màu sắc tương tự sẽ xuất hiện trong bức ảnh cuối cùng. Chọn từ các giá trị từ 1 đến 7; lưu ý rằng giá trị cao hơn có thể bao gồm màu sắc từ các màu khác. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa.



6 Chọn thêm màu.

Để chọn màu bổ sung, xoay đĩa lệnh chính để làm nổi bật một hộp màu khác trong ba hộp ở trên cùng màn hình hiển thị và lặp lại các Bước 3-5 để chọn màu khác. Lặp lại cho màu thứ ba nếu muốn (Để chọn màu được làm nổi bật, nhấn /, hoặc nhấn và giữ / để loại bỏ tất cả màu. Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị; chọn **CÓ**).



7 Lưu bản sao đã chỉnh sửa.

Nhấn để sao chép ảnh.



Đặt cạnh nhau để so sánh

So sánh bản sao sửa lại với ảnh gốc. Tùy chọn này chỉ dùng được khi nhấn nút **i** để hiển thị menu sửa lại khi một bản sao hoặc bản gốc được phát lại khuôn hình đầy.

1 Chọn ảnh.

Trong phát lại khuôn hình đầy, chọn một bản sao sửa lại (hiển thị bởi biểu tượng ) hay một bức ảnh được sửa lại và nhấn **i**.



2 Chọn Đặt cạnh nhau để so sánh.

Làm nổi bật **Đặt cạnh nhau để so sánh** và nhấn **OK**.



3 So sánh bản sao với bản gốc.

Hình ảnh nguồn được hiển thị ở bên trái, bản sao chỉnh sửa ở bên phải, các tùy chọn dùng để tạo bản sao được liệt kê ở trên cùng của hiển thị. Nhấn **◀** hoặc **▶** để chuyển đổi giữa hình ảnh nguồn và bản sao sửa lại. Để xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút **Q (QUAL)**. Nếu bản sao được tạo từ hai ảnh nguồn dùng **Lớp phủ hình ảnh**, hoặc nếu nguồn được sao chép nhiều lần, nhấn **▲** hoặc **▼** để xem ảnh nguồn hoặc bản sao khác. Để thoát chế độ phát lại, nhấn nút **▶** hoặc nhấn **OK** để thoát phát lại với hình ảnh được làm nổi bật được chọn.



Sử dụng tùy chọn này để tạo bản sao



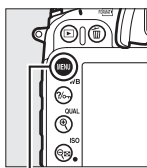
Hình ảnh nguồn Bản sao sửa lại

Đặt cạnh nhau để so sánh

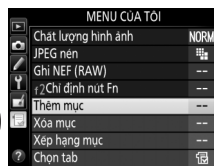
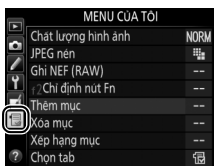
Hình ảnh nguồn sẽ không được hiển thị nếu bản sao đã được tạo ra từ ảnh đã được bảo vệ ( 196), ảnh đã bị xóa hoặc ẩn ( 218), hoặc là trên một thẻ trong một khe khác với khe được sử dụng khi hình ảnh được tạo.

Menu Của Tôi / Cài Đặt Gần Đây

Để hiển thị Menu Của Tôi, nhấn **MENU** và chọn tab  (Menu Của Tôi).



Nút MENU



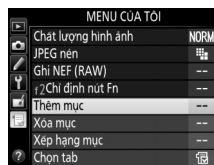
Tùy chọn **Menu Của Tôi** có thể được sử dụng để tạo và chỉnh sửa danh sách các tùy chọn đã sửa đổi về phát lại, chụp, Cài Đặt Tùy Chọn, các menu cài đặt và sửa lại để truy cập nhanh (lên tới 20 mục). Nếu muốn, cài đặt hiện thời có thể hiển thị tại vị trí Menu Của Tôi ( 294).

Tùy chọn có thể được thêm vào, xóa, và sắp xếp lại như mô tả dưới đây.

■ Thêm Tùy Chọn vào Menu Của Tôi

1 Chọn Thêm mục.

Trong Menu Của Tôi (), làm nổi bật **Thêm mục** và nhấn .



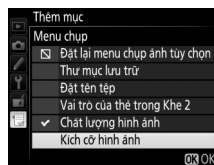
2 Chọn một menu.

Làm nổi bật tên của menu chứa các tùy chọn mà bạn muốn thêm và nhấn .



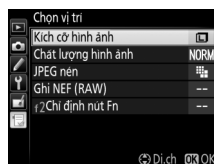
3 Chọn một mục.

Làm nổi bật mục menu mong muốn và nhấn .



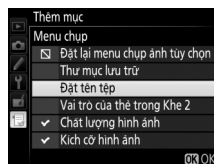
4 Định vị mục mới.

Nhấn  hoặc  để di chuyển mục mới lên xuống trong Menu Của Tôi. Nhấn  để thêm mục mới.



5 Thêm các mục.

Các mục hiện đang hiển thị trong Menu Của Tôi được chỉ định bởi một dấu chọn. Không thể lựa chọn các mục được chỉ định bởi biểu tượng . Lặp lại bước 1-4 để chọn các mục bổ sung.



■ Xóa Các Tùy Chọn khỏi Menu Của Tôi

1 Chọn Xóa mục.

Trong Menu Của Tôi () , làm nổi bật **Xóa mục** và nhấn ►.

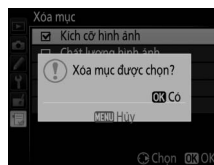
2 Chọn mục.

Làm nổi bật các mục và nhấn ► để chọn hoặc bỏ chọn. Mục đã chọn được chỉ định bởi một dấu kiểm tra.



3 Xóa các mục đã chọn.

Nhấn . Một hội thoại xác nhận sẽ xuất hiện; nhấn  lần nữa để xóa mục đã chọn.



Xóa Mục Trong Menu Của Tôi

Để xóa mục được làm nổi bật gần đây trong Menu Của Tôi, nhấn nút  (). Một hội thoại xác nhận xuất hiện; nhấn  () lại để di chuyển mục đã chọn trong Menu Của Tôi.

■ ■ Sắp Xếp Lại Tùy Chọn trong Menu Của Tôi

1 Chọn Xếp hạng mục.

Trong Menu Của Tôi (📁), làm nổi bật **Xếp hạng mục** và nhấn ►.

2 Chọn một mục.

Làm nổi bật mục muốn di chuyển và nhấn **OK**.



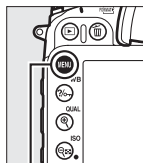
3 Định vị mục.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để di chuyển mục mới lên xuống trong Menu Của Tôi **OK**. Lặp lại Bước 2-3 để chọn các mục bổ sung.



4 Thoát sang Menu Của Tôi.

Nhấn nút **MENU** để trở về Menu Của Tôi.



Nút MENU

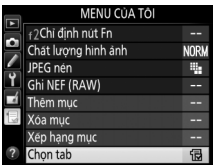


Cài Đặt Gần Đây

Để hiển thị hai mươi cài đặt sử dụng gần nhất, chọn  **Cài đặt gần đây** cho  **Menu Của Tôi** > **Chọn tab**.

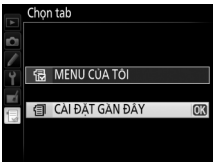
1 Chọn Chọn tab.

Trong Menu Của Tôi () , làm nổi bật **Chọn tab** và nhấn .



2 Chọn Cài đặt gần đây.

Làm nổi bật  **Cài đặt gần đây** và nhấn .
Tên của menu sẽ thay đổi từ “MENU CỦA TÔI” sang “CÀI ĐẶT GẦN ĐÂY.”



Các mục menu sẽ được thêm vào trên cùng của cài đặt gần đây khi chúng được sử dụng. Để xem lại Menu Của Tôi, chọn  **Menu Của Tôi** cho  **Cài đặt gần đây** > **Chọn tab**.

Gỡ Mục khỏi Menu Thiết Lập Gần Đây

Để gỡ một mục khỏi menu cài đặt gần đây, làm nổi bật nó và nhấn nút  (). Một hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện; nhấn  () lần nữa để xóa mục đã chọn.



Chú Ý Kỹ Thuật

Đọc chương này để có thêm thông tin về phụ kiện tương thích, vệ sinh và lưu giữ máy ảnh, và những điều cần thực hiện khi một thông báo lỗi được hiển thị hoặc bạn gặp vấn đề trong việc sử dụng máy ảnh.

Các Thấu Kính Tương Thích

Thiết lập máy ảnh		Chế độ lấy nét			Chế độ chụp		Hệ thống đo sáng		
		AF	M (với máy ngắm điện tử)	M	P S	A M	3D	Màu	●
Thấu kính/ phụ kiện	AF NIKKOR loại G hoặc D ²	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—	✓ ³
	AF-S, AF-I NIKKOR	—	—	—	—	—	—	—	—
	Dòng PC-E NIKKOR	—	✓ ⁵	✓	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	✓ ^{3,5}
	PC Micro 85mm f/2.8D ⁴	—	✓ ⁵	✓	—	✓ ⁶	✓	—	✓ ^{3,5}
	Bộ chuyển từ xa AF-S / AF-I ⁷	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—	✓ ³
	AF NIKKOR khác (ngoại trừ các loại thấu kính cho F3AF)	✓ ⁸	✓ ⁸	✓	✓	✓	—	✓	✓ ³
Thấu kính không CPU ¹⁰	AI-P NIKKOR	—	✓ ⁹	✓	✓	✓	—	✓	✓ ³
	NIKKOR hoặc Nikon thuộc Dòng E kiểu AI-, AI đã được sửa đổi ¹¹	—	✓ ⁹	✓	—	✓ ¹²	—	✓ ¹³	✓ ¹⁴
	Medical-NIKKOR 120mm f/4	—	✓	✓	—	✓ ¹⁵	—	—	—
	Reflex-NIKKOR	—	—	✓	—	✓ ¹²	—	—	✓ ¹⁴
	PC-NIKKOR	—	✓ ⁵	✓	—	✓ ¹⁶	—	—	✓ ¹⁴
	Bộ chuyển từ xa kiểu AI ¹⁷	—	✓ ¹⁸	✓	—	✓ ¹²	—	✓ ¹³	✓ ¹⁴
	PB-6 Phần Gắn Hộp Xếp Lấy Nét ¹⁹	—	✓ ¹⁸	✓	—	✓ ²⁰	—	—	✓
	Các vòng mở rộng tự động (Dòng PK 11A, 12 hoặc 13; PN-11)	—	✓ ¹⁸	✓	—	✓ ¹²	—	—	✓

1 Không thể sử dụng thấu kính IX-NIKKOR.

2 Chức năng Chống Rung (VR) được hỗ trợ với các thấu kính VR.

3 Chức năng đo sáng điểm sẽ đo điểm lấy nét đã chọn (83).

4 Các hệ thống đo phơi sáng và điều khiển đèn nháy của máy ảnh có thể không hoạt động đúng khi giữ và/hoặc nghiêng thấu kính, hoặc khi sử dụng độ mở ống kính không ở mức cực đại.

5 Không thể được sử dụng trong trạng thái dịch chuyển hoặc nghiêng.

6 Chỉ chế độ chụp bằng tay.

7 Chỉ sử dụng được với thấu kính AF-S và AF-I (297). Để biết thông tin về điểm lấy nét dùng cho lấy nét tự động và máy ngắm điện tử, xem trang 297.

8 Khi lấy nét ở khoảng cách lấy nét tối thiểu với AF 80–200mm f/2.8, AF 35–70mm f/2.8, AF 28–85mm f/3.5–4.5 <Mới>, hoặc thấu kính ở thu phóng cực đại AF 28–85mm f/3–4.5, chỉ báo đã được lấy nét () xuất hiện khi hình ảnh trong màn hình đực trên kính ngắm không được lấy nét. Điều chỉnh lấy nét bằng tay cho đến khi hình ảnh trên kính ngắm được lấy nét.

9 Với độ mở ống kính cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.

10 Một số thấu kính không dùng được (xem trang 298).

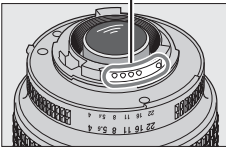


- 11 Phạm vi xoay của bộ phận gắn giá ba chân của AI 80–200mm f/2.8 ED được giới hạn bởi thân máy ảnh. Không thể thay đổi các bộ lọc khi AI 200–400mm f/4 ED được gắn trên máy ảnh.
 - 12 Nếu độ mở ống kính tối đa được xác định bằng cách sử dụng **Dữ liệu thấu kính không CPU** (□ 149), giá trị độ mở ống kính sẽ được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển.
 - 13 Chỉ có thể được dùng nếu tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính cực đại được xác định bằng cách sử dụng **Dữ liệu thấu kính không CPU** (□ 149). Sử dụng chức năng đo sáng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm nếu không đạt được kết quả mong muốn.
 - 14 Để cải thiện độ chính xác, xác định tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính cực đại bằng cách sử dụng **Dữ liệu thấu kính không CPU** (□ 149).
 - 15 Có thể được dùng trong chế độ bằng tay **M** với tốc độ cửa trập chậm hơn tốc độ đồng bộ đèn nháy một bước hoặc nhiều hơn.
 - 16 Độ phơi sáng được xác định bằng cách cài đặt trước độ mở thấu kính. Trong chế độ **A**, cài đặt trước độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính trước khi thực hiện khóa AE và dịch chuyển thấu kính. Trong chế độ **M**, cài đặt trước độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính và xác định độ phơi sáng trước khi dịch chuyển thấu kính.
 - 17 Cần chức năng bù phơi sáng khi sử dụng với AI 28–85mm f/3.5–4.5, AI 35–105mm f/3.5–4.5, AI 35–135mm f/3.5–4.5, hoặc AF-S 80–200mm f/2.8D. Xem tài liệu hướng dẫn bộ chuyển từ xa để biết thêm chi tiết.
 - 18 Với độ mở ống kính hiệu quả cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.
 - 19 Cần vòng mở rộng tự động PK-12 hoặc PK-13. Có thể cần PB-6D tùy thuộc vào hướng máy ảnh.
 - 20 Sử dụng độ mở ống kính cài đặt trước. Trong chế độ **A**, cài đặt độ mở ống kính bằng cách sử dụng bộ phận lấy nét gắn ngoài trước khi xác định độ phơi sáng và chụp ảnh.
- Reprocopy Outfit PF-4 Reprocopy Outfit cần có PA-4.
 - Nhiều trong các dải nằm ngang có thể xuất hiện trong phim được quay với các thấu kính ở độ nhạy ISO 6400 hoặc cao hơn; sử dụng lấy nét bằng tay hoặc khóa lấy nét.
 - AF-S Zoom Nikkor 24–85mm f/3.5–4.5G (IF)
 - AF-S DX Zoom-Nikkor 18–70mm f/3.5–4.5G IF-ED

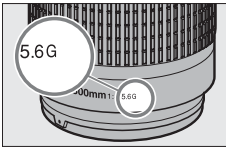
Nhận Diện Thấu Kính CPU và Loại G và D

Các thấu kính CPU (cụ thể là các loại G và D) được khuyến dùng, nhưng lưu ý là không được dùng các thấu kính IX-NIKKOR. Các thấu kính CPU có thể được nhận biết qua sự hiện diện của các tiếp xúc CPU, các thấu kính loại G và D qua chữ cái trên đường biên của thấu kính. Các thấu kính loại G không được trang bị vòng mở thấu kính.

Tiếp xúc CPU

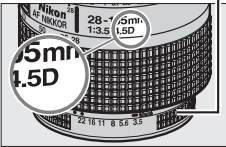


Thấu kính CPU



Thấu kính loại G

Vòng độ mở ống kính



Thấu kính loại D

Bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I

Bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I có thể được sử dụng với các thấu kính AF-S và AF-I sau:

- AF-S NIKKOR 70–200mm f/2.8G ED VR II
- AF-S VR 70–200mm f/2.8G ED
- AF-S 80–200mm f/2.8D ED
- AF-S NIKKOR 70–200mm f/4G ED VR
- AF-S VR Micro-Nikkor 105mm f/2.8G IF-ED *
- AF-S NIKKOR 200mm f/2G ED VR II
- AF-S VR 200mm f/2G ED
- AF-S NIKKOR 200–400mm f/4G ED VR II
- AF-S VR 200–400mm f/4G ED
- AF-S NIKKOR 300mm f/2.8G ED VR II
- AF-S VR 300mm f/2.8G ED
- AF-S 300mm f/2.8D ED II
- AF-S 300mm f/2.8D ED
- AF-I 300mm f/2.8D ED
- AF-S 300mm f/4D ED
- AF-S NIKKOR 400mm f/2.8G ED VR
- AF-S 400mm f/2.8D ED II
- AF-S 400mm f/2.8D ED
- AF-I 400mm f/2.8D ED
- AF-S NIKKOR 500mm f/4G ED VR
- AF-S 500mm f/4D ED II
- AF-S 500mm f/4D ED
- AF-I 500mm f/4D ED
- AF-S NIKKOR 600mm f/4G ED VR
- AF-S 600mm f/4D ED II
- AF-S 600mm f/4D ED
- AF-I 600mm f/4D ED
- AF-S NIKKOR 800mm f/5.6E FL ED VR

* Chức năng lấy nét tự động không được hỗ trợ.

Hỗ trợ lấy nét tự động

Nếu độ mở ống kính kết hợp khi máy ảnh được sử dụng với bộ chuyển từ xa AF-S thấp hơn so với f/5.6 nhưng nếu bằng hoặc nhanh hơn f/8 thì lấy nét tự động và máy ngắm điện tử sẽ chỉ có với điểm lấy nét được hiển thị ở bên phải và máy ảnh không thể lấy nét vào các đối tượng tối hoặc tương phản thấp. Điểm lấy nét tự động đơn được dùng khi chọn theo dõi 3D hoặc lấy nét tự động vùng tự động cho chế độ vùng lấy nét tự động (□ 73).

TC-17E II/TC-20E/
TC-20E II/TC-20E III



Thấu kính số f

Số f trong tên thấu kính là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.

Các Thấu Kính Không CPU Tương Thích

Khi sử dụng các thấu kính không CPU và phụ kiện, xoay đĩa lệnh chế độ đến **A** hoặc **M** và đặt độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính. Trong các chế độ khác, chức năng nhả cửa trập bị vô hiệu hóa. **Dữ liệu thấu kính không CPU** (□ 149) có thể được sử dụng để kích hoạt rất nhiều chức năng có sẵn trong các thấu kính CPU, bao gồm chức năng đo sáng ma trận màu; nếu không được cung cấp dữ liệu, chức năng đo sáng cân bằng trung tâm sẽ được sử dụng thay cho chức năng đo sáng ma trận màu, trong khi đó nếu không được cung cấp độ mở ống kính cực đại, màn hình hiển thị độ mở ống kính máy ảnh sẽ đưa ra số lượng các điểm dừng từ độ mở ống kính cực đại và giá trị độ mở ống kính thực tế phải được đọc từ vòng mở thấu kính.

Các Phụ Kiện và Thấu Kính Không CPU Không Tương Thích

Phụ kiện sau KHÔNG được dùng với D7100:

- Bộ chuyển từ xa AF TC-16AS
- Các thấu kính không AI
- Các thấu kính yêu cầu bộ lấy nét AU-1 (400mm f/4.5, 600mm f/5.6, 800mm f/8, 1200mm f/11)
- Mắt cá (6mm f/5.6, 7.5mm f/5.6, 8mm f/8, OP 10mm f/5.6)
- 2,1cm f/4
- Vòng Mở Rộng K2
- 180–600mm f/8 ED (các số sê-ri 174041–174180)
- 360–1200mm f/11 ED (các số sê-ri 174031–174127)
- 200–600mm f/9.5 (các số sê-ri 280001–300490)
- Các thấu kính AF cho F3AF (AF 80mm f/2.8, AF 200mm f/3.5 ED, Bộ Chuyển Từ Xa AF TC-16)
- PC 28mm f/4 (số sê-ri 180900 hoặc đời trước nữa)
- PC 35mm f/2.8 (các số sê-ri 851001–906200)
- PC 35mm f/3.5 (loại cũ)
- Reflex 1000mm f/6.3 (loại cũ)
- Reflex 1000mm f/11 (các số sê-ri 142361–143000)
- Reflex 2000mm f/11 (các số sê-ri 200111–200310)

Đèn Nháy Gắn Sẵn

Đèn nháy gắn sẵn có thể được dùng với các ống kính có tiêu cự 16–300 mm, mặc dù trong một số trường hợp đèn nháy có thể không có khả năng chiếu sáng toàn bộ đối tượng trong một số phạm vi hoặc tiêu cự bởi các phần bóng tạo ra bởi thấu kính, trong khi đó các thấu kính chặn tầm nhìn đối tượng của đèn giảm mất đỏ có thể gây cản trở cho chức năng giảm mất đỏ. Gỡ nắp thấu kính để tránh các phần bóng. Đèn nháy sử dụng ở phạm vi tối thiểu là 0,6 m và không thể được sử dụng ở phạm vi vĩ mô của thấu kính thu phóng chụp cận cảnh. Khi **DX (24×16)** được chọn cho **Vùng hình ảnh**, đèn nháy có thể không chiếu sáng được toàn bộ đối tượng với các thấu kính sau ở phạm vi nhỏ hơn như được đưa ra bên dưới:

Thấu kính	Vị trí thu phóng	Khoảng cách tối thiểu không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S DX NIKKOR 10–24mm f/3.5–4.5G ED	18 mm	1,0 m
	20 mm	1,0 m
	24 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S DX Zoom-Nikkor 12–24mm f/4G IF-ED	18 mm	1,5 m
	20 mm	1,0 m
	24 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S DX Zoom-Nikkor 17–55mm f/2.8G IF-ED	24 mm	1,0 m
	28–55 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S DX VR Zoom-Nikkor 18–200mm f/3.5–5.6G IF-ED AF-S DX NIKKOR 18–200mm f/3.5–5.6G ED VR II	18 mm	1,0 m
	24–200 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S DX NIKKOR 18–300mm f/3.5–5.6G ED VR	28 mm	1,5 m
	50–300 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S NIKKOR 16–35mm f/4G ED VR	24 mm	1,5 m
	28 mm	1,0 m
	35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S Zoom-Nikkor 17–35mm f/2.8D IF-ED	20 mm	3,0 m
	24 mm	1,0 m
	28–35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF Zoom-Nikkor 18–35mm f/3.5– 4.5D IF-ED	18 mm	1,5 m
	24–35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S NIKKOR 24–70mm f/2.8G ED	28 mm	1,5 m
	35 mm	1,0 m
	50–70 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S Zoom-Nikkor 28–70mm f/2.8D IF-ED	28 mm	1,5 m
	35–70 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S NIKKOR 14–24mm f/2.8G ED	Khi DX (24×16) được chọn cho Vùng hình ảnh , đèn nháy không thể chiếu sáng toàn bộ đối tượng ở mọi phạm vi.	



Khi **1,3x (18x12)** được chọn cho **Vùng hình ảnh**, đèn nháy có thể không chiếu sáng được toàn bộ đối tượng với các thấu kính sau ở phạm vi nhỏ hơn như được đưa ra bên dưới.

Thấu kính	Vị trí thu phóng	Khoảng cách tối thiểu không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S DX NIKKOR 10–24mm f/3.5–4.5G ED	15–24 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S DX Zoom-Nikkor 12–24mm f/4G IF-ED	15 mm	1,0 m
	18–24 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S DX Zoom-Nikkor 17–55mm f/2.8G IF-ED	20 mm	1,0 m
	24–55 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S DX NIKKOR 18–300mm f/3.5–5.6G ED VR	28 mm	1,0 m
	50–300 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S NIKKOR 14–24mm f/2.8G ED	24 mm	3,0 m
AF-S NIKKOR 16–35mm f/4G ED VR	20 mm	1,5 m
	24 mm	1,0 m
	28–35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S Zoom-Nikkor 17–35mm f/2.8D IF-ED	17 mm	1,5 m
	20 mm	1,0 m
	24–35 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết
AF-S NIKKOR 24–70mm f/2.8G ED	24 mm	1,5 m
	28 mm	1,0 m
	35–70 mm	Không dùng chức năng tạo họa tiết

Đèn nháy gắn sẵn cũng có thể được sử dụng với những thấu kính NIKKOR, Nikon thuộc Dòng E kiểu AI-S, AI, AI đã được sửa đổi, và CPU có tiêu cự ở mức 16–300 mm. Các thấu kính AI 50–300mm f/4.5, đã được sửa đổi AI 50–300mm f/4.5, AI 50–300mm f/4.5 ED, và AI-S 50–300mm f/4.5 ED phải được sử dụng ở vị trí thu phóng 70 mm hoặc hơn.



Chiếu Sáng Trợ Giúp Lấy Nét Tự Động

Chiếu sáng trợ giúp AF không sẵn có với các thấu kính sau đây:

- AF-S NIKKOR 14–24mm f/2.8G ED
- AF-S NIKKOR 200mm f/2G ED VR II
- AF-S VR Nikkor 200mm f/2G IF-ED
- AF-S VR Zoom-Nikkor 200–400mm f/4G IF-ED
- AF-S NIKKOR 200–400mm f/4G ED VR II
- AF-S NIKKOR 300mm f/2.8G ED VR II

Trong phạm vi dưới 0.7 m, những thấu kính sau có thể chặn đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động và gây cản trở cho chức năng lấy nét tự động khi thiếu ánh sáng:

- AF-S Zoom-Nikkor 17–35mm f/2.8D IF-ED
- AF-S DX Zoom-Nikkor 17–55mm f/2.8G IF-ED
- AF Zoom-Nikkor 20–35mm f/2.8D IF
- AF Zoom-Nikkor 24–85mm f/2.8–4D IF
- AF-S NIKKOR 24–85mm f/3.5–4.5G ED VR
- AF-S VR Zoom-Nikkor 24–120mm f/3.5–5.6G IF-ED
- AF-S NIKKOR 35mm f/1.4G
- AF Micro-Nikkor 200mm f/4D IF-ED

Trong phạm vi dưới 1.0 m, những thấu kính sau có thể chặn đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động và gây cản trở cho chức năng lấy nét tự động khi thiếu ánh sáng:

- AF-S DX VR Zoom-Nikkor 18–200mm f/3.5–5.6G IF-ED
- AF-S NIKKOR 24–70mm f/2.8G ED
- AF Zoom-Nikkor 24–120mm f/3.5–5.6D IF
- AF-S Zoom-Nikkor 28–70mm f/2.8D IF-ED
- AF Zoom Micro Nikkor ED 70–180mm f/4.5–5.6D
- AF-S VR Micro-Nikkor 105mm f/2.8G IF-ED

Trong phạm vi dưới 1,5 m, những thấu kính sau có thể chặn đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động và gây cản trở cho chức năng lấy nét tự động khi thiếu ánh sáng:

- AF-S DX NIKKOR 18–300mm f/3.5–5.6G ED VR
- AF-S NIKKOR 24–120mm f/4G ED VR
- AF-S NIKKOR 28–300mm f/3.5–5.6G ED VR
- AF-S DX NIKKOR 55–300mm f/4.5–5.6G ED VR
- AF-S NIKKOR 70–200mm f/2.8G ED VR II
- AF Zoom-Nikkor 80–200mm f/2.8D ED

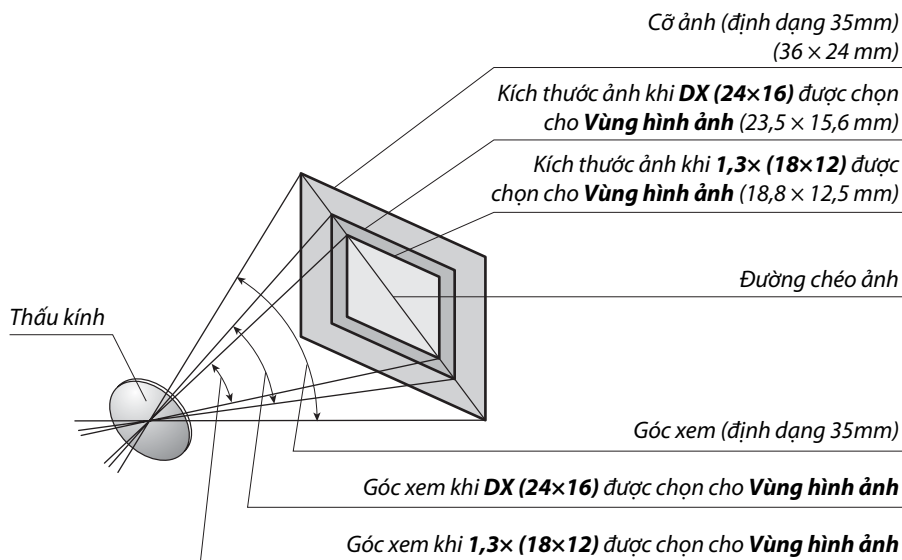
Trong phạm vi dưới 2,0 m, những thấu kính sau có thể chặn đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động và gây cản trở cho chức năng lấy nét tự động khi thiếu ánh sáng:

- AF-S VR Zoom-Nikkor ED 70–200mm f/2.8G (IF)
- AF-S Zoom Nikkor ED 80–200mm f/2.8D (IF)
- AF-S NIKKOR 70–200mm f/4G ED VR



Tính Toán Góc Xem

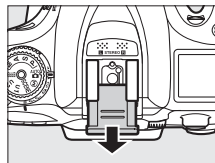
Kích thước vùng phơi sáng bởi máy ảnh 35mm là 36×24 mm. Kích thước vùng được phơi sáng bởi D7100 khi **DX (24×16)** được chọn cho **Vùng hình ảnh** trong menu chụp là $23,5 \times 15,6$ mm, có nghĩa là góc xem của máy ảnh 35mm gấp khoảng 1,5 lần so với góc xem của D7100 (khi **1,3× (18×12)** được chọn, kích thước của vùng phơi sáng bị giảm và góc xem bị giảm thêm 1,3×).



Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn (Đèn Chớp)

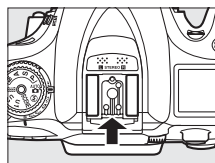
Máy ảnh hỗ trợ Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS) và có thể được sử dụng với các bộ đèn nháy tương thích với CLS. Các bộ đèn nháy tùy chọn có thể được gắn trực tiếp vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh như mô tả phía dưới. Ngàm gắn phụ kiện được trang bị khóa an toàn cho các bộ đèn nháy bằng chốt khóa.

1 Gỡ nắp ngàm gắn phụ kiện.



2 Gắn bộ đèn nháy vào ngàm gắn phụ kiện.

Xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp kèm với bộ đèn nháy để biết thêm chi tiết. Đèn nháy gắn sẵn sẽ không nháy sáng khi một bộ đèn nháy tùy chọn được gắn vào.



Khớp Nối Đầu Cắm Đồng Bộ AS-15

Khi khớp nối đầu cắm đồng bộ AS-15 (có bán riêng) được gắn vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh, các phụ kiện đèn nháy có thể được kết nối thông qua một bộ phận đồng bộ đầu cắm.

Chỉ Sử Dụng Các Phụ Kiện Đèn Nháy Nikon

Chỉ sử dụng các bộ đèn nháy Nikon. Việc sử dụng điện áp âm hoặc điện áp trên 250 V cho ngàm gắn phụ kiện không những có thể làm gián đoạn việc hoạt động bình thường, mà còn làm tổn hại dòng điện đồng bộ của máy ảnh hoặc đèn nháy. Trước khi sử dụng một bộ đèn nháy Nikon không được nêu danh sách trong mục này, hãy liên hệ với một đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền để biết thêm thông tin.



Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS)

Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo (CLS) nâng cao của Nikon có giao tiếp đã được cải tiến giữa máy ảnh và những bộ đèn nháy tương thích giúp cải thiện chức năng đèn nháy nhiếp ảnh. Xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp kèm với bộ đèn nháy để biết thêm chi tiết.

■ Các Bộ Đèn Nháy Tương Thích Với CLS

Máy ảnh có thể được sử dụng với những bộ đèn nháy tương thích với CLS sau:

- **SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, SB-400 và SB-R200:**

Bộ đèn nháy		SB-910 ¹	SB-900 ¹	SB-800	SB-700 ¹	SB-600	SB-400 ²	SB-R200 ³
Tính năng								
Hướng Dẫn	ISO 100	34	34	38	28	30	21	10
Số ⁴	ISO 200	48	48	53	39	42	30	14

- 1 Nếu một bộ lọc màu được gắn vào SB-910, SB-900 hoặc SB-700 khi AUTO hoặc  (đèn nháy) được chọn cho độ cân bằng trắng, máy ảnh sẽ tự động dò tìm bộ lọc và điều chỉnh độ cân bằng trắng phù hợp.
- 2 Điều khiển đèn nháy không dây sẵn có với SB-400.
- 3 Được điều khiển từ xa với đèn nháy gắn sẵn trong chế độ bộ điều khiển hoặc sử dụng bộ đèn nháy SB-910, SB-900, SB-800, hoặc bộ đèn nháy SB-700 hoặc bộ điều khiển đèn chớp không dây SU-800.
- 4 m, 20 °C, SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, và SB-600 tại vị trí đầu thu phóng ở mức 35 mm; SB-910, SB-900, và SB-700 với độ chiếu sáng tiêu chuẩn.

- **Bộ Điều Khiển Đèn Chớp Không Dây SU-800:** Khi được gắn vào máy ảnh tương thích với CLS, SU-800 có thể được sử dụng như một bộ điều khiển từ xa cho các bộ đèn nháy SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, hoặc SB-R200 trong tối đa ba nhóm. Bản thân SU-800 không được trang bị đèn nháy.

Số Hướng Dẫn

Để tính toán phạm vi của đèn nháy hoạt động hết công suất, chia Số Hướng Dẫn cho độ mở ống kính. Ví dụ, nếu bộ đèn nháy có Số hướng dẫn 34 m (ISO 100, 20 °C); phạm vi của nó với độ mở ống kính ở mức f/5.6 là $34 \div 5,6$ hay khoảng 6,1 mét. Với mỗi mức tăng gấp đôi độ nhạy ISO, nhân Số hướng dẫn với căn bậc hai của hai (xấp xỉ 1,4).

Các chức năng sau có sẵn với các bộ đèn nháy tương thích với CLS:

			Các bộ đèn nháy tương thích với cls							
			SB-910 SB-900	SB-800	SB-700	SB-600	SU-800		SB-R200	SB-400
							Bộ Điều Khển	Chụp ảnh cận cảnh		
Đèn nháy đơn	i-TTL	Nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số ¹	✓	✓	✓	✓	—	—	—	✓
		Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn i-TTL dành cho SLR kỹ thuật số	✓ ²	✓ ²	✓	✓ ²	—	—	—	✓
		AA Độ mở ống kính tự động	✓ ³	✓ ³	—	—	—	—	—	—
		A Tự động không TTL	✓ ³	✓ ³	—	—	—	—	—	—
		GN Ưu tiên khoảng cách bằng tay	✓	✓	✓	—	—	—	—	—
		M Bảng tay	✓	✓	✓	✓	—	—	—	✓ ⁴
		RPT Đèn nháy lặp lại	✓	✓	—	—	—	—	—	—
Đèn Không Dây Năng Cao	Sổ chỉnh	Điều khiển đèn nháy từ xa	✓	✓	✓	—	✓	✓	—	—
		i-TTL i-TTL	✓	✓	✓	—	—	—	—	—
		[A:B] Điều khiển đèn nháy không dây nhanh	—	—	✓	—	—	✓	—	—
		AA Độ mở ống kính tự động	✓ ⁵	✓ ⁵	—	—	—	—	—	—
		A Tự động không TTL	✓	✓	—	—	—	—	—	—
		M Bảng tay	✓	✓	✓	—	—	—	—	—
		RPT Đèn nháy lặp lại	✓	✓	—	—	—	—	—	—
	Tự xa	i-TTL i-TTL	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—
		[A:B] Điều khiển đèn nháy không dây nhanh	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—
		AA Độ mở ống kính tự động	✓ ⁵	✓ ⁵	—	—	—	—	—	—
		A Tự động không TTL	✓	✓	—	—	—	—	—	—
Giao Tiếp Thông Tin Đèn Nháy Màu	Giảm mắt đỏ	M Bảng tay	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	—
		RPT Đèn nháy lặp lại	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—
		Giao Tiếp Thông Tin Đèn Nháy Màu		✓	✓	✓	✓	—	—	✓
		Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động ⁶		✓	✓	✓	✓	✓	✓	—
	Chẩn đoán	Khóa FV ⁷		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
		Trợ giúp lấy nét tự động cho lấy nét tự động đa vùng		✓	✓	✓	✓	✓	—	—
		Giảm mắt đỏ		✓	✓	✓	✓	—	—	✓
	Chẩn đoán	Chiếu sáng mô hình máy ảnh		✓	✓	✓	✓	✓	✓	—
		Chọn chế độ đèn nháy máy ảnh		—	—	—	—	—	—	✓
		Cập nhật vi chương trình bộ đèn nháy máy ảnh		✓	—	✓	—	—	—	—

- 1 Không có sẵn với đo sáng điểm.
- 2 Cũng có thể được chọn với bộ đèn nháy.
- 3 Lựa chọn chế độ AA/A thực thi trên bộ đèn nháy bằng cách sử dụng thiết lập tùy chỉnh. A được lựa chọn khi sử dụng thấu kính không CPU.
- 4 Chỉ có thể được chọn với máy ảnh (□ 247).
- 5 Khi thấu kính không CPU được sử dụng, tự động không TTL (A) được sử dụng bất kể chế độ nào được lựa chọn với bộ đèn nháy.
- 6 Chỉ có ở các chế độ i-TTL, AA, A, GN, và M chế độ điều khiển đèn nháy.
- 7 Chỉ có ở các chế độ i-TTL, AA, và A chế độ điều khiển đèn nháy.

**Độ Mở Ống Kính Tự Động/Tự Động Không TTL**

Trừ trường hợp tiêu cự và độ mở ống kính tối đa được xác định bằng cách sử dụng tùy chọn **Dữ liệu thấu kính không CPU** trong menu cài đặt, việc chọn chế độ độ mở ống kính tự động (AA) khi đang gắn một thấu kính không CPU sẽ tự động kích hoạt chế độ tự động không TTL (A).



■ Các Bộ Phận Đèn Nháy Khác

Những bộ phận đèn nháy có thể được dùng trong các chế độ tự động không TTL và bằng tay.

Bộ đèn nháy	SB-80DX, SB-28DX, SB-28, SB-26, SB-25, SB-24	SB-50DX ¹	SB-30, SB-27 ² , SB-22S, SB-22, SB-20, SB-16B, SB-15	SB-23, SB-29 ³ , SB-21B ³ , SB-29S ³
Chế độ đèn nháy				
A Tự động không TTL	✓	—	✓	—
M Bằng tay	✓	✓	✓	✓
 Đèn nháy lặp lại	✓	—	—	—
REAR Đồng bộ màn phía sau ⁴	✓	✓	✓	✓

- 1 Chọn chế độ **P**, **S**, **A**, hoặc **M**, hạ đèn nháy gắn sẵn, và chỉ sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn.
- 2 Chế độ đèn nháy được tự động cài đặt thành TTL và chức năng nhả cửa trập bị vô hiệu hóa. Cài đặt bộ đèn nháy thành **A** (đèn nháy tự động không TTL).
- 3 Chức năng lấy nét tự động chỉ có sẵn với các thấu kính AF-S VR Micro-NIKKOR 105mm f/2.8G IF-ED và AF-S Micro NIKKOR 60mm f/2.8G ED.
- 4 Có sẵn khi máy ảnh được sử dụng để chọn chế độ đèn nháy.

Chế độ điều khiển đèn nháy

Màn hình hiển thị thông tin đưa ra chế độ điều khiển đèn nháy cho các bộ đèn nháy tùy chọn được gắn vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh như sau:

	Đèn nháy đồng bộ	FP tự động ( 244)
i-TTL	 	 
Độ mở ống kính tự động (AA)	 	 
Đèn nháy tự động không TTL (A)	 	 
Ưu tiên khoảng cách bằng tay (GN)	 	 
Bằng tay	 	 
Đèn nháy lặp lại	 	—
Đèn không dây nâng cao	 	 

✓ Lưu Ý Về Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Tham khảo tài liệu hướng dẫn Đèn chớp để có hướng dẫn cụ thể. Nếu bộ đèn nháy hỗ trợ CLS, tham khảo mục về máy ảnh SLR kỹ thuật số tương thích với CLS. D7100 không được nêu trong danh mục "SLR kỹ thuật số" trong các tài liệu hướng dẫn của SB-80DX, SB-28DX và SB-50DX.

Nếu một bộ đèn nháy tùy chọn gắn trong các chế độ chụp khác với , , và , đèn nháy sẽ nháy sáng trong tất cả các lần chụp, ngay cả trong các chế độ mà đèn nháy gắn sẵn không thể được sử dụng.

Chức năng điều khiển đèn nháy i-TTL có thể được sử dụng với độ nhạy ISO ở mức giữa 100 và 6400. Ở giá trị cao hơn 6400, có thể không đạt được kết quả mong muốn trong một số phạm vi hoặc thiết lập độ mở ống kính. Nếu chỉ báo đèn nháy sẵn sàng nháy trong khoảng ba giây sau khi bức ảnh được chụp, thì đèn nháy đã nháy sáng ở công suất cao nhất và bức ảnh có thể bị thiếu phơi sáng.

Khi một cặp đồng bộ 17, 28, hoặc 29 thuộc dòng SC được sử dụng cho chế độ chụp ảnh đèn nháy nằm ngoài máy ảnh, có thể không đạt được độ phơi sáng chuẩn xác trong chế độ i-TTL. Chúng tôi khuyến nghị bạn nên chọn điều khiển đèn nháy TTL tiêu chuẩn. Chụp thử và xem kết quả trên màn hình.

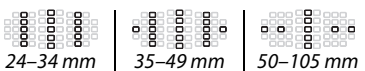
Trong chế độ i-TTL, sử dụng bảng đèn nháy hoặc ống nối này lên được cung cấp kèm với bộ đèn nháy. Không được sử dụng các bảng khác như bảng khuếch tán, vì điều này có thể tạo ra độ phơi sáng không chuẩn xác.

SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, và SB-400 cung cấp chức năng giảm mắt đỏ, trong khi đó SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 và SU-800 cung cấp chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động với các hạn chế sau:

- **SB-910 và SB-900:** Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 17–135 mm. Tuy nhiên, chức năng lấy nét tự động chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.



- **SB-800, SB-600, và SU-800:** Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 24–105 mm. Tuy nhiên, chức năng lấy nét tự động chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.



- **SB-700:** Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 24–135 mm. Tuy nhiên, chức năng lấy nét tự động chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.



Ở chế độ P, độ mở ống kính tối đa (số f tối thiểu) được giới hạn theo độ nhạy ISO, như hình dưới đây:

Độ mở ống kính tối đa ở ISO tương:						
100	200	400	800	1600	3200	6400
4	5	5.6	7.1	8	10	11

Nếu độ mở ống kính tối đa của thấu kính nhỏ hơn mức nêu trên, giá trị tối đa cho độ mở ống kính sẽ là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.



Các Phụ Kiện Khác

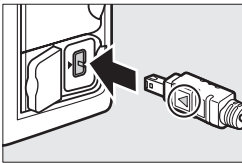
Tại thời điểm viết bài, những phụ kiện sau đã có sẵn cho D7100.

Các nguồn điện	• Pin Sạc Li-ion EN-EL15 (□ 22, 24): Pin EN-EL15 bổ sung có sẵn tại các nhà bán lẻ và đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền ở địa phương. • Bộ sạc pin MH-25a/MH-25 (□ 22): Sạc pin EN-EL15. • Gói Pin Nhiều Nguồn MB-D15: MB-D15 được trang bị với nút nhả cửa trập, nút khóa AE/AF, đa bộ chọn, và đĩa lệnh chính và phụ cho vận hành đã nâng cấp khi chụp ảnh theo hướng chân dung (hướng dọc). Khi gắn MB-D15, gờ nắp tiếp xúc máy ảnh của MB-D15. • Đầu Nối Nguồn EP-5B, Bộ Đổi Điện AC EH-5b: Những phụ kiện này có thể được sử dụng cấp nguồn cho máy ảnh để kéo dài thời gian sử dụng (bộ đổi điện EH-5a và EH-5 AC cũng có thể được sử dụng). Cần có EP-5B để có thể kết nối máy ảnh với EH-5b; xem trang 311 để biết thêm chi tiết. Lưu ý rằng khi máy ảnh được sử dụng với MB-D15, EP-5B phải được lắp vào MB-D15, chứ không phải lắp vào máy ảnh. Không được cố gắng sử dụng máy ảnh với các đầu nối nguồn được lắp vào cả máy ảnh và MB-D15.
Các bộ lọc	• Các bộ lọc dành cho nhiếp ảnh hiệu ứng đặc biệt có thể gây cản trở cho chức năng lấy nét tự động hoặc máy ngắm điện tử. • Thay vào đó hãy sử dụng các bộ lọc phân cực xoay được C-PL hoặc C-PL II. Không thể sử dụng bộ lọc phân cực tuyến tính. • Sử dụng các bộ lọc NC để bảo vệ thấu kính. • Để tránh bóng ma, không nên sử dụng bộ lọc khi đối tượng được tạo khuôn hình theo hướng ngược với ánh sáng chói, hoặc khi nguồn sáng chói ở trong khuôn hình. • Chức năng đo sáng cân bằng trung tâm được khuyến dùng với các bộ lọc với các yếu tố phơi sáng (các yếu tố bộ lọc) trên 1× (Y44, Y48, Y52, O56, R60, X0, X1, C-PL/C-PL II, ND2S, ND4, ND4S, ND8, ND8S, ND400, A2, A12, B2, B8, B12). Xem tài liệu hướng dẫn về bộ lọc để biết thêm chi tiết.
Các phụ kiện kính ngắm thị kính	• Thấu Kính Điều chỉnh Thị Kính DK-20C: Thấu kính có các điot -5, -4, -3, -2, 0, +0,5, +1, +2, và +3 m⁻¹ khi điều khiển điều chỉnh điot ở vị trí trung lập (-1 m⁻¹). Chỉ sử dụng thấu kính điều chỉnh thị kính khi không thể đạt được độ lấy nét mong muốn với bộ điều khiển điều chỉnh điot gần sẵn (-2 đến +1 m⁻¹). Thử thấu kính điều chỉnh thị kính trước khi mua để đảm bảo có thể đạt được độ lấy nét mong muốn. Hốc mắt cao su không thể được sử dụng với thấu kính điều chỉnh thị kính. • Thị kính phóng đại DK-21M: DK-21M khuếch đại tầm nhìn qua kính ngắm thêm xấp xỉ 1,17 × (thấu kính 50 mm f/1.4 ở mức vô tận; -1,0 m⁻¹) giúp đạt được độ chính xác cao hơn khi tạo khuôn hình. • Kính Lúp DG-2: DG-2 khuếch đại cảnh được hiển thị phần trung tâm của kính ngắm giúp đạt độ chính xác cao hơn khi lấy nét. Cần Bộ nối thị kính (có bán riêng). • Bộ Nối Thị Kính DK-22: DK-22 được sử dụng khi gắn kính lúp DG-2. • Ống Ngắm Vuông Gắn Ngoài DR-6: DR-6 được gắn vuông góc với mắt kính của kính ngắm, cho phép xem hình ảnh trong kính ngắm từ các góc vuông góc với thấu kính (ví dụ, từ thẳng phía trên khi máy ảnh nằm ngang).

Phần mềm	• Capture NX 2: Một gói chỉnh sửa hình ảnh hoàn chỉnh với các tính năng chỉnh sửa tiên tiến như là các điểm điều khiển lựa chọn và một chổi chỉnh sửa tự động. • Camera Control Pro 2: Dùng máy tính để điều khiển máy ảnh ghi phim và hình ảnh từ xa và lưu hình ảnh trực tiếp vào ổ cứng máy tính. Lưu ý: Để sử dụng phiên bản phần mềm Nikon mới nhất; truy cập các trang web được nêu ở trang xxvi để có thông tin mới nhất đối với các hệ điều hành được hỗ trợ. Ở các cài đặt mặc định, Trung Tâm Thông Báo Nikon 2 sẽ kiểm tra định kỳ các bản cập nhật phần mềm và vi chương trình Nikon khi bạn đăng nhập vào một tài khoản trên máy tính và máy tính được kết nối với Internet. Tự động hiển thị thông báo khi phát hiện cập nhật.
Nắp thân máy	Nắp Thân Máy BF-1B/Nắp Thân Máy BF-1A: Nắp thân máy giữ gương, màn hình kính ngấm, và cảm biến ảnh không bị dính bụi khi không gắn thấu kính.
Điều khiển từ xa/bộ điều khiển từ xa không dây	• Điều Khiển Từ Xa Không Dây ML-L3 (□ 127): ML-L3 sử dụng pin 3 V CR2025. Đẩy chốt nắp khoang pin sang phải (①), luồn móng tay vào khe trống và mở nắp khoang pin (②). Hãy chắc chắn rằng pin được lắp đúng hướng (④). • Bộ Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-R10/WR-T10 (□ 130): Khi bộ điều khiển từ xa không dây WR-R10 được gắn, máy ảnh có thể được điều khiển không dây bằng cách sử dụng bộ điều khiển từ xa không dây WR-T10. WR-T10 sử dụng pin 3 V CR2032. Đưa móng tay vào khe phía sau chốt khoang pin và mở khoang pin (①). Hãy chắc chắn rằng pin được lắp đúng hướng (③). • Bộ Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-1 (□ 130): Các bộ WR-1 được sử dụng theo nhóm hai hoặc nhiều hơn, một bộ có chức năng làm bộ phát và các bộ còn lại có chức năng làm bộ thu. Bộ thu được gắn vào các thiết bị đầu cắm phụ kiện của một hoặc nhiều máy ảnh, cho phép bộ phát được sử dụng để nhả cửa trập hoặc điều chỉnh cài đặt từ xa.



Thiết bị tiếp hợp mạng LAN (☐ 206)	• Thiết Bị Kết Nối UT-1 (☐ 206): Khi được nối với máy ảnh bằng cáp USB đi kèm với máy ảnh, UT-1 có thể được sử dụng để kết nối với các mạng Ethernet và tải ảnh lên vào máy chủ ftp hoặc điều khiển máy ảnh từ xa bằng phần mềm Camera Control Pro 2 tùy chọn. Lưu ý rằng, UT-1 cần sử dụng nguồn điện riêng của nó; sử dụng pin sạc Li-on EN-EL15 tùy chọn hoặc đầu nối nguồn EP-5B và bộ đổi điện AC EH-5b. • Bộ Phát Không Dây WT-5: Sử dụng kết hợp với UT-1 để kết nối với các mạng không dây. Sử dụng UT-1 và WT-5 cần có mạng không dây hoặc mạng Ethernet và kiến thức sử dụng. Luôn sử dụng phiên bản mới nhất của phần mềm được cung cấp với các thiết bị.
Đầu nối di động không dây	Đầu Nối Di Động Không Dây WU-1a: Hỗ trợ thông tin liên lạc hai chiều giữa máy ảnh và các thiết bị thông minh chạy Wireless Mobile Utility.
Các loại phụ kiện đầu cắm phụ kiện	D7100 được trang bị đầu cắm phụ kiện cho bộ điều khiển từ xa không dây WR-1 và WR-R10 (☐ 130), MC-DC2 remote cords (dây chụp từ xa MC-DC2) (☐ 52) và bộ GPS GP-1 (☐ 152), nó kết nối đầu ◀ trên đầu nối thẳng hàng với ▶ cạnh đầu cắm phụ kiện (đóng nắp đầu nối máy ảnh khi không sử dụng đầu cắm).
Micrô	Micrô Stereo ME-1 (☐ 165)

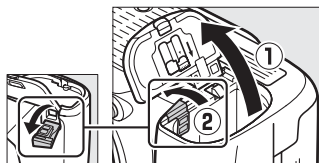


Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC

Tắt máy ảnh trước khi gắn đầu nối nguồn và bộ đổi điện AC tùy chọn.

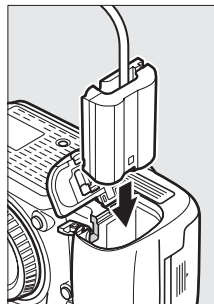
1 Chuẩn bị máy ảnh sẵn sàng.

Mở nắp khoang pin (①) và nắp đầu nối nguồn (②).



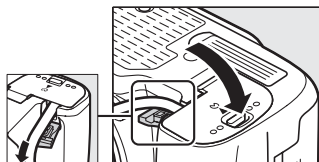
2 Lắp đầu nối nguồn EP-5B.

Nhớ lắp đầu nối chính xác theo hướng như trong ảnh, sử dụng đầu nối để giữ cho chốt pin màu cam được đẩy sang một bên. Chốt sẽ giữ cho đầu nối ở đúng vị trí khi đầu nối được lắp hoàn chỉnh.



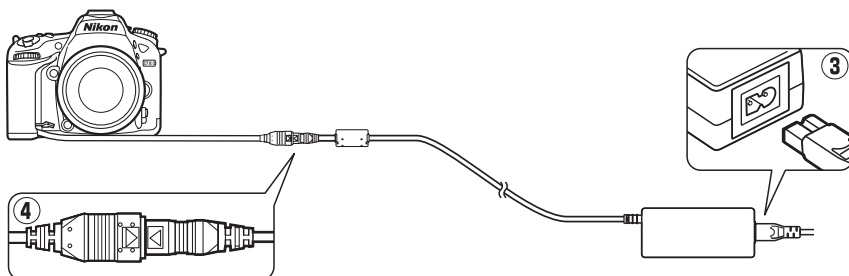
3 Đóng nắp khoang pin.

Đặt cáp đầu nối nguồn sao cho nó đi xuyên qua khe cắm đầu nối nguồn và đóng nắp khoang pin.



4 Kết nối bộ đổi điện AC.

Kết nối cáp nguồn bộ đổi điện AC với hốc AC trên bộ đổi điện AC (③) và cáp nguồn EP-5B vào hốc DC (④). Khi máy ảnh được cấp nguồn bởi bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn,  sẽ thay thế cho biểu tượng .



Chăm Sóc Máy Ảnh

Bảo Quản

Khi không sử dụng máy ảnh trong thời gian dài, hãy tháo pin ra và cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo với nắp phủ đầu cắm ở đúng vị trí. Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Không được cất giữ máy ảnh cùng với viên long não hoặc naptalin chống côn trùng tại các vị trí:

- không thông thoáng hoặc có độ ẩm trên 60%
- ở gần thiết bị tạo ra vùng từ trường mạnh, như TV hoặc ra-đi-ô
- tiếp xúc với nhiệt độ trên 50 °C hoặc dưới -10 °C

Lau chùi

Thân máy ảnh	Sử dụng máy thổi để loại bỏ bụi và vãi vụn, sau đó nhẹ nhàng lau bằng khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một chiếc khăn được thấm nhẹ nước cất và làm khô hoàn toàn. Quan trọng: <i>Bụi hoặc các vật chất từ bên ngoài lọt vào trong máy ảnh có thể gây ra các tổn hại không được hưởng bảo hành.</i>
Thấu kính, gương, và kính ngắm	Những chi tiết thủy tinh này rất dễ bị tổn hại. Loại bỏ bụi và vãi vụn bằng máy thổi. Để loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, thấm một lượng nhỏ nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.
Màn hình	Loại bỏ bụi và vãi vụn bằng máy thổi. Khi loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, lau phần bề mặt nhẹ nhàng bằng vải mềm hoặc da dê. Không được tì mạnh, bởi điều này có thể dẫn đến tổn hại hoặc trục trặc.

Không được sử dụng chất có cồn, chất pha loãng hoặc các hóa chất dễ bay hơi khác.

Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là một thiết bị chính xác và cần được bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến nghị rằng máy ảnh nên được kiểm tra bởi nhà bán lẻ gốc và đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền một đến hai năm một lần, và được bảo dưỡng ba đến năm năm một lần (lưu ý rằng các dịch vụ này có tính phí). Kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên được khuyến nghị nếu máy ảnh được sử dụng chuyên nghiệp. Bất kỳ phụ kiện nào được sử dụng thường xuyên với máy ảnh, như các thấu kính hoặc Đèn Chớp, nên được đi kèm với máy ảnh trong quá trình kiểm tra hoặc bảo dưỡng.

Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Nếu bạn nghi ngờ rằng bụi bẩn trong cảm biến hình ảnh xuất hiện trên ảnh, bạn có thể làm sạch bộ lọc bằng cách sử dụng tùy chọn **Làm sạch cảm biến hình ảnh** trong menu cài đặt. Cảm biến có thể được làm sạch bất kỳ lúc nào bằng cách sử dụng tùy chọn **Làm sạch ngay bây giờ**, hoặc việc làm sạch có thể được tiến hành tự động mỗi khi máy ảnh bật hoặc tắt.

■ “Làm sạch ngay bây giờ”

1 Chọn Làm sạch cảm biến hình ảnh trong menu cài đặt.

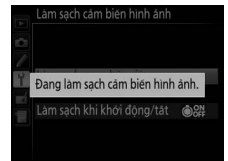
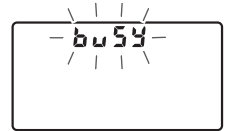
Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Làm sạch cảm biến hình ảnh** trong menu cài đặt và nhấn ►.



Nút MENU

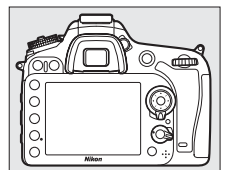
2 Chọn Làm sạch ngay bây giờ.

Làm nổi bật **Làm sạch ngay bây giờ** và nhấn OK. Máy ảnh sẽ kiểm tra cảm biến hình ảnh và sau đó bắt đầu làm sạch. Trong lúc này, **buzz** sẽ nhấp nháy trong bảng điều khiển và các thao tác khác sẽ không thực hiện được. Không tháo hay ngắt kết nối nguồn điện cho tới khi hoàn tất việc làm sạch và **buzz** không hiển thị nữa.



✎ Đặt Máy Ảnh với Đế Hướng Xuống

Chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh đạt hiệu quả cao nhất khi máy ảnh được đặt nằm ngang với đế hướng xuống như hình bên phải.



■ ■ “**Làm sạch khi khởi động/tắt**”

Chọn từ các tùy chọn sau đây:

Tùy chọn	Mô tả
 Làm sạch khi khởi động	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi bật máy ảnh.
 Làm sạch khi tắt	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi tắt máy ảnh.
 Làm sạch khi khởi động & tắt	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động mỗi khi bật và tắt.
Tắt làm sạch	Tắt chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh tự động.

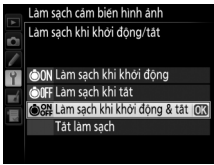
1 Chọn Làm sạch khi khởi động/tắt.

Hiển thị menu **Làm sạch cảm biến hình ảnh** như được mô tả trong Bước 2 ở trang trước. Làm nổi bật **Làm sạch khi khởi động/tắt** và nhấn ►.



2 Chọn tùy chọn.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn **OK**.



 Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh

Việc sử dụng các chức năng điều khiển trong khi khởi động máy ảnh sẽ gây cản trở cho quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh. Chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh có thể không được tiến hành khi bật máy nếu đèn nháy đang sạc điện.

Nếu không thể loại bỏ hoàn toàn bụi bằng cách sử dụng các lựa chọn trong menu **Làm sạch cảm biến hình ảnh**, hãy làm sạch cảm biến hình ảnh bằng tay (☎ 315) hoặc tham khảo ý kiến của một đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

Nếu chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành nhiều lần liên tiếp, chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh có thể sẽ bị vô hiệu hóa tạm thời nhằm bảo vệ kết cấu bên trong máy ảnh. Chức năng làm sạch có thể tiếp tục được tiến hành sau một khoảng thời gian ngắn.



■ ■ Làm Sạch Bằng Tay

Nếu vật chất từ bên ngoài lọt vào trong cảm biến hình ảnh không thể được loại bỏ bằng cách sử dụng tùy chọn **Làm sạch cảm biến hình ảnh** trong menu cài đặt (☰ 313), có thể làm sạch cảm biến bằng tay như được mô tả phía dưới. Tuy nhiên, lưu ý rằng cảm biến cực kỳ mỏng manh và dễ bị tổn hại. Nikon khuyến nghị rằng cảm biến chỉ nên được làm sạch bởi nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền.

1 Sạc pin hoặc kết nối một bộ đổi điện AC.

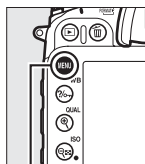
Cần một nguồn điện đáng tin cậy cho quá trình kiểm tra và làm sạch cảm biến hình ảnh. Tắt máy ảnh và lắp pin EN-EL15 hoặc kết nối đầu nối nguồn EP-5B và bộ đổi điện AC EH-5b. Tùy chọn **Khóa gương nâng lên để làm sạch** chỉ có ở menu cài đặt khi mức pin hơn .

2 Gỡ thấu kính.

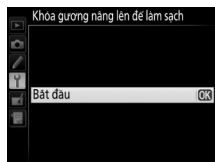
Tắt máy ảnh và gỡ thấu kính.

3 Chọn Khóa gương nâng lên để làm sạch.

Bật máy ảnh và nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật **Khóa gương nâng lên để làm sạch** trong menu cài đặt và nhấn ►.

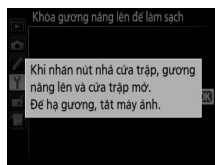


Nút MENU



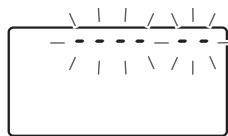
4 Nhấn OK.

Thông báo sẽ được hiển thị phía bên phải màn hình và một hàng gạch ngang sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển và kính ngắm. Để phục hồi hoạt động bình thường mà không kiểm tra cảm biến hình ảnh, tắt máy ảnh.



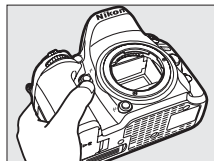
5 Nâng gương.

Nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ. Gương sẽ được nâng và màn trập sẽ mở, để lộ cảm biến hình ảnh. Mục xuất hiện trên kính ngắm sẽ bị tắt và hàng gạch ngang trên bảng đèn nháy sẽ nháy.



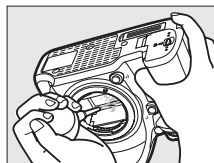
6 Kiểm tra cảm biến hình ảnh.

Giữ máy ảnh sao cho ánh sáng chiếu vào cảm biến hình ảnh, kiểm tra cảm biến để tìm bụi bẩn. Nếu không thấy vật từ bên ngoài lọt vào, đi đến Bước 8.



7 Làm sạch cảm biến.

Loại bỏ tất cả bụi bẩn trong cảm biến bằng máy thổi. Không được sử dụng máy thổi có bàn chải, bởi vì phần lông cứng có thể làm tổn hại cảm biến. Các loại bụi bẩn không thể loại bỏ bằng máy thổi chỉ có thể được loại bỏ bởi nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền. Trong mọi trường hợp, bạn không được chạm vào hoặc lau chùi cảm biến.



8 Tắt máy ảnh.

Gương sẽ trở về vị trí hạ và màn trập sẽ đóng lại. Lắp lại thấu kính hoặc nắp thân máy.

Sử Dụng một Nguồn Điện Đáng Tin Cậy

Màn trập rất mỏng manh và dễ bị tổn hại. Nếu máy ảnh tắt nguồn trong khi gương đang được nâng, màn sẽ tự động đóng lại. Để tránh làm tổn hại màn, tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau:

- Không được tắt máy ảnh hoặc tháo hay ngắt kết nối nguồn điện khi gương đang được nâng.
- Nếu pin sắp hết khi gương đang được nâng, một tiếng bíp sẽ vang lên và đèn hẹn giờ sẽ nhấp nháy để báo hiệu rằng màn trập sẽ đóng lại và gương sẽ được hạ xuống trong khoảng hai phút nữa. Kết thúc quá trình làm sạch hoặc kiểm tra ngay lập tức.

Vật Lạ Trên Cảm Biến Hình Ảnh

Nikon áp dụng mọi nguyên tắc phòng ngừa có thể để tránh tình trạng vật chất bên ngoài tiếp xúc với cảm biến hình ảnh trong quá trình sản xuất và vận chuyển. Tuy nhiên, D7100 được thiết kế để sử dụng với các thấu kính có thể hoán đổi cho nhau, và vật chất bên ngoài có thể lọt vào trong máy ảnh khi gỡ hoặc thay đổi thấu kính. Khi đã lọt vào trong máy ảnh, vật chất bên ngoài này có thể bám vào cảm biến hình ảnh, và có thể hiện lên các bức ảnh chụp trong một số điều kiện nhất định. Để máy ảnh khi không gắn thấu kính, nhớ lắp lại nắp thân máy được cung cấp kèm với máy ảnh, trước đó hãy cẩn thận loại bỏ hết bụi và các loại vật chất bên ngoài khác có thể đang bám vào nắp thân máy. Tránh thay đổi thấu kính trong môi trường bụi bặm.

Nếu vật chất bên ngoài lọt vào cảm biến hình ảnh, làm sạch cảm biến như đã được mô tả bên trên, hoặc để nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền làm sạch cảm biến. Những bức ảnh bị ảnh hưởng bởi vật chất bên ngoài trong cảm biến có thể được sửa lại bằng cách sử dụng phần mềm Capture NX 2 (có bán riêng; ☐ 309) hoặc các tùy chọn làm sạch hình ảnh có sẵn trong một số ứng dụng chỉnh sửa ảnh của hãng thứ ba.



Chăm sóc máy ảnh và pin: Cảnh báo

Không được làm rơi: Sản phẩm có thể gặp trục trặc nếu bị rung hoặc va đập mạnh.

Giữ khô ráo: Sản phẩm này không có khả năng chống nước, và có thể gặp trục trặc nếu bị ngâm nước hoặc tiếp xúc với độ ẩm cao. Máy móc bên trong bị hạn rỉ có thể dẫn đến tổn hại không thể khắc phục được.

Tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột: Thay đổi nhiệt độ đột ngột, như các trường hợp xảy ra khi ra vào các tòa nhà được sưởi ấm trong ngày lạnh, có thể dẫn đến tình trạng đọng hơi nước bên trong thiết bị. Để tránh đọng hơi nước, đặt thiết bị trong hộp hoặc túi nhựa trước khi gặp tình trạng thay đổi nhiệt độ đột ngột.

Đề xa các vùng từ trường mạnh: Không được dùng hoặc cất giữ thiết bị này trong vùng lân cận của các thiết bị tạo ra vùng bức xạ điện từ hoặc từ trường mạnh. Vùng điện tích mạnh hoặc vùng từ trường tạo ra bởi các thiết bị như bộ truyền tín hiệu ra-đi-ô có thể can thiệp vào màn hình, làm tổn hại dữ liệu lưu trong thẻ nhớ, hoặc gây ảnh hưởng tới mạch điện bên trong sản phẩm.

Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời: Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời hoặc các nguồn sáng mạnh khác trong thời gian dài. Ánh sáng quá mạnh có thể làm cho bộ phận cảm biến hình ảnh hư hỏng hoặc tạo ra hiệu ứng che mờ trắng trong các bức ảnh.

Tắt sản phẩm trước khi gỡ hoặc ngắt kết nối nguồn điện: Không được ngắt nguồn hoặc gỡ pin khi sản phẩm đang bật hoặc khi hình ảnh đang được ghi lại hoặc xóa bỏ. Ngắt nguồn điện cưỡng bức trong các trường hợp này có thể làm mất dữ liệu hoặc gây tổn hại cho bộ nhớ hoặc mạch điện bên trong của sản phẩm. Để phòng ngừa việc gián đoạn nguồn điện bất ngờ, tránh đưa sản phẩm từ nơi này sang nơi khác khi bộ đổi điện AC đang được kết nối.

Lau chùi: Khi lau chùi thân máy ảnh, sử dụng máy thổi để nhẹ nhàng loại bỏ bụi bẩn, sau đó lau nhẹ nhàng với khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một chiếc khăn được thấm nhẹ nước sạch và sau đó làm khô hoàn toàn máy ảnh. Trong một số trường hợp hiếm khi xảy ra, tĩnh điện có thể làm cho màn hình tĩnh thể lỏng sáng lên hoặc tối đi. Đây không phải dấu hiệu trục trặc, và màn hình hiển thị sẽ sớm trở lại bình thường.

Thấu kính và gương rất dễ bị tổn hại. Bụi bẩn nên được loại bỏ nhẹ nhàng bằng máy thổi. Khi sử dụng máy thổi dạng phun, giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài. Để loại bỏ dầu tay và các vết bẩn khác trên thấu kính, thấm một lượng nhỏ nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.

Xem “Lau Chùi Bộ Cảm Biến Hình Ảnh” (📖 313, 315) để biết thông tin về làm sạch cảm biến hình ảnh.

Tiếp xúc thấu kính: Giữ tiếp xúc thấu kính sạch sẽ.

Không được chạm vào màn trập: Màn trập rất mỏng và dễ bị tổn hại. Trong mọi trường hợp, bạn không được tì lên màn, chọc nó bằng các dụng cụ làm sạch, hoặc đưa nó ra các luồng gió mạnh từ máy thổi. Những hành động này có thể làm xước, biến dạng, hoặc rách màn.



Bảo quản: Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, ngắt bộ đổi điện nhằm tránh cháy nổ. Nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, tháo pin nhằm tránh rò rỉ và cất giữ máy ảnh trong một túi nhựa có chứa chất chống ẩm. Tuy nhiên, không bao giờ được cất giữ hộp máy ảnh trong một túi nhựa, bởi vì việc này có thể làm hư hỏng các chất liệu. Lưu ý rằng chất chống ẩm sẽ dần dần mất khả năng hút ẩm và nên được thay thế đều đặn.

Để tránh ẩm mốc, lấy máy ảnh ra khỏi nơi cất giữ ít nhất mỗi tháng một lần. Bật máy ảnh và nhả nút trập vài lần trước khi cất.

Cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo. Lắp lại nắp phủ đầu cắm trước khi cất pin.

Lưu ý về màn hình: Màn hình được chế tạo với độ chính xác rất cao; ít nhất 99,99% điểm ảnh có hiệu quả, không nhiều hơn 0,01% là bị thiếu hoặc bị lỗi. Do đó dù các màn hình này có thể chứa các điểm ảnh luôn sáng (trắng, đỏ, xanh da trời, hoặc xanh lá cây) hoặc luôn tắt (màu đen) thì đây cũng không phải là sự cố và không ảnh hưởng tới hình ảnh được ghi bằng máy.

Ảnh trên màn hình có thể khó nhìn trong ánh sáng chói.

Không được tì vào màn hình, bởi vì điều này có thể gây tổn hại hoặc trục trặc. Bụi bẩn trên màn hình có thể được loại bỏ bằng máy thổi. Các vết bẩn có thể được loại bỏ bằng cách lau nhẹ với khăn mềm hoặc da dê. Nếu màn hình bị vỡ, phải cẩn thận để tránh bị thương do kính vỡ gây ra và để phòng ngừa chất tinh thể lỏng từ màn hình chạm vào da hoặc rơi vào mắt hoặc miệng.

Pin: Pin có thể rò rỉ hoặc phát nổ nếu được xử lý không phù hợp. Tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau khi xử lý pin:

- Chỉ sử dụng pin được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Không được để pin tiếp xúc với lửa hoặc nhiệt độ quá cao.
- Giữ cực pin sạch sẽ.
- Tắt sản phẩm trước khi thay pin.
- Tháo pin ra khỏi máy ảnh hoặc bộ sạc khi không sử dụng và lắp lại nắp phủ đầu cắm. Các thiết bị này tiêu hao một lượng pin nhỏ ngay cả khi đang tắt và có thể làm pin hao đến mức không thể hoạt động nữa. Nếu không sử dụng pin trong một thời gian, lắp nó vào máy ảnh và xả hết pin trước khi tháo và lưu giữ tại nơi có nhiệt độ xung quanh từ 15 °C đến 25 °C (tránh các nơi nóng hoặc quá lạnh). Lắp lại quy trình này ít nhất sáu tháng một lần.
- Việc bật tắt máy ảnh liên tục khi pin đã xả hết sẽ rút ngắn tuổi thọ pin. Pin đã xả hết phải được sạc trước khi sử dụng.
- Nhiệt độ bên trong pin có thể tăng lên khi pin được sử dụng. Cố gắng sạc pin khi nhiệt độ bên trong tăng cao sẽ làm suy yếu hiệu suất pin, và pin có thể không được sạc hoặc chỉ sạc một phần. Đặt pin nguội trước khi sạc.



- Tiếp tục sạc pin sau khi nó được sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- Sự suy giảm đáng kể trong thời gian sử dụng của một viên pin đã được sạc đầy đến khi cần sạc trong nhiệt độ phòng là dấu hiệu rằng nó cần được thay thế. Mua pin EN-EL15 mới.
- Sạc pin trước khi sử dụng. Khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng, hãy chuẩn bị sẵn sàng pin EN-EL15 dự phòng được sạc đầy sẵn. Tùy thuộc vào vị trí của bạn, việc mua pin thay thế trong thời gian ngắn có thể gặp khó khăn. Lưu ý rằng vào những ngày lạnh, dung lượng pin có xu hướng giảm. Nhớ sạc đầy pin trước khi chụp ảnh bên ngoài trong thời tiết lạnh. Giữ pin dự phòng tại nơi ấm và hoán đổi pin khi cần. Khi đã được làm ấm, pin lạnh có thể phục hồi một chút điện.
- Pin đã qua sử dụng là nguồn tài nguyên có giá trị; tái chế chúng theo quy định của địa phương.



Cài Đặt Có Sẵn

Bảng sau là danh sách các thiết lập có thể được điều chỉnh trong mỗi chế độ.

Menu chụp																		
Thư mục lưu trữ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Đặt tên tệp ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Vai trò của thẻ trong Khe 2 ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Chất lượng hình ảnh ^{1,2}	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Kích cỡ hình ảnh ^{1,2}	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Vùng hình ảnh ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
JPEG nén ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Ghi NEF (RAW) ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Cân bằng trắng ^{1,2}	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Đặt Picture Control ^{1,2}	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Không gian màu ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
D-Lighting hoạt động ¹	— ³	— ³	✓	✓	— ³	— ³	— ³	— ³	— ³	— ³	—	—	—	—	—	—	—	—
HDR (dải nhạy sáng cao) ^{1,2}	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Điều khiển biến dạng tự động ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giảm nhiễu phơi sáng lâu ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giảm nhiễu ISO cao ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Cài đặt độ nhạy ISO ^{1,2}	✓ ⁴	✓ ⁴	✓	✓	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	—	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴	✓ ⁴
Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3) ^{1,2}	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Đa phơi sáng ^{1,2}	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Chụp hẹn giờ quảng thời gian ^{1,2}	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Cài đặt phim ¹	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Cài đặt khác ²																		
Chế độ lấy nét tự động (kính ngắm)	✓ ⁵	✓ ⁵	✓	✓	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	—	—	—	—	—	—	✓ ⁵
Chế độ vùng lấy nét tự động (kính ngắm)	✓ ⁵	✓ ⁵	✓	✓	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	✓ ⁵	—	—	—	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵
Lấy nét tự động (xem trực tiếp/phim)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	—	—	—	—	✓	✓	✓
Chế độ vùng lấy nét tự động (Xem trực tiếp/phim)	✓ ⁵	✓ ⁵	✓	✓	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	—	—	—	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵
Giữ nút AE-L/AF-L	✓ ⁵	✓ ⁵	✓	✓	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵	✓ ⁵
Chương trình linh động	—	—	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Đo sáng	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Bù phơi sáng	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	✓ ⁵	—	—	—	—	—	—	—
Chụp bù trừ	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Chế độ đèn nháy	✓ ⁵	—	✓	✓	✓ ⁵	—	—	✓ ⁵	—	—	—	✓ ⁵	—	—	—	—	—	—
Bù đèn nháy	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
Khóa FV	✓	—	✓	✓	✓	—	—	✓	—	—	—	✓	—	—	—	—	—	—



a1: Chọn ưu tiên AF-C	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a2: Chọn ưu tiên AF-S	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a3: Theo dõi lấy nét với khóa bật	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a4: Rời điểm AF	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a5: Viền quanh điểm lấy nét	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a6: Số điểm lấy nét	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
a7: Đèn trợ giúp AF gắn sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	—	—	✓	✓	✓	—	✓	✓	✓
b1: Giá trị bước độ nhạy ISO	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
b2: Bước EV cho đ.khiển phơi sáng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
b3: Bù phơi sáng dễ dàng	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
b4: Vùng ưu tiên trung tâm	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
b5: Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
c1: Nút nhả cửa trập AE-L	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
c2: Hẹn giờ chờ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
c3: Tự hẹn giờ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
c4: Độ trễ tắt màn hình	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
c5: Chụp từ xa theo t.lượng (ML-L3)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d1: Bíp	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d2: Hiển thị lưới kính ngắm	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d3: Hiển thị ISO và điều chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d4: Lời khuyên trên màn hình	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d5: Tốc độ chụp chế độ CL	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d6: Nhả liên tục tối đa	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d7: Chuỗi số tệp	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d8: Hiển thị thông tin	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d9: Chiều sáng LCD	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d10: Chế độ trễ phơi sáng ²	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d11: Cảnh báo đèn nháy	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
d12: Loại pin sạc MB-D15	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
d13: Thứ tự pin sạc	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Cài đặt Tùy chọn⁵



e1: Tốc độ đồng bộ đèn nháy	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
e2: Tốc độ cửa trập đèn nháy	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
e3: Đ.kh đ.nháy cho đ.nháy gắn sẵn/Đèn nháy tùy chọn	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
e4: Bù phơi sáng cho đèn nháy	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
e5: Đèn nháy tạo mô hình	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
e6: Bộ chụp bù trừ tự động	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
e7: Thử tự chụp bù trừ	—	—	✓	✓	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
f1: Nút OK	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f2: Chỉ định nút Fn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f3: Chỉ định nút xem trước	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f4: Chỉ định nút AE-L/AF-L	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f5: Tùy chọn đĩa lệnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f6: Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f7: Khóa nhả khe trống	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f8: Đảo ngược các chỉ báo	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
f9: Chỉ định nút MB-D15	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
g1: Chỉ định nút Fn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
g2: Chỉ định nút xem trước	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
g3: Chỉ định nút AE-L/AF-L	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
g4: Chỉ định nút cửa trập	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Cài Đặt Tùy Chọn⁶

- 1 Đặt về mặc định với **Đặt lại menu chụp ảnh tùy chọn** (□ 224).
- 2 Đặt lại với khởi động lại hai nút (□ 131). Các cài đặt riêng cho đa phơi sáng và chụp hẹn giờ quang thời gian không bị ảnh hưởng, nhưng việc khởi động lại hai nút sẽ kết thúc chụp hẹn giờ quang thời gian.
- 3 Đặt cố định tại **Tự động**.
- 4 Không có **Điều khiển tự động độ nhạy ISO**.
- 5 Đặt về mặc định khi đĩa lệnh chế độ được xoay tới thiết lập mới.
- 6 Đặt về mặc định với **Đặt lại cài đặt tùy chọn** (□ 231).



Mặc Định

Cài đặt mặc định cho các tùy chọn trong menu máy ảnh được nêu phía dưới. Để có thêm thông tin về khởi động lại hai nút, xem trang 131.

■ ■ Mặc Định Menu Phát Lại

Tùy chọn	Mặc Định	
Thư mục phát lại	D7100	217
Xem lại hình ảnh	Tắt	222
Sau khi xóa	Hiện tiếp theo	222
Xoay dọc	Bật	222

Tùy chọn	Mặc Định	
Trình chiếu		
Loại hình ảnh	Hình ảnh tĩnh và phim	223
Quảng khuôn hình	2 s	

■ ■ Mặc Định của Menu Chụp ¹

Tùy chọn	Mặc Định	
Đặt tên tệp	DSC	226
Vai trò của thẻ trong Khe 2	Tràn bộ nhớ	69
Chất lượng hình ảnh	JPEG bình thường	66
Kích cỡ hình ảnh	Lớn	68
Vùng hình ảnh	DX (24×16)	64
JPEG nén	Ưu tiên kích cỡ	67
Ghi NEF (RAW)		
Loại	Được nén không mất	67
NEF (RAW) độ sâu bit	14 bit	
Cân bằng trắng	Tự động > Bình thường	89
Tinh chỉnh	A-B: 0, G-M: 0	91
Chọn nhiệt độ màu	5000 K	94
Thiết lập sẵn bằng tay	d-1	95
Đặt Picture Control	Tiêu chuẩn	105
Không gian màu	sRGB	227
D-Lighting hoạt động		
P, S, A, M,	Tắt	113
Các chế độ khác	Tự động	
HDR (dải nhạy sáng cao)		
Chế độ HDR	Tắt	115
Cường độ HDR	Tự động	116

Tùy chọn	Mặc Định	
Điều khiển biến dạng tự động	Tắt	227
Giảm nhiễu phơi sáng lâu	Tắt	228
Giảm nhiễu ISO cao	Bình thường	228
Cài đặt độ nhạy ISO		
Độ nhạy ISO		
P, S, A, M	100	79
Các chế độ khác	Tự động	
Điều khiển tự động độ nhạy ISO	Tắt	81
Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)	Tắt	127
Đa phơi sáng ²		
Chế độ đa phơi sáng	Tắt	141
Số lượng ảnh	2	142
Tăng tự động	Bật	143
Chụp hẹn giờ quảng thời gian	Đặt lại ³	145
Cài đặt phim		
Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình	1920×1080, 30p	169
Chất lượng phim	Chất lượng cao	
Micrô	Độ nhạy tự động	
Đích	Khe 1	

¹ Có thể khôi phục về cài đặt mặc định với **Đặt lại menu chụp ảnh tùy chọn** (224).

² Không thể chọn **Đặt lại menu chụp ảnh tùy chọn** trong khi đang chụp.

³ Khởi động đặt lại thời gian **Ngay bây giờ**, quảng thời gian đặt lại về 1 phút, đặt lại số lần quảng thời gian và số lần chụp về 1 và **Bắt đầu** chuyển đến **Tắt**. Việc chụp sẽ kết thúc khi quá trình đặt lại được tiến hành.



■ ■ Mặc Định của Menu Cài Đặt Tùy Chọn *

Tùy chọn	Mặc Định	
a1 Chọn ưu tiên AF-C	Nhả	231
a2 Chọn ưu tiên AF-S	Lấy nét	231
a3 Theo dõi lấy nét với khóa bật	3 (Bình thường)	232
a4 Rơi điểm AF	Tự động	232
a5 Viền quanh điểm lấy nét	Không viền	232
a6 Số điểm lấy nét	51 điểm	233
a7 Đèn trợ giúp AF gần sẵn	Bật	233
b1 Giá trị bước độ nhạy ISO	1/3 bước	234
b2 Bước EV cho đ.khiến phơi sáng	1/3 bước	234
b3 Bù phơi sáng dễ dàng	Tắt	235
b4 Vùng ưu tiên trung tâm	ø 8 mm	236
b5 Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu		
	Đo sáng ma trận	0
	Đo sáng cân bằng trung tâm	0
	Đo sáng điểm	0
c1 Nút nhả cửa trập AE-L	Tắt	236
c2 Hẹn giờ chờ	6 s	237
c3 Tự hẹn giờ		
	Độ trễ tự hẹn giờ	10 s
	Số lượng ảnh	1
	Quảng thời gian giữa các ảnh	0,5 s
c4 Độ trễ tắt màn hình		
	Phát lại	10 s
	Menu	1 phút
	Hiển thị thông tin	10 s
	Xem lại hình ảnh	4 s
	Xem trực tiếp	10 phút
c5 Chụp từ xa theo t.lượng (ML-L3)	1 phút	238
d1 Bíp		
	Âm lượng	Tắt
	Độ cao thấp	Thấp
d2 Hiển thị lưới kính ngắm	Tắt	239
d3 Hiển thị ISO và điều chỉnh	Hiện đếm khuôn hình	239
d4 Lời khuyên trên màn hình	Bật	239
d5 Tốc độ chụp chế độ CL	3 fps	239
d6 Nhả liên tục tối đa	100	240
d7 Chuỗi số tệp	Bật	240
d8 Hiển thị thông tin	Tự động	241
d9 Chiếu sáng LCD	Tắt	241
d10 Chế độ trễ phơi sáng	Tắt	241
d11 Cảnh báo đèn nháy	Bật	241

Tùy chọn	Mặc Định	
d12 Loại pin sạc MB-D15	LR6 (AA kiềm)	242
d13 Thử tự pin sạc	Sd pin sạc MB-D15 trước tiên	243
e1 Tốc độ đồng bộ đèn nháy	1/250 s	244
e2 Tốc độ cửa trập đèn nháy	1/60 s	245
e3 Đ.kh đ.nháy cho đ.nháy gần sẵn/Đèn nháy tùy chọn	TTL	246
e4 Bù phơi sáng cho đèn nháy	Toàn bộ khuôn hình	250
e5 Đèn nháy tạo mô hình	Bật	251
e6 Bộ chụp bù trừ tự động	AE & đèn nháy	251
e7 Thử tự chụp bù trừ	MTR > dưới > quá	251
f1 Nút OK		
	Chế độ chụp	Chọn điểm lấy nét trung tâm
	Chế độ phát lại	Bật/tắt hình thu nhỏ
	Xem trực tiếp	Chọn điểm lấy nét trung tâm
f2 Chỉ định nút Fn		
	Nhấn	Không có
	Nhấn + đĩa lệnh	Chọn vùng hình ảnh
f3 Chỉ định nút xem trước		
	Nhấn	Xem trước
	Nhấn + đĩa lệnh	Không có
f4 Chỉ định nút AE-L/AF-L		
	Nhấn	Khóa AE/AF
	Nhấn + đĩa lệnh	Không có
f5 Tùy chọn đĩa lệnh		
	Xoay ngược	Bù phơi sáng: ☐ Tốc độ cửa trập/độ mở ống kính: ☐
	Thay đổi chính/phụ	Tắt
	Cài đặt độ mở ống kính	Đĩa lệnh phụ
	Menu và phát lại	Tắt
f6 Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh	Không	258
f7 Khóa nhả khe trống	Cho phép nhả	258
f8 Đảo ngược các chỉ báo		258
f9 Chỉ định nút MB-D15 	Khóa AE/AF	259
g1 Chỉ định nút Fn	Không có	259
g2 Chỉ định nút xem trước	Không có	260
g3 Chỉ định nút AE-L/AF-L	Khóa AE/AF	260
g4 Chỉ định nút cửa trập	Chụp ảnh	260

* Có thể khôi phục về cài đặt mặc định với **Đặt lại cài đặt tùy chọn** ( 231).



■ ■ **Mặc Định Menu Cài Đặt**

Tùy chọn	Mặc Định	
Lưu cài đặt người dùng		
Lưu thành U1	Chế độ chụp mặc định là P	55
Lưu thành U2		
Độ sáng màn hình	0	262
Làm sạch cảm biến hình ảnh		
Làm sạch khi khởi động/tắt	Làm sạch khi khởi động & tắt	313
Giảm nhấp nháy	Tự động	264
Múi giờ và ngày		
Thời gian t.kiểm á.sáng ban ngày	Tắt	265

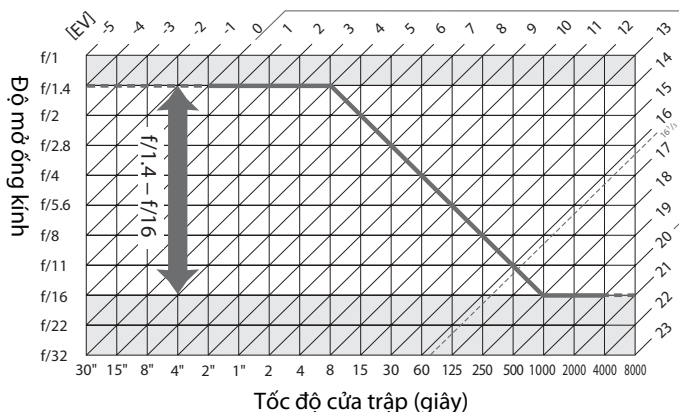
Tùy chọn	Mặc Định	
Xoay hình ảnh tự động	Bật	265
HDMI		
Độ phân giải đầu ra	Tự động	216
Điều khiển thiết bị	Bật	
GPS		
Hẹn giờ chờ	Bật	152
Sử dụng GPS để đặt đ.hồ máy ảnh	Có	
Đầu nối di động không dây	Bật	271
Tải lên Eye-Fi	Bật	272



Chương Trình Phơi Sáng (Chế Độ P)

Chương trình phơi sáng cho chế độ P được thể hiện trong biểu đồ sau:

ISO 100; thấu kính độ mở ống kính cực đại ở mức f/1.4 và độ mở ống kính tối thiểu ở mức f/16 (ví dụ, AF-S NIKKOR 50mm f/1.4G)



Giá trị cực đại và tối thiểu cho EV thay đổi theo độ nhạy ISO; biểu đồ phía trên giả định độ nhạy ISO ở mức tương đương ISO 100. Khi chức năng đo sáng ma trận được sử dụng, giá trị trên 16^{1/3} EV được giảm xuống 16^{1/3} EV.



Xử lý sự cố

Nếu máy ảnh không hoạt động như mong đợi, hãy xem danh sách các lỗi thường gặp phía dưới trước khi tham khảo ý kiến nhà bán lẻ của bạn hoặc đại diện ủy quyền của Nikon.

Pin/Hiển thị

Máy ảnh được bật nhưng không phản hồi: Chờ đợi việc ghi kết thúc. Nếu vấn đề vẫn còn, tắt máy ảnh. Nếu máy ảnh không tắt, tháo và lắp lại pin, hoặc nếu bạn đang sử dụng một bộ đổi điện AC, ngắt kết nối và kết nối lại bộ đổi điện AC. Lưu ý mặc dù bất kỳ dữ liệu hiện đang được ghi sẽ bị mất, dữ liệu đã được ghi sẽ không bị ảnh hưởng bởi việc tháo hoặc ngắt kết nối nguồn điện.

Kính ngắm không thể lấy nét: Điều chỉnh chức năng lấy nét kính ngắm hoặc sử dụng các thấu kính điều chỉnh thị kính (□ 33, 308).

Kính ngắm tối đen: Lắp pin đã sạc đầy (□ 22, 35).

Màn hình hiển thị tắt đột ngột: Chọn độ trễ dài hơn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Hẹn giờ chờ**) hoặc c4 (**Độ trễ tắt màn hình**) (□ 237, 238).

Màn hình hiển thị bằng điều khiển và kính ngắm phản hồi chậm và mờ: Thời gian phản hồi và độ sáng của những màn hình hiển thị này thay đổi theo nhiệt độ.

Có thể thấy các đường mảnh xung quanh điểm lấy nét hoạt động hoặc màn hình hiển thị chuyển sang màu đỏ khi điểm lấy nét được làm nổi bật: Những hiện tượng này là bình thường đối với loại kính ngắm này và không phải dấu hiệu của trục trặc.

Chụp (Tất Cả Các Chế Độ)

Máy ảnh tốn nhiều thời gian để khởi động: Xóa các tệp hoặc thư mục.

Chức năng nhả cửa trập đã bị vô hiệu hóa:

- Thẻ nhớ bị khóa, đầy, hoặc chưa được lắp (□ 30, 31).
- **Nhả bị khóa** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn f7 (**Khóa nhả khe trống**; □ 258)) và không lắp thẻ nhớ nào vào (□ 30).
- Đền nháy gần sẵn đang sạc (□ 38).
- Máy ảnh không thể lấy nét (□ 37).
- Thấu kính CPU có gắn vòng độ mở ống kính nhưng độ mở ống kính không được khóa ở số f cao nhất. Nếu **F E** được hiển thị trên bảng điều khiển, chọn **Vòng độ mở ống kính** cho Cài Đặt Tùy Chọn f5 (**Tùy chọn đĩa lệnh**) > **Cài đặt độ mở ống kính** để sử dụng vòng mở thấu kính để điều chỉnh độ mở ống kính (□ 257).
- Thấu kính không CPU được gắn nhưng máy ảnh không ở trong chế độ **A** hoặc **M** (□ 298).

Máy ảnh phản hồi chậm với nút nhả cửa trập: Chọn **Tất** cho Cài Đặt Tùy Chọn d10 (**Chế độ trễ phơi sáng**; □ 241).

Máy ảnh không chụp ảnh khi nhấn nút điều khiển từ xa nút nhả cửa trập:

- Thay pin của điều khiển từ xa (□ 309).
- Chọn một tùy chọn khác với **Tất** cho **Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)** (□ 127).
- Đền nháy đang sạc (□ 38).
- Thời gian được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c5 (**Chụp từ xa theo t.lượng (ML-L3)**; □ 238) đã trôi qua.
- Ánh sáng chói đang cản trở điều khiển từ xa ML-L3.



Ảnh không được lấy nét:

- Xoay bộ chọn chế độ lấy nét tới **Lấy nét tự động** (☐ 71).
- Máy ảnh không thể lấy nét bằng cách sử dụng chức năng lấy nét tự động: sử dụng chức năng lấy nét bằng tay hoặc khóa lấy nét (☐ 76, 78).
- Không thể sử dụng nút nhả cửa trập để lấy nét khi **AF-ON** được gán làm nút **Nhấn** cho Cài Đặt Tùy Chọn f2 (**Chỉ định nút Fn**, ☐ 253), f3 (**Chỉ định nút xem trước**, ☐ 255), f4 (**Chỉ định nút AE-L/AF-L**, ☐ 256), hoặc f9 (**Chỉ định nút MB-D15** ㉔, ☐ 259). Sử dụng nút mà **AF-ON** được gán.

Chức năng lấy nét không khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa: Sử dụng nút ㉔ **AE-L/AF-L** để khóa lấy nét khi **AF-C** được chọn cho chế độ lấy nét tự động hoặc khi chụp các đối tượng di chuyển trong chế độ **AF-A**.

Không thể chọn điểm lấy nét:

- Mở khóa bộ chọn lấy nét (☐ 75).
- Lấy nét tự động vùng tự động hoặc lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động: chọn chế độ khác.
- Máy ảnh đang trong chế độ phát lại (☐ 185) hoặc các menu đang được sử dụng (☐ 217).
- Nhấn nút nhả cửa trập xuống một nửa để tắt màn hình hoặc bắt đầu hẹn giờ chờ (☐ 38).

Không thể chọn chế độ vùng lấy nét tự động: Chế độ lấy nét bằng tay đã được chọn (☐ 78, 159).

Chỉ một bức ảnh được chụp mỗi lần nhấn nút nhả cửa trập trong chế độ nhả liên tục: Việc chụp liên tục không sẵn có nếu đèn nháy gần sẵn nháy (☐ 121).

Không thể thay đổi cơ hình ảnh: **Chất lượng hình ảnh** được đặt ở **NEF (RAW)** (☐ 67).

Máy ảnh ghi ảnh chậm: Tắt chức năng giảm nhiễu phơi sáng kéo dài (☐ 228).

Nhiều (điểm sáng chói, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường kẻ) xuất hiện trong ảnh:

- Chọn độ nhạy ISO thấp hơn hoặc chọn chế độ giảm nhiễu ISO cao (☐ 79, 228).
- Tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây: dùng chức năng giảm nhiễu phơi sáng kéo dài (☐ 228).
- Tắt D-Lighting Hoạt Động để tránh làm tăng các tác động của nhiễu (☐ 113).

Đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động không phát sáng:

- Đèn trợ giúp lấy nét tự động sẽ không phát sáng nếu **AF-C** được chọn cho chế độ lấy nét tự động (☐ 71) hoặc nếu chế độ lấy nét tự động phần phụ liên tục được chọn khi máy ảnh đang trong chế độ **AF-A**. Chọn chế độ **AF-S**. Nếu lấy nét tự động vùng động hoặc điểm đơn được chọn cho chế độ vùng lấy nét tự động, chọn điểm lấy nét trung tâm (☐ 73, 75).
- Máy ảnh đang trong chế độ xem trực tiếp hoặc đang quay một bộ phim.
- **Tắt** đã được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn a7 (**Đèn trợ giúp AF gần sẵn**) (☐ 233).
- Bộ phát sáng tự động tắt. Bộ phát sáng có thể nóng dần với việc sử dụng liên tục; hãy đợi đèn nguội bớt.

Trên ảnh có vết nhòe: Làm sạch các phần phía trước và phía sau thấu kính. Nếu vấn đề vẫn tồn tại, tiến hành làm sạch cảm biến hình ảnh (☐ 313).

Phim được quay không có tiếng: **Tắt micrô** đã được chọn cho **Cài đặt phim > Micrô**.

Độ sáng của hình ảnh trên màn hình khác với độ phơi sáng của ảnh xem trực tiếp:

- Chế độ đo sáng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm đã được chọn (☐ 83).
 - Máy ảnh đang trong chế độ **M**.
 - Đối tượng quá sáng hoặc quá tối.
 - D-Lighting Hoạt Động đang có hiệu lực (☐ 113).
 - Bức ảnh có độ phơi sáng thời gian dài (☐ 52).
 - Đèn nháy đã được sử dụng (☐ 119).
-



Hiện tượng nhấp nháy hoặc dải màu xuất hiện trong chế độ xem trực tiếp hoặc quay phim: Chọn một tùy chọn cho **Giảm nhấp nháy** phù hợp với tần số của nguồn cấp điện AC cục bộ (□ 264).

Các dải màu sáng xuất hiện trong chế độ xem trực tiếp hoặc quay phim: Một tín hiệu đèn nháy, đèn nháy hoặc nguồn sáng khác đã được sử dụng trong thời gian ngắn trong chế độ xem trực tiếp hoặc quay phim.

Không thể chọn được mục menu: Một số tùy chọn không có sẵn trong tất cả các chế độ.

Chụp (P, S, A, M)

Chức năng nhả cửa trập đã bị vô hiệu hóa:

- Thấu kính không CPU đã được gắn: xoay đĩa lệnh chế độ máy ảnh tới **A** hoặc **M** (□ 47, 298).
- Đĩa lệnh chế độ được xoay tới **S** sau khi tốc độ cửa trập của Bóng đèn (bulb) hoặc Thời gian (- -) được chọn ở chế độ **M**: chọn tốc độ cửa trập mới (□ 49).

Phạm vi đầy đủ của tốc độ cửa trập không có sẵn: Đèn nháy đang được sử dụng. Tốc độ đồng bộ đèn nháy có thể được chọn bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Tốc độ đồng bộ đèn nháy**); khi sử dụng bộ đèn nháy tương thích, chọn **1/320 s (FP tự động)** hoặc **1/250 s (FP tự động)** để đạt được phạm vi đầy đủ của tốc độ cửa trập (□ 244).

Màu sắc không tự nhiên:

- Điều chỉnh độ cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng (□ 89).
- Điều chỉnh thiết lập **Đặt Picture Control** (□ 105).

Không thể xác định độ cân bằng trắng: Đối tượng quá tối hoặc quá sáng (□ 97).

Hình ảnh không thể được chọn làm nguồn cho chức năng cài đặt trước độ cân bằng trắng: Hình ảnh không được tạo với D7100 (□ 100).

Chức năng cân bằng trắng bù trừ không có sẵn:

- Tùy chọn chất lượng hình ảnh NEF (RAW) hoặc NEF+JPEG đã được chọn cho chất lượng hình ảnh (□ 66).
- Chế độ đa phơi sáng đang có hiệu lực (□ 144).

Hiệu lực của Picture Control thay đổi theo từng hình ảnh khác nhau: **A** (tự động) đã được chọn cho chức năng làm sắc nét, độ tương phản, hoặc độ bão hòa. Để đạt được kết quả nhất quán cho một loạt ảnh, hãy chọn một cài đặt khác (□ 108).

Không thể thay đổi chức năng đo sáng: Khóa tự động phơi sáng hoặc xem trực tiếp đang hoạt động (□ 84, 161).

Không thể sử dụng chức năng bù phơi sáng: Chọn chế độ **P, S**, hoặc **A** (□ 48, 49, 50).

Nhiều (các vùng đỏ hung hoặc các ảnh giả khác) xuất hiện trong phơi sáng thời gian dài: Cho phép giảm nhiễu phơi sáng kéo dài (□ 228).

Phát lại

Ảnh NEF (RAW) không được phát lại: Ảnh đã được chụp với chất lượng hình ảnh NEF + JPEG (□ 66).

Không thể xem ảnh ghi lại bởi máy ảnh khác: Ảnh được ghi lại bằng các sản phẩm máy ảnh khác có thể được hiển thị không chính xác.

Tin nhắn được hiển thị thông báo rằng không có ảnh nào sẵn có cho việc phát lại: Chọn **Tất cả** cho **Thư mục phát lại** (□ 217).



Ảnh có hướng chụp “Độc” (chân dung) được hiển thị theo hướng “rộng” (phong cảnh):

- Chọn **Bật** cho **Xoay dọc** (☐ 222).
- Ảnh đã được chọn với **Tắt** được chọn cho **Xoay hình ảnh tự động** (☐ 265).
- Máy ảnh đã được hướng lên trên hoặc xuống dưới khi chụp ảnh (☐ 265).
- Ảnh được hiển thị trong chế độ xem lại hình ảnh (☐ 222).

Không thể xóa ảnh:

- Ảnh được bảo vệ: gỡ bảo vệ (☐ 196).
- Thẻ nhớ bị khóa (☐ 31).

Không thể sửa lại ảnh: Ảnh không thể được sửa thêm với máy ảnh này (☐ 274).

Không thể thay đổi thứ tự in:

- Thẻ nhớ đầy: xóa ảnh (☐ 35, 197).
- Thẻ nhớ bị khóa (☐ 31).

Không thể chọn ảnh để in: Ảnh đang ở định dạng NEF (RAW). Tạo bản sao JPEG bằng cách sử dụng **Xử lý NEF (RAW)** hoặc chuyển sang máy tính và in bằng cách sử dụng chương trình ViewNX 2 (được cung cấp) hoặc Capture NX 2 (có bán riêng).

Ảnh không được hiển thị trên ti-vi:

- Chọn độ phân giải đầu ra phù hợp (☐ 216).
- Dây cáp HDMI (☐ 215) không kết nối đúng.

Máy ảnh không phản hồi với điều khiển từ xa của ti-vi HDMI-CEC:

- Chọn **Bật** cho **HDMI > Điều khiển thiết bị** trong menu cài đặt (☐ 216).
- Điều chỉnh thiết lập HDMI-CEC cho TV như được mô tả trong tài liệu được cung cấp kèm với thiết bị.

Không thể chuyển ảnh sang máy tính: Hệ điều hành không tương thích với máy ảnh hoặc phần mềm chuyển. Sử dụng bộ đọc thẻ để sao chép ảnh sang máy tính (☐ 202).

Ảnh không được hiển thị trong Capture NX 2: Cập nhật phiên bản mới nhất (☐ 309).

Tùy chọn bụi hình ảnh tắt trong Capture NX 2 không có hiệu quả như mong muốn: Quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh thay đổi vị trí của bụi trong cảm biến hình ảnh. Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi trước khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp sau khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành. Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi sau khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành (☐ 264).

Máy tính hiển thị ảnh NEF (RAW) khác với máy ảnh: Phần mềm của hãng thứ ba không hiển thị hiệu ứng của Picture Controls hoặc Active D-Lighting. Sử dụng ViewNX 2 (được cung cấp) hoặc phần mềm Nikon tùy chọn như Capture NX 2 (có bán riêng).

Khác

Ngày ghi không chính xác: Đặt đồng hồ máy ảnh (☐ 28, 265).

Không thể chọn được mục menu: Một số tùy chọn không có sẵn trong một số cài đặt hỗn hợp nhất định hoặc không có thể nào được lắp. Lưu ý rằng tùy chọn **Thông tin pin** không có sẵn khi máy ảnh được cấp nguồn bởi đầu nối nguồn EP-5B và bộ đổi điện AC EH-5b tùy chọn (☐ 266).



Thông Báo Lỗi

Mục này là danh sách các chỉ báo và thông báo lỗi xuất hiện trên kính ngắm, bảng điều khiển, và màn hình.

Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Bảng điều khiển	Kính ngắm			
		Vòng mở thấu kính không được đặt ở độ mở ống kính tối thiểu.	Đặt vòng ở độ mở ống kính tối thiểu (số f- cao nhất).	27
		Pin yếu.	Chuẩn bị sẵn pin đã sạc đầy.	22
		- Pin cạn kiệt. - Không thể sử dụng pin. - Một viên pin sạc Li-ion sắp cạn kiệt hoặc pin của hãng thứ ba đang được lắp vào máy ảnh hoặc gói pin MB-D15 tùy chọn.	- Sạc hoặc thay pin. - Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền. - Thay pin, hoặc sạc pin nếu pin sạc Li-ion cạn kiệt.	xxvi, 22, 24
		Không có thấu kính nào được gắn, hoặc thấu kính không CPU được gắn khi không xác định độ mở ống kính tối đa. Độ mở ống kính được đưa ra theo các điểm dừng từ độ mở ống kính tối đa.	Giá trị độ mở ống kính sẽ được hiển thị nếu độ mở ống kính tối đa được xác định.	149
		- Không có thấu kính nào được gắn. - Không có thấu kính không CPU nào được gắn.	- Lắp thấu kính. - Nếu thấu kính CPU đã được gắn, gỡ và gắn lại thấu kính. - Chọn chế độ A hoặc M.	26, 295 47, 298
		Máy ảnh không thể lấy nét bằng cách sử dụng chức năng lấy nét tự động.	Thay đổi bố cục hoặc lấy nét bằng tay.	72, 78



Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Bảng điều khiển	Kính ngắm			
(Chỉ báo phơi sáng và tốc độ cửa trập hoặc độ mở ống kính hiển thị đèn nháy)		Đối tượng quá sáng; ảnh sẽ bị phơi sáng quá mức.	- Sử dụng độ nhạy ISO thấp hơn - Trong chế độ chụp: P Sử dụng bộ lọc ND tùy chọn S Tăng tốc độ cửa trập A Chọn độ mở ống kính nhỏ hơn (số f cao hơn) ☒ Chọn một chế độ chụp khác	79
				308
				49
				50
		Đối tượng quá tối; ảnh sẽ bị thiếu phơi sáng.	- Sử dụng độ nhạy ISO cao hơn - Trong chế độ chụp: P Sử dụng đèn nháy S Giảm tốc độ cửa trập A Chọn độ mở ống kính lớn hơn (số f thấp hơn)	79
				119
				49
				50
bULb (nháy)		Bóng đèn (bULb) được chọn trong chế độ S .	Thay đổi tốc độ cửa trập hoặc chọn chế độ M .	49, 51
- - (nháy)		Thời gian (- -) được chọn trong chế độ S .	Thay đổi tốc độ cửa trập hoặc chọn chế độ M .	49, 51
b5Y (nháy)	b5Y (nháy)	Hình ảnh đang được xử lý.	Đợi đến khi xử lý xong.	—
—	 (nháy)	Nếu chỉ báo nháy trong 3 giây sau khi đèn nháy nháy sáng, ảnh có thể bị thiếu phơi sáng.	Kiểm tra ảnh trên màn hình; nếu bị thiếu phơi sáng, chỉnh sửa thiết lập và thử lại.	185
FuLi (nháy)	FuLi (nháy)	Không đủ bộ nhớ để tiếp tục ghi ảnh với cài đặt hiện tại, hoặc máy ảnh đã sử dụng hết số lượng tập tin hoặc thư mục.	- Giảm chất lượng hoặc kích cỡ. - Xóa bớt ảnh. - Lắp thẻ nhớ mới.	66, 68
				197
				30
Err (nháy)		Máy ảnh gặp trục trặc.	Nhả cửa trập. Nếu vấn đề vẫn tồn tại hoặc xuất hiện thường xuyên, hãy tham khảo ý kiến của đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	—

Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Màn hình	Bảng điều khiển			
Không có thẻ nhớ.	(- E -)	Máy ảnh không thể tìm thấy thẻ nhớ.	Tắt máy ảnh và xác nhận là thẻ nhớ đã được lắp chuẩn xác.	30
Không thể sử dụng thẻ nhớ này. Thẻ có thể bị hỏng. Cắm thẻ khác.	 (nháy)	- Có lỗi khi truy cập thẻ nhớ. - Không thể tạo thư mục mới.	- Sử dụng thẻ nhớ được Nikon phê duyệt. - Kiểm tra xem phần tiếp xúc có sạch sẽ không. Nếu thẻ nhớ đã bị tổn hại, hãy liên hệ với nhà bán lẻ hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền. - Xóa tập tin hoặc lắp thẻ nhớ mới sau khi sao chép những hình ảnh quan trọng vào máy tính hoặc thiết bị khác.	347 — 30, 197
	 (nháy)	Máy ảnh không thể điều khiển thẻ Eye-Fi.	- Kiểm tra xem vi chương trình của thẻ Eye-Fi đã được cập nhật mới nhất chưa. - Sao chép các tập tin trong thẻ Eye-Fi sang máy tính hoặc thiết bị khác và định dạng thẻ, hoặc lắp thẻ mới.	272 30, 32, 203
Thẻ nhớ bị khóa. Trượt khóa đến vị trí “ghi”.	 (nháy)	Thẻ nhớ bị khóa (chống ghi).	Trượt công tắc bảo vệ ghi sang vị trí “write (ghi)”.	31
Không sẵn có nếu khóa thẻ Eye-Fi.	 (nháy)	Thẻ Eye-Fi bị khóa (được bảo vệ khỏi ghi dữ liệu).		
Thẻ này không được định dạng. Định dạng thẻ.	[F o r] (nháy)	Thẻ nhớ chưa được định dạng để sử dụng với máy ảnh.	Định dạng thẻ nhớ hoặc lắp thẻ nhớ mới.	30, 32
Đồng hồ đã được đặt lại	—	Đồng hồ máy ảnh không được đặt.	Đặt đồng hồ máy ảnh.	28, 265
Cập nhật vi chương trình bộ đèn nháy không thành công. Không thể sử dụng đèn nháy. Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	—	Vi chương trình của bộ đèn nháy đang được gán vào máy ảnh đã không được cập nhật chuẩn xác.	Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	—
Không thể bắt đầu xem trực tiếp. Vui lòng đợi.	—	Nhiệt độ bên trong máy ảnh cao.	Chờ cho các mạch bên trong mát trước khi tiếp tục chế độ xem trực tiếp hay ghi phim.	154, 168



Chỉ báo		Vấn đề	Giải pháp	
Màn hình	Bảng điều khiển			
Thư mục không có hình ảnh nào.	—	Không có ảnh nào trong thẻ nhớ hoặc (các) thư mục được chọn để phát lại.	Chọn thư mục chứa ảnh từ menu Thư mục phát lại hoặc lấp thẻ nhớ chứa hình ảnh.	30, 217
Tất cả hình ảnh bị ẩn.	—	Tất cả các ảnh trong thư mục hiện tại đang được ẩn.	Không có ảnh nào có thể được phát lại cho đến khi một thư mục khác được chọn hoặc chức năng Ẩn hình ảnh được sử dụng để cho phép hiển thị ít nhất một hình ảnh.	218
Không thể hiển thị tệp này.	—	Tập tin đã được tạo hoặc sửa đổi bằng máy tính hoặc một sản phẩm máy ảnh khác, hoặc tập tin đã hỏng.	Không thể phát lại tệp trên máy ảnh.	—
Không thể phát phim này.	—	Máy ảnh không thể phát phim được chọn.	Máy ảnh không thể phát phim được quay hoặc chỉnh sửa bằng các thiết bị khác.	161
Không thể chọn tệp này.	—	Không thể sửa lại hình ảnh đã chọn.	Không thể sửa lại hình ảnh được tạo bởi các thiết bị khác.	274
Không thể sửa lại phim này.	—	Không thể biên tập bộ phim đã chọn.	- Không thể biên tập các bộ phim được tạo bởi các thiết bị khác. - Phim phải dài ít nhất hai giây.	—
				175
Kiểm tra máy in.	—	Lỗi máy in.	Kiểm tra máy in. Để bắt đầu lại, chọn Tiếp tục , nếu có sẵn.	208 *
Kiểm tra giấy.	—	Giấy trong máy in có khổ giấy không giống như đã chọn.	Cho giấy có đúng khổ giấy vào và chọn Tiếp tục .	208 *
Kẹt giấy.	—	Giấy bị kẹt trong máy in.	Dọn giấy bị kẹt và chọn Tiếp tục .	208 *
Hết giấy.	—	Máy in hết giấy.	Cho giấy có khổ giấy được chọn đúng vào và chọn Tiếp tục .	208 *
Kiểm tra nguồn cung cấp mực.	—	Mực in có vấn đề.	Kiểm tra mực. Để bắt đầu lại, chọn Tiếp tục .	208 *
Hết mực.	—	Máy in hết mực.	Thay mực và chọn Tiếp tục .	208 *

* Xem tài liệu hướng dẫn máy in để biết thêm thông tin.



Thông Số Kỹ Thuật

■ Máy ảnh số Nikon D7100

Loại	
Loại	Máy ảnh số phản chiếu thấu kính đơn
Gắn thấu kính	Móc gắn Nikon F (với chức năng ghép lấy nét tự động và tiếp điểm lấy nét tự động)
Góc xem hiệu quả	Định dạng Nikon DX; tiêu cự ở định dạng 35 mm [135] tương đương với định dạng 1,5× của thấu kính với góc xem định dạng FX
Điểm ảnh hiệu quả	
Điểm ảnh hiệu quả	24.1 triệu
Cảm biến hình ảnh	
Cảm biến hình ảnh	23,5 × 15,6 mm cảm biến CMOS
Tổng điểm ảnh	24,71 triệu
Hệ Thống Giảm Bụi	Làm sạch cảm biến hình ảnh, dữ liệu tham chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt (Cần phần mềm Capture NX 2 tùy chọn)
Bảo quản	
Cỡ ảnh (điểm ảnh)	• DX (24×16) vùng hình ảnh 6000 × 4000 (L) 4496 × 3000 (M) 2992 × 2000 (S) • 1,3× (18×12) vùng hình ảnh 4800 × 3200 (L) 3600 × 2400 (M) 2400 × 1600 (S) • Ảnh có vùng hình ảnh DX (24×16) chụp ở xem trực tiếp phim 6000 × 3368 (L) 4496 × 2528 (M) 2992 × 1680 (S) • Ảnh có vùng hình ảnh 1,3× (18×12) chụp ở xem trực tiếp phim 4800 × 2696 (L) 3600 × 2024 (M) 2400 × 1344 (S)
Định dạng tệp	• NEF (RAW): 12 hoặc 14 bit, được nén không mất nén bằng chế độ không giảm • JPEG: JPEG-Baseline tuân thủ chuẩn nén tốt (xấp xỉ 1 : 4), bình thường (xấp xỉ 1 : 8), hoặc cơ bản (xấp xỉ 1 : 16) nén (Ưu tiên kích cỡ); Có sẵn chuẩn nén Chất lượng tối ưu • NEF (RAW)+JPEG: Ảnh đơn được ghi với cả hai định dạng NEF (RAW) và JPEG
Hệ Thống Picture Control	Tiêu Chuẩn, Trung Tính, Sắc Sỡ, Đơn Sắc, Chân Dung, Phong Cảnh; có thể chỉnh sửa chức năng Picture Control đã chọn; lưu trữ cho chức năng Picture Control tùy chọn
Phương tiện media	Thẻ nhớ SD (Secure Digital) và SDHC và SDXC tuân thủ UHS-I
Khe cắm đôi	Khe cắm 2 có thể được dùng khi có quá nhiều dữ liệu hoặc làm nơi lưu trữ dự phòng hoặc nơi lưu trữ riêng biệt các bản sao được tạo bằng chức năng NEF+JPEG; ảnh có thể được sao chép giữa các thẻ.
Tệp hệ thống	DCF (Design Rule for Camera File System) 2,0, DPOF (Digital Print Order Format), Exif (Exchangeable Image File Format for Digital Still Cameras) 2,3, PictBridge



Kính ngắm	
Kính ngắm	Kính ngắm độ mắt lăng kính năm mặt phản chiếu thấu kính đơn
Tầm phủ khuôn hình	DX (24×16) vùng hình ảnh: Xấp xỉ 100% theo phương ngang và 100% theo phương đứng 1,3× (18×12) vùng hình ảnh: Xấp xỉ 97% theo phương ngang và 97% theo phương đứng
Độ phóng đại	Xấp xỉ 0,94× (50 mm f/1.4 thấu kính ở vô tận, $-1,0\text{ m}^{-1}$)
Điểm mắt	19,5 mm ($-1,0\text{ m}^{-1}$; từ bề mặt trung tâm của thấu kính mắt của kính ngắm)
Chỉnh đi ốp	$-2 - +1\text{ m}^{-1}$
Màn hình lấy nét	Màn hình BriteView Clear Matte Mark II loại B với khung vùng lấy nét tự động (có thể hiển thị lưới khuôn hình)
Gương phản chiếu	Quay lại nhanh
Xem trước độ sâu của trường	Nhấn nút xem trước độ sâu của trường sẽ dừng độ mở ống kính xuống giá trị được chọn bởi người dùng (chế độ A và M) hoặc bởi máy ảnh (chế độ khác)
Độ mở ống kính	Quay lại ngay lập tức, điều khiển điện tử
Thấu kính	
Các thấu kính tương thích	Tương thích với thấu kính AF NIKKOR, gồm thấu kính loại G và D (một số hạn chế có ở thấu kính PC) và thấu kính DX, thấu kính AI-P NIKKOR và thấu kính không CPU (chỉ chế độ A và M). Thấu kính IX NIKKOR, thấu kính cho F3AF, và không thể sử dụng thấu kính không AI. Có thể sử dụng kính ngắm điện tử với các thấu kính có độ mở tối đa f/5.6 hoặc nhanh hơn (kính ngắm điện tử hỗ trợ 1 điểm lấy nét giữa với các thấu kính có độ mở tối đa f/8 hoặc nhanh hơn).
Cửa trập	
Loại	Cửa trập điều khiển điện tử di chuyển dọc mặt phẳng tiêu cự
Tốc độ	$1/8000 - 30$ giây trong các bước $1/3$ hoặc $1/2$ EV, bóng đèn, thời gian, X250
Tốc độ đồng bộ đèn nháy	$X = 1/250$ giây; đồng bộ với cửa trập với tốc độ $1/320$ giây hoặc chậm hơn (phạm vi đèn nháy giảm ở tốc độ giữa $1/250$ và $1/320$ giây)
Nhà	
Chế độ nhà	S (khuôn hình đơn), CL (tốc độ thấp liên tục), CH (tốc độ cao liên tục), Q (nhà cửa trập tĩnh lặng), ⌚ (tự hẹn giờ), MUP (gương nâng lên); chụp ảnh hẹn giờ quảng thời gian được hỗ trợ
Tốc độ tiến khuôn hình tương đối	Ảnh JPEG và 12 bit NEF (RAW) được ghi với DX (24×16) được chọn cho Vùng hình ảnh CL: 1–6 khuôn hình trên một giây CH: 6 fps Ảnh JPEG và 12 bit NEF (RAW) được ghi với 1,3× (18×12) được chọn cho Vùng hình ảnh CL: 1–6 khuôn hình trên một giây CH: 7 fps Ảnh 14 bit NEF (RAW) được ghi với DX (24×16) được chọn cho Vùng hình ảnh CL: 1–5 khuôn hình trên một giây CH: 5 fps Ảnh 14 bit NEF (RAW) được ghi với 1,3× (18×12) được chọn cho Vùng hình ảnh CL: 1–6 khuôn hình trên một giây CH: 6 fps
Tự hẹn giờ	2 giây, 5 giây, 10 giây, 20 giây; phơi sáng từ 1–9 với quảng thời gian 0,5, 1, 2, hoặc 3 giây
Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)	Điều khiển từ xa chụp chậm, chế độ từ xa phản ứng nhanh, nâng gương từ xa
Phơi sáng	
Đo sáng	Đo độ phơi sáng TTL bằng cảm biến RGB 2016 điểm ảnh



Phơi sáng

Phương pháp đo sáng	• Ma trận: Đo sáng ma trận màu 3D II (các thấu kính loại G và D); đo sáng ma trận màu II (các thấu kính CPU khác); đo sáng ma trận màu có sẵn với các thấu kính không CPU nếu người dùng cung cấp dữ liệu thấu kính • Cân bằng trung tâm: Cân bằng 75% được áp dụng cho vòng tròn 8 mm ở trung tâm khuôn hình. Đường kính vòng tròn có thể được thay đổi thành 6, 10, hoặc 13 mm, hoặc cân bằng có thể được dựa trên trung bình của toàn bộ khuôn hình (cố định ở 8-mm khi dùng thấu kính không CPU) • Điểm: Vòng tròn đo 3,5 mm (khoảng 2,5% của khuôn hình) tập trung vào điểm lấy nét (vào điểm lấy nét trung tâm khi dùng thấu kính không CPU)
Phạm vi (ISO 100, f/1.4 thấu kính, 20 °C)	• Đo sáng ma trận hoặc cân bằng trung tâm: 0–20 EV • Đo sáng điểm: 2–20 EV
Ghép đo phơi sáng	CPU và AI được kết hợp
Chế độ	Chế độ tự động (☺ tự động; ☺ tự động, tắt đèn nháy); tự động lập trình với chương trình linh động (P); tự động ưu tiên cửa trập (S); tự động ưu tiên độ mở ống kính (A); bằng tay (M); chế độ cảnh (📖 chân dung; 📖 phong cảnh; 📖 trẻ em; 📖 thể thao; 📖 cận cảnh; 📖 chân dung ban đêm; 📖 phong cảnh ban đêm; 📖 tiệc/ trong nhà; 📖 bãi biển/tuyết; 📖 hoàng hôn; 📖 chạng vạng/bình minh; 📖 chân dung vật nuôi; 📖 ánh sáng nến; 📖 hoa; 📖 các màu mùa thu; 📖 thức ăn); chế độ hiệu ứng đặc biệt (📖 tầm nhìn đêm; 📖 phác họa màu; 📖 hiệu ứng cỡ tí hơn; 📖 màu chọn lọc; 📖 hình bóng; 📖 khóa cao; 📖 khóa thấp); U1 (cài đặt người dùng 1); U2 (cài đặt người dùng 2)
Bù phơi sáng	Có thể được điều chỉnh –5 – +5 EV với gia số $\frac{1}{3}$ hoặc $\frac{1}{2}$ EV trong các chế độ P, S, A, và M
Phơi sáng bù trừ	2–5 khuôn hình theo các bước $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{2}$, $\frac{2}{3}$, 1, 2 hoặc 3 EV
Bù trừ đèn nháy	2–5 khuôn hình theo các bước $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{2}$, $\frac{2}{3}$, 1, 2 hoặc 3 EV
Cân bằng trắng bù trừ	2–5 khuôn hình theo các bước 1, 2, hoặc 3
Chụp bù trừ ADL	2 các khuôn hình với giá trị đã chọn cho một khuôn hình hoặc 3 khuôn hình với các giá trị cài đặt trước cho tất cả các khuôn hình
Khóa phơi sáng	Độ sáng được khóa ở giá trị đã tìm thấy với nút AE-L/AF-L
Độ nhạy ISO (Danh Mục Phơi Sáng Khuyến Dùng)	ISO 100 – 6400 theo các bước $\frac{1}{3}$ hoặc $\frac{1}{2}$ EV. Cũng có thể được đặt ở mức xấp xỉ 0,3, 0,5, 0,7, 1, hoặc 2 EV (tương ứng ISO 25600) trên mức ISO 6400; có sẵn chức năng tự động điều khiển độ nhạy ISO
D-Lighting hoạt động	Tự động, Siêu cao, Cao, Bình thường, Thấp, Tắt

Lấy nét

Lấy nét tự động	Mô-đun cảm biến lấy nét tự động Nikon Multi-CAM 3500DX với chức năng dò tìm trạng thái TTL, dò tinh chỉnh, 51 điểm lấy nét (bao gồm một cảm biến loại chữ thập 15; 1 điểm lấy nét trung tâm không có ở độ mở ống kính chậm hơn f/5.6 và nhanh hơn f/8 hoặc ở f/8), và đèn chiếu trợ giúp lấy nét tự động (phạm vi xấp xỉ 0,5–3 m)
Phạm vi dò tìm	–2 – +19 EV (ISO 100, 20 °C)
Mô tơ của thấu kính	• Lấy nét tự động (AF): Lấy nét tự động phần phụ đơn (AF-S); Lấy nét tự động phần phụ liên tục (AF-C); tự động chọn AF-S/AF-C (AF-A); Chức năng theo dõi lấy nét đoán trước được kích hoạt tự động theo trạng thái của đối tượng • Lấy nét bằng tay (M): Có thể dùng máy ngắm điện tử
Điểm lấy nét	Có thể được chọn từ 51 hoặc 11 điểm lấy nét
Chế độ vùng lấy nét tự động	Lấy nét tự động điểm đơn; lấy nét tự động vùng động 9, 21, 51 điểm, theo dõi 3D, tự động-lấy nét tự động vùng



Lấy nét	
Khóa lấy nét	Có thể khóa chức năng lấy nét bằng cách nhấn nút nhả cửa trập xuống một nửa (lấy nét tự động phần phụ đơn) hoặc bằng cách nhấn nút  AE-L/AF-L
Đèn nháy	
Đèn nháy gắn sẵn	                            

Phim	
Cỡ khuôn hình (điểm ảnh) và tốc độ khuôn hình	1920 × 1080; 60i (59,94 trường/giây)/ 50i (50 trường/giây) * 1920 × 1080; 30p (tăng dần), 25p, 24p 1280 × 720; 60p, 50p Tốc độ khuôn hình thực tế cho 60p, 50p, 30p, 25p và 24p tương ứng là 59,94, 50, 29,97, 25 và 23,976 khuôn hình trên một giây; tùy chọn hỗ trợ cho cả chất lượng ảnh ★ao và bình thường
Định dạng tệp	MOV
Nén video	Mã Hóa Video Nâng Cao H.264/MPEG-4
Định dạng ghi âm thanh	PCM tuyến tính
Thiết bị ghi âm thanh	Micro stereo gắn sẵn hoặc bên ngoài; có thể chỉnh sửa độ nhạy

* Chỉ có khi **1,3× (18×12)** được chọn cho Vùng hình ảnh. Cảm biến đầu ra là khoảng 60 hoặc 50 khuôn hình trên một giây.

Màn hình	
Màn hình	8-cm (3,2-in.), xấp xỉ 1229 nghìn điểm (VGA; 640 × 480 × 4 = 1.228.800 điểm), màn hình TFT với góc nhìn xấp xỉ 170°, tấm phủ khuôn hình xấp xỉ 100%, và điều chỉnh độ sáng

Phát Lại	
Phát Lại	Phát lại theo chế độ toàn khuôn hình và hình thu nhỏ (4, 9 hoặc 72 ảnh hoặc dạng lịch) với chức năng thu phóng khi phát lại, phát lại phim, ảnh và/hoặc trình chiếu slide phim, làm nổi bật, thông tin hình ảnh, hiển thị dữ liệu GPS, và tự động xoay ảnh

Giao diện	
USB	USB tốc độ cao
Đầu ra HDMI	Đầu nối mini HDMI (Loại C)
Đầu cắm phụ kiện	Bộ điều khiển từ xa không dây: WR-1 và WR-R10 (bán riêng) Dây chụp từ xa: MC-DC2 (bán riêng) Bộ GPS: GP-1 (bán riêng)
Đầu vào âm thanh	Giắc stereo chân nhỏ (đường kính 3,5 mm, hỗ trợ dây nối nguồn điện)
Đầu ra âm thanh	Giắc stereo chân nhỏ (đường kính 3,5 mm)

Các ngôn ngữ được hỗ trợ	
Các ngôn ngữ được hỗ trợ	Tiếng Á Rập, Bengali, tiếng Tàu (Giản thể và Phồn thể), tiếng Séc, tiếng Đan Mạch, tiếng Hà Lan, tiếng Anh, tiếng Phần Lan, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Hy Lạp, tiếng Hindi, tiếng Hungary, tiếng In-đô-nê-si-a, tiếng Ý, tiếng Nhật, tiếng Hàn, Tiếng Ba Tư, tiếng Na Uy, tiếng Ba Lan, tiếng Bồ Đào Nha (ở Bồ Đào Nha và Bra-xin), tiếng Ru-ma-ni, tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, Tamil, tiếng Thụy Điển, tiếng Thái Lan, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Ukraina, tiếng Việt Nam

Nguồn điện	
Pin	Một viên pin sạc Li-ion EN-EL15
Gói pin	Gói pin nhiều nguồn MB-D15 tùy chọn với một viên pin sạc Li-ion Nikon EN-EL15 hoặc sáu viên pin kiềm AA, Ni-MH, hoặc lithium
Bộ đổi điện AC	Bộ đổi điện AC EH-5b; cần đầu nối nguồn EP-5B (bán riêng)

Hốc giá ba chân	
Hốc giá ba chân	¹ / ₄ in. (ISO 1222)



Kích thước/cân nặng	
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 135,5 × 106,5 × 76 mm
Trọng lượng	Xấp xỉ 765 g khi có pin và thẻ nhớ nhưng không có nắp thân máy; xấp xỉ 675 g; (chỉ thân máy ảnh)

Môi trường hoạt động	
Nhiệt độ	0 °C–40 °C
Độ ẩm	85% hoặc thấp hơn (không ngưng tụ)

- Trừ khi được quy định khác, tất cả các số liệu là dành cho máy ảnh có pin sạc đầy hoạt động ở nhiệt độ theo chỉ định của Hiệp hội sản phẩm máy ảnh và ngành ảnh (CIPA): 23 ± 3 °C.
- Nikon bảo lưu quyền được thay đổi chi tiết kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong tài liệu hướng dẫn này vào bất cứ thời điểm nào và không cần báo trước. Nikon sẽ không chịu trách nhiệm với các tổn hại có nguyên nhân từ bất cứ sai sót nào có thể có trong tài liệu hướng dẫn này.

■ Bộ sạc pin MH-25

Chuẩn đầu vào	AC 100–240 V, 50/60 Hz, 0,23–0,12 A
Chuẩn đầu ra	DC 8,4 V/1,2 A
Các loại pin được hỗ trợ	Pin sạc Li-ion của Nikon EN-EL15
Thời gian sạc	Xấp xỉ 2 giờ 35 phút ở nhiệt độ môi trường xung quanh 25 °C khi không còn tích điện nữa
Nhiệt độ hoạt động	0 °C–40 °C
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 91,5 × 33,5 × 71 mm, không tính phần mềm chiếu
Độ dài cáp nguồn	Xấp xỉ 1,5 m
Trọng lượng	Xấp xỉ 110 g, không tính cáp nguồn và bộ đổi điện AC gắn tường

■ Pin sạc Li-ion EN-EL15

Loại	Pin sạc lithium-ion
Chuẩn dung lượng pin	7,0 V/1900 mAh
Nhiệt độ hoạt động	0 °C–40 °C
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 40 × 56 × 20,5 mm
Trọng lượng	Xấp xỉ 88 g, không tính nắp phủ đầu cắm



Thấu kính AF-S DX NIKKOR 18-105mm f/3.5-5.6G ED VR

Loại	Thấu kính thu phóng AF-S DX NIKKOR loại G với CPU và móc gắn F gắn sẵn được dành riêng cho việc sử dụng với máy ảnh SLR kỹ thuật số Nikon định dạng DX	
Tiêu cự	18–105 mm	
Độ mở ống kính tối đa	f/3.5–5.6	
Cấu trúc thấu kính	15 thành phần trong 11 nhóm (bao gồm 1 thành phần phi cầu và 1 thành phần thủy tinh ED)	
Góc xem	76°–15° 20′	
Tỉ lệ tiêu cự	Chia theo milimét (18, 24, 35, 50, 70, 105)	
Thông tin khoảng cách	Đầu ra tới máy ảnh	
Thu phóng	Tài liệu hướng dẫn thu phóng bằng vòng thu phóng độc lập	
Lấy nét	Hệ thống lấy nét bên trong (IF) Nikon với chức năng lấy nét tự động được điều khiển bởi Mô Tơ Không Tiếng Ổn; chức năng lấy nét bằng tay được hỗ trợ khi công tắc A-M được đặt ở A hoặc M. Chức năng lấy nét có thể được điều chỉnh bằng cách xoay thấu kính vòng lấy nét khi chức năng lấy nét được khóa ở lấy nét tự động phần phụ đơn. Không được sử dụng vòng lấy nét khi máy ảnh đang lấy nét.	
Chống rung	Phương pháp chuyển đổi thấu kính bằng cách sử dụng mô tơ cuộn giọng nói (VCM)	
Khoảng cách lấy nét tối thiểu	0,45 m từ đầu mặt phẳng tiêu điểm (□□ 78) tại tất cả các vị trí thu phóng	
Miếng màn chắn	7 (khẩu độ tròn)	
Màng chắn	Tự động hoàn toàn	
Phạm vi độ mở ống kính	• Tiêu cự 18 mm: f/3.5–22	• Tiêu cự 105 mm: f/5.6–38
Đo sáng	Độ mở ống kính đầy đủ	
Kích thước gắn bộ lọc	67 mm (P=0,75 mm)	
Kích thước	Đường kính xấp xỉ 76 mm × 89 mm (khoảng cách từ mép chốt gắn thấu kính máy ảnh)	
Trọng lượng	Xấp xỉ 420 g	

Nikon bảo lưu quyền được thay đổi chi tiết kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong tài liệu hướng dẫn này vào bất cứ thời điểm nào và không cần báo trước. Nikon sẽ không chịu trách nhiệm với các tổn hại có nguyên nhân từ bất cứ sai sót nào có thể có trong tài liệu hướng dẫn này.

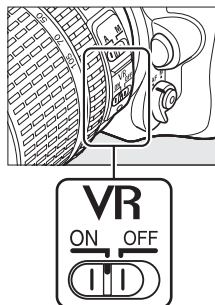
AF-S DX NIKKOR 18–105 mm f/3.5–5.6G ED VR

AF-S DX NIKKOR 18–105 mm f/3.5–5.6G ED VR được dành riêng cho việc sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon định dạng DX. Sử dụng thành phần thấu kính phi cầu và thành phần được làm bằng thủy tinh phân tán siêu thấp (ED) để hiệu chỉnh quang sai màu sẽ giúp đảm bảo hiệu năng quang học và khả năng biểu diễn hình ảnh tốt hơn. Độ mở ống kính dạng tròn sẽ tạo ra các vùng bóng mờ mềm mại, mang tính thẩm mỹ cao từ các nguồn sáng điểm trong các vùng không được lấy nét của hình ảnh (*bokeh*).

■ Chống Rung (VR)

Thấu kính AF-S DX NIKKOR 18-105 mm f/3.5-5.6G ED VR hỗ trợ giảm rung (VR), làm giảm mờ do máy ảnh rung ngay cả khi lia máy ảnh, cho phép tốc độ cửa trập chậm lại khoảng 3 EV (Số đo Nikon; hiệu ứng khác nhau tùy theo người sử dụng và điều kiện chụp).

Để sử dụng chống rung, trượt công tắc BẬT/TẮT chống rung sang **BẬT**. Chống rung được bật khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng, giảm hiệu ứng lắc máy ảnh ở ảnh trên kính ngắm và đơn giản hóa quy trình đóng khung đối tượng và tập trung vào cả chế độ lấy nét tự động và lấy nét bằng tay. Khi xoay máy ảnh, chống rung chỉ áp dụng cho chuyển động không phải là phần xoay (ví dụ nếu máy ảnh xoay ngang, chống rung sẽ chỉ áp dụng cho phần lắc dọc), giúp dễ dàng xoay máy ảnh êm theo vòng cung rộng.



Có thể tắt chống rung bằng cách trượt công tắc BẬT/TẮT chống rung sang **TẮT**. Tắt chống rung khi máy ảnh được gắn chắc vào giá ba chân, nhưng để máy ảnh bật nếu đầu giá ba chân không chắc hoặc khi sử dụng giá một chân.

☑ Chống rung

Không tắt máy ảnh hoặc tháo các thấu kính trong khi chống rung có hiệu lực. Nếu điện sang thấu kính bị cắt khi chống rung được bật, thấu kính có thể bị lắc khi bị rung. Đây không phải là sự cố, và có thể được sửa chữa bằng việc gắn lại thấu kính và bật máy ảnh lên. Chống rung bị tắt khi đèn nháy gần sẵn đang sạc. Khi chống rung được bật, hình ảnh trong kính ngắm có thể bị mờ sau khi cửa trập được nhả. Đây không phải là sự cố.



Sử Dụng Đèn Nháy Gắn Sẵn

Khi sử dụng đèn nháy gắn sẵn, hãy chắc chắn rằng đối tượng đang ở trong phạm vi ít nhất 0,6 m và gờ nắp thấu kính để tránh tạo họa tiết (Phần bóng được tạo ra tại vị trí thấu kính che khuất đèn nháy gắn sẵn).

Máy ảnh	Vị trí thu phóng	Khoảng cách tối thiểu không dùng chức năng tạo họa tiết
D5000, D3100, D3000	18 mm	2,5 m
	24 mm	1,0 m
D5200, D5100, D3200	18 mm	3,0 m
	24 mm	1,0 m
dòng D700, D7100, D7000, D300, D200, D100, D80	Tất cả	Không tạo họa tiết ở bất cứ khoảng cách lấy nét nào
Dòng D90, D70	18 mm	1,5 m
	24–105 mm	Không tạo họa tiết ở bất cứ khoảng cách lấy nét nào
D50	18 mm	1,0 m
	24–105 mm	Không tạo họa tiết ở bất cứ khoảng cách lấy nét nào
Dòng D60, D40	18 mm	2,5 m
	24 mm	1,0 m
	35–105 mm	Không tạo họa tiết ở bất cứ khoảng cách lấy nét nào

Vì các bộ đèn nháy gắn sẵn cho D100 và D70 chỉ có thể bao quát góc xem của thấu kính có tiêu cự ở mức 20 mm hoặc cao hơn; tạo họa tiết sẽ xảy ra ở mức tiêu cự 18 mm.

Chăm Sóc Thấu Kính

- Giữ các điểm tiếp xúc CPU sạch sẽ.
- Sử dụng máy thổi để loại bỏ bụi trên bề mặt thấu kính. Để loại bỏ các vết bẩn và dầu tay, thấm một lượng nhỏ ê-ta-non hoặc nước rửa thấu kính vào một chiếc khăn bông mềm, sạch sẽ hoặc khăn lau thấu kính và làm sạch dần dần từ phần trung tâm ra phía ngoài bằng các đường lau dạng tròn, cẩn thận không để sót vết bẩn hoặc chạm ngón tay vào phần thủy tinh.
- Không bao giờ được sử dụng các dung môi hữu cơ như nước pha màu hoặc ben-zen để làm sạch thấu kính.
- Nắp thấu kính hoặc bộ lọc NC có thể được dùng để bảo vệ phần phía trước của thấu kính.
- Gắn nắp phía trước và phía sau trước khi đặt thấu kính vào túi dẻo của nó.
- Khi đã gắn nắp thấu kính, không được nhặt hoặc cầm thấu kính hoặc máy ảnh chỉ bằng phần nắp.
- Nếu không sử dụng thấu kính trong thời gian dài, cất giữ nó tại nơi mát mẻ, khô ráo để tránh mốc và rỉ. Không được cất giữ tại nơi có ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc cùng với viên long não hoặc naptalin chống côn trùng.
- Giữ thấu kính luôn khô ráo. Máy móc bên trong bị han rỉ có thể dẫn đến tổn hại không thể khắc phục được.
- Để thấu kính tại nơi quá nóng có thể làm tổn hại hoặc làm cong vênh các bộ phận được làm bằng nhựa cứng.

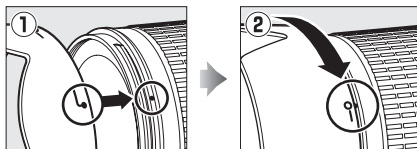
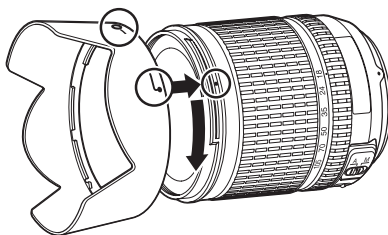


Phụ Kiện Được Cung Cấp

- Nắp Thấu Kính 67 mm Phía Trước Loại Gắn Thẳng LC-67
- Nắp thấu kính phía sau
- Túi Dẻo cho Thấu Kính CL-1018
- Nắp Dạng Lưới Lê HB-32 (cách gắn như hình bên phải)

Phụ Kiện Tùy Chọn

- bộ lọc loại vặn vào 67 mm
- Nắp Thấu Kính Phía Sau LF-1 hoặc Nắp Thấu Kính Phía Sau LF-4



Một Lưu Ý về Thấu Kính Góc Rộng

Chức năng lấy nét tự động có thể không đem lại kết quả mong muốn với ống kính góc rộng hoặc góc siêu rộng trong các trường hợp sau:

1 Đối tượng không phủ kín điểm lấy nét.

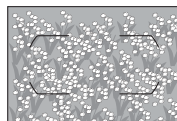
Nếu đối tượng không phủ kín điểm lấy nét, máy ảnh có thể sẽ lấy nét phần hậu cảnh và đối tượng có thể sẽ nằm ngoài vùng lấy nét.



Ví dụ: Đối tượng chụp chân dung ở khoảng cách quá xa hậu cảnh

2 Đối tượng chứa nhiều chi tiết cầu kỳ.

Máy ảnh có thể gặp khó khăn trong việc lấy nét các đối tượng chứa nhiều chi tiết cầu kỳ hoặc thiếu độ tương phản.



Ví dụ: Một cánh đồng hoa

Trong các trường hợp này, hãy sử dụng chức năng lấy nét bằng tay, hoặc sử dụng khóa lấy nét để lấy nét một đối tượng khác ở trong cùng một khoảng cách sau đó tái tạo lại bức ảnh. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Đạt Kết Quả Tốt với Lấy Nét Tự Động” (□ 72).

■ Các Tiêu Chuẩn Được Hỗ Trợ

- **DCF Phiên Bản 2,0:** Quy Tắc Thiết Kế Cho Tập Hệ Thống Máy Ảnh (DCF) là một tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi trong ngành máy ảnh kỹ thuật số nhằm đảm bảo tính tương thích giữa các sản phẩm máy ảnh khác nhau.
- **DPOF:** Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số (DPOF) tiêu chuẩn toàn ngành cho phép việc in ảnh theo thứ tự được lưu trên thẻ nhớ.
- **Exif phiên bản 2,3:** Máy ảnh này hỗ trợ Exif (Định dạng tập tin hình ảnh có thể trao đổi cho máy ảnh chụp kỹ thuật số) phiên bản 2,3, một tiêu chuẩn theo đó thông tin lưu cùng ảnh sẽ được sử dụng cho quá trình tái tạo màu tối ưu khi ảnh được xuất tới các máy in theo chuẩn Exif.
- **PictBridge:** Một tiêu chuẩn được phát triển thông qua quá trình hợp tác giữa hai ngành máy ảnh số và máy in, cho phép ảnh được xuất trực tiếp tới máy in mà không cần thông qua chuyển tiếp bằng máy tính.
- **HDMI:** High-Definition Multimedia Interface là một tiêu chuẩn cho các giao diện đa phương tiện được sử dụng trong ngành điện tử tiêu dùng và các thiết bị nghe nhìn có khả năng truyền dữ liệu nghe nhìn và tín hiệu điều khiển tới các thiết bị theo chuẩn HDMI qua một kết nối cáp đơn.

Thông Tin Thương Hiệu

Macintosh, Mac OS, và QuickTime là các thương hiệu đã được đăng ký của Tập Đoàn Apple tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Microsoft, Windows, và Windows Vista là các thương hiệu đã được đăng ký, hoặc các thương hiệu của Tập Đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. PictBridge là một thương hiệu. Các biểu trưng SD, SDHC, và SDXC là các thương hiệu của SD-3C, LLC. HDMI, biểu trưng HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các thương hiệu đã được đăng ký hoặc các thương hiệu của HDMI Licensing LLC.

HDMI

Tất cả các tên thương hiệu khác được đề cập trong tài liệu hướng dẫn này hoặc các tài liệu khác được cung cấp kèm với sản phẩm Nikon là các thương hiệu hoặc các thương hiệu đã được đăng ký của những chủ sở hữu tương ứng của chúng.

Giấy phép FreeType (FreeType2)

Các phần của phần mềm này thuộc dự án có bản quyền © 2010 FreeType Project ("www.freetype.org"). Đã đăng ký bản quyền.

Giấy phép MIT (Harfbuzz)

Các phần của phần mềm này thuộc dự án có bản quyền © 2013 Harfbuzz Project ("<http://www.freedesktop.org/wiki/Software/Harfbuzz>"). Đã đăng ký bản quyền.

Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt

Các thẻ nhớ SD sau đây đã được kiểm tra và phê duyệt cho việc sử dụng với máy ảnh. Thẻ nhớ với tốc độ ghi cấp 6 hoặc nhanh hơn được khuyên dùng cho việc quay phim. Quá trình quay có thể kết thúc đột ngột nếu sử dụng thẻ có tốc độ chậm hơn.

	Thẻ SD	Thẻ SDHC ²	Thẻ SDXC ³
SanDisk	2 GB ¹	4 GB, 8 GB, 16 GB, 32 GB	64 GB
Toshiba		4 GB, 8 GB, 16 GB, 32 GB	64 GB
Panasonic		4 GB, 8 GB, 16 GB, 32 GB	48 GB, 64 GB
Lexar Media		4 GB, 8 GB, 16 GB	—
Platinum II		4 GB, 8 GB, 16 GB, 32 GB	
Professional		4 GB, 8 GB, 16 GB, 32 GB	
Phim Full-HD	—	4 GB, 8 GB, 16 GB	

- 1 Kiểm tra để chắc chắn rằng mọi đầu đọc thẻ hoặc các thiết bị khác được sử dụng cùng với thẻ có hỗ trợ thẻ 2 GB.
- 2 Kiểm tra để chắc chắn rằng mọi đầu đọc thẻ hoặc các thiết bị khác được sử dụng cùng với thẻ có hỗ trợ chuẩn SDHC. Máy ảnh hỗ trợ UHS-I.
- 3 Kiểm tra để chắc chắn rằng mọi đầu đọc thẻ hoặc các thiết bị khác được sử dụng cùng với thẻ có hỗ trợ chuẩn SDXC. Máy ảnh hỗ trợ UHS-I.



Các thẻ khác chưa được kiểm tra. Để biết thêm chi tiết về các loại thẻ phía trên, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất.



Dung Lượng Thẻ Nhớ

Bảng sau đây cho biết số lượng ảnh xấp xỉ có thể lưu trên một thẻ nhớ SanDisk Extreme Pro SDHC UHS-I 8 GB với các chất lượng hình ảnh (📷 68), cỡ hình ảnh (📷 66), và các cài đặt vùng hình ảnh khác nhau (📷 63).

■ ■ DX (24×16) Vùng Hình Ảnh

Chất lượng hình ảnh	Kích cỡ hình ảnh	Kích thước tập tin ¹	Số lượng ảnh ¹	Dung lượng đệm ²
NEF (RAW), Được nén không mất, 12 bit	—	22.7 MB	191	7
NEF (RAW), Được nén không mất, 14 bit	—	28.5 MB	148	6
NEF (RAW), Được nén, 12 bit	—	20.2 MB	260	9
NEF (RAW), Được nén, 14 bit	—	24.9 MB	217	8
JPEG mịn ³	Lớn	12.0 MB	507	33
	Trung bình	7.4 MB	853	100
	Nhỏ	3.8 MB	1600	100
JPEG bình thường ³	Lớn	6.2 MB	1000	100
	Trung bình	3.7 MB	1600	100
	Nhỏ	1.9 MB	3200	100
JPEG cơ bản ³	Lớn	2.9 MB	1900	100
	Trung bình	1.9 MB	3200	100
	Nhỏ	1.0 MB	6000	100

■ ■ 1,3× (18×12) vùng hình ảnh

Chất lượng hình ảnh	Kích cỡ hình ảnh	Kích thước tập tin ¹	Số lượng ảnh ¹	Dung lượng đệm ²
NEF (RAW), Được nén không mất, 12 bit	—	15.1 MB	295	12
NEF (RAW), Được nén không mất, 14 bit	—	18.8 MB	229	8
NEF (RAW), Được nén, 12 bit	—	13.4 MB	399	14
NEF (RAW), Được nén, 14 bit	—	16.3 MB	334	11
JPEG mịn ³	Lớn	8.2 MB	764	73
	Trung bình	5.0 MB	1200	100
	Nhỏ	2.7 MB	2200	100
JPEG bình thường ³	Lớn	4.1 MB	1500	100
	Trung bình	2.5 MB	2400	100
	Nhỏ	1.4 MB	4400	100
JPEG cơ bản ³	Lớn	2.0 MB	2900	100
	Trung bình	1.3 MB	4600	100
	Nhỏ	0.7 MB	8000	100

- 1 Tất cả các chỉ số đều mang tính xấp xỉ. Kích thước tập tin thay đổi tùy theo cảnh được ghi.
- 2 Số lượng độ phơi sáng tối đa có thể lưu trong bộ nhớ đệm với ISO 100. Giảm nếu **Chất lượng tối ưu** được chọn cho **JPEG nén** (📷 67), độ nhạy ISO được đặt ở mức Hi 0,3 hoặc cao hơn, hoặc giảm nhiều phơi sáng dài hay điều khiển biến dạng tự động đang bật.
- 3 Các chỉ số giả định rằng **JPEG nén** được đặt ở **Ưu tiên kích cỡ**. Việc chọn **Chất lượng tối ưu** sẽ làm tăng kích thước tập tin của ảnh JPEG; số lượng ảnh và dung lượng đệm cũng sẽ giảm theo.

 d6—Nhả liên tục tối đa (📖 240)

Số lượng ảnh tối đa có thể được chụp trong một lần chụp liên tục có thể được đặt ở số bất kỳ giữa 1 và 100.



Tuổi Thọ Pin

Cảnh phim hoặc số lần chụp có thể thực hiện với pin đã sạc đầy thay đổi tùy theo tình trạng pin, nhiệt độ, khoảng thời gian giữa các lần chụp và thời gian các menu được hiển thị. Trong trường hợp của pin AA, dung lượng cũng thay đổi tùy theo tình trạng sản xuất và bảo quản; một số pin không thể được sử dụng. Các chỉ số mẫu cho máy ảnh và gói pin nhiều nguồn MB-D15 tùy chọn được nêu phía dưới.

- **Chụp ảnh, chế độ nhả khuôn hình đơn (tiêu chuẩn CIPA ¹)**

Một viên pin EN-EL15 (máy ảnh): Xấp xỉ 950 bức ảnh

Một viên pin EN-EL15 (MB-D15): Xấp xỉ 950 bức ảnh

Sáu viên pin AA kiềm (MB-D15): Xấp xỉ 450 bức ảnh

- **Chụp ảnh, chế độ nhả liên tục (tiêu chuẩn Nikon ²)**

Một viên pin EN-EL15 (máy ảnh): Xấp xỉ 3550 bức ảnh

Một viên pin EN-EL15 (MB-D15): Xấp xỉ 3550 bức ảnh

Sáu viên pin AA kiềm (MB-D15): Xấp xỉ 1200 bức ảnh

- **Phim ³**

Một viên pin EN-EL15 (máy ảnh): Xấp xỉ 100 phút cảnh HD

Một viên pin EN-EL15 (MB-D15): Xấp xỉ 100 phút cảnh HD

Sáu viên pin AA kiềm (MB-D15): Xấp xỉ 30 phút cảnh HD

1 Được đánh giá ở 23 °C (±3 °C) với thấu kính AF-S DX NIKKOR 18–105mm f/3.5–5.6G ED VR với các điều kiện kiểm tra sau: thấu kính quay vòng từ vô tận tới phạm vi tối thiểu và một bức ảnh được chụp với cài đặt mặc định mỗi 30 giây; đèn nháy nháy sáng một lần trong mọi lần chụp. Xem trực tiếp không được sử dụng.

2 Được đo ở 20 °C với thấu kính AF-S DX NIKKOR 18–105mm f/3.5–5.6G ED VR với các điều kiện kiểm tra sau: chất lượng hình ảnh được đặt ở JPEG cơ bản, kích thước hình ảnh được đặt ở M (trung bình), tốc độ cửa trập $\frac{1}{250}$ giây, nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa trong ba giây và chức năng lấy nét quay vòng từ vô tận tới phạm vi tối thiểu ba lần; sáu bức ảnh được chụp lần lượt và màn hình được bật trong năm giây rồi tắt; chu kỳ được lặp lại khi chức năng đo độ phơi sáng tắt.

3 Được đánh giá ở 23 °C (±3 °C) với máy ảnh ở cài đặt mặc định và thấu kính AF-S DX NIKKOR 18–105mm f/3.5–5.6G ED VR với các điều kiện kiểm tra sau theo chỉ định của Camera and Imaging Products Association (CIPA). Mỗi phim có thể dài đến 29 phút và 59 giây (1920 × 1080/30p) hoặc có dung lượng 4 GB; việc ghi có thể kết thúc trước khi đạt được các giới hạn này nếu nhiệt độ máy ảnh tăng.



Những điều sau đây có thể làm giảm tuổi thọ pin:

- Sử dụng màn hình
- Giữ nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa
- Quy trình lấy nét tự động bị lặp lại
- Chụp ảnh NEF (RAW)
- Tốc độ cửa trập chậm
- Sử dụng bộ GPS
- Sử dụng thẻ Eye-Fi
- Sử dụng bộ điều khiển từ xa không dây, bộ đầu nối di động không dây WU-1a hoặc thiết bị kết nối UT-1
- Sử dụng chế độ VR (chống rung) với thấu kính VR

Để đảm bảo rằng bạn tận dụng tốt nhất hiệu suất của pin sạc Nikon EN-EL15:

- Giữ phần tiếp xúc pin sạch sẽ. Tiếp xúc bị bám bẩn có thể làm giảm hiệu suất pin.
- Sử dụng pin ngay sau khi sạc. Pin sẽ bị tiêu hao điện tích nếu không được sử dụng.



Danh mục

Các Biểu Tượng

(Chế độ tự động).....	36
(Chế độ tự động (tắt đèn nháy))	36
SCENE (Cảnh)	41
(Chân dung).....	41
(Phong cảnh).....	41
(Trẻ em).....	42
(Thể thao).....	42
(Cận cảnh).....	42
(Chân dung ban đêm).....	42
(Phong Cảnh Ban Đêm).....	43
(Tiệc/Trong nhà).....	43
(Biển/Tuyết).....	43
(Hoàng hôn).....	43
(Chạng vạng/Bình minh).....	44
(Chân dung vật nuôi).....	44
(Ánh sáng đèn nền).....	44
(Ở nhỏ).....	44
(các màu mùa thu).....	45
(Thức ăn).....	45
EFFECTS (Hiệu ứng đặc biệt)	177
(Nhìn ban đêm).....	178
(Phác họa màu).....	178, 180
(Hiệu ứng thu nhỏ).....	178, 181
(Màu tuyển chọn).....	179, 182
(Hình bóng).....	179
(Ảnh sắc độ nhẹ).....	179
(Ảnh sắc độ nặng).....	179
P (Tự động được lập trình).....	48
S (Tự động ưu tiên cửa trập).....	49
A (Tự động ưu tiên độ mở ống kính).....	50
M (Bằng tay).....	51
U1/U2	55
S (Khuôn hình đơn).....	7, 57
CL (Tốc độ thấp liên tục).....	7, 57, 239
CH (Tốc độ cao liên tục).....	7, 57
Q (Nhà cửa trập tĩnh lặng).....	7, 57
(Tự hẹn giờ).....	7, 57, 59
MUP (Gương nâng lên).....	7, 57, 61
(Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt).....	156
(Vùng lấy nét tự động rộng).....	156
(Vùng lấy nét tự động bình thường).....	156
(Tự động lấy nét độ tìm đối tượng).....	156
(Ma trận).....	83
(Cân bằng trung tâm).....	83, 236
(Điểm).....	83
AUTO (đèn nháy tự động)..	120, 121
(giảm mắt đỏ).....	120, 121
SLOW (đồng bộ chậm).....	120, 121

REAR (đồng bộ màn phía sau)..	120, 121
(Bù phơi sáng).....	86
(Bù đèn nháy).....	124
(Chương trình linh động).....	48
Nút (Thông tin) 10, 12, 159, 166	
Nút	18
Nút (Xem trực tiếp).....	98, 153, 161
Công tắc	3
WB (Cân bằng trắng).....	89
PRE (Thiết lập sẵn bằng tay).....	89, 95
BKT (Chụp bù trừ).....	133, 186
(Trợ giúp).....	19
(Chỉ báo lấy nét).....	37, 76, 78
(Bộ nhớ đệm).....	37, 58
(Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng).....	38

Dạng số

1,3x (18x12).....	58, 63, 68, 167
12 bit.....	67
14 bit.....	67

A

Adobe RGB.....	227
AE & đèn nháy (Đặt chụp bù trừ tự động).....	133, 251
AF.....	71–76, 155–156
AF-A.....	71
AF-C.....	71, 231
AF-F.....	155
AF-S.....	71, 155, 231
Âm lượng.....	171
Ảnh hình ảnh.....	218
Ảnh sáng mặt trời trực tiếp (Cân bằng trắng).....	89
Ảnh sáng trời (Hiệu ứng bộ lọc).....	278
Ảnh tham chiếu Bụi hình ảnh tắt..	263

B

Bản in danh mục.....	210
Bản quyền.....	190, 267
Bảng điều khiển.....	8
Bảng tay.....	51, 78
Bảng tay (Điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn).....	246
Bảo vệ ảnh.....	196
Bắt đầu in (PictBridge).....	209, 212
Biểu đồ.....	188, 189, 219
Bình luận hình ảnh.....	266
Bíp.....	238
Bộ chọn chế độ lấy nét.....	71, 155
Bộ chọn xem trực tiếp.....	153, 161
Bộ chụp bù trừ tự động.....	251

Bộ điều khiển từ xa không dây.....	309
Bộ đổi điện AC.....	308, 311
Bộ GPS.....	152, 310
Bộ lọc âm (Hiệu ứng bộ lọc).....	278
Bộ nhớ đệm.....	37, 58
Bóng đèn.....	51, 52
Bóng râm (Cân bằng trắng).....	89
Bù đèn nháy.....	124
Bù phơi sáng.....	86
Bù phơi sáng cho đèn nháy.....	250
Bù phơi sáng dễ dàng.....	235
Bù trừ đèn nháy.....	133, 251
Bước EV cho đ. khiển phơi sáng.....	234

C

Các ngôn ngữ được hỗ trợ.....	340
Các thấu kính tương thích.....	295
Cài đặt có sẵn.....	321
Cài đặt độ nhạy ISO.....	81
Cài đặt gắn dây.....	294
Cài đặt lại cài đặt người dùng.....	56
Cài đặt mặc định.....	131, 224, 231, 324
Cài Đặt Người Dùng.....	55
Cài đặt phim.....	169
Cài Đặt Tùy Chọn.....	229
Cảm biến RGB 2016 điểm ảnh.....	122, 337
Camera Control Pro 2.....	309
Cân bằng màu.....	279
Cân bằng trắng.....	89, 137
Cân bằng trắng chụp bù trừ (Đặt chụp bù trừ tự động).....	137, 251
Cân bằng trung tâm.....	83, 236
Cảnh báo đèn nháy.....	241
Cáp USB.....	208
Capture NX 2.....	67, 263, 266, 309
Cắt xén phim.....	173
CEC.....	216
Chân dung (Set Picture Control).....	105
Chất lượng hình ảnh.....	66
Chất lượng phim (Cài đặt phim).....	169
Chất lượng tối ưu (JPEG nén).....	67
Chế độ bộ điều khiển.....	247
Chế độ cảnh.....	41
Chế độ đèn nháy.....	120, 121
Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3).....	127
Chế độ HDR.....	115
Chế độ lấy nét.....	71, 155
Chế độ lấy nét tự động.....	71, 155
Chế độ nhả.....	7, 57
Chế độ nhả liên tục.....	7, 57

Chế độ trễ phơi sáng	241
Chế độ từ xa phản ứng nhanh (Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3))	127
Chế độ vùng lấy nét tự động	73, 156
Chéo màn hình (Hiệu ứng bộ lọc).	278
Chỉ AE (Đặt chụp bù trừ tự động) ..	133, 251
Chỉ báo đã được lấy nét ...v, 37, 76, 78	
Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng	38, 125, 307
Chỉ báo lấy nét	37, 76, 78
Chỉ báo phơi sáng	51
Chỉ đèn nháy (Đặt chụp bù trừ tự động)	133, 251
Chỉ định nút AE-L/AF-L	256, 260
Chỉ định nút cửa trập	260
Chỉ định nút Fn	253, 259
Chỉ định nút MB-D15	259
Chỉ định nút xem trước	255, 260
Chiếu sáng LCD	3, 241
Chọn điểm bắt đầu/kết thúc ...	173
Chọn in	210
Chọn ngày	199, 210, 218
Chọn nhiệt độ màu (Cân bằng trắng)	89, 94
Chuỗi số tệp	240
Chương trình linh động	48
Chương trình phơi sáng	327
Chụp bù trừ	133, 251
Chụp bù trừ ADL	139, 251
Chụp bù trừ tự động	133, 251
Chụp hẹn giờ quảng thời gian	145
Chụp liên tục	143, 240, 253
Chụp từ xa theo t.lượng (ML-L3) ...	238
CLS	304
Cỡ hình ảnh	68
Cỡ khuôn hình/tốc độ khuôn hình .	169
Công tắc BẬT/TẮT chống rung ..	26
Công tắc chế độ A-M	26, 27, 78
Công tắc điện	2
Cường độ HDR	116

D

Dải Động Cao (HDR)	115
Dấu mặt phẳng tiêu điểm	78
Dấu thời gian (PictBridge)	209
Dấu tiêu cự	26
Dây chụp từ xa	52, 61, 310
DCF	227, 346
D-Lighting	276
D-Lighting hoạt động	113, 139
Dò tinh chỉnh cân bằng trắng	91

DPOF	210, 213, 346
Dữ liệu chụp	190
Dữ liệu GPS	191
Dữ liệu thấu kính không CPU ..	149
Dữ liệu tổng quan	192
Dung lượng thẻ nhớ	348
DX (24x16)	58, 63, 68, 167
Đa phơi sáng	141
Đảo ngược các chỉ báo	258
Đặt cạnh nhau để so sánh	290
Đặt lại cài đặt tùy chọn	231
Đặt lại menu chụp ảnh tùy chọn...	224
Đặt Picture Control	105
Đặt tên tệp	226
Đặt về mặc định	131, 224, 231
Đầu cắm phụ kiện	310
Đầu nối cho micrô ngoài	3
Đầu nối di động không dây	310
Đầu nối mini HDMI (Loại C)	3
Đầu nối nguồn	308, 311
Đèn chớp	303
Đèn nền	3, 241
Đèn nháy	38, 119, 120, 124, 125, 303
Đèn nháy gắn sẵn	38, 119, 299
Đèn nháy lặp lại	246
Đèn nháy sớm màn hình	122, 125
Đèn nháy tạo mô hình	251
Đèn nháy tiêu chuẩn i-TTL cho SLR kỹ thuật số	122
Đèn nháy tự động	121
Đèn nháy tùy chọn	247, 303
Đèn nháy (Cân bằng trắng)	89
Đèn trợ giúp AF gắn sẵn	233
Đen và trắng (Đơn sắc)	277
Đĩa lệnh chế độ	6
Đĩa lệnh chế độ nhả	7, 57
Đĩa lệnh chính	13
Đĩa lệnh phụ	13
Đích đến (Cài đặt phim)	169
Điểm	83
Điểm lấy nét	37, 73, 75, 78, 156, 232, 233
Điều chỉnh mắt đỏ	276
Điều khiển biến dạng	285
Điều khiển biến dạng tự động	227
Điều khiển đèn nháy cho đèn nháy gắn sẵn	246
Điều khiển điều chỉnh đốt	33, 308
Điều khiển phối cảnh	286
Điều khiển thiết bị (HDMI)	216
Điều khiển tự động độ nhạy ISO ...	81
Điều khiển từ xa	309
Điều khiển từ xa chụp chụp (Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3)) ..	127

Định cỡ lại	283
Định dạng ngày	265
Định dạng thẻ nhớ	32, 262
Định Dạng Thử Tự In Kỹ Thuật Số.	210, 213, 346
Độ mở ống kính	50-51
Độ mở ống kính tối đa 78, 123, 307	
Độ mở ống kính tối thiểu	27, 47
Độ nét cao	215, 346
Độ nhạy	79, 81
Độ nhạy ISO	79, 81
Độ nhạy tối đa	81
Độ phân giải đầu ra (HDMI)	216
Độ phơi sáng	38, 237
Đo sáng	83
Độ sáng màn hình	262
Độ sâu của trường	50
Độ trễ tắt màn hình	238
Đơn sắc	105, 277
Đơn vị đo nhiệt độ màu	93
Đồng bộ chậm	120, 121
Đồng bộ màn phía sau	121
Đồng bộ màn trước	121
Đồng bộ tốc độ cao FP tự động	244, 245
Đồng hồ	28, 265
Được nén không mất (Loại)	67
Đường chân trời ảo .	159, 166, 254, 269
Đường nét màu	286

E

Exif	227, 346
------------	----------

G

Gắn thấu kính	4, 78
Ghi NEF (RAW)	67
Giá ba chân	4
Giá trị bước độ nhạy ISO	234
Giảm mắt đỏ	120, 121
Giảm nhấp nháy	264
Giảm nhiễu ISO cao	228
Giảm nhiễu phơi sáng lâu	228
Gỡ bỏ các mục (Menu Của Tôi)	292
Góc xem	302
Gói pin	242, 243, 259, 266, 308
GPS	152, 191
Gương	61, 127, 315
Gương nâng lên	7, 57, 61
Gương nâng lên điều khiển từ xa (Chế độ điều khiển từ xa (ML-L3))	127

H

H.264	340
HDMI	160, 168, 215, 346
HDMI-CEC	216



Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo	304
Hẹn giờ	59, 145
Hẹn giờ chờ	38, 152, 237
Hi (Độ nhạy)	80
Hiển thị ISO và điều chỉnh.....	239
Hiển thị lưới kính ngắm	239
Hiển thị thông tin.....	10, 241
Hiệu ứng bộ lọc	108, 109, 278
Hiệu ứng thu nhỏ	287
Hướng dẫn khuôn hình ...	159, 166
Huỳnh quang (Cân bằng trắng) 89	

I	
In	208
In (DPOF)	210
i-TTL.....	119, 122, 247

J	
JPEG	66
JPEG basic	66
JPEG bình thường	66
JPEG fine.....	66
JPEG nén.....	67

K	
Khe.....	31, 69, 186
Khe và thư mục phát lại	186
Khóa FV	125
Khóa gương nâng lên để làm sạch 315	
Khóa lấy nét	76
Khóa nhà khe trống.....	258
Khóa phơi sáng	84
Khoá tự động phơi sáng	84
Khóa tự động phơi sáng	84
Khởi động lại hai nút.....	131
Khôi phục lại cài đặt mặc định	131, 224, 231, 324
Không gian màu	227
Khung vùng lấy nét tự động..	9, 33
Khuôn hình đơn	7, 57
Kích cỡ trang (PictBridge)	209
Kích thước	68, 167
Kích thước ảnh	302
Kính ngắm	9, 33, 308, 337

L	
L (lớn)	68, 167
Làm nổi bật	188, 219
Làm sạch cảm biến hình ảnh...313	
Làm thẳng.....	285
Lắp thấu kính.....	26
Lấy nét bằng tay	78, 159
Lấy nét kính ngắm	33, 308
Lấy nét tự động.....	71–76, 155–156
Lấy nét tự động điểm đơn ...	73, 74

Lấy nét tự động phần phụ đơn 71, 155, 231	
Lấy nét tự động phần phụ liên tục 71, 231	
Lấy nét tự động phần phụ toàn thời gian	155
Lấy nét tự động phần phụ tự động 71	
Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt	156
Lấy nét tự động vùng bình thường 156	
Lấy nét tự động vùng động 73, 74	
Lấy nét tự động vùng rộng.....	156
Lấy nét tự động vùng tự động. 73, 74	
Loa	4, 5
Loại hình ảnh (Trình chiếu).....	223
Loại pin sạc MB-D15.....	242
Lời khuyên trên màn hình.....	239
Lớp phủ hình ảnh.....	280
Lưu cài đặt máy ảnh	268
Lưu cài đặt người dùng.....	55
Lưu khuôn hình được chọn	173, 176
Lưu/tải cài đặt.....	268

M	
M (vừa)	68, 167
Ma trận	83
Màn hình	39, 153, 185, 262
Màn hình lấy nét.....	337
Mạng	206, 261
Mắt cá.....	285
Màu nâu đỏ (Đơn sắc)	277
Màu tuyến chọn	288
Máy ngắm điện tử.....	78
Mây (Cân bằng trắng)	89
MB-D15	242, 243, 259, 266, 308
Mềm	278
Menu cài đặt	261
Menu chụp	224
Menu Cửa Tôi.....	291
Menu phát lại.....	217
Menu sửa lại	273
Micrô	4, 165, 169
Micrô bên ngoài	165, 169
Múi giờ	265
Múi giờ và ngày	265

N	
Nắp mắt kính của kính ngắm	60
Nắp thân máy	4, 26, 309
Nắp thấu kính.....	26
Nắp thị kính.....	60
NEF (RAW)	66, 67, 226, 282
NEF (RAW) độ sâu bit	67
Nén (Loại)	67

Ngàm gắn phụ kiện.....	303
Ngày và giờ.....	28, 265
Ngôn ngữ.....	265
Nhà chế độ khóa đĩa lệnh	6
Nhà cửa trập tĩnh lặng.....	7, 57
Nhà khóa đĩa lệnh chế độ nhà	7, 57
Nhà liên tục tối đa.....	240
Nhà nút để sử dụng đĩa lệnh ...	258
Nhấn nút nhà cửa trập hết cỡ... 37, 38	
Nhấn nút nhà cửa trập nửa chừng 37, 38	
Nhiệt độ màu.....	89, 90, 94
Nút AE-L/AF-L	76, 84, 256, 260
Nút chế độ AF.....	72, 74, 155, 156
Nút Fn.....	65, 125, 151, 253, 259
Nút ghi phim.....	162
Nút nhà cửa trập	37, 38, 76, 84, 236, 260
Nút nhà cửa trập AE-L.....	236
Nút OK.....	252
Nút xem trước	50, 255, 260
Nút xem trước độ sâu của trường	50, 251, 255, 260

P	
Phác họa màu.....	286
Phạm vi đèn nháy	123
Phát Lại	39, 185
Phát lại hình thu nhỏ	193
Phát lại khuôn hình đầy	185
Phát lại theo lịch.....	194
Phiên bản vi chương trình	272
Phim.....	161, 259–260
Phơi sáng.....	83–87
Phơi sáng bù trừ	133, 251
Phong Cảnh (Đặt Picture Control)	105
Phụ Kiện.....	308
PictBridge.....	208, 346
Picture Control	105, 107
Pin.....	22, 24, 35, 266, 341
Pin đồng hồ.....	29

Q	
Quản lý Picture Control.....	110
Quăng khuôn hình (Trình chiếu slide).....	223

R	
RAW Khe 1 - JPEG Khe 2 (Vai trò được thể trong Khe 2 đảm nhận) 69	
RGB	188, 227
Roi điểm AF	232



S

S (nhỏ)	68, 167
Sạc Pin	22–23
Sáng chói (Cân bằng trắng)	89
Sao chép (các) hình ảnh	219
Sao lưu (Vai trò được thể trong Khe 2 đảm nhận)	69
Sau khi xóa	222
Slide show (Trình chiếu slide)	223
Số điểm lấy nét	233
số f	47, 50, 298
Số lượng ảnh	350
Sống động (Đặt Picture Control) ...	105
sRGB	227
Sửa lại nhanh	284
Sửa lại phim	173
Sử dụng GPS để đặt đ. hồ máy ảnh	152

T

Tải lên Eye-Fi	272
Tai Nghe	165
Tăng cường màu đỏ (Hiệu ứng bộ lọc)	278
Tăng cường màu xanh (Hiệu ứng bộ lọc)	278
Tăng cường màu xanh trời (Hiệu ứng bộ lọc)	278
Thảo thảo kính khỏi máy ảnh	27
Thấu kính	26–27, 149, 270, 295
Thấu kính CPU	27, 295
Thấu kính không CPU	149, 295, 298
Thấu kính loại D	295, 296
Thấu kính loại G	295, 296
Thẻ nhớ	30, 32, 262, 347, 348
Thẻ nhớ SD	30, 32, 69, 347, 348
Thêm các mục (Menu Của Tôi)	291
Theo dõi 3D	73, 74
Theo dõi lấy nét	71, 232
Theo dõi lấy nét đoán trước	71
Theo dõi lấy nét với khóa-bật	232
Thiết lập sẵn bằng tay (Cân bằng trắng)	89, 95
Thời gian	265
Thời gian t.kiểm á.sáng ban ngày .	265
Thông tin	10, 187
Thông tin ảnh	187, 219
Thông tin phát lại	187, 219
Thông tin pin	266
Thư mục lưu trữ	225
Thư mục phát lại	217
Thu phóng phát lại	195
Thứ tự chụp bù trừ	251
Thứ tự in DPOF	213

Thứ tự pin sạc	243
Tỉ lệ tiêu cự	26
Tiếp xúc CPU	296
Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control)	105
Tiêu cự	150, 302
Tinh chỉnh AF	270
Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu	236
Tốc độ bit	169
Tốc độ cao liên tục	7, 57
Tốc độ chụp chế độ CL	239
Tốc độ cửa trập	49, 51
Tốc độ cửa trập đèn nháy 122, 245	
Tốc độ cửa trập tối thiểu	81
Tốc độ đồng bộ đèn nháy	244, 245, 337
Tốc độ thấp liên tục	7, 57, 239
Tông màu	108
Toning (Tông màu)	109
Trần (Vai trò được thể trong Khe 2 đảm nhận)	69
Trình chiếu	223
Trợ giúp	19
Trợ giúp lấy nét tự động	233, 301, 307
Trung tính (Đặt Picture Control) ...	105
Tự động (Cân bằng trắng)	89
Tự động được lập trình	48
Tự động lấy nét dò tìm đối tượng .	156
Tự động ưu tiên cửa trập	49
Tự động ưu tiên độ mở ống kính ..	50
Tự hẹn giờ	7, 57, 59, 237
Tuổi thọ pin	350
Tùy chọn đĩa lệnh	257
Tùy chọn hiển thị phát lại	219
TV	215
Tỷ lệ cạnh	277

U

USB	208
UTC	152, 191
Ưu tiên kích cỡ (JPEG nén)	67

V

Vai trò của thẻ trong Khe 2	69
Viễn (PictBridge)	209
Viền quanh điểm lấy nét	232
ViewNX 2	227
Vòng lấy nét thấu kính .	26, 78, 159
Vùng hình ảnh	63, 64, 68, 167

W

WB	89, 137
----------	---------

X

Xanh tím (Đơn sắc)	277
Xem ảnh trực tiếp	153
Xem lại hình ảnh	185, 222
Xem trực tiếp	153–160, 161–168
Xem trực tiếp phim ..	161, 259–260
Xén	277
Xếp hạng mục (Menu Của Tôi)	293
Xóa	40, 197
Xóa ảnh đã chọn	198
Xóa ảnh hiện tại	40, 197
Xóa tất cả hình ảnh	198
Xoay dọc	222
Xoay hình ảnh tự động	265
Xử lý NEF (RAW)	282



Nghiêm cấm sao chép tài liệu này dưới bất kì hình thức nào, toàn bộ hoặc một phần (ngoại trừ trích dẫn ngắn trong các bài phê bình hoặc giới thiệu), mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của NIKON CORPORATION.